

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**HỒ THỊ THUYẾT HẰNG**

**HÀNH VI HUNG TÍNH CỦA TRẺ MẪU GIÁO LỚN  
TRONG CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Tâm lý học**

**Mã số: 9.31.04.01**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Trần Thu Hương**

**Hà Nội, 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng mình. Các tài liệu, kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

**Tác giả luận án**

**Hồ Thị Thuý Hằng**

## LỜI CẢM ƠN

*Để có được kết quả như ngày hôm nay, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc đến PGS.TS Trần Thu Hương, người đã tận tình, hướng dẫn, chỉ bảo cho tôi trong quá trình thực hiện luận án.*

*Tôi xin cảm ơn sâu sắc Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Khoa Tâm lý – Giáo dục Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng và các thầy cô giáo đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện để tôi thực hiện luận án.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô ở các cấp hội đồng đánh giá luận án đã chỉ báo cho tôi những điều quý giá để tôi hoàn thiện luận án.*

*Tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè đã tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận án.*

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Tác giả luận án**

**Hồ Thị Thuý Hằng**

**DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG  
LUẬN ÁN**

ĐLC	Độ lệch chuẩn
ĐTB	Điểm trung bình
HVHT	Hành vi hung tính
MGL	Mẫu giáo lớn
GV	Giáo viên
NXB	Nhà xuất bản
tr	Trang
TT	Thứ tự

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ HÀNH VI HUNG TÍNH CỦA TRẺ MẪU GIÁO LỚN.....</b>	<b>10</b>
1.1. Những nghiên cứu lý luận về hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo .....	10
1.2. Nghiên cứu xây dựng công cụ đánh giá hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ .....	19
1.3. Nghiên cứu biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ .	25
<b>CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI HUNG TÍNH CỦA TRẺ MẪU GIÁO LỚN .....</b>	<b>33</b>
2.1. Hành vi hung tính.....	33
2.2. Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.....	49
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.....	57
<b>CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....</b>	<b>67</b>
3.1. Tổ chức nghiên cứu.....	67
3.2. Phương pháp nghiên cứu.....	75
3.3. Tiêu chí đánh giá và thang đánh giá .....	80
<b>CHƯƠNG 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN VỀ HÀNH VI HUNG TÍNH CỦA TRẺ MẪU GIÁO LỚN TRONG CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....</b>	<b>87</b>
4.1. Thực trạng mức biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn .....	87
4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.....	113
4.3. Nghiên cứu trường hợp điển hình về biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng .....	119
4.4. Một số biện pháp tâm lý – giáo dục giảm thiểu hành vi hung tính cho trẻ mẫu giáo lớn.....	125
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....</b>	<b>140</b>
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ .....</b>	<b>144</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>145</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>1</b>

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Các biểu hiện được xem xét là hành vi hung tính (theo DSM-IV)	20
Bảng 2.1. Phân loại hành vi hung tính .....	47
Bảng 3.1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu là trẻ mẫu giáo lớn (N=207) .....	72
Bảng 3.2. Các nhóm biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn .....	85
Bảng 3.2. Các nhóm biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo ba thang đo .....	85
Bảng 4.1. Mức biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn .....	87
Bảng 4.2. Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn biểu hiện qua ngôn ngữ (Số liệu từ bản quan sát của nhà nghiên cứu) .....	92
Bảng 4.3. Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn biểu hiện qua hành vi phi ngôn ngữ (số liệu từ bản quan sát của nhà nghiên cứu) .....	95
Bảng 4.4. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi ngôn ngữ so sánh theo giới tính .....	102
Bảng 4.5. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi phi ngôn ngữ theo giới tính .....	103
Bảng 4.6. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi ngôn ngữ theo khu vực trường học .....	106
Bảng 4.7. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi phi ngôn ngữ theo khu vực trường học .....	109
Bảng 4.8. So sánh biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo mối quan hệ anh chị em trong gia đình .....	110
Bảng 4.9. Hệ số hồi quy của các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn .....	114

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.2. Phân bố điểm số về biểu hiện hành vi hung tính theo kết quả từ giáo viên .....	83
Biểu đồ 3.3. Phân bố điểm số về biểu hiện hành vi hung tính theo kết quả quan sát trên trẻ của phụ huynh .....	83
Biểu đồ 4.1. Các khía cạnh biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn .	90
Biểu đồ 4.2. Cách xử lý của giáo viên khi trẻ có hành vi hung tính .....	98
Biểu đồ 4.3. So sánh biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo giới tính .....	100
Biểu đồ 4.4. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo khu vực trường .....	106
Biểu đồ 4.5. So sánh hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo nghề nghiệp của mẹ .....	112

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hành vi hung tính là một trong những nguyên nhân dẫn đến những xung đột và phần lớn mang tính bạo lực với các biểu hiện: gây gổ, hung hăng, dễ dàng bị kích động, cáu kỉnh, bực bội, cứng đầu, thù địch với người khác. Mọi quan hệ của trẻ có hành vi hung tính với gia đình, bạn bè và thầy cô giáo luôn luôn căng thẳng và mâu thuẫn. Điều đó có thể làm suy yếu sức khỏe của trẻ cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, hung tính có thể trở thành một đặc điểm tính cách ổn định, tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhân cách và xã hội của các em trong các giai đoạn tuổi sau đó. Một số nghiên cứu theo chiều dọc đã khẳng định những trẻ có hành vi hung tính sẽ có nguy cơ lạm dụng chất, điều chỉnh cảm xúc nghèo nàn, thất bại ở trường học, phạm pháp... (Shaw D, Gillion M, Ingoldsby E, Nagin D; 2003) [97]. Nếu trong những năm học mẫu giáo trẻ xuất hiện hành vi hung tính thì khoảng 50% số trẻ này sẽ tiếp tục bộc lộ hành vi này ở tuổi thiếu niên, và một số lượng đáng kể sẽ tiếp tục tham gia vào các hành vi chống đối xã hội (Campbell, 1995, Campbell, 2000; William Bor và cộng sự, 2001) [52][56][58].

Theo thống kê của Bộ Giáo dục – đào tạo, từ đầu năm học 2009 – 2010 đến nay, cả nước đã xảy ra 1.598 vụ học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học. Các nhà trường đã xử lý kỷ luật khiển trách 881 học sinh, cảnh cáo 1.558 học sinh và buộc thôi học có thời hạn (3 ngày, 1 tuần, 1 năm học) tới 735 học sinh. Tính bình quân, cứ 11,1 học sinh thì có 1 em bị buộc kỷ luật thôi học có thời hạn vì đánh nhau [dẫn theo 1]. Việc hạn chế bạo lực học đường trong các trường học đang được cả xã hội quan tâm như là nhiệm vụ quan trọng của giáo dục, của các nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, xã hội học, quản lý giáo dục... Tuy nhiên, việc giải quyết vấn đề bạo lực học đường cho đến nay chưa có sự thống nhất đồng bộ và hiệu quả. Thiết nghĩ, muốn giải quyết được triệt để phải bắt nguồn từ hành vi hung tính và phải ở



độ tuổi trẻ bắt đầu hình thành nên những ý thức về thể giới, về các giới hạn và về tính kỷ luật – lứa tuổi mẫu giáo. Do vậy, nghiên cứu hành vi hung tính ở lứa tuổi mẫu giáo mang lại những ý nghĩa thiết thực không chỉ đối với vấn đề giáo dục trẻ ở thời điểm hiện tại mà còn có tầm quan trọng đối với sự phát triển trong tương lai của chính đứa trẻ đó.

Hành vi hung tính đã được nhiều tác giả nghiên cứu ở nhiều góc độ và nhiều phương diện khác nhau: Bandura A. (1986), Berkowitz L. (1989), Buss A.H (1961), Dollard Y. (1939), Feschbach S. (1970), Fromm E. (1973); Andreeva G. M (1999); Levitov N. D. (1967); Rean A. A. (1996; 2013; 2015); Zakharov A. I. (2006)... Những nghiên cứu này thường tập trung tới các yếu tố sinh học có ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ hung tính và các mối quan hệ trong gia đình, nhà trường, xã hội, ... Hành vi hung tính không chỉ được hình thành do bối cảnh quan hệ mà còn do tiếp xúc với nguồn thông tin bạo lực (sách, báo, phim, trò chơi...). Tuy nhiên, nghiên cứu hành vi hung tính ở trẻ lứa tuổi mẫu giáo lớn nhằm đưa ra những biện pháp can thiệp hiệu quả hiện đang còn là vấn đề nghiên cứu chưa mang tính thống nhất. Do vậy, việc lựa chọn đề tài “*Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*” là khía cạnh mang lại ý nghĩa thiết thực cho thực tiễn giáo dục, góp phần hạn chế hành vi bạo lực trong học đường; đồng thời, góp phần xây dựng biện pháp can thiệp sớm đối với trẻ có biểu hiện hành vi hung tính để giúp trẻ nhận thức được bản thân, quản lý được cảm xúc cũng như hành vi của mình.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Xây dựng cơ sở lý luận và chỉ rõ thực trạng hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng hiện nay; từ đó, đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu hành vi hung tính một cách hiệu quả.

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

1) Khái quát hoá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về hành vi, hành vi hung tính phục vụ cho việc xây dựng cơ sở lý luận của đề tài luận án.

2) Hệ thống hoá cơ sở lý luận về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, xác định các yếu tố ảnh hưởng tới hiện tượng tâm lý này.

3) Làm rõ thực trạng biểu hiện và mức độ hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay; phân tích mức độ tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan tới hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

4) Đề xuất biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn một cách hiệu quả.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng hiện nay.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

#### **3.2.1. Phạm vi về đối tượng nghiên cứu**

- Hành vi hung tính (HVHT) là một vấn đề đa dạng và phức tạp, nhưng đề tài chỉ tập trung nghiên cứu biểu hiện và một số nhân tố tác động đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn (MGL).

- Đề tài chỉ nghiên cứu biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong thời gian ở trường.

- Đề tài chỉ nghiên cứu những biểu hiện ra bên ngoài của hành vi hung tính thông qua 2 hình thức là hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ.

- Đề tài chỉ nghiên cứu khía cạnh tâm lý của hành vi hung tính chứ không nghiên cứu khía cạnh sinh lý của hành vi này, cụ thể là nghiên cứu biểu hiện của hành vi hung tính qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ.

- Đề tài chỉ đề xuất biện pháp chứ không tổ chức thực nghiệm biện pháp.

### *3.2.2. Phạm vi về địa bàn nghiên cứu*

Đề tài nghiên cứu trên 2 trường mầm non công lập của Thành phố Đà Nẵng, bao gồm Trường Mầm non 20/10 và Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2. Hai trường được chọn thuộc 2 khu vực đại diện cho đặc trưng về điều kiện kinh tế - văn hoá- xã hội của Thành phố Đà Nẵng. Trường Mầm non 20/10 thuộc quận Hải Châu, một quận trung tâm có vai trò là trung tâm chính trị - hành chính – kinh tế - văn hoá – giáo dục và là địa bàn trọng điểm về an ninh, quốc phòng của thành phố Đà Nẵng. Trường Mầm non Hoà Tiến 2 thuộc huyện Hoà Vang là huyện ngoại thành duy nhất của thành phố Đà Nẵng, người dân chủ yếu sinh sống bằng nghề nông.

### *3.2.3. Phạm vi về khách thể nghiên cứu*

Khách thể nghiên cứu của đề tài là trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập, giáo viên đứng lớp và cha mẹ của trẻ.

## **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### *4.1. Nguyên tắc phương pháp luận nghiên cứu*

Nghiên cứu hành vi hung tính được thực hiện dựa trên các nguyên tắc có tính phương pháp luận sau:

#### *4.1.1. Nguyên tắc hoạt động*

Nguyên tắc hoạt động cho rằng việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý một cách khách quan đòi hỏi phải nghiên cứu trong hoạt động và theo mô hình hoạt động với đối tượng.

Tâm lý người được hình thành và biểu hiện thông qua hoạt động. Trọng tâm nghiên cứu của tâm lý học về hoạt động cá nhân chính là chủ thể của hoạt động đó. Tính tích cực hoạt động của chủ thể là yếu tố đóng vai trò quyết định đối với sự hình thành và phát triển tâm lý. Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo cũng được hình thành, biểu hiện thông qua quá trình trẻ hoạt động, giao

tiếp với những người xung quanh. Chính vì vậy, nghiên cứu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn cần phải nghiên cứu qua hoạt động của trẻ.

#### *4.1.2. Nguyên tắc quyết định luận duy vật của các hiện tượng tâm lý*

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não thông qua chủ thể, tâm lý người có bản chất xã hội – lịch sử [39, tr 21]. Do đó, khi nghiên cứu các hiện tượng tâm lý cần phải tìm hiểu điều kiện kinh tế xã hội – lịch sử và các mối quan hệ xã hội cụ thể của con người. Bên cạnh đó, cần xem xét hiện tượng tâm lý cần nghiên cứu trong mối quan hệ với các yếu tố sinh học, đặc điểm hoạt động của hệ thần kinh cấp cao và các hiện tượng tâm lý khác. Các hiện tượng tâm lý không tồn tại biệt lập với nhau mà luôn nằm trong mối quan hệ qua lại, chi phối và quy định lẫn nhau, bổ sung cho nhau, chuyển hóa lẫn nhau. Đồng thời, chúng cũng nằm trong mối quan hệ với các loại hiện tượng khác – chịu sự chi phối và chi phối các loại hiện tượng khác.

Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn cũng vậy. Nó không phải là một hiện tượng tâm lý tồn tại riêng rẽ mà có mối quan hệ qua lại với các hiện tượng tâm lý khác như nhận thức, tình cảm, tính cách... Hành vi hung tính của trẻ cũng chịu sự chi phối bởi điều kiện kinh tế xã hội và mối quan hệ của trẻ với những người xung quanh. Do đó, khi nghiên cứu hành vi hung tính của trẻ cần xem xét mối quan hệ biện chứng giữa các hiện tượng tâm lý này.

#### *4.1.3. Nguyên tắc phát triển*

Quan điểm phát triển cho rằng mọi hiện tượng tâm lý đều có quá trình nảy, sinh, vận động, phát triển và biến đổi chứ không bất biến, cố định [18, tr 18]. Khi nghiên cứu các hiện tượng tâm lý cần chỉ ra quy luật vận động của nó, trên cơ sở đó đưa ra những dự báo về kết quả trong tương lai.

Khi nghiên cứu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo cần chỉ ra sự phát triển và biến đổi hành vi hung tính ở trẻ, nguyên nhân của hiện tượng này,

đưa ra những chỉ báo về mức độ tác động của các yếu tố đến hành vi hung tính và hướng can thiệp hiệu quả.

#### **4.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể (được trình bày ở chương 3)**

- Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu
- Phương pháp quan sát
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình
- Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

### **5. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

Hành vi hung tính là một vấn đề đã được rất nhiều nhà Tâm lý học, Xã hội học, Công tác xã hội... trên thế giới quan tâm nghiên cứu. Ở nước ta, cho đến nay, vấn đề này đã được một số nhà Tâm lý học, Công tác xã hội tìm hiểu. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chỉ tập trung vào hành vi hung tính của học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở. Có rất ít đề tài nghiên cứu hành vi hung tính ở lứa tuổi mẫu giáo lớn một cách có hệ thống. Do đó, kết quả nghiên cứu của luận án có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

#### **5.1. Về lý luận**

Trên cơ sở phân tích và tổng hợp tài liệu, kết quả nghiên cứu của đề tài đã cho phép hệ thống hóa các lý thuyết về biểu hiện hành vi hung tính nói chung và biểu hiện hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn nói riêng. Luận án đã tìm hiểu được một số vấn đề lý luận về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, bao gồm cấu trúc tâm lý, đặc điểm, biểu hiện, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi này. Đây là vấn đề còn ít được nghiên cứu ở nước ta hiện nay từ góc độ tâm lý học.

Đề tài đã xây dựng bộ công cụ nghiên cứu đánh giá mức độ biểu hiện, các dạng biểu hiện của hành vi hung tính. Điều này có ý nghĩa quan trọng cho

các nghiên cứu chuyên sâu và tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu ứng dụng tiếp theo về biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung một số vấn đề lý luận về hành vi hung tính, hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn cho phân ngành Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non.

Kết quả nghiên cứu của luận án bước đầu chứng minh cho khả năng có thể sử dụng bảng quan sát hành vi hung tính vào nghiên cứu hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn.

## ***5.2. Về thực tiễn***

Tính đến thời điểm hiện tại, những công trình nghiên cứu về hành vi hung tính ở Việt Nam, đặc biệt là hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn vẫn còn rất ít. Kết quả của đề tài cho phép nhận diện phạm vi, mức độ biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, các dạng biểu hiện thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ. Từ đó đề tài đã chỉ ra các biện pháp can thiệp, phòng ngừa đối với biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn nhằm giúp các em có thể kiểm soát hành vi hung tính, củng cố các hành vi tích cực.

Kết quả nghiên cứu của luận án cho đa số trẻ hiếm khi hoặc thỉnh thoảng biểu hiện hành vi hung tính ở trên lớp. Hành vi này được bộc lộ một cách trực tiếp thông qua ngôn ngữ và cử chỉ điệu bộ. Có sự khác nhau về biểu hiện hành vi hung tính giữa bé trai và bé gái, giữa trẻ sống ở ngoại thành và trẻ sống ở nội thành, giữa trẻ là con một và trẻ có anh chị em, giữa trẻ có bố mẹ có nghề nghiệp khác nhau. Hành vi hung tính của trẻ chịu sự chi phối bởi những nguyên nhân chủ quan (đặc điểm tâm lý của trẻ) và khách quan (cách đối xử của cha mẹ với con cái, cách ứng xử của cô giáo). Những thực trạng này là tiền đề quan trọng để đề xuất các biện pháp nhằm can thiệp có hiệu quả đối với hành vi hung tính, bao gồm nâng cao nhận thức của cha mẹ, thầy cô về trẻ có biểu hiện hành vi hung tính và cách ứng phó phù hợp với hành vi

này, xây dựng môi trường gia đình tích cực, xây dựng trường học thân thiện, an toàn, lành mạnh.

Những kết quả này là những kết quả mới, ít xuất hiện trong các công trình nghiên cứu về hành vi hung tính.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy về Tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non, là tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý trong trường mầm non và cho cha mẹ trong quá trình chăm sóc, giáo dục con cái. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng bước đầu mở ra hướng nghiên cứu chuyên sâu về các cơ chế tâm lý của hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

Kết quả nghiên cứu của luận án có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rõ rệt thiết thực

### **6.1. Về lý luận**

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung một số vấn đề lý luận về hành vi hung tính, hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn cho phân ngành Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non.

Kết quả nghiên cứu của luận án bước đầu chứng minh cho khả năng có thể sử dụng bảng quan sát hành vi hung tính để nghiên cứu hành vi này ở trẻ mẫu giáo lớn.

### **6.2. Về thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu giảng dạy cho môn học Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non trong các trường đại học ở nước ta hiện nay. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng bước đầu mở ra hướng nghiên cứu chuyên sâu về các cơ chế tâm lý của hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

## **7. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các công trình đã công bố liên quan đến luận án và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương, bao gồm:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn

Chương 2: Cơ sở lý luận về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn

Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Kết quả nghiên cứu thực tiễn về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn



# CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ HÀNH VI HUNG TÍNH CỦA TRẺ MẪU GIÁO LỚN

### 1.1. Những nghiên cứu lý luận về hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo

Trên thế giới, hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ là vấn đề đã và đang thu hút nhiều công trình nghiên cứu với quy mô khác nhau, cả trên bình diện lý luận lẫn thực tiễn. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu về hành vi hung tính của trẻ ở độ tuổi mẫu giáo lớn thực sự chưa nhiều.

#### 1.1.1. Những nghiên cứu lý luận về hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo ở nước ngoài

*Nghiên cứu những biểu hiện của hành vi hung tính ở trẻ:*

Shentoub và Soulairac (1961) đưa ra những biểu hiện hung tính ở trẻ sơ sinh bao gồm sự tự làm đau mình, hoặc bằng sự gây hấn với người khác. Dần dần, số lượng những hành vi này giảm xuống và biến mất khoảng 24 tháng. Việc giậm chân, ném đồ vật xuống đất và đánh là những hành vi rất thường thấy lặp đi lặp lại ở 42% trẻ 4 tuổi [dẫn theo 86].

Các hành vi hung tính thân thể và ngôn ngữ của trẻ trước tuổi đến trường đã đặc biệt được Goodenough (1931) và Walters (1957) quan sát thấy. Họ nhận ra rằng từ 4 tuổi trở đi, những biểu hiện ngôn ngữ nhiều hơn những biểu hiện vận động. Những hành vi vận động xuất hiện ở trẻ trai nhiều hơn ở trẻ gái và tăng lên giữa khoảng 2 và 4 tuổi [dẫn theo 86].

Sand và cộng sự (1973) đã thực hiện một nghiên cứu trường diễn các hành vi hung tính ở 99 trẻ từ 3 đến 9 tuổi; những nét hành vi được giữ lại là các cơn giận dữ, xu hướng phá hủy những đối tượng, sự không vâng lời. Những cơn giận dữ được bộc lộ thường xuyên hơn trong ba năm đầu và giảm dần cho đến khi gần như mất hẳn giữa 7 đến 9 tuổi. Sự phá hủy tự nguyện đột

nhiên xuất hiện vào khoảng 4 tuổi và tỷ lệ mắc các hành vi về sau giảm bớt. Sự không vâng lời là hành vi bền vững nhất. Smith và Green (1975) đã quan sát trong một nhóm 40 trẻ trước tuổi đến trường và thấy rằng các cuộc cãi vã xuất hiện nhiều hơn vào khoảng 3 tuổi và giảm dần khoảng từ 3 đến 5 tuổi. Các hành vi thiên về thể chất ở 2-3 tuổi và thiên về ngôn ngữ ở khoảng 4-5 tuổi [dẫn theo 86].

Michel Born (1988) đã xây dựng một danh sách các thành tố gây hấn ở trẻ mẫu giáo gồm: gây hấn thân thể và lời nói, tấn công thân thể, tấn công với một đồ vật nào đó, tấn công bằng lời nói hoặc mang tính tượng trưng, gây tổn hại đến tài sản hoặc lãnh thổ, hành vi ngăn chặn, các tiếp xúc thân thể, gây tổn hại đến lòng tự trọng và bạo lực thân thể, gây hấn gián tiếp, tính dễ bị kích thích, trạng thái phủ định, mối thù hận, sự ngờ vực, lời nói thù địch. Ông nhận thấy rằng các biểu hiện này ở trẻ là thường xuyên. Cũng theo Born, có một số biểu hiện hung tính hiếm xuất hiện ở trẻ mẫu giáo (diễn ra ở ít hơn 4% trẻ) gồm: ném đồ vật, bóp chặt, cắn, cào, lăn ra đất, tự đánh mình. [86]

Danh sách các biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo được Born (2014) sắp xếp thành các nhóm yếu tố với những biểu hiện cụ thể sau:

- Mưu toan sử dụng sự chi phối, uy quyền, sự lãnh đạo với những biểu hiện như gièm pha, chỉ trích hành vi của một người khác, sai khiến, đòi hỏi điều gì đó, chê trách một người khác, chống lại một người khác, thu hút sự chú ý tới điểm yếu của ai đó khi cố tỏ ra nỗ lực hơn, chê trách một đứa trẻ khác, đòi hỏi một sự sở hữu nào đó, từ chối đặc quyền cho một người khác, đe dọa bằng lời nói, mách lẻo, thu hút sự chú ý tới lỗi của người khác, sử dụng đặc quyền, khoe khoang, độc quyền một đồ vật nào đó, nói xấu, cấm không cho vào một nơi nào đó.

- Hung tính trực tiếp, sự biểu đạt sức mạnh thể chất theo kiểu nam tính với những biểu hiện như chơi trò đánh nhau, nhảy xô vào người khác và tóm

lấy người khác, đấm, làm ngã bạn, đuổi theo và giả vờ tấn công, xô đẩy, đá, ném đồ vật,

- Hung tính thể chất trực tiếp mang tính nguyên thủy: kéo tóc, càu, cào, đập tay, cắn, ném đồ vật, chọc gheo, chán nản. Những hành vi này thường xuất hiện ở trẻ từ 18 tháng đến 30 tháng tuổi. Nếu trẻ 5 – 6 tuổi có hành vi này thì thường đó là những trẻ yếu ớt hơn, lo sợ hơn, ít chủ động hơn, không dám tranh đua với những trẻ khác về sức mạnh thể chất, cũng không dám cáng đáng vai trò lãnh đạo độc đoán.

- Hung tính bị động - các hành vi đối lập và những thái độ tiêu cực: trẻ sử dụng sự im lặng, sự căng cứng hoặc từ chối cử động, từ chối làm theo các hướng dẫn hoặc không thực hiện tốt một nhiệm vụ nào đó.

- Hung tính không định hướng, sự giải phóng các cảm xúc tiêu cực: trẻ không hướng hành vi hung tính của mình đến một cá nhân cụ thể mà hướng tới bản thân, hướng tới các đồ vật hoặc hướng tới tập hợp nhóm hơn. Hung tính ở dạng này bao gồm các hành vi như nói những lời thô tục, giậm chân, đóng sập cửa, gào thét, nổi giận, lăn đùng ra đất, đập đồ vật, chửi rủa, lẳng mạ...[86]

*Những nghiên cứu về sự khác biệt hành vi hung tính dưới góc độ giới tính*

Năm 1978, E.Maccoby và Corol Facklin qua quan sát các em bé vui chơi từ ba nền văn hoá khác nhau là Mỹ, Thụy Điển và Etiopia đã chứng minh rằng khi vui chơi, bé trai có nhiều hành động hung tính như xô đẩy, đánh nhau hơn là các bé gái. Xem xét về sự khác biệt giới tính trong hành vi hung tính, Các tác giả nhận thấy tuy các em trai hiếu chiến hơn các em gái theo xu hướng bạo lực, nhưng các em gái cũng bày tỏ sự hung tính của mình nhưng kín đáo hơn, theo xu hướng gián tiếp và chủ yếu bằng ngôn ngữ. [dẫn theo 6, tr. 114] [dẫn theo 7, tr. 490-491].

Stattin và Magnusson (1989) nghiên cứu tới những khác biệt nổi bật giữa bé gái và bé trai về hành vi hung tính. Theo đó, bé gái hay có những hành vi được gọi là gây hấn, đối với người khác và xã hội, tương tự với những hành vi được gây ra bởi nhóm bé trai, nhưng ở độ tuổi lớn hơn, nghĩa là ở tuổi dậy thì. Các tác giả đã đưa ra những giả thuyết mà trước thời kỳ này, các hành vi có vấn đề ở bé gái thường khác biệt và dẫn đến việc hình thành các item đánh giá cụ thể hơn vấn đề của chúng. [dẫn theo 86]

Bogard (1990) và Harris (1992, 1994) cho biết nam giới có nhiều lần gây hấn hơn nữ giới. Osterman và nhóm nghiên cứu (1998) cho rằng nam giới khi có HVHT thường nhằm thẳng trực tiếp vào đối tượng gây cho anh ta những cảm giác gây hấn nhưng phụ nữ thường có xu hướng tấn công các đối tượng khiến họ bực bội qua kênh đi đường vòng (gây hấn gián tiếp) [dẫn theo 33, tr. 316].

Như vậy, các nghiên cứu kể trên đã em xét những khác biệt theo khía cạnh giới tính trong biểu hiện hành vi hung tính của trẻ.

*Những nghiên cứu về diễn biến và hậu quả của hành vi hung tính:*

Tremblay và cộng sự (1991) đặt ra vấn đề là phải biết được các bé trai vẫn có những hành vi bạo lực sau thời gian học mẫu giáo sẽ trở thành người như thế nào. Trên thực tế, họ cho rằng những hành vi hung tính ở mẫu giáo có thể được xem như những hành vi nhất thời. Dựa vào nghiên cứu trường diễn trên những bé trai theo học ở các trường học có môi trường bất lợi tại Montreal, họ đã có thể tìm hiểu những khác biệt giữa các bé trai mà đối với chúng hung tính ở mẫu giáo chỉ là một tình huống nhất thời và những bé trai mà đối với chúng, tính gây hấn là cố định. Các kết quả chỉ ra rõ rằng những cậu bé duy trì hành vi bạo lực của mình trong tất cả các nghiên cứu ban đầu (“bạo lực ổn định”) gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng trong thích ứng học đường và thích ứng xã hội. Trong số 916 trẻ trai thuộc cộng đồng Pháp ngữ theo học tại các trường ở những môi trường kinh tế xã hội thấp kém tại

Montreal, có 5,1% (n= 47) đã được đánh giá trong số những trẻ bạo lực nhất ở 5 tuổi, ở 10 tuổi và 11 tuổi. Thế nhưng, phân tích tình trạng học đường của chúng ở 11 tuổi lại chỉ ra rằng chỉ có 31,9% trong số đó bước vào năm thứ 5 bình thường và 25,5% trẻ bị đưa vào môi trường (lớp học, trường học, trường nội trú ...) đặc biệt dành cho các rối loạn học tập, rối loạn hành vi hoặc có các vấn đề gia đình. Ngược lại, những bé trai được đánh giá là bạo lực ở 5 tuổi, nhưng không có hành vi bạo lực ở 10 và 11 tuổi, có gấp đôi khả năng bước vào năm thứ 5 bình thường ở lúc 11 tuổi (60%) và có ít hơn hai lần khả năng bị đưa vào môi trường cá biệt (13,3%) [dẫn theo 86].

Nghiên cứu về *Sự phát triển lệch chuẩn* được một nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Cambridge do West và Farrington (1973), Farrington (1989, 1991) dẫn dắt thực hiện ở Anh, tập trung vào tìm hiểu sự phát triển của các hành vi chống đối xã hội của 411 trẻ trai sinh năm 1953, sinh sống ở một quận đông dân của London. Các nhà nghiên cứu liên hệ với những trẻ này vào năm 1961 – khi đó chúng được 8-9 tuổi – được lựa chọn ngẫu nhiên trên danh sách các trường học của quận. Chúng được phỏng vấn và kiểm tra vào các thời điểm 8, 10, 14, 16, 18, 21, 25 và 32 tuổi. Các dữ liệu về sự phạm pháp phát hiện cũng được ghi nhận trong khoảng thời gian này [dẫn theo 86].

*Nghiên cứu trường diễn của nhóm Dunedin* ở New Zealand (White, Moffitt, Earls, Robins, Silva, 1990) thực hiện việc giám sát 1.000 khách thể và thấy có 5,4% trẻ có sự kéo dài các hành vi chống đối xã hội giữa 9 đến 13 tuổi. Trong số chúng, có 30% được xác nhận là khó trị khi chúng được 3 tuổi, trái ngược với 9% những trẻ khác [dẫn theo 86].

Các công bố của Tremblay và cộng sự (1991, 1999) trong *Nghiên cứu thực nghiệm trường diễn ở Montreal*, trên mẫu nghiên cứu là 1,037 trẻ trai xuất thân từ những quận khó khăn của Montreal, cũng đi theo cách này và tập trung vào sự giám sát bắt đầu từ năm đầu tiên trẻ tới mẫu giáo, năm 1985. Các quỹ đạo phạm pháp diễn ra giữa khoảng 11 đến 17 tuổi rõ ràng đối với

các hành vi tự báo cáo có đến 6 cách thức rất tương tự nhau đối với các tội trộm cắp, phá hoại tài sản và bạo lực. Đầu tiên có một quỹ đạo mà không có bất kỳ biểu hiện phạm pháp nào chiếm 55% mẫu khách thể nghiên cứu. Người ta tìm thấy một quỹ đạo bao gồm một vài sự kiện phạm pháp không nghiêm trọng được hình thành từ 14% khách thể nghiên cứu. Một quỹ đạo yếu tăng dần chiếm 8% khách thể nghiên cứu và một quỹ đạo yếu giảm dần chiếm 13%. Cuối cùng, có 6% khách thể nghiên cứu thuộc về quỹ đạo phạm pháp nghiêm trọng giảm dần và 5% thuộc về quỹ đạo phạm pháp nghiêm trọng tăng dần (Nagin & Trembley, 1999) [dẫn theo 86].

Campell (1995, 2000), William Bor và cộng sự (2001) chỉ ra rằng nếu trong những năm học mẫu giáo trẻ xuất hiện hành vi hung tính thì khoảng 50% số trẻ này sẽ tiếp tục bộc lộ hành vi này ở tuổi thiếu niên, và một số lượng đáng kể sẽ tiếp tục tham gia vào các hành vi chống đối xã hội [52][56][57][58].

Trong nghiên cứu *Lớn lên trong năm 2000*, người ta thực hiện thu thập thông tin chính thức trên một mẫu nghiên cứu gồm 350 trẻ sinh năm 1989 ở Liege, các thông tin này cho phép quan sát các dạng quan hệ mẹ - con ở 3-5 tuổi vốn có thể tạo thuận lợi hơn cho sự hiểu động của trẻ và có thể góp phần làm bộc lộ các hành vi phạm pháp ở độ tuổi thanh thiếu niên (Boët & Born, 2001) [dẫn theo 86].

Sự chậm dứt tính tăng động (Loeber & Farrington, 1997) ở trẻ 3-4 tuổi mạnh gấp 3 lần rưỡi so với trẻ từ 4-8 tuổi; người ta nhận thấy có sự suy giảm tính tăng động, nhưng các vấn đề về chú ý vẫn duy trì [Dẫn theo 86]

*Những nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân của hành vi hung tính:*

Có nhiều lý thuyết lí giải về bản chất, nguồn gốc của hành vi hung tính. Các nhà tập tính học như K.Lorenz (1966) cho rằng hành vi hung tính như một bản năng bẩm sinh, bắt nguồn từ sự thừa hưởng bản năng chiến đấu nhằm đảm bảo cho sự sinh tồn và di truyền thế hệ. Thuyết động lực của

J.Dollard (1939) lý giải nguồn gốc của hành vi hung tính xuất phát từ những tác động bên ngoài như là những động lực làm nảy sinh hành vi. Đó là sự đáp lại với những hẫng hụt, đau đớn, thất vọng. Thuyết hành vi với các đại diện J.Watson, Skinner... khẳng định hành vi hung tính có nguồn gốc từ những kích thích bạo lực từ môi trường bên ngoài. Bandura (1973) với thuyết học tập xã hội giải thích nguyên nhân của những biểu hiện hung tính là do trẻ quan sát và bắt chước các mẫu ứng xử sai lệch trong xã hội.

Có nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã được tiến hành để lý giải nguyên nhân dẫn đến HVHT ở trẻ nhỏ, trong đó có thể kể đến một số nghiên cứu tiêu biểu dưới đây:

Năm 1941, các tác giả Roger Barler, Tamara, Dembo Kurt Lewin đã tiến hành thực nghiệm chứng minh rằng thất vọng càng in sâu, mức độ ảnh hưởng đến HVHT của trẻ càng lớn [dẫn theo 7, tr. 484].

Năm 1973, Friedrich và Stein đã nghiên cứu ở một trường mẫu giáo và chứng minh rằng những chương trình truyền thông đại chúng có nội dung bạo lực sẽ khơi gợi HVHT ở trẻ. Đối với nhóm trẻ ưa bạo lực, đặc biệt là các bé trai thì sự ảnh hưởng của nội dung bạo lực mà trẻ xem được đến HVHT càng rõ rệt [dẫn theo 7, tr. 495].

Liên quan đến ảnh hưởng của cha mẹ tới HVHT ở trẻ, Marry Haskett và Janet Kiner đã tiến hành quan sát tự nhiên về ứng xử xã hội giữa những trẻ mẫu giáo không bị hành hạ với những bạn cùng lớp bị bố mẹ hành hạ. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi tương tác với bạn chơi, trẻ bị ngược đãi thường thể hiện những HVHT nhiều hơn hẳn trẻ bình thường. Những nghiên cứu bổ sung khác của Eron và Patterson đã chứng minh rằng trẻ hung tính là những trẻ ít được người khác yêu mến và ít quan tâm đến những hoạt động ở trường học. Cha mẹ của trẻ hung tính thường làm ngơ, không quan tâm đến trẻ. Họ thường trừng phạt con bằng đòn roi, thậm chí ngay cả khi đứa trẻ có những hành vi

đúng đắn. Đứa trẻ sẽ học cách mà cha mẹ đã ứng xử với nó và cho đó là hành vi có hiệu quả nhất để không chế người khác. [dẫn theo 7, tr. 508 - 510].

Michael J. Mackenzie và cộng sự (2014) đã nghiên cứu về ảnh hưởng của sự trừng phạt thân thể bằng đòn roi của bố mẹ tới sự hình thành HVHT ở trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Nghiên cứu được tiến hành với sự tham gia của 1.900 trẻ em đến từ 20 thành phố của nước Mỹ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 52% người mẹ và 33% người bố đánh con ở tuổi lên 5. Sau khi bị đánh, trẻ 5 tuổi trở nên hung hăng hơn, cư xử tiêu cực hơn, thường đối phó lại sự trừng phạt của bố mẹ bằng những hành vi xấu. Việc bị bố mẹ đánh lúc 5 tuổi cũng ảnh hưởng đến khả năng học từ vựng của trẻ. Kết quả thu được từ bài kiểm tra từ vựng của nhóm trẻ được khảo sát cho thấy điểm trung bình của nhóm trẻ này thấp hơn khi trẻ được 9 tuổi [87].

Tóm lại, cho đến nay, với tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu về hành vi hung tính đã có hàng loạt lý thuyết, công trình nghiên cứu tâm lý học làm sáng tỏ nội hàm của khái niệm, nguồn gốc và các quy luật hình thành, các nguyên nhân tác động và biện pháp can thiệp tới hành vi này. Tổng quan các nghiên cứu cho thấy, HVHT của trẻ nói chung, của trẻ mẫu giáo nói riêng là một hiện tượng tâm lý phức tạp, có những biểu hiện đặc trưng. Hành vi này nảy sinh do nhiều nguyên nhân từ bản thân đứa trẻ (các yếu tố bẩm sinh, sự hăng hụt, thất vọng, ảm ức, thiếu kỹ năng quản lý cảm xúc...) và do những nguyên nhân khách quan (sự giáo dục của cha mẹ, mối quan hệ của trẻ với những người xung quanh, ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông có nội dung bạo lực...).

### ***1.1.2. Những nghiên cứu lí luận về hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo ở trong nước***

Trong bài báo “*Khái niệm hung tính*”, tác giả Phạm Mạnh Hà đã tìm hiểu các quan điểm khác nhau về hành vi hung tính, từ đó cho rằng hung tính là kiểu hành vi tấn công gây tổn hại hoặc tổn thương cho người khác, vi phạm



các chuẩn mực xã hội (pháp luật và đạo đức), hành vi được lặp đi lặp lại kéo dài. Kiểu hành vi này thường có ở nhiều môi trường như gia đình, trường học, cộng đồng [10].

Nghiên cứu về cấu trúc của hành vi hung tính, trong bài báo khoa học “*Trẻ hung tính: cấu trúc tâm lý nào?*”, hai tác giả Trần Thu Hương và Đặng Hoàng Ngân đã trình bày ba dạng cấu trúc tâm lý khác nhau của HVHT bao gồm nhiều tâm, loạn tâm và các trạng thái giới hạn. Trong mỗi dạng cấu trúc, sự biểu hiện, sự vận hành chức năng và các đặc tính của hung tính rất khác nhau bởi chủ thể của mỗi dạng cấu trúc này có các dạng thức quan hệ, những lo hãi và các cơ chế phòng vệ khác nhau [17].

Đề tài “Hành vi gây hấn – Phân tích từ học độ Tâm lý học xã hội” (2010) của tác giả Trần Thị Minh Đức được xem là công trình nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam về hành vi gây hấn. Trong đề tài này, tác giả làm rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến vấn đề gây hấn, phân loại hành vi gây hấn, phân tích nguyên nhân, hậu quả của hành vi gây hấn đối với các cá nhân, các nhóm, gia đình và xã hội. Tác giả cũng đã phân tích các kết quả điều tra thực tế về thực trạng hành vi gây hấn ở học sinh, sinh viên và một số đối tượng khác trong xã hội. Kết quả nghiên cứu của đề tài không chỉ góp phần xây dựng cơ sở lý luận về hành vi hung tính mà còn đưa ra những giải pháp để hạn chế và đẩy lùi vấn nạn bạo lực trong môi trường gia đình và học đường [6].

Trong nghiên cứu của mình, tác giả Nguyễn Thị Minh Hằng (2012) cũng bàn đến khái niệm, nguồn gốc của hành vi hung tính. Theo tác giả, hành vi hung tính là những hành vi cố ý làm tổn hại đến đối tượng (con người, động vật, đồ vật...) mang lại sự tổn thương cho đối tượng về thể chất và tinh thần. Hành vi hung tính có thể biểu hiện dưới dạng lời nói, cảm xúc và hành vi. Xét về phương diện lứa tuổi, ngay từ khi ở giai đoạn sơ sinh đứa trẻ đã có biểu hiện sơ khai của hung tính. Tuy nhiên, đến thời điểm ý thức bắt đầu phát triển (1 đến gần 3 tuổi) thì hành vi hung tính mới thực sự xuất hiện. Có sự khác nhau

về biểu hiện hành vi hung tính theo độ tuổi và giới tính. Tác giả cũng đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi này: yếu tố sinh học, sức khỏe và bệnh tật, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, các chất kích thích, thuốc chữa bệnh...[14]

Khi nghiên cứu về xung đột tâm lý của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi, tác giả Đinh Thị Kim Thoa (2000) có đề cập đến một số biểu hiện hành vi xuất hiện khi trẻ tức giận, xung đột như gây áp lực tâm lý, tác động bằng những câu mệnh lệnh, dọa dẫm, đe dọa, yêu sách, lập luận lí lẽ...[35].

Nghiên cứu về biểu hiện và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính, tác giả Nguyễn Thị Trâm Anh (2012) có bài “*Bàn về nguyên nhân tác động và các mặt biểu hiện hành vi hung tính của học sinh tiểu học*”. Theo tác giả, có nhiều nguyên nhân gây nên hành vi hung tính ở học sinh tiểu học, trong đó hệ thống mối quan hệ “trẻ - người lớn” và “trẻ - trẻ” được xem như là nguyên nhân cơ bản. Hành vi hung tính chủ yếu được biểu hiện thông qua các mặt ngôn ngữ và hành động, trong đó biểu hiện bằng hành động rõ hơn bằng ngôn ngữ, biểu hiện trực tiếp rõ hơn gián tiếp [1].

## **1.2. Nghiên cứu xây dựng công cụ đánh giá hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ**

### ***1.2.1. Những công trình nghiên cứu xây dựng công cụ đánh giá hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ ở nước ngoài***

Những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ 20, Thomas Achenbach đã xây dựng Bảng kiểm hành vi trẻ em (Child Behavior Checklist: CBCL) dành cho người chăm sóc nhằm tìm hiểu các hành vi của trẻ. Bảng kiểm bao gồm 6 nhóm hành vi, trong đó có HVHT. Có tất cả 19 dấu hiệu để nhận biết trẻ có hung tính hay không, chẳng hạn: trẻ la hét, không hợp tác, bướng bỉnh, tấn công người khác, có hành vi khiêu khích, tâm trạng tức giận... Đối với phiên bản mẫu giáo của CBCL (CBCL / 1½-5), cha mẹ hoặc những người khác tương tác với trẻ trong các bối cảnh thông thường để đánh giá hành vi của

trẻ. Người trả lời đánh giá hành vi của trẻ theo thang 3 điểm (*không đúng, phần nào hoặc đôi khi đúng và rất đúng hoặc thường đúng*) ở thời điểm hiện tại hoặc trong vòng hai tháng trước đó. Sự phân chia này khác với hướng dẫn của các phiên bản tuổi khác, vì sự phát triển nhanh chóng và thay đổi hành vi ở tuổi mẫu giáo là phổ biến. Đây là công cụ đánh giá được sử dụng nhiều trên thế giới nhằm sàng lọc các vấn đề sức khỏe tâm thần ở trẻ. Công cụ đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ và được thích nghi ở nhiều nền văn hoá khác nhau trên thế giới [44] [45] [85].

Năm 1984, Hiệp hội tâm thần Hoa Kỳ sửa đổi và đưa ra Bản tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh tâm thần phiên bản DSM – IV với các dấu hiệu nhận biết hành vi hung tính như sau:

*Bảng 1.1. Các biểu hiện được xem xét là hành vi hung tính (theo DSM-IV)*

<b>Hung hãn với người và súc vật</b>	<b>Phá hoại tài sản</b>	<b>Lừa đảo, ăn cắp, vi phạm nghiêm trọng các luật lệ</b>
1. Thường bắt nạt, đe dọa hay uy hiếp người khác 2. Thường khởi xướng đánh nhau 3. Đã dùng vũ khí có thể gây hại nghiêm trọng về thể chất cho người khác (gậy, gạch, mảnh chai, dao...) 4. Đã độc ác về thể chất đối với người khác 5. Đã độc ác về thể chất đối với súc vật 6. Cường bức người nào đó vào hoạt động tình dục 7. Đã ăn cắp trong khi đối mặt với nạn nhân (cướp, giật, tống tiền, ăn cắp có vũ khí...)	8. Đã cố ý gây cháy với ý định thiệt hại nghiêm trọng 9. Đã cố ý phá hoại tài sản của người khác	10. Đã xông vào nhà người khác, vào cao ốc hay ô tô 11. Thường nói dối để được đồ vật hay ân huệ, hoặc để tránh các nghĩa vụ 12. Đã ăn cắp các đồ vật có giá trị lớn không đối mặt với nạn nhân 13. Thường sống qua đêm ngoài gia đình ít nhất hai lần 14. Thường trốn học, bắt đầu trước tuổi 13

Theo DSM-IV, hành vi hung tính được xếp vào dạng rối loạn khi nó là một hành vi lặp đi lặp lại mà vi phạm quyền cơ bản của người khác hoặc vi phạm các chuẩn mực xã hội, trong đó có tối thiểu 3 biểu hiện được liệt kê ở bảng trên diễn ra trong 12 tháng với ít nhất có 1 biểu hiện diễn ra trong 6 tháng. Công cụ này như một cẩm nang được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực bệnh lý tâm thần. [7; tr.77-79]

M. Alvord và P. Baker đã đưa ra các tiêu chí để quan sát và nhận biết HVHT ở trẻ: Nếu trong 6 tháng (không ít hơn), trong hành vi có ít nhất 4 từ 8 dấu hiệu được liệt kê dưới đây, thì đứa trẻ đó có thể được xem là có hành vi hung tính:

- Thường mất kiểm soát bản thân
- Thường tranh cãi, quát mắng người lớn
- Thường bỏ qua việc thực hiện các quy định
- Thường chủ động nổi xung với người khác
- Thường đổ lỗi của mình cho người khác
- Thường giận dữ và từ chối làm điều gì đó
- Thường ganh tị và thù hận
- Nhạy cảm, nhanh chóng phản ứng trước những hành vi khác nhau của người khác thường làm cho nó nổi xung [dẫn theo 1].

Năm 1988, Yudofsky và cộng sự đã sử dụng Thang đánh giá HVHT (Modified Overt Aggression Scale - MOAS) để đánh giá sự hung tính bằng lời nói và hung tính bằng thể chất [103]. Thang đo này cũng được Kay SR, Wolkenfelf F, Murrill LM (1988) sử dụng để đo lường bốn loại HVHT, bao gồm: lời nói hung tính, hành vi chống lại các đối tượng, hành vi chống lại bản thân, hành vi chống lại người khác. Những hành vi này xuất hiện trong một tuần trước đó, được miêu tả cụ thể thành bốn biểu hiện theo mức độ nghiêm trọng tăng dần [77]. Sau này, nhiều nhà nghiên cứu như Altman (1991), Ratey và Gutheil (1991), Kho và cộng sự (1998)... đã phát triển, sử dụng thang

MOAS để xem xét HVHT ở các nhóm trẻ khác nhau như trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật trí tuệ [dẫn theo 90].

Nghiên cứu HVHT bằng phương pháp phóng chiếu cũng được nhiều tác giả quan tâm. Năm 1990, tác giả Maia Zakharovna Dukarevich giới thiệu phương pháp trắc nghiệm tranh vẽ “Con vật không có thật” (Nonexistent Animal). Đây là một trong những phương pháp trắc nghiệm phóng chiếu sử dụng cho lứa tuổi bắt đầu từ trước tuổi đến trường (5-6 tuổi). Phương pháp này yêu cầu trẻ suy nghĩ và vẽ con vật không có thật trong thực tế, sau đó đặt tên cho bức tranh. Có tất cả 14 dấu hiệu để đánh giá HVHT. Mỗi dấu hiệu được tính từ 0 đến 1 điểm, có một số dấu hiệu được tính 2 điểm. Tổng điểm cao nhất cho bức tranh là 18 điểm, trong đó mức độ hung tính thấp từ 1-6 điểm, mức độ hung tính trung bình từ 7 – 12 điểm, mức độ hung tính cao từ 13 – 18 điểm. Ngoài ra, còn có thể nhận biết các ý nghĩ, xúc cảm tiêu cực và lời nói hung tính thông qua việc quan sát và đặt câu hỏi cho trẻ trong quá trình vẽ tranh [dẫn theo 1].

Năm 1992, Einfeld và Tonge đã xây dựng Bảng kiểm hành vi phát triển ở trẻ em (The Developmental Behaviour Checklist – DBC). Đây là bảng hỏi dành cho cha mẹ, những người chăm sóc trẻ hoặc giáo viên, bao gồm 96 hành vi được chia thành 5 nhóm: Hành vi phá vỡ/chống đối; tự kích thích; rối loạn giao tiếp; lo âu; rối loạn quan hệ xã hội. Các hành vi thể hiện sự hung tính bao gồm: cào cấu, gào thét, cẩu kính, dậm chân, đập cửa, đập đánh người khác ... [60] [61] [62].

Thang đo về hành vi xã hội của trẻ em (Children’s Social Behavioral Scale: CSBS) được thiết kế bởi Ladd G. W và Profilet S. M (1996) nhằm đánh giá các hành vi và quan hệ bạn bè của trẻ ở trường học, trong đó có HVHT. Thang đo lường này yêu cầu giáo viên báo cáo những hành vi của trẻ ở trường, bao gồm 17 biểu hiện như trêu chọc, hung dữ, đe dọa, gây rối, làm tổn thương bạn... [81].

Các tác giả Jeffrey M. Halperin, và Kathleen E. McKay (2002) đã xây dựng thang đo sự gây hấn của trẻ em (Children's Aggression Scale - CAS) để đánh giá tần suất và mức độ nghiêm trọng của các HVHT ở trẻ em từ 5 đến 18 tuổi. Thang có 2 biểu mẫu đánh giá dành cho phụ huynh (CAS – P) và dành cho giáo viên (CAS – T) nhằm kiểm tra HVHT của trẻ ở gia đình và ở trường học. Hành vi hung tính được đánh giá bao gồm: a) Hung tính bằng lời nói; b) hung tính đối với đồ vật và động vật; c) Hung tính thể chất; d) Sử dụng vũ khí. Các nội dung cho cả hai hình thức bao gồm: sự hung tính thể chất khi bị kích động, Sự tấn công thể chất khởi đầu, Sự hung tính đối với bạn bè và Hung tính đối với người lớn. Mẫu đánh giá của phụ huynh có thêm hai nhóm: Hung tính chống lại các thành viên trong gia đình và Hung tính chống lại những người không phải là thành viên gia đình. Kết quả nghiên cứu cho thấy thang đo có độ tin cậy cao, có thể đo lường HVHT một cách đa chiều. CAS có thể được sử dụng như một công cụ sàng lọc, đánh giá và là một công cụ hỗ trợ trong việc lập kế hoạch can thiệp và theo dõi can thiệp đối với trẻ có HVHT, tạo thuận lợi cho việc lập kế hoạch và giám sát can thiệp HVHT một cách hiệu quả [76].

Thang đánh giá hành vi tổng thể Conner (The Conners Comprehensive Behavior Rating Scales - CBRSTM) được C. Keith Conners xây dựng năm 2008. Đây là một công cụ nhằm đánh giá tổng thể về hành vi, cảm xúc, xã hội, các vấn đề về học tập, các vấn đề chuyên môn về rối nhiễu hành vi ở trẻ em và thanh thiếu niên. CBRSTM có nhiều tiểu thang đo, bao gồm những câu hỏi để đánh giá hành vi của trẻ trong vòng một tháng trước đó. Có hai biểu mẫu bao gồm biểu mẫu dành cho giáo viên và phụ huynh (dành cho trẻ từ 6 – 17 tuổi) và bản tự khai (dành cho trẻ từ 8 – 17 tuổi). Tiểu thang đo hành vi chống đối/hung tính là một trong những thang đo trong nội dung thang đo hành vi tổng quát của Conner. Tiểu thang đo này đề cập đến những hành vi chống đối hoặc hung tính, bao gồm 31 dấu hiệu như: doạ nạt mọi người, phá hoại đồ của

người khác, mang theo vũ khí, đốt cháy các thứ, tàn nhẫn với động vật, đánh và chọc giận người khác, trả đũa ... Khi sử dụng thang CBRS, nhà nghiên cứu không chỉ đo được HVHT của trẻ mà còn dự báo được nguy cơ bạo lực và tìm hiểu mối tương quan của HVHT với những hiện tượng tâm lý khác của trẻ như khó khăn trong học tập, các xúc cảm tiêu cực... [78].

Bên cạnh đó, một số trắc nghiệm khác như CAT, Chú heo chân đen (Patte Noire), vết mực loang (Rorschach)... cũng được sử dụng để nghiên cứu HVHT của trẻ. Các phương pháp này giúp nhà nghiên cứu có thể khám phá HVHT của khách thể thông qua cơ chế phóng chiếu.

### ***1.2.2. Những công trình nghiên cứu xây dựng công cụ đánh giá hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ ở trong nước***

Ở nước ta hiện nay, những công cụ chẩn đoán HVHT chủ yếu được thích nghi từ các trắc nghiệm của nước ngoài.

Năm 2012, tác giả Phan Thị Mai Hương đã nghiên cứu thích nghi Thang đo chống đối/xâm kích trong Thang đo tổng quát hành vi Conner – Bản tự khai của trẻ (Conner CBRS-SR). Nghiên cứu cho thấy nhìn chung, thang đo có độ tin cậy cao khi sử dụng ở tất cả các nhóm tuổi được nghiên cứu. Thang đo này có khả năng ứng dụng cao trong công tác sàng lọc và đánh giá cho trẻ ở Việt Nam [19]. Thang đo này cũng được tác giả Nguyễn Thị Mùi và Nguyễn Thị Nhân Ái (2012) thích nghi trên học sinh từ lớp 4 đến lớp 12 (trừ học sinh lớp 6) nhằm phát hiện sớm nguy cơ bạo lực, nguy cơ có HVHT ở trẻ em. [23]

Tác giả Nguyễn Thị Minh Hằng (2012), trong nghiên cứu “*Hung tính ở trẻ và trẻ hung tính. Chẩn đoán và can thiệp*”, đã đưa ra 7 giai đoạn để chẩn đoán hung tính bao gồm: xác định yêu cầu trợ giúp; thu thập thông tin; hình thành giả thuyết và xác định công cụ chẩn đoán; tiến hành các phương pháp và công cụ chẩn đoán; đánh giá tổng hợp và tích hợp; xây dựng và thực hiện kế hoạch trợ giúp; đánh giá kết quả can thiệp. Với mỗi một giả thuyết về

nguyên nhân dẫn đến hành vi hung tính, tác giả giới thiệu các phương pháp và công cụ chẩn đoán phù hợp [14].

Tác giả Nguyễn Thị Trâm Anh (2012) đã bước đầu nghiên cứu trắc nghiệm tranh vẽ “Con vật không có thật” để chẩn đoán hành vi hung tính. Nghiên cứu cho thấy trắc nghiệm này có thể sử dụng để chẩn đoán mức độ và các dạng hung tính cho trẻ bắt đầu từ năm tuổi [1].

Như vậy, có thể thấy ở Việt Nam hiện nay, đã có một số tác giả nghiên cứu thích nghi các thang đo nhằm chẩn đoán hành vi hung tính ở trẻ. Đề tài có thể tham khảo để thiết kế bộ công cụ nghiên cứu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo từ những công trình này.

### **1.3. Nghiên cứu biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ**

#### ***1.3.1. Nghiên cứu biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ ở nước ngoài***

Bên cạnh việc tìm hiểu hành vi hung tính bằng các công cụ khác nhau, một vấn đề cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, đó là tìm ra các biện pháp để giảm thiểu hành vi hung tính.

Năm 1976, Robert A. Baron đã tiến hành thực nghiệm để chứng minh rằng hành vi hung tính sẽ giảm xuống khi trạng thái cá nhân không căng thẳng. Nghiên cứu bổ sung khác của Norma Feshbach và Seymour Feshbach (1981) khẳng định rằng sự cảm thông xung khắc với hành vi hung tính [7]. Kết quả của các thực nghiệm mở ra hướng tác động đến hành vi hung tính, đó là làm cho trạng thái tâm lý của cá nhân thoải mái, giáo dục sự cảm thông, đồng cảm với người khác.

Đối với trẻ mẫu giáo nói riêng và học sinh nói chung, gần một nửa thời gian hàng ngày của trẻ diễn ra tại trường. Nhà trường, giáo viên và bạn học có ảnh hưởng lớn đến tâm lý của trẻ, trong đó có hành vi hung tính. Do đó, đã có



rất nhiều nhà nghiên cứu đề xuất các biện pháp, mô hình can thiệp từ phía nhà trường đối với hành vi này.

Một chương trình dựa vào trường học để giảm thiểu hành vi hung tính có tên là Making Choices (Fraser, Nash, Galinsky và Darwin, 2001). Chương trình được thiết kế gồm 31 bài học để dạy cho trẻ cách giải quyết các vấn đề xã hội và nâng cao các mối quan hệ. Đã có nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng chương trình Making Choices có hiệu quả trong việc giảm sự hung tính công khai. Đây cũng là chương trình phòng ngừa hành vi hung tính có hiệu quả. Chương trình này có thể thích nghi cho trẻ từ trước tiểu học đến trung học cơ sở [95].

Năm 2013, Pamela Orpinas và Arthur M. Horne đã nghiên cứu Phương pháp tiếp cận tập trung vào giáo viên thông qua chương trình GREAT (Guiding Responsibility and Expectations for Adolescents for Today and Tomorrow) nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu HVHT ở học sinh. Trên thực tế, giáo viên ít được đào tạo để hỗ trợ các vấn đề khó khăn tâm lý của học sinh. Chương trình được xây dựng dựa trên cách tiếp cận Nhận thức – xã hội. Mục tiêu của chương trình nhằm: 1) Nâng cao nhận thức của giáo viên về HVHT, hình thức, hậu quả, ảnh hưởng của môi trường học đường đến HVHT của trẻ; 2) Phát triển các chiến lược ngăn ngừa HVHT; 3) Nâng cao kỹ năng quản lý của giáo viên để giải quyết HVHT; 4) Nâng cao kỹ năng để giúp học sinh là mục tiêu của HVHT. Phương pháp giảm thiểu HVHT dựa vào giáo viên có nhiều ưu điểm, tuy nhiên sẽ khó triển khai đồng bộ trên diện rộng do các yếu tố liên quan đến kinh tế, văn hoá xã hội và chương trình giáo dục của nhà trường [92].

Gia đình là môi trường xã hội đầu tiên mà trẻ tham gia và có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành và phát triển tâm lý của đứa trẻ đó. Do vậy, việc giảm thiểu HVHT của trẻ cần có sự tham gia của gia đình. Mô hình GREAT như đã trình bày ở trên không chỉ được triển khai ở trường học mà còn được triển

khai tại gia đình. Chương trình được thiết kế gồm 15 buổi học, mỗi buổi 2 tiếng về các nội dung như: quy tắc và vai trò của gia đình, sự hợp tác giữa gia đình và nhà trường, giao tiếp trong và ngoài gia đình, quản lý cảm xúc và sự tức giận, chọn bạn, tìm sự hỗ trợ và kết nối với cộng đồng. Tất cả những người chăm sóc trẻ trong gia đình đều có thể tham gia [63].

Trong nghiên cứu của mình, Patterson đã đưa ra phương pháp tiếp cận làm việc với toàn bộ gia đình để can thiệp hành vi hung tính ở trẻ. Phương pháp này yêu cầu phải quan sát sự tương tác và sự khuyến khích tiêu cực lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, từ đó mô tả bản chất của vấn đề cho bố mẹ và dạy họ những kỹ năng quản lý ứng xử của con cái. Những kỹ năng, cách thức mà Patterson đề xuất gồm: không nhượng bộ trước ứng xử bạo lực của con, không được sử dụng bạo lực để đáp lại khi con sử dụng bạo lực, kiểm soát bạo lực của con bằng cách ngừng đấu, xác định những hành vi khiêu khích nhất của con và xây dựng hệ thống quy tắc thưởng – phạt đối với những hành vi đó; luôn khuyến khích khi con có những ứng xử hợp quy tắc bằng các tình cảm yêu thương [dẫn theo 5, tr 505].

Mikayo Ando và cộng sự (2007) đã nghiên cứu hiệu quả của chương trình tâm lý giáo dục nhằm can thiệp HVHT ở trẻ đầu tuổi dậy thì tại Nhật Bản. Mục tiêu của chương trình nhằm đào tạo, trang bị kỹ năng và năng lực xã hội để giải quyết vấn đề, đặc biệt là giải quyết xung đột. Chương trình bao gồm bốn bài học được điều chỉnh để phù hợp với thực tế giáo dục của Nhật Bản. Mỗi một buổi học diễn ra 50 phút trong bốn tuần liên tục. Buổi 1: trẻ xác định mục tiêu của khoá học, nhận diện các hành vi tích cực và tiêu cực. Buổi 2: Trẻ học cách giải quyết các xung đột bằng việc sử dụng thích hợp các kỹ năng giao tiếp. Buổi 3: Trẻ được tăng cường các kỹ năng giải quyết xung đột và chống lại áp lực của bạn bè. Buổi 4: Trẻ tìm hiểu về cơ chế và cách quản lý căng thẳng, nâng cao năng lực tự chủ và ứng phó với những đau khổ. Kết quả

ngiên cứu cho thấy hiệu quả bước đầu của chương trình trong việc tác động làm giảm HVHT ở trẻ [88].

Việc can thiệp đối với trẻ hung tính, đặc biệt là những trẻ hung tính mang tính bệnh lý cần có sự tham gia của các nhà trị liệu tâm lý. Năm 2008, Janet G. Froeschle và Mark Riney đã nghiên cứu hiệu quả của phương pháp trị liệu nghệ thuật Adlerian đối với trẻ có HVHT. Trị liệu Adlerian sử dụng các kỹ thuật ám thị, khuyến khích, quan tâm, đương đầu, hoàn thành bài tập về nhà ... [67].

Howard A. Paul (2013) đã tìm hiểu việc ứng dụng liệu pháp Nhận thức – hành vi nhằm can thiệp đối với trẻ có HVHT. Liệu pháp này được tiến hành trong mười buổi với những nội dung khác nhau. Trong buổi đầu tiên, trẻ sẽ được giáo dục tâm lý về HVHT, lý do phải điều trị hành vi này. Buổi hai: trẻ được dạy về những dấu hiệu để dừng lại và suy nghĩ về hậu quả của sự hung tính. Buổi ba: trẻ nhận diện các dấu hung tính của cơ thể cả ở bên trong và bên ngoài, trẻ được dạy các liệu pháp thư giãn. Buổi 4: trẻ tìm hiểu về mối liên hệ giữa suy nghĩ, cảm xúc và HVHT, đồng thời xác định các vấn đề, mô tả nó và đưa ra các giải pháp khác nhau có thể có. Buổi 5: trẻ sẽ phân tích và lựa chọn giải pháp cho HVHT của mình. Buổi 6: Trẻ đánh giá kết quả khi thực hiện giải pháp. Buổi 7: Trẻ được tiếp cận và thực hành một số kỹ năng xã hội nhằm giảm thiểu HVHT. Buổi 8: liên quan đến việc tăng kỹ năng quyết đoán trong việc lựa chọn giải pháp giải quyết vấn đề mà không làm tổn thương người khác. Buổi 9: Trẻ được trang bị thêm các kỹ năng xã hội để giải quyết xung đột, đặc biệt là với người lớn. Buổi cuối cùng: tổng kết các kỹ năng đã học và phản hồi về quá trình điều trị. Trong quá trình trị liệu, trẻ phải làm các bài tập về nhà và được học những kỹ năng để quản lý sự tức giận, để thư giãn. Việc can thiệp có sự phối hợp của phụ huynh. Những số liệu nghiên cứu thực nghiệm cho thấy liệu pháp này có thể giảm thiểu HVHT của trẻ. [70]

### ***1.3.2. Nghiên cứu biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính và hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo ở trong nước***

Tác giả Bahr Weiss, Đặng Hoàng Minh và cộng sự đã công bố thích nghi văn hoá Chương trình Chăm sóc sức khoẻ tâm thần dựa vào trường học (RECAP) vào Việt Nam với tên là “Nối kết”. Đây là một chương trình can thiệp dựa vào trường học nhằm hỗ trợ những trẻ gặp khó khăn đồng thời cả vấn đề hành vi và cảm xúc, ở mức độ nhẹ và trung bình. Mục tiêu của chương trình nhằm hỗ trợ giáo viên nâng cao kỹ năng của họ trong việc giúp học sinh sử dụng kỹ năng xã hội phù hợp, quản lý hành vi, giúp học sinh học cách thương lượng để giải quyết các mâu thuẫn với bạn cùng lứa, học cách thương lượng và tôn trọng người lớn khi có bất đồng xảy ra ... [dẫn theo 24].

Tác giả Đinh Thị Kim Thoa (2002) cho rằng đồng cảm là một biện pháp quan trọng để có thể giải quyết xung đột ở trẻ mẫu giáo. Từ đó, tác giả đề ra các biện pháp nhằm giúp trẻ biết đặt mình vào vị trí của người khác, biết cảm thông và chia sẻ để giải quyết xung đột một cách hiệu quả, hạn chế các hành vi có thể làm tổn thương người khác [35].

Tác giả Knud S Larsen và Lê Văn Hào (2010) đã đề cập đến một số biện pháp để giảm thiểu hành vi hung tính, bao gồm sử dụng hình phạt nhẹ kết hợp tham vấn, sử dụng quá trình thấu cảm, tự làm phân tán hoặc sao nhãng để kiềm chế sự ám ức nhằm phòng ngừa hành vi hung tính, biết đối đầu với ám ức và xin lỗi, rèn luyện phát triển các kỹ năng giao tiếp, nâng cao kỹ năng thương thuyết thoả hiệp... [20; tr.314-322].

Tác giả Nguyễn Thị Minh Hằng (2012) đã đưa ra quy trình can thiệp đối với trẻ có hành vi hung tính gồm hai bước: làm việc với cha mẹ và giáo viên; tiến hành trị liệu cho trẻ hung tính. Trong đó, tác giả cho rằng phương pháp trị liệu nhận thức – hành vi, trị liệu bằng trò chơi và huấn luyện các kỹ năng kiểm soát cảm xúc là phương pháp có hiệu quả nhất để loại bỏ hành vi hung tính [14].

Tác giả Nguyễn Văn Đồng cho rằng để can thiệp sớm cho trẻ có hành vi hung tính, cần giảng giải cho bố mẹ những phương pháp kiểm soát con cái hiệu quả; thúc đẩy phát triển các kỹ năng xã hội ở trẻ có hành vi hung tính. Đồng thời cần tạo dựng một môi trường không bạo lực, tạo khoảng không gian chơi có khả năng giảm thiểu xung đột (không cho trẻ chơi đồ chơi bạo lực, cung cấp đủ đồ chơi để trẻ không tranh giành...). Việc can thiệp với hành vi hung tính phải phù hợp với các dạng hung tính của trẻ. Với trẻ hung tính công cụ nên dạy cho trẻ những hành vi ứng xử đúng chuẩn mực như chia sẻ, đồng thuận, hợp tác. Với trẻ có tính nóng nảy cần dạy trẻ cách kiềm chế sự tức giận, đè nén xu hướng bạo lực với bạn chơi [5, tr 507].

Tóm lại, các công trình nghiên cứu về hành vi hung tính nói chung, hành vi hung tính của trẻ nói riêng khá đa dạng. Các tác giả đã tiến hành nghiên cứu nhiều khía cạnh khác nhau của hành vi hung tính, hành vi hung tính của trẻ; đã thiết kế các công cụ đánh giá hành vi hung tính; nghiên cứu thực trạng hành vi hung tính và xây dựng những chương trình nhằm can thiệp, phòng ngừa để giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ. Tuy nhiên, các công trình chủ yếu tập trung vào độ tuổi từ tiểu học đến vị thành niên mà ít nghiên cứu ở trẻ mẫu giáo.

Các nghiên cứu về hành vi hung tính ở Việt Nam đã được triển khai nhưng chưa nhiều và chưa toàn diện. Phần lớn các nghiên cứu về hành vi hung tính ở trong nước đều xoay quanh cơ sở lý thuyết, phương pháp tiếp cận và chưa có sự đồng bộ trong nghiên cứu thực tiễn, đặc biệt hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn và biện pháp can thiệp chưa được đề cập đến như một vấn đề cấp thiết có ảnh hưởng tới hành vi bạo lực ở lứa tuổi lớn hơn.

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam về hành vi hung tính của trẻ, đề tài có thể tham khảo, kế thừa và phát triển các kết quả nghiên cứu này để xây dựng cơ sở lý luận, thiết kế công cụ nghiên cứu nhằm tìm hiểu thực trạng hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

## Tiểu kết chương 1

Hành vi hung tính là một vấn đề phức tạp và được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Tổng quan tài liệu cho thấy các công trình của các tác giả được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Có thể khái quát các hướng nghiên cứu chính về hành vi hung tính như sau:

Thứ nhất, những nghiên cứu lý luận về hành vi hung tính: Từ những năm đầu thế kỉ 20, các nghiên cứu về hành vi hung tính đã được triển khai. Các tác giả tập trung vào làm rõ khái niệm, cấu trúc, biểu hiện, phân loại, các yếu tố ảnh hưởng cũng như sự khác biệt về hành vi hung tính giữa các nhóm khách thể, các nền văn hoá. Ở Việt Nam, trong những công trình nghiên cứu của mình, các tác giả cũng đã xây dựng khái niệm, cấu trúc, biểu hiện và chỉ ra nguyên nhân ảnh hưởng đến hành vi hung tính. Tuy nhiên, hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn lại là vấn đề ít được quan tâm, thậm chí có thể nói là chưa có đề tài nào nghiên cứu về vấn đề này.

Thứ hai, nghiên cứu xây dựng công cụ chẩn đoán hành vi hung tính: Các thang đo, bảng kiểm hành vi và các trắc nghiệm chẩn đoán hành vi hung tính đã được xây dựng nhằm tìm hiểu mức độ, biểu hiện và mối tương quan giữa hành vi hung tính với một số hiện tượng tâm lý khác. Có thể kể đến một số thang đo tiêu biểu như Thang đánh giá hành vi tổng thể Conner, Bảng kiểm hành vi phát triển trẻ em CBCL của Achenbach ... hoặc một số phương pháp phóng chiếu như trắc nghiệm tranh vẽ “Con vật không có thật”, Trắc nghiệm CAT ... Các công cụ trên đã đánh giá được mức độ, dạng biểu hiện của hành vi hung tính. Một số công cụ đã được các tác giả trong nước thích nghi, Việt hoá và kết quả cho thấy những công cụ trên có độ tin cậy, độ hiệu lực cao trong việc chẩn đoán hành vi hung tính ở trẻ.

Thứ ba, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm giảm thiểu hành vi hung tính cũng được nhiều tác giả trên thế giới và trong nước quan tâm. Các biện pháp được đề xuất nhằm giúp trẻ nhận thức được hậu quả của hành vi hung

tính, kiểm soát các cảm xúc tiêu cực, giúp trẻ có kỹ năng giải quyết xung đột, hình thành những hành vi tích cực... Các mô hình can thiệp dựa vào gia đình, nhà trường, cộng đồng và có sự tham gia của gia đình, nhà trường, xã hội và sự can thiệp của các nhà trị liệu. Ở Việt Nam, những chương trình giáo dục kỹ năng sống đã được triển khai từ bậc mầm non nhằm giúp trẻ giảm thiểu hành vi hung tính, biết hợp tác, chia sẻ, giải quyết xung đột với người khác một cách thích hợp.

## CHƯƠNG 2

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI HUNG TÍNH CỦA TRẺ MẪU GIÁO LỚN

#### 2.1. Hành vi hung tính

##### 2.1.1. Các lý thuyết trong tâm lý học về hành vi hung tính

Vấn đề hành vi hung tính đã được các nhà triết học, tâm lý học khai thác và tìm hiểu từ khá lâu. Ngay từ thời cổ đại, các triết gia phương Đông như trường phái Nho gia (Khổng Tử, Lão Tử và Tuân Tử) đã đề cập đến cái Thiện và cái Ác. Tuân Tử cho rằng: “con người ai cũng có lòng ham lợi, dục vọng”, đó là “nguồn gốc gây nên tội ác, nên phải lấy hình phạt để giáo hóa tính ác” [11]. Đến thế kỷ XVII – XVIII, các nhà triết học Anh như Thomas Hobbes (1588-1679) và Jean Jacques Rousseau (1712-1778) đã tranh luận nhiều về bản tính tự nhiên của con người, trong đó có đề cập đến vấn đề: con người vốn có tính thiện, nhân từ, vui vẻ hay con người vốn sinh ra đã có tính hung hăng, dữ tợn và dã man như súc vật [6, tr 52].

Darwin là người đầu tiên đưa quan điểm tự nhiên về HVHT vào thuyết tiến hóa của loài người. Căn cứ vào nguyên lý chọn lọc tự nhiên, ông cho rằng, nạn đói hoặc chiến tranh là nguyên nhân dẫn đến HVHT, bởi khi đó thức ăn hiếm hoi, sự cạnh tranh xuất hiện và trong cuộc “đấu tranh sinh tồn” sự chọn lọc sẽ theo hướng kẻ mạnh. Ví dụ, thời kỳ nguyên thủy, con người đã hình thành tính hung hãn, gây hấn như săn bắn, tiêu diệt các bộ tộc khác, giành tình bạn, giành lãnh thổ ... nhằm mục đích thỏa mãn bản năng sinh tồn trong điều kiện khắc nghiệt của cuộc sống [6, tr 53].

S. Freud (1930) và K. Lorenz (1966) cũng đã xem xét HVHT như một bản năng bẩm sinh. Hành vi hung tính là đặc điểm tâm lý cần thiết đảm bảo cho sự tồn tại của cá thể. Cuộc sống là chuỗi các cuộc đấu tranh để giành sự sống tốt đẹp như nguồn tài nguyên giá trị, đất đai, địa vị xã hội... Hành vi



hung tính hay hành vi gây hấn là thành phần không thể thiếu được cho sự phát triển các bản năng hiếu chiến của con người [dẫn theo 20, tr.295]

Đặc biệt, S. Freud (năm 1930) cho rằng sự hung hăng của con người xuất phát từ một năng lượng bẩm sinh đi cùng với tính dục và đưa ra lý thuyết về các xung năng, trong đó có khái niệm “xung năng chết” (thanatos). Khái niệm này được hiểu là một khát vọng vô thức, tiềm ẩn một mong muốn thoát ra khỏi những lo lắng, sự thất vọng ở bản thân, sự căng thẳng của cuộc sống bằng cách được “chết”. Cá nhân luôn “hằn học” với mình, gây hấn và tự xâm kích trước khi đi tới hủy diệt bản thân, rồi nhanh chóng hướng đến những người khác, muốn hủy hoại người khác. Đó chính là bản năng xâm chiếm, tiêu diệt và phá hủy, đôi khi được phóng chiếu sang đối tượng khác. Theo Freud, “xung năng chết” hoàn toàn đối lập với “xung năng sống” - mong muốn, nhu cầu được sống, được ăn ở, yêu thương, được khẳng định, được bảo vệ, được an toàn và được tôn trọng, những điều luôn thúc đẩy con người bảo vệ và tái tạo sự sống. Hai xung năng này có ở trong tất cả mọi người là bởi con người luôn phải duy trì giữa ham muốn cá nhân và thực tế cuộc sống. Từ những phát kiến trên, S. Freud đã cho rằng, HVHT có nguồn gốc từ sự đổi hướng năng lượng “xung năng chết” của cá nhân sang người khác. Cơ chế của quá trình đổi hướng xung năng được mô tả như là sự dồn nén của năng lượng xuống vô thức và nó sẽ bùng cháy trong một thời điểm nhất định. Thời điểm bùng cháy đó được xem như là giai đoạn kích thích năng lượng mạnh mẽ, hung hăng, gây hấn được phóng thích ra ngoài và nhằm đến một đối tượng nào đó. Khi năng lượng này được giải phóng ra ngoài, con người cảm thấy thỏa mãn, khoan khoái, nhẹ nhõm [dẫn theo 6].

Kornad Lorenz (1960) cũng xem xét sự hung hăng, gây hấn của con người là mang tính bản năng, bẩm sinh, nó cần thiết cho sự tồn tại của loài người trong việc tranh giành sự sống, bạn đời, vị trí xã hội ... Hành vi hung tính bắt nguồn từ chính sự thừa hưởng bản năng chiến đấu, bản năng đảm bảo

sự sinh tồn và di truyền thế hệ. K. Lorenz cũng lập luận rằng, con người có những cơ chế bẩm sinh cho việc kiềm chế gây hấn (sự tự vệ). Tuy nhiên, nguyên vọng sống và tính gây chiến hoàn toàn tương hợp và gây hấn như một sự tập nhiễm theo con đường di truyền hơn là thuần túy xuất phát từ bản ngã, là một sự thích nghi hơn là động cơ tự phá hủy [dẫn theo 6].

Các tác giả trên đã thừa nhận vai trò quan trọng, mang tính quyết định của yếu tố bẩm sinh, di truyền mang tính bản năng đến HVHT ở con người. Tuy nhiên, những quan điểm này cũng gặp nhiều chỉ trích, phản đối từ các nhà tâm lý học xã hội, vì họ chỉ ra rằng hành vi hung tính có sự biến thiên rất lớn trong các nền văn hoá khác nhau [dẫn theo 20, tr.295-296]. Học thuyết bản năng đã không mô tả được sự đa dạng của hung tính từ người này tới người khác, từ nền văn hóa này tới nền văn hóa khác; không giải thích được nguồn gốc đích thực của hành vi gây hấn. Ngày nay, yếu tố sinh học đối với HVHT ở con người được xem xét như là yếu tố có vai trò tiềm năng, là tiền đề cho sự nảy sinh, hình thành và phát triển của hành vi hung tính.

Thuyết động lực (drive theories) cho rằng, nguồn gốc hung tính xuất phát từ những sự tác động bên ngoài như là những động lực thúc đẩy nảy sinh hành vi. Học thuyết này nhấn mạnh tới động cơ gây tổn hại cho người khác, chứ không phải do bản năng sống, do gen, di truyền hay đặc điểm giải phẫu sinh lý quy định. Sự hung tính được xem xét như là sự đáp ứng lại với những hằng hụt, đau đớn, bắt nguồn từ động cơ chống đối. J. Dollard và đồng nghiệp (1939), khi xây dựng lý thuyết hệ thống đầu tiên về sự gây hấn, đã đưa ra giả thuyết về mối liên hệ giữa các tác động bên ngoài với động lực bên trong, đặc biệt là sự tác động gây thất bại sẽ tạo nên động cơ mạnh mẽ bên trong với mong muốn làm tổn thương đến người khác, và từ đó dẫn đến những hành động gây hấn công khai. Các tác giả này tập trung vào sự thất vọng được gây ra khi một mục tiêu nào đó bị tắc nghẽn và giả định rằng , “*sự nảy sinh hành*

*vi gây hấn luôn bao hàm sự tồn tại của nỗi thất vọng” và “sự tồn tại của nỗi thất vọng luôn luôn dẫn tới một số hình thức gây hấn” (dẫn theo 103, tr 374).*

Lý thuyết về sự thất vọng – gây hấn (frustration – aggression) của Dollard và cộng sự (1939) cho rằng, tâm trạng thất vọng làm cho con người sẵn sàng gây hấn. Nếu sự thất vọng thôi thúc tiềm ẩn và được lặp đi lặp lại nhiều lần thì đến một lúc nào đó nó sẽ bùng lên tạo nên những HVHT một cách trực tiếp hoặc gián tiếp (lên đối tượng khác hoặc lên chính bản thân). Hành vi hung tính giúp con người mau chóng thoát khỏi tình huống không thể chịu nổi – điều này nói lên cơ chế phóng chiếu trong tâm lý. Dollard còn cho rằng, động cơ gây gổ khi thất vọng là một biểu hiện thuộc về sinh lý, như một năng lượng cần được giải thoát trực tiếp ra ngoài, chống lại nguồn gây ra nó. Tuy nhiên, chúng ta đều được dạy là phải kìm hãm sự trả thù trực tiếp, đặc biệt khi bị những người khác phản đối hoặc bị trừng phạt, thay thế vào đó, chúng ta thường chuyển hướng thù hận sang mục tiêu an toàn hơn, ví dụ bắt nạt người dưới quyền, người yếu hơn (vợ, mẹ, con...), hoặc ở khía cạnh tích cực chuyển hướng sang giải tỏa bằng cách tham gia hoạt động thể thao, giải trí, tĩnh tâm ... [dẫn theo 20, tr.306-307].

Lý thuyết thất vọng – gây hấn đã có giải thích hiện tượng hung tính theo các sự kiện bất thường của hoàn cảnh tác động tới tâm lý con người. Tuy nhiên, nhiều tác giả (Burstein & Worchel, 1962; L. Berkowitz, 1987) xem xét lại và nhận ra rằng lý thuyết này đã cường điệu hóa mối quan hệ giữa tâm trạng thất vọng và hung tính, không phải bất cứ thất vọng nào cũng dẫn đến gây hấn và không phải hành vi gây hấn nào cũng có thể truy nguyên nguồn gốc từ sự thất vọng. L. Berkowitz (1987) đã gợi ý rằng, điểm mấu chốt của sự thất vọng là một sự trải nghiệm không dễ chịu. Theo ông, bất cứ sự kiện nào tạo ra cảm giác tiêu cực, không dễ chịu sẽ kích thích khuynh hướng hung hãn ở con người. Ngoài ra, gây hấn có thực sự diễn ra hay không còn phụ thuộc vào sự có mặt của các kích thích tạo nên [49].

Theo lý thuyết động lực, vai trò trung tâm dẫn đến hung tính được quy gán cho sự chống đối. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều nguyên nhân gây nên hung tính ở con người và sự chống đối chỉ là một mà đôi khi chỉ là nguyên nhân không đáng kể. Mặc dù lý luận về động cơ gây hấn không còn được chấp nhận ở giá trị cao nhưng vẫn có sức ảnh hưởng tới các nghiên cứu hiện nay [6; tr 61 – 74].

Thuyết hành vi về hung tính với các đại diện như J. Watson, Thorndike, Skinner đã đưa ra công thức nổi tiếng S (kích thích) – R (Phản ứng). Mọi hành vi của con người là những phản ứng trước sự tác động của các kích thích có nguồn gốc từ môi trường bên ngoài. Điều đó chứng tỏ rằng, con người bị hoàn cảnh điều khiển như một cái máy từ các tác nhân bên ngoài. Con người có xu hướng hành xử theo bản năng và hành vi phản ứng là phiên bản của hoàn cảnh tác động. Trong mọi hoàn cảnh thì con người đều có cách hành xử tương ứng. Như vậy, HVHT cũng được diễn ra theo mô tả của công thức: S (kích thích bạo lực) – Phản ứng (đáp trả lại bằng bạo lực). Tuy nhiên không phải bất kỳ kích thích bạo lực nào cũng nhận được trả lời là bạo lực vì con người có nhận thức và tự ý thức – hạt nhân cốt lõi của nhân cách. Do vậy thuyết này không còn phù hợp để giải thích HVHT [6, tr.75 – 79].

Thuyết hành vi hiện đại (thuyết nhận thức – hành vi) đưa ra công thức có sự tham gia của quá trình nhận thức và tư duy: S-M-R. Trong đó M là dòng suy nghĩ, cảm nhận của chủ thể khi có tình huống kích thích và đưa ra những phản ứng phù hợp với nhu cầu của cá nhân. Sự nhận thức không chỉ chú trọng đến yếu tố môi trường tác động mà còn coi cách cảm nhận, tiếp thu và thái độ của chủ thể đối với sự tác động đó; như vậy mới giải thích được đầy đủ hành vi của con người, đặc biệt là HVHT. Hành vi hung tính hình thành ở chủ thể không chỉ bởi sự tác động của các yếu tố bên ngoài mà còn phụ thuộc vào nội dung đời sống tâm lý của cá nhân, tâm thế đón nhận của

chủ thể. Sự trả lời các kích thích của môi trường bên ngoài không chỉ bằng các bản năng vô thức mà có ở trong đó sự tính toán, ý thức [6, tr.75 – 79].

Theo quan điểm của tâm lý học lâm sàng và tâm bệnh học, HVHT thể hiện những xung động thiên về tính chất bệnh lý. Beck (1998) cho rằng, những rối nhiễu hành vi diễn ra khi người ta nhìn nhận mọi thứ trên đời này như là một nơi đầy rẫy sự nguy hiểm. Trong quá trình nhận thức, cách hiểu này đã dẫn đến những lệch lạc trong hành vi, ứng xử cộc cằn, thô lỗ và có thể là bạo lực [6, tr.77].

Thuyết học tập xã hội về HVHT cho rằng, việc học hỏi xã hội giúp tăng cường hoặc xóa bỏ tính hiếu chiến ra khỏi mỗi người. Bandura (1986) cho rằng các hành vi xã hội, bao gồm cả HVHT, có thể được học tập thông qua quan sát và bắt chước người khác. Hành vi hung tính hình thành là do cá nhân tiếp thu các mẫu ứng xử sai lệch trong xã hội. Theo Bandura (1973), bất chấp vai trò chính của các nhân tố di truyền, thái độ hung hăng của con người bị ảnh hưởng bởi việc học hỏi của chính họ [6; tr 80 – 88].

Mô hình gây hấn phổ quát (General Agression Model – GAM) của Anderson và Bushman (2002) là mô hình mới đây nhất và phổ quát nhất về các quá trình gây hấn [dẫn theo 38; 103]. Đây là mô hình sinh học-xã hội-nhận thức được xây dựng để giải thích những tác động trong ngắn hạn và dài hạn của nhiều biến số tới sự gây hấn. Mô hình này có thể giải thích nhiều dạng hành vi gây hấn nhất, bao gồm cả những hành vi không dựa vào các biến cố khó chịu hoặc những tác động tiêu cực. Các biến số *con người* (sinh học, gen, nhân cách, thái độ, niềm tin, hành vi) và *tình huống* ảnh hưởng tới *trạng thái bên trong hiện tại* của cá nhân (nhận thức, cảm xúc và các yếu tố sinh lý) và có thể gây ra những hành vi hung tính thuộc 3 mức độ sau: 1/Mức độ thù địch/cảm xúc kích động; 2/Mức độ tự động trái ngược với tư duy có ý thức; và 3/Mức độ mà ở đó mục đích là làm tổn hại tới người khác.

## **2.1.2. Khái niệm hành vi hung tính**

### **2.1.2.1. Khái niệm hành vi**

Thuật ngữ hành vi xuất hiện từ Thời trung cổ khi con người dùng để miêu tả tính cách. John Stuart Mill (1843) khi đưa ra khái niệm “tập tính học”, đã nói tới hành vi và cho rằng hành vi như là một thói quen tập thành. [5].

Khái niệm hành vi được quan tâm, bàn đến rất nhiều kể từ khi thuyết hành vi ra đời và trở thành một trường phái của Tâm lý học, coi hành vi là đối tượng nghiên cứu.

Trong thuyết hành vi cổ điển do J. Watson sáng lập, khái niệm hành vi được xây dựng trên nền tảng thực chứng luận và dựa trên những hiện tượng có thể quan sát được từ bên ngoài và đo được. Đó đơn giản là tổ hợp các phản ứng của cơ thể khi bị các kích thích tác động lên cơ thể theo công thức  $S \rightarrow R$ . Hành vi con người là những gì làm và nói, con người được hiểu chỉ như một cơ thể, một cái máy hữu cơ muốn tồn tại phải thích nghi với môi trường sống. Sau này, nhờ những thành tựu nghiên cứu về hành vi của con người, khái niệm hành vi trong tâm lý học không còn được hiểu một cách máy móc và cứng nhắc như trong lý thuyết hành vi cổ điển nữa [25] [28].

Theo quan điểm của một số nhà tâm lý học, cần phân biệt ứng xử và hành vi. Ứng xử là chỉ mọi phản ứng của một đơn vị khi bị một yếu tố nào đó trong môi trường kích thích, các yếu tố bên ngoài và tình trạng bên trong gộp thành một tình huống và tiến trình của ứng xử là để thích ứng có định hướng nhằm giúp chủ thể thích nghi với hoàn cảnh. Khi nhấn mạnh về tính khách quan, tức là các yếu tố bên ngoài kích thích cũng như phản ứng đều là những hiện tượng có thể quan sát được chứ không như các hiện tượng bên trong thì nói là ứng xử. Khi nhấn mạnh mặt định hướng mục tiêu thì gọi đó là hành vi [32].

Quan điểm của trường phái phân tâm cho rằng: hành vi là sự thỏa hiệp bắt nguồn từ sự xung đột trong nguyên tắc khoái cảm; nguyên tắc thực tế và

nguyên tắc lý tưởng là những xung lực của “cái Nó” và những cảm kị của “cái Siêu tôi” được thống nhất trong bản thân “cái Tôi” [30]

Theo X.L.Rubinstein, tập hợp các hành vi ứng xử hay các thao tác ít nhiều có ý thức tạo thành hoạt động của con người. Trong đó điểm đặc trưng của thao tác là có sự tham gia của ý thức vào điều chỉnh hành động. Đối với hành vi ứng xử, cần có sự tham gia của tự ý thức vào điều chỉnh cách hành động. Như vậy, trong cấu trúc của hoạt động, ngoài các phản ứng sinh lý hay vận động được xem như là những trả lời máy móc đối với các kích thích bên ngoài, còn có các thao tác có ý thức và hành vi ứng xử có ý thức [25].

Theo A.N. Lêônchiev, “hành vi không phải những phản ứng máy móc của một cơ thể sinh vật, mà hành vi phải được hiểu là hoạt động” [25]

Tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng, : “Hành vi là những biểu hiện bên ngoài của hoạt động và bao giờ cũng gắn liền với động cơ, mục đích, phương tiện” [11] [13].

Theo Từ điển Tiếng Việt, “Hành vi là toàn bộ nói chung những phản ứng, cách cư xử biểu hiện ra bên ngoài của một người trong một hoàn cảnh cụ thể nhất định” [43, tr.423].

Trên cơ sở phân tích, đối chiếu các quan điểm của các tác giả khác nhau, chúng tôi cho rằng *Hành vi là cách xử sự của con người trong một hoàn cảnh cụ thể được biểu hiện ra ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhất định.*

Hành vi có đặc điểm sau:

- Tính có ý thức: Hành vi không phải là những biểu hiện bên ngoài mà cơ thể đáp lại những kích thích từ môi trường một cách cứng nhắc theo chủ nghĩa hành vi cổ điển quan niệm, mà hành vi là cách xử sự có ý thức của con người trước hoàn cảnh cụ thể. Tuy con người chịu sự tác động của hoàn cảnh khách quan nhưng không phụ thuộc một cách thụ động hoàn toàn vào nó. Như vậy, con người không chỉ thích nghi một cách thụ động với hoàn cảnh mà luôn là chủ thể tích cực của hoạt động, tác động một cách có ý thức

nhằm cải tạo hoàn cảnh và điều chỉnh bản thân mình trong hoạt động sống. Có cùng hoàn cảnh giống nhau nhưng mỗi người có thể chọn cho mình cách xử sự khác nhau.

- Tính biểu hiện: Hành vi của con người luôn được biểu hiện ra bên ngoài bằng ngôn ngữ hoặc cử chỉ, điệu bộ, nét mặt.

#### 2.1.2.2. Khái niệm hung tính

Bàn đến khái niệm hung tính, đã có những tranh luận gay gắt về bản chất của hung tính là gì vào những năm 60 của thế kỷ XX. Khái niệm hung tính được xác nhận là khái niệm khó nắm bắt một cách chính xác nhất (Baron, 1977; Berkowitz, 1969; Buss, 1961; Zillmann, 1979) [dẫn theo 1].

Có nhiều quan điểm tiếp cận khác nhau về khái niệm hung tính. *Dưới góc độ của tâm sinh học*, giống như một số loài động vật, ở loài người cũng tồn tại một cơ chế sinh lý làm nảy sinh các cảm giác nóng giận chủ quan và một số biến đổi thể chất mà cơ thể phải đối kháng lại. *Quan điểm nhận thức - hành vi* lại cho rằng, hung tính có mối quan hệ chặt chẽ với nhu cầu tấn công hoặc xúc phạm người khác nhằm làm giảm giá trị, chế giễu hoặc gây thiệt hại cho họ [6]. *Phân tâm học* có cách tiếp cận đầy đủ nhất về hung tính như sau: “hung tính là một phản ứng xung năng [...]; đó cũng là một phản ứng do những đối lập, những trở ngại gây ra cho các nguyên tắc khoái cảm” (Bourdin, 2007, tr. 109-110). Hung tính được xem như sản sinh từ xung năng chết (Freud), “nó nhằm làm hại đối tượng theo một cách thức riêng, có thể là phá hủy đối tượng ấy, đặc biệt là làm cho đối tượng bị tổn thương” (Berclaz, 2001, tr. 20) [dẫn theo 17].

Từ “hung tính” được dịch từ tiếng Latinh “aggressio” có nghĩa là “sự tấn công”. Hiện tượng này gắn liền với các cảm xúc âm tính (cơn tức giận), các động cơ (cố gắng gây nhiều tác hại), các mục đích và các hành vi phá hủy.



Trong từ điển Anh-Việt, danh từ “aggression” được dịch là “hành vi lấn át” với nghĩa chỉ những người luôn áp đặt mệnh lệnh cho người khác, thích tham gia quyết định mọi việc thay cho người khác. Họ lấn át người khác bằng sức mạnh giao tiếp. Cách hiểu này thiên về giải thích hung tính ở mức độ lời nói và thái độ [6].

Từ điển thông dụng tiếng Pháp Larousse giải thích thuật ngữ aggression chỉ người có tính nết hung hăng, hung bạo, cố tình làm tổn thương người khác và chính mình trên phương diện thể chất và tinh thần [6].

Trong tiếng Nga, từ «агрессия» được dịch là sự đả kích, sự xâm lược. Galovin trong Từ điển dành cho nhà tâm lý - thực hành có định nghĩa: “hung tính là hành vi của cá nhân hay tập thể gây thiệt hại về thể chất hoặc tâm lý, thậm chí đi đến hủy diệt con người hoặc nhóm người” [dẫn theo 1].

Theo Từ điển tâm lý học (Vũ Dũng, 2012), khái niệm “aggression” được dịch là “xâm kích” với giải thích: “Hành vi của cá nhân hay tập thể gây thiệt hại về tâm lý hoặc thể chất, thậm chí trừ diệt người hay nhóm khác. Xâm kích là hình thức phản ứng đáp lại trạng thái bất tiện về phương diện tâm lý và thể chất, căng thẳng thần kinh và tâm trạng thất vọng” [4, tr. 658].

Theo tác giả Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn (2011), xâm kích là hành vi tấn công người khác hoặc những tài sản thuộc quyền của người khác với mục đích làm hại họ. Người có hành vi xâm kích có thể tấn công trực tiếp hoặc có thể gián tiếp dùng lời lẽ hoặc hành động để làm hại người khác [34, tr. 138].

Theo tác giả Knud S. Larsen và Lê Văn Hào (2010), xâm kích là hành vi cố ý gây hại về mặt thể chất hoặc cảm xúc. Đó là hành vi trừng phạt hướng tới người hoặc vật [20, tr. 294].

Như vậy, bản chất của từ “aggression” được dịch ra tiếng Việt có thể dưới nhiều dạng từ khác nhau: gây hấn, xâm kích, hung tính, hung hăng. Tuy nhiên những từ này có thể dùng thay thế lẫn nhau, đều chỉ đến hành vi có xu hướng tấn công gây tổn thương cho người khác. Mặc dù vậy, giữa hai khái

niệm “hung tính” và “gây hấn” có sự khác biệt cơ bản. Hàng loạt các tác giả (P.U. Bender, L. Berkowitz, R. Beron) cho rằng, khái niệm gây hấn là một dạng đặc biệt của hành vi, còn tính hung tính là đặc điểm tâm lý trong cấu trúc của nhân cách. Gây hấn được xem xét như một quá trình có tổ chức, thực hiện chức năng đặc trưng, còn hung tính được hiểu như một thành phần của hệ thống phức tạp, là một phần của hệ thống tâm lý con người [20] [26] [30] [32] [33]. Trong vấn đề nghiên cứu của mình, chúng tôi thống nhất dùng khái niệm “hung tính” nhằm thể hiện rõ bản chất và nội hàm của khái niệm gốc.

Trong Từ điển Tiếng Việt chữ “hung” có nghĩa là sẵn sàng có những hành động thô bạo, dữ tợn mà không tự kiềm chế nổi. Nó là gốc của các từ như: hung ác, hung bạo, hung dữ, hung hăng, hung hãn... [42]. Con hung dữ “là tổng thể cảm xúc có thể làm nảy sinh một hành vi gây hấn”; sự thù địch “liên quan nhiều đến yếu tố thái độ của tính gây hấn”. Như vậy, hung tính được xem là một phần nhân cách của con người “có thói quen sử dụng theo một cách gây gổ mang tính tấn công” (Bloch, 2007) [dẫn theo 6].

Có hàng loạt các tác giả khác nhau đưa ra định nghĩa về hung tính. L. Bender cho rằng: hung tính là khuynh hướng tiến tới đối tượng hoặc rời xa đối tượng. H. Delgado cho rằng, tính hung tính của loài người có phản ứng hành vi được biểu hiện thông qua sức mạnh của sự nỗ lực mang lại sự đau khổ và gây thiệt hại cho cá nhân và cho xã hội. A. Bace xem xét hung tính như một phản ứng mà kết quả của nó là những tác động đau đớn. Wilson cho rằng, hung tính có các hành vi thể chất hoặc sự đe dọa của hành động đó từ hướng một cá thể làm giảm bớt sự tự do hoặc là sự thích ứng bẩm sinh của cá thể khác [dẫn theo 6].

Từ những định nghĩa và các cách tiếp cận khác nhau, chúng tôi cho rằng: *Hung tính là một trong số các phẩm chất tâm lý của con người, có mục đích gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân.*

Đặc điểm của hung tính:

- Hung tính là một phần phẩm chất tâm lý của con người. Hung tính thể hiện như một xu hướng tính cách. Đây là một nét nhân cách của con người hay còn gọi là tính hiếu chiến. Ở những người có biểu hiện hung tính, lời nói và hành động của họ luôn luôn có ý tấn công.

- Tính xâm hại: Hung tính hướng tới làm tổn thương người khác hoặc tổn thương chính bản thân mình về mặt thể chất hoặc tinh thần.

Khái niệm hung tính trong vấn đề nghiên cứu của chúng tôi được xem xét như một phần phẩm chất tâm lý của con người được biểu hiện ra bên ngoài bằng các hành vi. Mà đúng như quan điểm của Baron R. và Richardson D. đã nhận định hung tính “không phải là xúc cảm, động cơ hay là thái độ” mà nó được xem xét như một “mẫu hành vi” [dẫn theo 6].

### *2.1.2.3. Khái niệm hành vi hung tính*

Theo quan điểm của tâm lý học lâm sàng và tâm bệnh học, hành vi hung tính thể hiện những xung động thiên về tính chất bệnh lý. Đó là kiểu hành vi tấn công gây tổn hại hoặc tổn thương cho người khác, vi phạm các chuẩn mực xã hội, hành vi được lặp đi lặp lại kéo dài. Kiểu hành vi này thường có ở nhiều môi trường như gia đình, nhà trường hay ngoài xã hội. Beck cho rằng, những rối nhiễu hành vi xuất hiện khi người ta nhìn nhận mọi thứ trên đời này như là một nơi đầy rẫy sự nguy hiểm. Trong quá trình nhận thức, cách hiểu này đã dẫn đến những lệch lạc hành vi, ứng xử cộc cằn, thô lỗ và có thể là bạo lực [dẫn theo 6].

Theo J.P. Chaplin, hành vi hung tính là sự tấn công; là hành động không thân thiện chống lại một cách trực tiếp con người hoặc một đối tượng nào đó. Delgado (1967) cho rằng, tính hung tính của loài người có phản ứng hành vi được biểu hiện thông qua sức mạnh của sự nỗ lực mang lại sự đau khổ và gây thiệt hại cho cá nhân và cho xã hội. A. Bace xem xét hành vi hung tính như một phản ứng mà kết quả của nó là những tác động đau đớn. Wilson (1975) cho rằng, hành vi hung tính có các hành vi thể chất hoặc sự đe dọa của

hành động đó từ hướng một cá thể làm giảm bớt sự tự do hoặc là sự thích ứng bẩm sinh của cá thể khác. Theo Slaby và Parke (1983), hành vi hung tính được định nghĩa như bất kỳ hành vi nào có mục đích nhằm gây tổn hại hoặc bị thương về thể chất và tâm lý tới các cá nhân và những người khác [34] [38].

Đối với Cairns (1994), những hành vi hung tính là những hành vi nhằm mục đích gây tổn hại hoặc thương tích. Còn theo Baron (1977), hành vi hung tính là bất kỳ hình thức nào của hành vi hướng tới mục tiêu làm hại hoặc làm bị thương một người mà người đó có động lực để tránh những hành vi như vậy. Định nghĩa này chỉ tập trung vào hành vi hung tính mà tránh nói đến các vấn đề về nguồn gốc của sự hung tính. Đồng thời nó cũng giới hạn hành vi hung tính ở lời nói hoặc các cuộc tấn công, diễn ra trong trường hợp do người kia muốn tránh tác hại của hành vi hung tính hướng tới họ [dẫn theo 6].

Ferguson và Beaver (2009) định nghĩa "hành vi gây hấn là hành vi với ý định gia tăng sự thống trị xã hội của sinh vật liên quan tới vị trí thống trị của những sinh vật khác". Hành vi săn mồi và bảo vệ không được xem là gây hấn. Gây hấn tồn tại dưới nhiều hình thức: thể chất, tinh thần hay lời nói [66].

Trong đề tài này, từ cách hiểu về hành vi và hung tính, chúng tôi cho rằng *Hành vi hung tính là cách xử sự của con người trong hoàn cảnh cụ thể, được biểu hiện ra ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhằm gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân.*

*Hành vi hung tính có những đặc điểm sau:*

- Tính có ý thức: Hành vi hung tính là hành vi có chủ ý, có ý thức nhằm gây tổn hại hoặc gây thương tích cho người, vật cho dù mục đích có đạt được hay không.

- Tính biểu hiện: Hành vi hung tính được biểu hiện đa dạng qua hành vi ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Chủ thể của hành vi hung tính có xu hướng dùng sức mạnh cơ học, sử dụng công cụ hoặc lời nói để gây tổn thương cho người khác.

- Tính xâm hại: Hành vi hung tính hướng đến việc gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân cả về mặt thể chất và tinh thần. Những hành vi này vi phạm các chuẩn mực đạo đức.

### **2.1.3. Biểu hiện của hành vi hung tính**

Hành vi hung tính được biểu hiện thông qua ngôn ngữ hoặc cử chỉ, điệu bộ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Cụ thể:

- Biểu hiện qua hành vi ngôn ngữ: Chủ thể sử dụng những lời lẽ nhằm chê bai, lăng mạ, xúc phạm, miệt thị, hạ thấp hay không coi trọng giá trị của người khác (cho rằng họ ngu ngốc, xấu xa, phủ nhận thành công của người khác...), nhận xét về hình thức, trí tuệ, khả năng của người đó bằng những lời lẽ gây tổn thương hay lời lẽ mang tính chất khùng bố, đe dọa tạo ra không khí căng thẳng sợ hãi, lo lắng làm cho người khác luôn cảm thấy không an toàn. Ngoài ra, chủ thể có thể to tiếng quát tháo hoặc ngược lại là làu bàu, cấm cẩu, sử dụng những từ tục tĩu hoặc có những lời nói khiêu khích, thách thức, chống đối mọi người xung quanh.

- Biểu hiện qua hành vi phi ngôn ngữ: chủ thể có những hành động sử dụng sức mạnh cơ bắp (các bộ phận cơ thể như chân, tay, đầu, răng...) với các hành vi như đá, đấm, đánh, cào, cẩu, tát, xô đẩy, cắn... để gây đau đớn cho người khác hoặc cho bản thân. Ngoài ra, các công cụ thậm chí là vũ khí cũng được sử dụng để tấn công người khác.

- Biểu hiện một cách trực tiếp: Hành vi hung tính có thể hướng trực tiếp đến làm tổn thương chính đối tượng gây ra sự khó chịu, hằn hột, âm ức, tức giận. Chủ thể không che giấu mà bộc lộ rõ ràng mục đích tấn công đối tượng.

- Biểu hiện một cách gián tiếp: chủ thể không hướng trực tiếp đến đối tượng gây ra sự tức giận mà chuyển hướng tấn công vào người, vật xung quanh không gây ra sự tức giận hoặc tự xâm kích chính bản thân mình.

#### 2.1.4. Phân loại hành vi hung tính

Lĩnh hội và tiếp thu các quan điểm tiếp cận về cấu trúc hành vi hung tính, các nhà nghiên cứu Nga như I.K. Zagradova, N.D. Levitov, A.K. Oxinxki, trong công trình nghiên cứu của mình đã đưa ra cách phân loại HVHT như sau:

*Bảng 2.1. Phân loại hành vi hung tính*

STT	Cách phân loại	Các dạng hành vi hung tính	
1	Phân loại theo hướng lên đối tượng	<b>Đị hung tính</b> – Hướng đến xung quanh: giết người, cưỡng dâm, mang đến trận đòn roi, đe dọa, sỉ nhục	<b>Tự hung tính</b> – hướng đến bản thân: tự hủy hoại bản thân, tự tử...
2	Phân loại theo nguyên nhân biểu hiện	<b>Hung tính phản ứng</b> (phản ứng lại với tác nhân gây kích thích: cãi cọ, xung đột...)	<b>Hung tính tự phát</b> (hành vi xuất hiện không rõ nguyên nhân, thường dưới sự ảnh hưởng của xung lực bên trong như các xúc cảm tiêu cực, rối loạn tâm lý...)
3	Phân loại theo xu hướng hành động	<b>Hung tính mang tính công cụ</b> - Phương tiện để đạt được kết quả	<b>Hung tính mang tính mục đích</b> (động cơ) – có ý định, dự định, hành vi mang tính chất cố ý
4	Phân loại theo biểu hiện mở	<b>Hung tính trực tiếp</b> – hướng đến đối tượng trực tiếp gây nên sự	<b>Hung tính gián tiếp</b> – hướng đến đối tượng không trực tiếp gây nên

		giận dữ, lo âu và kích động	sự giận dữ, nhưng thuận tiện cho việc thể hiện
5	<b>Phân loại theo dạng biểu hiện</b>	<b>Hung tính ngôn ngữ:</b> biểu hiện qua lời nói như mắng nhiếc, sỉ nhục...	<b>Hung tính phi ngôn ngữ:</b> biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, sử dụng sức mạnh cơ bắp một cách trực tiếp...

Với cách phân loại trên, hành vi hung tính có thể ở hai dạng tùy theo từng góc nhìn khác nhau. Tuy nhiên cấu trúc trên chưa chỉ cụ thể các thành phần cấu thành nên hành vi hung tính, mà mới chỉ ra các dạng căn cứ vào từng đặc điểm của hành vi này..

Theo Berkowitz (1993), hành vi hung tính có thể chia thành hai loại: hành vi hung tính mang tính thù địch và hành vi hung tính mang tính phương tiện. Hành vi hung tính mang tính thù địch được xuất phát từ sự tức giận, từ sự căng thẳng nội tại, hành vi gây ra là để giải toả sự căng thẳng nội tại hay giải toả cơn giận dữ với mục đích gây tổn hại hay đau đớn cho người hoặc nhóm đối tượng. Có lúc, hành vi này chuyển ngược vào chính chủ thể gây ra hành vi hung tính. Cảm xúc giận dữ là yếu tố trung gian trong hành vi hung tính dạng thù địch. Hành vi hung tính mang tính phương tiện là hành vi chỉ mang ý nghĩa như một công cụ, phương tiện để đạt được mục đích khác chứ không phải là sự giải toả cơn giận dữ hay căng thẳng nội tại như hành vi hung tính thù địch [20, tr.294-295] [38, tr139-140]

Theo tác giả Vũ Dũng, hành vi hung tính có thể được phân loại thành hành vi hung tính bằng lời, hành vi hung tính bằng phản ứng, hành vi hung tính bằng thể lực; hành vi hung tính trực tiếp và hành vi hung tính gián tiếp.

Hành vi hung tính bằng lời là hình thức hành vi hung tính trong đó các ngữ điệu thích hợp và các thành tố ngôn ngữ không lời khác cũng như nội

dung trình bày mang tính chất đe dọa được sử dụng để phản ứng lại các cảm xúc âm tính của mình.

Hành vi hung tính bằng phản ứng là một dạng phản ứng của chủ thể đối với tâm trạng thất vọng và có các trạng thái cảm xúc giận dữ, thù địch, căm thù... kèm theo. Có ba dạng hung tính bằng phản ứng: hung tính bằng cảm xúc, hung tính bằng xung động và hung tính bằng biểu cảm.

Hành vi hung tính bằng thể lực: là hành vi hung tính sử dụng sức mạnh thể lực nhằm chống lại chủ thể khác hay đối tượng khác.

Hành vi hung tính gián tiếp là hành vi hung tính trong đó bản thân chủ thể hung tính che giấu hoặc không ý thức rõ hướng chống lại nhân vật hay đối tượng nào.

Hành vi hung tính trực tiếp: là hành vi hung tính có tính chất chủ ý và không che giấu mục đích [4, tr 659].

Trong các dạng hành vi hung tính được liệt kê trên, chúng tôi áp dụng cách phân loại theo dạng biểu hiện, và nhóm thành hai dạng cơ bản: Biểu hiện hành vi hung tính thông qua ngôn ngữ và biểu hiện hành vi hung tính thông qua hành động (hung tính thể chất).

## **2.2. Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

### **2.2.1. Trẻ mẫu giáo lớn và một số đặc điểm tâm lý đặc trưng**

#### **2.2.1.1. Trẻ mẫu giáo lớn**

Có nhiều cách phân định thời kỳ phát triển theo lứa tuổi của trẻ. Việc xác định trẻ ở lứa tuổi nào được dựa vào những đặc điểm đặc trưng về điều kiện sống và các yêu cầu đề ra cho đứa trẻ ở giai đoạn phát triển hiện tại của nó, bởi những đặc điểm của các quan hệ của đứa trẻ với thế giới xung quanh, bởi mức độ phát triển của các chức năng tâm lý của nó, bởi toàn bộ những đặc điểm sinh lý nhất định.

Theo tác giả Nguyễn Văn Đông, trẻ mẫu giáo (tiền tiểu học) là những trẻ có độ tuổi từ 2 tuổi đến 6 tuổi [5, tr. 14].



Tác giả Nguyễn Ánh Tuyết, dựa trên hoạt động chủ đạo, cho rằng trẻ mẫu giáo được xác định là từ 3 tuổi đến 6 tuổi với hoạt động chủ đạo là vui chơi mà trò chơi đóng vai theo chủ đề là trung tâm [37].

Theo tác giả Trương Thị Khánh Hà, tuổi mẫu giáo được xác định từ 3 tuổi đến 6 tuổi [9, tr. 60]

Theo điều 25 Luật giáo dục (2005), trẻ mẫu giáo là những trẻ từ 3 – 6 tuổi.

Như vậy, trẻ ở độ tuổi mẫu giáo là những trẻ từ 3 tuổi đến 6 tuổi. Trong giai đoạn này, trẻ được chia thành 3 độ tuổi khác nhau: trẻ mẫu giáo bé (từ 3 tuổi đến 4 tuổi), trẻ mẫu giáo nhỡ (từ 4 tuổi đến 5 tuổi) và trẻ mẫu giáo lớn (từ 5 tuổi đến 6 tuổi) [36, tr. 255, 278, 304]

Trên cơ sở đó, chúng tôi cho rằng *trẻ mẫu giáo lớn là những trẻ có độ tuổi từ 5 đến 6 tuổi đang theo học tại các trường mầm non hoặc trường mẫu giáo trong hệ thống giáo dục Việt Nam.*

#### 2.2.1.2. Một số đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mẫu giáo lớn

##### \* Đặc điểm thể chất

Ở độ tuổi mẫu giáo, trẻ có sự tăng trưởng nhanh chóng về hình thái. Bộ xương được cốt hoá, cơ to ra, cơ quan hô hấp và tuần hoàn phát triển. Trọng lượng của não tăng lên rất nhanh, vỏ não với các chức năng điều khiển, điều chỉnh phát triển, tốc độ hình thành những phản xạ có điều kiện tăng nhanh, hệ thống tín hiệu thứ hai và các cơ quan phân tích cảm giác phát triển mạnh. Hệ thần kinh cấp cao của trẻ mẫu giáo đang trong thời kỳ phát triển mạnh. Bộ óc của các bé phát triển về khối lượng, trọng lượng và cấu tạo. Tuy nhiên khả năng kìm hãm (ức chế) của hệ thần kinh còn yếu nên các em dễ bị kích thích. [5] [9] [16] [36]. Do vậy những hành vi được xem là gây hấn, hung hăng dễ xảy ra ở độ tuổi này.... Người lớn cần chú ý đến đặc điểm này để giúp trẻ kiểm soát hành vi, hình thành tính tự chủ, lòng kiên trì và ứng xử nhẹ nhàng, không nạt nộ để làm tổn thương đến tình cảm của các em.

#### \* Đặc điểm về hoạt động

Hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo lớn là hoạt động vui chơi mà trung tâm là trò chơi đóng vai theo chủ đề. Đây là hoạt động của trẻ nhằm mô phỏng những hiện tượng đa dạng của cuộc sống mà trẻ được chứng kiến. Hoạt động này có vai trò quan trọng đối với sự phát triển vốn hiểu biết, khả năng tri giác, trí nhớ, tư duy ngôn ngữ và các phẩm chất nhân cách như tình cảm, ý chí, khả năng giao tiếp, các chuẩn mực đạo đức xã hội của trẻ em tuổi mẫu giáo. Bên cạnh trò chơi đóng vai, những hoạt động như chạy nhảy, leo trèo, nhào lộn, vẽ, nặn ... cũng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của trẻ [36] [37].

Thông qua hoạt động vui chơi mà nhất là trò chơi đóng vai theo chủ đề, người lớn có thể giúp trẻ lĩnh hội các chuẩn mực xã hội, giúp trẻ lý giải và dự báo về những hậu quả của hành vi lệch chuẩn dựa vào các quy tắc xã hội, qua đó trẻ sẽ phát huy khả năng tổ chức và điều khiển hành vi, giảm thiểu hành vi hung tính. Việc thực hiện các biện pháp can thiệp nhằm giảm thiểu hành vi hung tính cho trẻ mẫu giáo cũng có thể được tiến hành thông qua hoạt động vui chơi.

#### \* Đặc điểm về ngôn ngữ

Đến tuổi mẫu giáo lớn, hầu hết các trẻ đều nắm được một cách thành thạo tiếng mẹ đẻ. Trẻ phát triển ngôn ngữ mạch lạc, có sự kết hợp khá nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ và tư duy, có thể sử dụng ngôn ngữ để diễn tả các tình huống một cách chính xác, vốn từ của trẻ phong phú, khả năng bắt chước ngôn ngữ nhanh [36] [37]. Khi tức giận, trẻ có thể sử dụng ngôn ngữ để làm tổn thương người khác. Do đó, người lớn cần giúp trẻ có kỹ năng giao tiếp, thảo luận, sử dụng ngôn ngữ tích cực trong những tình huống khiến cho trẻ tức giận, xung đột.

#### \* Đặc điểm về đời sống tình cảm

Ở tuổi mẫu giáo, tình cảm là mặt phát triển phong phú và sâu sắc nhất so với các chức năng tâm lý khác, chi phối mạnh mẽ cuộc sống của trẻ, là động lực mạnh mẽ thúc đẩy trẻ hành động [9]. Chẳng hạn, khi trẻ tức giận, thù hận, thất vọng vì bị thất bại, bị trừng phạt ..., trẻ sẽ có xu hướng gây gổ với người khác, tấn công, doạ nạt, gây tổn thương cho người khác.

Xúc cảm của trẻ mẫu giáo lớn tương đối yên ả, ổn định. Trẻ có khả năng dự đoán về các cảm xúc có thể xảy ra. Điều này góp phần quan trọng vào việc khích lệ hay kìm hãm hành động, tạo cơ sở cho khả năng điều khiển hành động thông qua các hình ảnh cảm xúc của trẻ, giúp trẻ không hành động bột phát. Tuy nhiên, cảm xúc của trẻ ở giai đoạn này vẫn dễ thay đổi.

Các loại tình cảm cấp cao ở trẻ phát triển mạnh, biểu hiện rõ rệt. Trẻ biết phân biệt đúng – sai, tốt – xấu nên đã có những cảm xúc như xấu hổ, tự hào, yêu, ghét... rõ rệt. Trẻ có năng lực đồng cảm với người khác. [9] [36]

Tuổi mẫu giáo là thời điểm lý tưởng để giáo dục đời sống tình cảm cho trẻ, đặc biệt là giáo dục lòng nhân ái. Người lớn cần giúp trẻ biết cách quản lý cảm xúc nhất là những cảm xúc âm tính, hình thành cho trẻ thái độ tích cực đối với cuộc sống và thái độ thiện chí với mọi người.

#### \* Đặc điểm về động cơ hành vi

Sang tuổi mẫu giáo lớn, hệ thống động cơ ngày càng rõ nét hơn, không những thế trẻ mẫu giáo lớn còn có khả năng xác định mối quan hệ giữa mục đích và động cơ hành động. Trong nhiều trường hợp, trẻ biết hướng hành động nhằm đạt mục đích gì, vì cái gì lớn hơn. Khả năng xác định mối quan hệ giữa mục đích và động cơ hành động khiến trẻ điều khiển, điều chỉnh hành vi của mình tốt hơn, các phẩm chất ý chí hoàn thiện nhanh hơn, trẻ nỗ lực cố gắng nhiều hơn khi hành động [5] [9] [16] [36].

Sự đấu tranh động cơ và hình thành động cơ xã hội – đạo đức của trẻ em phụ thuộc phần lớn vào sự giáo dục của người lớn và ảnh hưởng của cuộc

sống bên ngoài mà trẻ tiếp xúc. Cần hình thành cho trẻ những động cơ vì người khác, để trẻ thực hiện những hành vi đạo đức tốt đẹp.

### **2.2.2. Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

#### **2.2.2.1. Khái niệm hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

Căn cứ vào cơ sở đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn và bản chất khái niệm hành vi hung tính, chúng tôi cho rằng: *Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn là cách xử sự của trẻ trong hoàn cảnh cụ thể, được biểu hiện ra ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhằm gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân.*

Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn có đặc điểm sau:

- Là sự thể nghiệm trực tiếp của trẻ
- Có tính chất tình huống, tức là thể hiện thái độ đánh giá của trẻ đối với sự vật hiện tượng, con người trong các tình huống cụ thể.
- Có tính biểu hiện, thông qua lời nói (hành vi ngôn ngữ) hoặc nét mặt, tư thế, cử chỉ điệu bộ, động tác ... (hành vi phi ngôn ngữ).
- Có tính xâm hại làm tổn thương đến vật hoặc những người xung quanh.

Dưới góc độ đề tài nghiên cứu, chúng tôi cho rằng cần xem xét hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn là một biểu hiện trong giai đoạn phát triển lứa tuổi còn đang trong quá trình hoàn thiện về mặt nhân cách, thể hiện đặc điểm tâm lý của trẻ ở mức độ chấp nhận được hơn là bệnh lý và cần có biện pháp can thiệp sớm, giúp trẻ biết kiểm soát hành vi, tránh những phát triển lệch lạc ở độ tuổi lớn hơn.

#### **2.2.2.2. Biểu hiện của hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn**

Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn được biểu hiện thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp mà người khác có thể nhận biết.

Trong các tài liệu đã tổng quan ở chương 1, nhiều nhà nghiên cứu đã liệt kê các biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo: Goodenough (1931),

Walters (1957), Shentoub và Soulairac (1961), Sand và cộng sự (1973), (Ladd và Profilet, 1996), Born (2014)... Mặc dù có cách tiếp cận khác nhau, nhưng nhìn chung, các biểu hiện hành vi hung tính mà những tác giả kể trên nêu ra có thể xếp vào 2 nhóm: hành vi hung tính biểu hiện thông qua ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

*- Biểu hiện thông qua hành vi phi ngôn ngữ*

Hành vi, cử chỉ điệu bộ, tư thế của con người, trong giao tiếp xã hội đều mang những thông điệp, thông tin xúc cảm khác nhau. Phản ứng hành vi qua vận động của đầu, của tay chân, toàn thân, và các tư thế cũng tham gia vào các quá trình biểu cảm thông tin, tín hiệu cho đối tượng giao tiếp nhận biết hành vi hung tính của cá nhân tại thời điểm tiếp xúc. Hành vi hung tính của trẻ cũng được biểu hiện thông qua các dấu hiệu sau:

Trên cơ sở những ghi chép của các bà mẹ về cơn hờn giận của con cái, Florence Goodenough đã chỉ ra biểu hiện của trẻ khi hung tính là trả đũa về thể chất (đá hoặc đấm) những người làm trẻ bực tức [dẫn theo 5, tr 491].

Nhiều tác giả đã đưa ra các dấu hiệu để nhận biết hành vi hung tính của trẻ: trẻ tấn công người khác, bướng bỉnh, có hành vi khiêu khích... (Achenbach, 2000); trẻ đe dọa, gây rối, trêu chọc, làm tổn thương bạn... (Ladd và Profilet, 1996); trẻ phá đồ, đánh và chọc giận người khác... (C.Keith Conners, 2008); trẻ cào cấu, dậm chân, đập cửa, đập đánh người khác... (Einfeld và Tonge, 1992)

Tác giả Nguyễn Thị Minh Hằng (2012) cho rằng ở độ tuổi mẫu giáo, khi không được thoả mãn nhu cầu, trẻ có thể ăn vạ, làm ngược lại sự cấm đoán của người lớn hoặc từ chối thực hiện các yêu cầu của người lớn. Ở độ tuổi này, trẻ bắt đầu tham gia vào các mối quan hệ xã hội và bắt đầu học các kỹ năng như thiết lập quan hệ với bạn, thương lượng, giải quyết mâu thuẫn... Vì vậy, ở giai đoạn này, trẻ xuất hiện nhiều hành vi hung tính dưới dạng cố ý gây tổn thương về thể chất như đấm, đánh, xô đẩy, tát, cấu... [14].

Dựa trên những kết quả nghiên cứu về biểu hiện hành vi hung tính và từ thực tế quan sát, chúng tôi cho rằng trẻ có thể bộc lộ sự hung tính bằng sức mạnh cơ học hoặc sử dụng các công cụ xung quanh để gây tổn thương cho người khác. Cụ thể:

Trẻ sử dụng công cụ, vật dụng bất kỳ như đồ chơi, ghế, ly uống nước, gối ... để đánh bạn hoặc đánh cô giáo mỗi khi tức giận hoặc không hài lòng.

Trẻ sử dụng các bộ phận cơ thể như tay, chân, đầu, răng ... để gây đau đớn cho người khác (kéo tóc, giật đồ, túm áo, tát, đấm, đá, véo, cào, cào, xô đẩy, húc đầu, phun nước bọt ...).

Nhiều trẻ bộc lộ sự thích thú khi thấy các bạn đánh nhau và xông vào đánh cùng. Trẻ cũng rất dễ bị kích động. Nếu bạn làm điều gì đó phật ý như không nhường nhịn, giật đồ, nói xấu... trẻ sẽ có phản ứng tiêu cực và thường xông vào đánh bạn.

Có lúc trẻ bộc lộ sự hung tính của mình bằng việc ăn vạ (nằm lăn xuống đất, giãy giụa, khóc, đập đánh, cào cào... vào bản thân)

Trẻ hậm hực và có hành vi mạnh với đồ vật xung quanh (ném hoặc đá đồ chơi, xô đẩy bàn ghế hoặc giường, dẫm đạp đồ vật, xé sách, bẻ bút, hất đồ, quăng gối ...).

#### *- Biểu hiện thông qua ngôn ngữ*

Ngôn ngữ làm bộc lộ các đặc điểm tâm lý thông qua âm thanh; ngôn ngữ từ, câu; thông qua giọng điệu, cách phát âm, tốc độ lời nói, thanh điệu cao - thấp; giọng nói nặng, nhẹ, ngắn, dài ... phù hợp với đối tượng giao tiếp và hoàn cảnh giao tiếp. Ngôn ngữ nói là một phương tiện biểu đạt các trạng thái xúc cảm của cá nhân, không chỉ tại thời điểm giao tiếp trực tiếp mà còn phản ánh cả một phần nhân cách về đời sống tình cảm của trẻ [3].

Ở trẻ mẫu giáo lớn, hành vi hung tính được bộc lộ rõ nét qua ngôn ngữ. Những biểu hiện ngôn ngữ thường thấy ở trẻ mỗi khi hung tính là chọc ghẹo, mách người lớn, chửi mắng, nói xấu, đặt biệt danh, cãi cọ...

(Goodenough, dẫn theo 5, tr 492]; la hét, quát tháo, đe dọa, uy hiếp (Achenbach, 2000); dọa nạt, chọc giận (Conners, 2008)...

Trong nghiên cứu của mình, tác giả Đinh Thị Kim Thoa (2000) cũng đề cập đến một số biểu hiện của trẻ mẫu giáo khi tức giận, xung đột như gây áp lực tâm lí, tác động bằng những câu mệnh lệnh, dọa dẫm, đe dọa, yêu sách, lập luận lí lẽ...[35]

Theo chúng tôi, hành vi hung tính của trẻ được bộc lộ thông qua ngôn ngữ như sau:

Trẻ thường sử dụng ngôn ngữ có tính chất làm tổn thương tinh thần người khác như: chửi mắng, nói xấu, lăng mạ, la hét, dọa nạt, chê bai, sỉ nhục, hạ thấp, coi thường, bịa đặt, vu khống ...

Trong những lúc chơi đùa hoặc hoạt động cùng bạn bè, khi có xích mích hoặc mâu thuẫn trẻ thường la hét, lớn tiếng, quát tháo với những câu như: “mấy đứa bay tránh ra”; “ngu quá, làm sai rồi”, “của ta, không ai được đụng vào”, “cấm ai sờ vào mấy cái này” ....

Trẻ nói tục hoặc nói hõn với bạn, gọi bạn bằng những từ ngữ miệt thị: “đồ ngu”, “đồ điên”, “thằng thàn kinh” ... Trẻ còn nói với bạn những từ tục tĩu mỗi khi tức giận.

Trẻ có các lời nói mang tính khiêu khích, thách thức bạn bè xung quanh như: “nhìn chi, muốn đánh không?”, “thách mấy người đó”, “ai cho nhìn mà nhìn?”...

Một số trẻ khi không hài lòng với cô giáo có thể cãi lại cô: “cô im đi”, “cô nói dối”, “cô nói tầm bậy”, “con không thích cô làm như thế”, “mách ba đánh cô luôn” ...

Trẻ còn làu bàu, cấm cẩu, găm gừ, gằn giọng... một mình mỗi khi tức giận.

Tóm lại, trẻ hung tính thường đánh mất sự kiểm soát bản thân, hay cãi cọ, chửi mắng, trêu chọc súc vật và những người xung quanh, làm hỏng đồ

chơi, không nghĩ đến hậu quả của hành vi, không đánh giá hết sự thù địch của bản thân... Trong các vấn đề của mình trẻ thường đổ lỗi cho người khác và cho hoàn cảnh. Trẻ biểu hiện các xúc cảm của mình bằng hành động và lời nói một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Trong luận án này, chúng tôi xem xét hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ. Hành vi hung tính có thể bộc lộ một cách trực tiếp hướng vào chính đối tượng gây ra sự tức giận, khó chịu cho trẻ hoặc bộc lộ một cách gián tiếp hướng tới người hoặc vật xung quanh.

### **2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

#### **2.3.1. Nhóm các yếu tố chủ quan**

##### *- Khí chất*

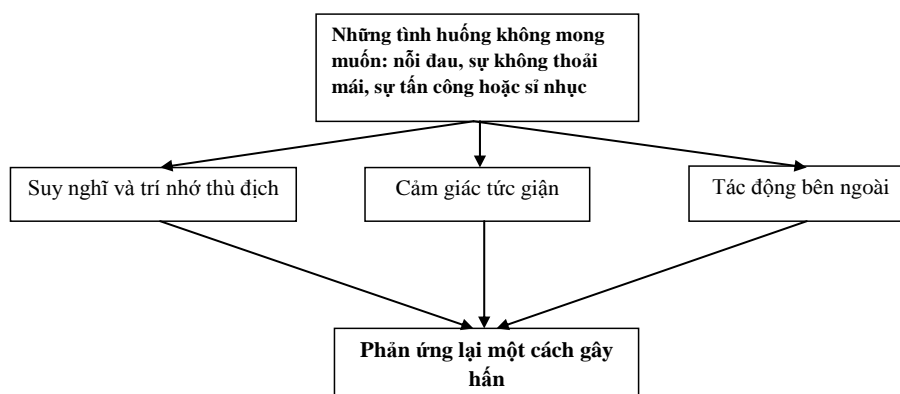
Những trẻ có hệ thần kinh không cân bằng, trong đó hưng phấn mạnh hơn ức chế - kiểu khí chất nóng nảy dễ phát triển các hành vi mạnh mẽ hơn những trẻ có kiểu thần kinh yếu hay cân bằng. Theo Hiệp hội các nhà Tâm lý học Hoa kỳ (1993), nếu một đứa trẻ có thiên hướng xung động, không sợ gì thì có nguy cơ phát triển thành những hành vi bạo lực ở tuổi thiếu niên. Một trẻ không có hành vi hung hăng khi lên 8 tuổi thì sẽ vẫn là người không có hung tính ở độ tuổi 48 (Huesmann và cộng sự, 2003). Loại hình thần kinh, kiểu gen khiến một số người phản ứng lại bằng hung tính đối với những xung đột và sự khiêu khích [dẫn theo 6].

Đây không phải là yếu tố quyết định đến hành vi hung tính của con người, mà đó như những yếu tố tiền đề nảy sinh hành vi hung tính. Hành vi hung tính là một phẩm chất tâm lý, cần xem xét dưới hệ thống các yếu tố, trong đó có yếu tố sinh học là yếu tố đầu tiên, yếu tố tiền đề. Ngoài ra, còn hàng loạt các yếu tố khác như yếu tố môi trường, kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

##### *- Các xúc cảm tiêu cực*



Một yếu tố tâm lý khác đó chính là các xúc cảm tiêu cực như ảm ức, thất vọng, chống đối, hay chịu sự đau đớn nào đó cũng là nhân tố quan trọng thúc đẩy các hành vi hung tính ở con người. Trong hoàn cảnh gây hấn hoặc chứng kiến cảnh người khác gây hấn có thể làm tăng cường cảm xúc tiêu cực. Và khi cảm xúc này lắng xuống không có nghĩa là sự hung hăng không còn. Khi tức giận đi qua thì ý định gây gỗ vẫn còn tồn tại. Các nghiên cứu trên trẻ nhỏ cho thấy: tính dễ gắt gỏng, cáu kỉnh, khó trấn tĩnh ... thường phát triển khuôn mẫu hành vi gây hấn ở lứa tuổi sau này. Anderson và đồng nghiệp (1995) đã chỉ các yếu tố của sự gây hấn thù địch bằng sơ đồ như sau:



### Sơ đồ 2.5. Những yếu tố của sự gây hấn thù địch (Anderson, 1995)

Sơ đồ trên cho thấy, những tình huống không mong đợi, sự đau đớn, khó chịu, sự không thoải mái (thất vọng), hoặc bị khiêu khích, bị sỉ nhục, bị tấn công đều được chủ thể nhận thức (những kinh nghiệm vô thức kích thích vào các suy nghĩ về ký ức, quá trình nhận thức hướng đến cách giải thích theo cảm xúc tạo cho con người cảm giác yên tâm hành động theo cảm xúc). Những cảm xúc khác nhau như tức giận, sợ hãi đều liên quan đến nhận thức của con người và cuối cùng nhận thức có thể ngăn cản hoặc làm tăng hành vi hung tính. Các tác động bên ngoài như tác động của điều kiện tự nhiên hoặc điều kiện xã hội là yếu tố không kém phần quan trọng, tạo phản ứng gay gắt, ví dụ như: không gian, thời gian, điều kiện môi trường, mối quan hệ... [104].

Các yếu tố tâm lý thường làm nảy sinh hành vi hung tính ở con người:

- Sự sỉ nhục, tấn công là con đường đặc biệt dẫn tới hung tính. Trước sự tấn công, lăng mạ luôn mang những ảnh hưởng tiêu cực và sự báo thù với lý do khiêu khích là nguồn gốc chủ yếu của hành vi hiếu chiến. Tuy nhiên, các biểu hiện tình cảm dương tính như sự hài hước, đồng cảm sẽ tương phản làm giảm đi lòng hiếu chiến và sự trả thù.

- Sự đau đớn, khó chịu có tác động kích thích nâng cao trạng thái hung tính. Các dạng đau đớn như bệnh tật, bị đánh đập, hành hung cũng như sự khó chịu như nóng nực, ẩm ướt, không khí ô nhiễm, mùi vị khó chịu... có thể làm tăng hành vi hung tính ở con người. Nếu sự khó chịu này kéo dài, hành vi hung tính thường xuyên được củng cố thì hung tính trở thành một nét nhân cách của con người làm cho hành động của họ có xu hướng tấn công nhiều hơn ở mọi lúc mọi nơi, kể cả khi họ không còn cảm thấy khó chịu nữa.

- Những rối loạn trong giao tiếp, quan hệ xã hội làm cho trẻ khó kiểm soát được bản thân và có những hành vi gây tổn thương đến người khác. Chẳng hạn, sự hiếu chiến và chống đối luôn liên quan đến sự hận thù, mong muốn làm tổn thương ai đó. Sự chống đối luôn dẫn tới một vài kiểu gây hấn và gây hấn luôn bắt nguồn từ chống đối (Dollard và cộng sự, 1939). Có những khởi nguồn khác không phải là từ chống đối, ví dụ như thi đấu thể thao (đấm bốc, đấu võ...). Tuy nhiên cần nhấn mạnh rằng, chống đối chỉ là một trong các yếu tố quyết định mạnh mẽ đến hành vi hung tính, đặc biệt là khi chống đối được nhìn nhận như việc làm sai trái hoặc phi lý (Folger & Baron, 1996) [99].

- Sự ghen tị làm cho đứa trẻ có hành vi chống lại đối thủ của mình (Vollmer, 1946) [102]. Nó là một nguyên nhân phổ biến gây ra sự hung tính về mặt thể chất của trẻ (Paquette và Underwood, 1999) [94]. Khi trẻ thấy bạn bè có gì hơn mình, hoặc trẻ cảm thấy mình ít được quan tâm hơn những người khác, trẻ có thể tủi thân, đố kỵ, ganh tỵ hoặc bất bình. Điều này là một trong

những nguyên nhân dẫn đến những phản ứng hung tính với đối tượng mà trẻ ghen tị.

- Sự khiêu khích là nguyên nhân chủ yếu nhất dẫn đến hành vi hung tính, đặc biệt là sự khiêu khích bằng ngôn ngữ và các hành vi bạo lực.

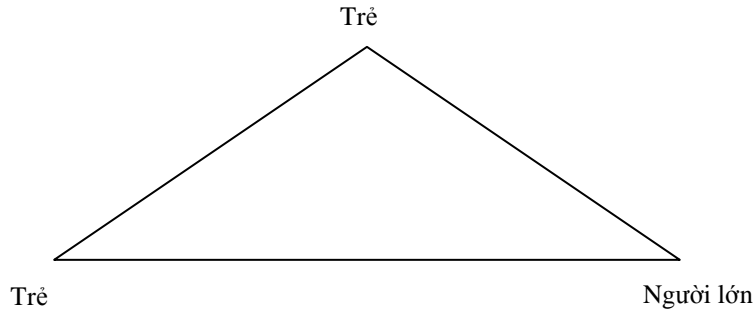
- Ngoài ra yếu tố phẩm chất, nhân cách có tác động đến biểu lộ hành vi hung tính. Các tính cách như: lòng tự trọng cao không ổn định dễ tức giận hơn (việc nổi giận giúp họ phục hồi lại lòng tự trọng của mình bằng việc đổ lỗi, trách móc người khác); tính hiếu chiến; thái độ hợm mình, tính ngạo mạn [6] [20] [33] [34] [38].

### **2.3.2. Yếu tố khách quan**

*- Ảnh hưởng của các mối quan hệ xã hội*

Nguyên nhân xuất hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn được nhiều tác giả cho rằng do: đặc điểm giáo dục gia đình (bị xa lánh, bạo lực gia đình, cha mẹ có hành vi hung tính với mọi người xung quanh), stress, các đặc điểm cá nhân của trẻ (tính nhạy cảm, mẫn cảm dẫn đến sự xuất hiện lo âu và sợ hãi), sự bất ổn của các nhu cầu thiết yếu (nhu cầu di chuyển, nhu cầu tự lập và nhu cầu giao tiếp với bạn đồng trang lứa), các loại bệnh tật thực thể khác...

Nguyên nhân cơ bản dẫn đến biểu hiện hành vi hung tính có thể xét theo tính chất mối quan hệ xã hội của trẻ. Theo L.X. Vygotski, ở lứa tuổi mẫu giáo lớn diễn ra sự kiến thiết lại các mối quan hệ của trẻ với người khác [30]. Hành vi cá nhân sẽ được sản sinh ra trong khuôn khổ của đời sống tập thể. Do vậy, đối với trẻ mẫu giáo lớn hoạt động trên lớp giúp tạo nên mối quan hệ của trẻ với người lớn và bạn cùng lớp. Như vậy có hai hệ thống các mối quan hệ cơ bản có sự tác động qua lại lẫn nhau: mối quan hệ “trẻ - người lớn”; “trẻ - trẻ” [1].



*Sơ đồ 2.6. Các mối quan hệ của trẻ (Nguyễn Thị Trâm Anh, 2012)*

Trong hệ thống mối quan hệ “trẻ - người lớn” có thể có các mối quan hệ như: “trẻ - cha mẹ”; “trẻ - giáo viên”. Mối quan hệ “trẻ - giáo viên” là một mối quan hệ mới đưa trẻ đến một cấp độ với các yêu cầu xã hội mới cho hành vi của trẻ. Các yêu cầu chuẩn mực ở giáo viên đối với trẻ cao hơn so với ở gia đình, do vậy trong các điều kiện đầu tiên của giao tiếp trẻ khó mà thể hiện mình và đánh giá tính chất hành vi của mình. Tương tự như vậy chỉ có người thầy giáo mới đặt ra những yêu cầu cần thiết đối với học sinh, đánh giá hành vi của chúng, tạo ra các điều kiện để hành vi của trẻ được xã hội hóa. Đôi khi, nguyên nhân của hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn có thể từ sự ảnh hưởng của giáo viên. Giáo viên có thể là “mẫu” hành vi hung tính đối với trẻ và trẻ quen với hung tính [1].

Mối quan hệ “trẻ - cha mẹ” được nhiều nghiên cứu tâm lý học giáo dục cho thấy có ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ. Đối với trẻ mẫu giáo, gia đình có một vai trò đặc biệt, ảnh hưởng tuyệt đối đến sự phát triển của trẻ. Nhiều nghiên cứu tâm lý học giáo dục cho thấy, nguyên nhân hành vi hung tính của trẻ em thường xuất hiện nhiều nhất là từ gia đình. Chẳng hạn:

Theo thuyết học tập xã hội của Bandura, trẻ em có hành vi hung tính thông qua bắt chước những hành vi này ở người khác một cách đơn giản. Những trẻ hung tính thường là những trẻ bị bạo hành khi còn nhỏ. Đó là hành vi hung tính đã học được bằng cách quan sát cha mẹ. Nguy hiểm hơn, những trẻ bị bạo hành sau này cũng trở thành những bậc cha mẹ hung tính (Bandura & Walters, 1959; Kaufman & Zingler, 1987). Một nghiên cứu khác cũng chỉ

ra rằng, những trẻ bị phạt đánh từ nhỏ sẽ dễ trở nên hung hăng và có các hành vi xấu hơn so với trẻ hiếm khi chịu hình phạt này (Lisa J. Berlin). Tuy nhiên, nếu trẻ bị trừng phạt bằng lời mà người lớn trong gia đình vẫn yêu thương, ủng hộ và quan tâm trẻ thì sẽ không tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực cho trẻ sau này [dẫn theo 20].

Theo thuyết về sự gắn bó mẹ con (Bowlby, 2004), phong cách làm cha mẹ có ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ. Nếu cha mẹ bỏ mặc con cái trong những ngày đầu tiên của cuộc đời sẽ dẫn đến mối quan hệ gắn bó mẹ con thiếu an toàn trong suốt cuộc đời trẻ sau này. Đây là tiền đề phát triển rối nhiễu hành vi cảm xúc, đặc biệt là khả năng kiểm soát cảm xúc và sự tức giận. Sống trong môi trường gia đình bất hoà, cha mẹ không quan tâm đến con cái sẽ làm cho đứa trẻ có những hành động bột phát không kiềm chế được bản thân, thích làm cho người khác đau đớn [dẫn theo 6].

Như vậy, nếu như tuổi thơ của trẻ gắn liền với hành vi hung tính của cha mẹ trong các tình huống cuộc sống thường ngày (tiếng la hét; chửi mắng; sự lơ đãng, tục tằn, thô lỗ; sự hạ thấp, làm nhục; sự xúc phạm, sỉ nhục...), trẻ sống trong hoàn cảnh không được chấp nhận, không có tình yêu (sự thờ ơ; không có sự giao tiếp với trẻ; tính thiếu kiềm chế và quyền uy; hạ nhục; trừng phạt lên thân thể trẻ, thù địch với chính sự có mặt của trẻ) và kết quả là ở trẻ với bản năng tự vệ luôn nhạy cảm với các mối quan hệ, có phản ứng mạnh và thù địch với thế giới xung quanh. Trẻ thường bắt đầu có biểu hiện hung tính hơn, do hàng ngày trẻ quan sát và chứng kiến ở người lớn của mình và hung tính ngày càng trở nên là chuẩn mực cuộc sống của trẻ do được “dạy bảo” và bắt chước.

Môi quan hệ “trẻ - trẻ”, có các mối quan hệ giữa trẻ cùng lớp, cùng nơi ở, cùng trang lứa, các mối quan hệ này cũng có tác động nhất định đến sự hình thành và biểu hiện hành vi hung tính ở trẻ. Trẻ em lứa tuổi mẫu giáo lớn thường thu nhận tất cả những biến động của các mối quan hệ với bạn cùng

trang lứa, do vậy trong các hoạt động trẻ gây hấn với hành động, ngôn ngữ khác nhau. Sự va chạm giữa các trẻ nảy sinh các dạng biểu cảm cũng như các hành vi đi kèm theo các biểu cảm đó, trong đó có cả hành vi hung tính. Trong luận án này, chúng tôi xem xét mối quan hệ giữa trẻ với trẻ trong thời gian ở trường. Nếu không có sự quan tâm, hướng dẫn giáo dục một cách đúng đắn từ phía gia đình và nhà trường có thể dẫn tới hình thành ở trẻ những nét tính cách tiêu cực, chống đối xã hội ở độ tuổi lớn hơn [1].

*- Ảnh hưởng của phương tiện, truyền thông*

Ngày nay với sự phát triển vượt bậc của kỹ thuật công nghệ hiện đại, đặc biệt các phương tiện truyền thông như radio, sách báo, tranh ảnh, ti vi, phim ảnh, internet ... có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống tâm lý của con người, trong đó mặt ảnh hưởng mang tính tiêu cực là không ít, đặc biệt là đối với trẻ nhỏ. Sự ảnh hưởng đó có thể làm nảy sinh HVHT ở con người, ảnh hưởng đến sự phát triển cá nhân và sự rối loạn xã hội. Nghiên cứu của các nhà khoa học Mỹ khẳng định, các bé trai từ 2 đến 5 tuổi nếu xem nhiều phim hoạt hình viễn tưởng, hoặc các môn thể thao có tính bạo lực khi lớn lên sẽ có thể trở nên hung hăng, không biết vâng lời, gặp các rối loạn về hành vi ứng xử hoặc mắc chứng thiếu tập trung. Nếu trẻ tiếp xúc với các chương trình có nội dung bạo lực càng sớm (trước tuổi đến trường) thì nguy cơ trẻ có các hành vi và tâm lý “chống lại xã hội” khi đến trường càng lớn. Hiệp hội các nhà tâm lý học Hoa kỳ đã cho rằng, phim ảnh bạo lực và khiêu dâm làm những dấu ấn mạnh mẽ lên trí óc con trẻ và làm nảy sinh mầm mống tội ác, làm cho các em bỏ học, học dốt, thất nghiệp [6] [20] [34].

*- Ảnh hưởng của trò chơi và đồ chơi bạo lực*

Trò chơi và đặc biệt là trò chơi điện tử có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành cảm xúc và hành vi tiêu cực của con người, tạo cho con người khoái cảm và lệ thuộc, làm rối loạn cảm xúc và trí nhớ giảm sút [6].

Douglas Gentile và Craig Anderson đã đưa ra một số lý do làm cho trò chơi bạo lực có thể có một tác dụng độc hại: Nhận biết và tham gia đóng vai một nhân vật bạo lực; Bạo lực một cách chủ động chứ không chỉ xem hành vi bạo lực; Tham gia vào chuỗi toàn bộ quy trình bạo lực (lựa chọn vũ khí, nạn nhân, theo dõi nạn nhân...); Tham gia với bạo lực liên tục và đe dọa tấn công; lặp lại các hành vi bạo lực ngày càng nhiều thông qua trò chơi; được khen thưởng cho việc xâm lược có hiệu quả.

Khi liên tục chơi các trò chơi mang tính bạo lực, người chơi có thể tăng cảm giác thất vọng, muốn xâm lược và thù nghịch. Sau khi chơi trò chơi bạo lực, trẻ em và thanh thiếu niên chơi mạnh dạn hơn với nhóm bạn của chúng, lập luận nhiều hơn với giáo viên và cha mẹ, gây hấn nhiều hơn ở bất cứ nơi nào chúng tiếp xúc. Ngoài ra trò chơi điện tử còn làm giảm các cảm xúc và hành vi xã hội, tạo ra sự thờ ơ, vô cảm.

Bushman và Anderson đã tổ chức thực nghiệm và chỉ ra rằng, những người tham gia chơi trò chơi bạo lực có tính hung hăng hơn những người tham gia vào các trò chơi không bạo lực. Và việc phơi bày bạo lực trên các phương tiện thông tin đại chúng đã gây các tác động thông qua củng cố niềm tin, sự kỳ vọng và các quá trình nhận thức liên quan đến hung tính [dẫn theo 7] [53].

Một nghiên cứu khác của Vincent Matthews (Mỹ) dùng thực nghiệm đã chứng minh rằng, những hình ảnh chết chóc trong các trò chơi không chỉ gây ảnh hưởng xấu lên não của con người có tính hung hăng bẩm sinh mà còn ở cả những người hiền lành. Tác giả đã đi đến kết luận rằng, vùng não có chức năng ra quyết định và tự chủ (vùng trán) và hoạt động yếu đi do sự tác động của trò chơi bạo lực [7].

Hành vi hung tính không chỉ chịu ảnh hưởng của các nền văn hóa khác nhau và không chỉ giới hạn ở những chương trình phóng sự, phim truyện mà còn cả ở các chương trình tin tức, thời sự, những giai điệu bạo lực trong âm

nhạc phổ thông và đặc biệt là trò chơi bạo lực (Anderson và cộng sự, 2004) [dẫn theo 7].

Các nguyên nhân nêu trên có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành hành vi hung tính ở trẻ. Tuy nhiên đó cũng không phải là lý do chính yếu mà còn phụ thuộc nhiều vào đặc điểm sinh học, đặc điểm tâm lý và lứa tuổi của học sinh. Ví dụ, trẻ mẫu giáo lớn rất dễ kích động, có xu hướng bùng nổ xúc cảm không có nguyên nhân, tức giận, vị kỷ (xem mình là trung tâm), bướng bỉnh.

Tóm lại, các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn là yếu tố chủ quan (ảnh hưởng của hệ thần kinh, ảnh hưởng của gen; ảnh hưởng của hoocmon; ảnh hưởng của khí chất; yếu tố tâm lý) và yếu tố khách quan (yếu tố môi trường, văn hóa, xã hội. Việc nhận diện những yếu tố này là cơ sở để đề xuất các giải pháp nhằm can thiệp sớm và giảm thiểu hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn.

## **Tiểu kết chương 2**

Từ việc nghiên cứu tài liệu, phân tích các lý thuyết về hành vi hung tính, luận án đưa ra các khái niệm công cụ của đề tài như sau:

*Hành vi là cách xử sự của con người trong một hoàn cảnh cụ thể được biểu hiện ra ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhất định.*

*Hung tính là một trong số các phẩm chất tâm lý của con người, có mục đích gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân.*

*Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn là cách xử sự của trẻ trong hoàn cảnh cụ thể, được biểu hiện ra ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhằm gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân.*

Hành vi hung tính của trẻ có tính biểu hiện (được bộc lộ ra ngoài), tính xâm hại (gây tổn thương cho người khác hoặc cho chính bản thân mình), tính tình huống (được bộc lộ trong những tình huống cụ thể).



Hành vi hung tính của trẻ được bộc lộ qua hành vi ngôn ngữ hoặc hành vi phi ngôn ngữ một cách trực tiếp hướng vào chính đối tượng gây nên sự tức giận khó chịu; hoặc bộc lộ một cách gián tiếp hướng vào người hoặc vật xung quanh mà không phải là nguyên nhân gây ra sự tức giận, khó chịu cho trẻ.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, bao gồm nhóm yếu tố chủ quan (khí chất, cảm xúc tiêu cực, tính ghen tỵ, khủng hoảng tâm lý...) và nhóm yếu tố khách quan (phương tiện truyền thông có nội dung bạo lực, đồ chơi và trò chơi bạo lực, các mối quan hệ của trẻ với bạn bè và của trẻ với người lớn). Các yếu tố này tác động trực tiếp đến hành vi hung tính của trẻ.

## CHƯƠNG 3

### TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Tổ chức nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu từ tháng 9/2013 đến tháng 8/2017.

Quá trình thực hiện luận án được chia thành 3 giai đoạn chính, bao gồm:

- Nghiên cứu lý luận và chuẩn bị phương pháp, công cụ nghiên cứu.
- Nghiên cứu thực tiễn
- Nghiên cứu đề xuất một số biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

##### ***3.1.1. Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý luận***

###### ***3.1.1.1. Mục đích***

Mục đích của giai đoạn này nhằm xây dựng cơ sở lý luận và phương pháp luận cho toàn bộ quá trình nghiên cứu, bao gồm:

- Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.
- Hệ thống hoá một số lý luận cơ bản liên quan đến khái niệm hành vi hung tính, hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn cấu trúc, biểu hiện và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.
- Xây dựng khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu, từ đó xác lập quan điểm chỉ đạo cho việc nghiên cứu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

###### ***3.1.1.2. Nhiệm vụ***

- Phân tích, tổng hợp các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo, chỉ ra những kết quả đã đạt được và những vấn đề còn tồn tại ở các công trình này để tiếp tục nghiên cứu.

- Xác định các khái niệm công cụ, phân loại, cấu trúc và các biểu hiện của hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn và những yếu tố ảnh hưởng đến hiện tượng tâm lý này.

- Xác định nội dung nghiên cứu thực tiễn: trên cơ sở khung lý thuyết của đề tài, những nội dung nghiên cứu thực tiễn được xác định gồm:

+ Mức độ biểu hiện của hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn.

+ Các mặt biểu hiện của hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn, bao gồm: hành vi hung tính biểu hiện qua ngôn ngữ và hành vi hung tính biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ.

+ Một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn như: lo âu, rối loạn giao tiếp, rối loạn các mối quan hệ xã hội, phong cách làm cha mẹ ...

### **3.1.2. Giai đoạn 2: Nghiên cứu thực tiễn**

#### **3.1.2.1. Mục đích**

Khảo sát thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn tại các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng qua lời nói và cử chỉ điệu bộ ở trên lớp. Tìm hiểu ảnh hưởng của một số yếu tố chủ quan và khách quan đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

#### **3.1.2.2. Nhiệm vụ**

- Xây dựng công cụ nghiên cứu: bảng hỏi, mẫu quan sát, dàn ý phỏng vấn sâu.

- Điều tra thử và phân tích độ tin cậy của thang đo.

- Điều tra thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Phân tích kết quả điều tra thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Đề xuất một số biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giảm thiểu hành vi hung tính cho trẻ mẫu giáo lớn.

### 3.1.2.3. Quy trình nghiên cứu thực tiễn

Giai đoạn nghiên cứu thực tiễn được thực hiện theo trình tự sau: a/ xây dựng công cụ nghiên cứu; b/ điều tra thử; c/ điều tra chính thức và d/ xử lý kết quả.

#### *a/ Xây dựng công cụ nghiên cứu*

Việc xây dựng công cụ nghiên cứu nhằm xác lập bộ công cụ phục vụ thu thập dữ liệu thực tiễn. Quá trình này được tiến hành như sau:

- Tìm hiểu các biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn

+ *Mục đích:* Nghiên cứu tìm ra các biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

+ *Khách thể nghiên cứu:* 39 khách thể gồm 35 trẻ mẫu giáo lớn (Trường Mầm non 20/10), 2 giáo viên đang dạy và 2 chuyên gia tâm lý.

+ *Nội dung nghiên cứu:* Khai thác thông tin để tìm hiểu những biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

+ *Tiến hành:* Lấy ý kiến chuyên gia và quan sát trực tiếp những biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo trong thời gian ở trường. Từ các nguồn thông tin trên, biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn ở trên lớp được lựa chọn và tiếp tục lấy ý kiến chuyên gia để chính xác hoá và làm tiêu chí đánh giá.

- Thiết kế bảng hỏi, mẫu biên bản quan sát biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn và lựa chọn các thang đo liên quan

+ *Mục đích:* Hình thành nội dung khảo sát cho bảng hỏi và mẫu biên bản quan sát các biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

+ *Khách thể nghiên cứu:* 10 giáo viên đang dạy mẫu giáo lớn và 3 chuyên gia tâm lý.

+ *Nội dung nghiên cứu:* tham khảo các tiêu chí đánh giá hành vi hung tính, khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau làm cơ sở để thiết kế bảng hỏi và mẫu biên bản quan sát nhằm tìm hiểu thực trạng hành vi hung tính của

trẻ mẫu giáo lớn; lựa chọn các công cụ phù hợp để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn. Các công cụ được chọn trong luận án gồm: Bảng quan sát hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, Bảng kiểm hành vi phát triển trẻ em DBC-P, Phiếu trưng cầu ý kiến về phong cách chăm sóc và giáo dục con cái dành cho phụ huynh, phiếu trưng cầu ý kiến về các biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính cho trẻ mẫu giáo lớn.

+ *Tiến hành thiết kế bảng hỏi và mẫu biên bản quan sát*: Tổng hợp các kết quả nghiên cứu tài liệu, kết quả thăm dò, quan sát và phỏng vấn sâu các giáo viên và chuyên gia tâm lý về biểu hiện hành vi hung tính của trẻ MGL; Xây dựng nội dung bảng hỏi và mẫu biên bản quan sát để tiến hành khảo sát. Sau khi xây dựng bảng hỏi và mẫu biên bản quan sát, chúng tôi tiếp tục xin ý kiến chuyên gia để hoàn thiện bảng hỏi và mẫu biên bản quan sát.

#### b/ *Điều tra thử*

- *Mục đích*: Xác định độ tin cậy của bản quan sát, bảng hỏi, tiến hành sửa chữa những mã hành vi và câu hỏi không đạt yêu cầu.

- *Khách thể nghiên cứu*: 66 khách thể gồm 32 trẻ mẫu giáo lớn, 32 phụ huynh, 2 GV của trường MN 20/10

- *Nội dung nghiên cứu*: Khảo sát thử bằng bảng hỏi, bảng kiểm hành vi và tính độ tin cậy, độ giá trị của các công cụ điều tra.

- *Xử lý số liệu*: Số liệu thu được sau điều tra được xử lý bằng chương trình SPSS phiên bản 20.0.

#### **\*Bảng hỏi dành cho giáo viên**

Bảng hỏi dành cho giáo viên gồm 2 phần, nhằm tìm hiểu thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ cách ứng xử của giáo viên đối với trẻ, các biện pháp tâm lý – giáo dục để giảm thiểu hành vi hung tính cho trẻ mẫu giáo lớn. Kết quả phân tích độ tin cậy của cả thang đo với hệ số Alpha = 0,87 (xem phụ lục 7). Kết quả này cho phép chúng tôi sử dụng bảng hỏi trong điều tra chính thức.

### **\* Bảng hỏi dành cho phụ huynh**

Có 2 thang đo dành cho phụ huynh, gồm Bảng kiểm hành vi phát triển trẻ em DBC-P và Phiếu trưng cầu ý kiến về phong cách chăm sóc – giáo dục con cái. Bảng kiểm Hành vi phát triển trẻ em DBC-P do Einfeld và Tonge xây dựng năm 1992, gồm 96 nội dung, trong đó có các nội dung biểu hiện sự hung tính, trạng thái tâm lý, tính cách ... của trẻ [60]. Bảng kiểm này đã được Việt hoá và sử dụng khá phổ biến ở nước ta hiện nay. Phiếu trưng cầu ý kiến về phong cách chăm sóc – giáo dục con cái gồm 34 nội dung, tìm hiểu về phong cách giáo dục con cái và các biện pháp giáo dục khi trẻ có hành vi hung tính mà phụ huynh đã sử dụng [27]. Kết quả phân tích độ tin cậy của cả 2 thang đo này với hệ số Alpha lần lượt là 0,95 và 0,83 (xem phụ lục 7). Do vậy, có thể khẳng định đây là phép đo có độ tin cậy và hiệu lực tốt, những số liệu mà nó cung cấp rất đáng tin cậy. Kết quả này cho phép chúng tôi sử dụng bảng hỏi vào điều tra chính thức.

#### *c/ Điều tra chính thức*

- *Mục đích:* Khảo sát thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn được thể hiện một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua ngôn ngữ hoặc cử chỉ điệu bộ; Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn; Tìm hiểu biện pháp của giáo viên và phụ huynh học sinh nhằm giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

#### *- Khách thể điều tra:*

Khảo sát định lượng được tiến hành trên trẻ mẫu giáo, giáo viên và phụ huynh của trẻ tại 2 trường, trong đó có 1 trường ở ngoại thành (Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2) và 1 trường ở nội thành (Trường Mầm non 20/10). Tại mỗi trường, chúng tôi phát phiếu trưng cầu ý kiến cho giáo viên chủ nhiệm lớp và phụ huynh của trẻ mẫu giáo, đồng thời tiến hành quan sát trẻ trong các giờ hoạt động. Đặc điểm mẫu khách thể điều tra như sau:

+ 207 trẻ mẫu giáo lớn ở 2 trường: Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2 và Trường Mầm non 20/10. Cụ thể là:

*Bảng 3.1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu là trẻ mẫu giáo lớn (N=207)*

<b>TRẺ</b>		<b>Số lượng (N)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Khu vực</b>	Nội thành	96	46,4
	Ngoại thành	111	53,6
<b>Học trường</b>	Trường mầm non 20/10	96	46,4
	Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2	111	53,6
<b>Giới tính</b>	Nam	102	49,3
	Nữ	105	50,7

+ 207 Phụ huynh học sinh của trẻ MGL tại 3 trường kể trên. Cụ thể là:

*Bảng 3.2. Đặc điểm khách thể nghiên cứu là phụ huynh trẻ mẫu giáo lớn (N=207)*

<b>PHỤ HUYNH</b>		<b>Số lượng (N)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Khu vực</b>	Nội thành	96	46,4
	Ngoại thành	111	53,6
<b>Phụ huynh trường</b>	Trường mầm non 20/10	96	46,4
	Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2	111	53,6
<b>Giới tính</b>	Nam	80	38,6
	Nữ	127	61,4
<b>Quê quán</b>	Quảng Nam, Đà Nẵng	186	89,9
	Địa phương khác	21	10,1

+ 22 giáo viên đang dạy trẻ mẫu giáo lớn ở 2 trường kể trên, trong đó có 11 giáo viên thuộc trường mầm non 20/10 và 11 giáo viên thuộc trường mẫu giáo Hoà Tiến 2.

Số lượng mẫu khách thể ở bảng 3.1 và bảng 3.2 cho thấy tỉ lệ chênh lệch số lượng khách thể theo giới tính, khu vực là không nhiều.

- *Cách tiến hành:*

+ *Đối với giáo viên và phụ huynh học sinh: tiến hành điều tra bằng bảng hỏi.* Mỗi giáo viên trả lời một phiếu điều tra về biểu hiện hành vi hung tính của trẻ, cách ứng xử của giáo viên khi trẻ có những hành vi này và những biện pháp nhằm giảm thiểu hành vi hung tính. Mỗi phụ huynh trả lời một bảng kiểm hành vi phát triển trẻ em và phiếu trưng cầu ý kiến về phong cách chăm sóc – giáo dục con cái. Trước khi trả lời, các khách thể được hướng dẫn để hiểu về mục đích và yêu cầu trả lời ở các nội dung của phiếu. Các điều tra viên được tập huấn kỹ về bảng hỏi trước khi điều tra. Các điều tra viên cũng được lưu ý tránh đưa ra những câu hỏi gợi ý hoặc những câu hỏi có thể gây ra phản ứng tiêu cực ở khách thể.

+ *Đối với trẻ mẫu giáo lớn: tiến hành quan sát trong thời gian trẻ ở trường.* Số lượng các lớp được quan sát như sau: Trường Mầm non 20/10: 5 lớp, Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2: 5 lớp. Mỗi lớp được chia thành các nhóm nhỏ gồm 5-6 trẻ. Để đánh giá khách quan và mức độ thường xuyên các biểu hiện của hành vi hung tính, chúng tôi tiến hành quan sát 5 ngày/tuần/ ở mỗi lớp trong vòng 3 tuần. Như vậy, mỗi nhóm nhỏ sẽ được quan sát trong 3 chu kỳ. Do đặc thù hoạt động của trẻ mầm non diễn ra hầu hết ở trường với rất nhiều hoạt động khác nhau, nên chúng tôi tiến hành quan sát trẻ trong suốt thời gian từ khi trẻ bắt đầu đến lớp cho đến lúc trẻ ra về.

Trước khi tiến hành quan sát, chúng tôi tìm hiểu sơ bộ về tình hình, đặc điểm của trẻ, của giáo viên và các hoạt động của trẻ ở trên lớp.

Tiếp theo, chúng tôi thiết lập chương trình quan sát cụ thể, chọn chiến lược quan sát. Nhà nghiên cứu quan sát để thu thập thông tin về biểu hiện hành vi hung tính thông qua lời nói và cử chỉ điệu bộ của trẻ mẫu giáo, các tình huống xảy ra hành vi hung tính; ghi thông tin tỉ mỉ, cẩn thận mọi diễn



biểu hiện hành vi hung tính của trẻ quan sát được theo mẫu biên bản quan sát đã soạn sẵn. Những kết quả thu thập từ quan sát được đối chiếu với kết quả từ giáo viên và phụ huynh, sau đó sẽ được phân tích định tính.

*d/ Xử lý kết quả*

- *Mục đích:* Xử lý số liệu thu được từ phiếu điều tra, bảng hỏi, biên bản quan sát. Phân tích các kết quả xử lý để nhận biết được toàn bộ thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

- *Nội dung:* Thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn

- *Tiến hành:* Nhập và xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 20.0

**3.1.3. Giai đoạn nghiên cứu đề xuất một số biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

*3.1.3.1. Mục đích*

Trên cơ sở những kết quả thu được từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, chúng tôi đề xuất một số biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm làm giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

*3.1.3.2. Phương pháp*

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp quan sát, phương pháp chuyên gia.

*3.1.3.3. Cách thức thực hiện*

Trong luận án này, “Biện pháp tâm lý – giáo dục” được hiểu là những con đường, cách thức, thủ thuật tác động có định hướng từ phía xã hội (hiểu theo nghĩa rộng nhất) đến cá nhân/trẻ mẫu giáo dựa trên cơ sở quy luật phát triển tâm lý lứa tuổi, nhằm hình thành, phát triển ở cá nhân/trẻ mẫu giáo những mẫu hành vi thích hợp với yêu cầu, chuẩn mực chung của xã hội. Việc đề xuất biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo được tiến hành dựa trên cơ sở lý thuyết về đặc điểm tâm lý ở lứa tuổi này và những kết quả nghiên cứu thực tiễn trên trẻ mà đề tài thu thập được qua

nghiên cứu này cũng như hồi cứu từ nhiều công trình đã có, đặc biệt kết quả về các nguyên nhân của những biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

- *Cơ sở lý luận:* Xuất phát từ đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn; Xuất phát từ vai trò, vị trí của giáo viên trong trường mẫu giáo và quan hệ với trẻ mẫu giáo lớn; Xuất phát từ vai trò của gia đình trong việc giáo dục hành vi cho trẻ.

- *Cơ sở thực tiễn:*

+ Tổng hợp các ý kiến được đề xuất bởi giáo viên, phụ huynh và chuyên gia tâm lý về các biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

+ Tổng hợp kết quả quan sát, phỏng vấn sâu về những nguyên nhân gây ra hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

+ Phân tích mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với mức độ biểu hiện HVHT để xác định các yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

### **3.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện các nhiệm vụ của đề tài, chúng tôi thực hiện phối hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

#### **3.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu**

- *Mục đích:* Khái quát những vấn đề tâm lý liên quan đến hành vi hung tính, hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn để xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

- *Cách thức tiến hành:* Chúng tôi đã nghiên cứu nhiều công trình của các tác giả trong và ngoài nước. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các nghiên cứu trước đây về hành vi hung tính, hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, chúng tôi xây dựng khái niệm công cụ của đề tài như: khái niệm hành vi, khái niệm hung tính, khái niệm HVHT, khái niệm hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, những biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

Kết quả nghiên cứu văn bản tài liệu cũng cho phép chúng tôi xác định các công cụ nghiên cứu và cách thức tiến hành nghiên cứu thực trạng.

### **3.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi**

Căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi xây dựng bảng hỏi và sử dụng bảng kiểm hành vi để khảo sát trên giáo viên và phụ huynh về một số biểu hiện hành vi hung tính, các yếu tố ảnh hưởng và các biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

- *Mục đích:* Đánh giá một số biểu hiện và các yếu tố tác động đến biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, các biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

- *Nội dung và cấu trúc bảng hỏi:*

\* **Bảng hỏi số 1:** Dành cho giáo viên gồm phần mở đầu và 2 phần nội dung, bao gồm:

**Mở đầu:** Giới thiệu sơ bộ về mục đích của bảng hỏi

**Phần nội dung:**

Phần 1: bảng kiểm hành vi về các biểu hiện hung tính của trẻ ở trên lớp

Phần 2: Gồm các câu hỏi từ 1 đến 5 nhằm tìm hiểu:

+ Cách ứng xử của giáo viên đối với những HVHT của trẻ

+ Các biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

\* **Bảng hỏi số 2:** Dành cho phụ huynh học sinh, gồm phần mở đầu và 3 phần:

**Mở đầu:** Giới thiệu sơ bộ về mục đích của bảng hỏi

**Phần I:** Tìm hiểu một số thông tin về bản thân phụ huynh của trẻ (tuổi, nghề nghiệp) và một số thông tin về trẻ (giới tính của trẻ, con thứ mấy trong gia đình, trẻ có anh chị em không, chiều cao, cân nặng)

**Phần II:** Gồm các câu hỏi nhằm tìm hiểu:

- Quan niệm của phụ huynh về việc giáo dục con cái, về các biện pháp giáo dục những xúc cảm, hành vi tiêu cực của con cái và những biện pháp giáo dục các HVHT đã được sử dụng trong gia đình.

**Phần III:** bảng kiểm hành vi trẻ em nhằm tìm hiểu các biểu hiện HVHT của trẻ ở nhà, các yếu tố tâm lý của trẻ có thể ảnh hưởng đến hành vi hung tính.

Trong bảng kiểm hành vi DBC-P dành cho phụ huynh, những mã hành vi thể hiện sự hung tính của trẻ bao gồm:

Mã hành vi 4: La hét, chửi mắng người khác

Mã hành vi 7: Dễ bị kích động quá mức

Mã hành vi 8: Cấn người khác

Mã hành vi 31: Dễ nóng nảy, dậm chân, đập cửa...

Mã hành vi 33: Tự đánh hoặc cắn mình

Mã hành vi 38: Dễ cáu kỉnh

Mã hành vi 40: Đập, đánh người khác

Mã hành vi 66: Gào, thét quá nhiều

Mã hành vi 86: Ném hoặc đập vỡ đồ đạc

Mã hành vi 87: Cố tính trêu chọc hoặc khiêu khích người khác

- *Cách thức tiến hành:* Các khách thể tham gia điều tra được trả lời độc lập theo nhận định của cá nhân về những nội dung trong phiếu điều tra.

### **3.2.3. Phương pháp chuyên gia**

- *Mục đích:* nhằm tìm hiểu biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, các yếu tố ảnh hưởng và các biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giảm thiểu HVHT ở trẻ.

- *Cách thức tiến hành:* xin ý kiến một số chuyên gia tâm lý, các giáo viên dạy trẻ mẫu giáo lớn và các nhà giáo dục có kinh nghiệm làm việc với trẻ MGL về bộ phiếu điều tra, biên bản quan sát và phỏng vấn sâu về những

biểu hiện, các yếu tố ảnh hưởng và biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo.

#### **3.2.4. Phương pháp quan sát**

- *Mục đích*: Thu thập dữ liệu định tính một cách khách quan thực trạng những biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ ở trên lớp, tìm hiểu tình huống gây nên hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn ở trên lớp.

- *Nguyên tắc quan sát*: Đảm bảo tính tự nhiên khi quan sát, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ và giáo viên, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động của cô và trẻ ở trên lớp.

- *Kỹ thuật quan sát*: Chúng tôi thực hiện quan sát hành vi hung tính theo mẫu sự kiện. Việc quan sát hành vi theo mẫu sự kiện giúp cung cấp dữ liệu định lượng về hành vi hung tính, cùng lúc có thể thu thập thông tin trong các nhóm trẻ và có thể so sánh tần suất xuất hiện của các biểu hiện hành vi hung tính. Hệ thống mã hành vi hung tính cần quan sát gồm 16 hành vi, bao gồm các hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ. Cụ thể như sau:

Biểu hiện hành vi hung tính thông qua hành vi ngôn ngữ: hành vi 1, hành vi 2, hành vi 3, hành vi 4, hành vi 5, hành vi 6, hành vi 7, hành vi 8.

Biểu hiện hành vi hung tính thông qua hành vi phi ngôn ngữ: hành vi 9, hành vi 10, hành vi 11, hành vi 12, hành vi 13, hành vi 14, hành vi 15, hành vi 16.

Biểu hiện hành vi hung tính một cách trực tiếp: hành vi 1, hành vi 2, hành vi 3, hành vi 4, hành vi 9, hành vi 10, hành vi 11, hành vi 12

Biểu hiện hành vi hung tính một cách gián tiếp: hành vi 5, hành vi 6, hành vi 7, hành vi 8, hành vi 13, hành vi 14, hành vi 15, hành vi 16.

Các hành vi này có tính phân biệt cao, không gây nhầm lẫn, đơn giản dễ hiểu. Quá trình quan sát được tiến hành trong mọi hoạt động của trẻ, từ khi trẻ bắt đầu vào lớp đến lúc trẻ ra về. Để có những số liệu thực, chúng tôi chia số trẻ trong lớp thành 5-6 nhóm nhỏ để quan sát một cách khách quan và tự

nhiên. Mỗi nhóm sẽ được 1 quan sát viên quan sát trong suốt thời gian 1 ngày ở trường với tất cả các hoạt động mà trẻ tham gia, sau đó tiếp tục với các nhóm khác. Với tiến trình quan sát như đã mô tả ở trên, mỗi nhóm được quan sát trong 3 chu kỳ, tương đương với 3 ngày trong 1 tháng.

Kết quả quan sát được ghi trực tiếp bằng biên quan sát đã thiết kế.

- *Nội dung và cấu trúc mẫu bảng quan sát:* Căn cứ vào mục đích nghiên cứu, chúng tôi xây dựng mẫu bảng quan sát biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn (xem phụ lục 1) gồm những nội dung sau:

+ Thông tin về tên trẻ

+ Những biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo ở trên lớp biểu hiện qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ

+ Tình huống, địa điểm xảy ra hành vi hung tính, cách ứng xử của giáo viên.

### **3.2.5. Phương pháp phỏng vấn sâu**

- *Mục đích:* Thu thập, bổ sung, kiểm tra và làm rõ hơn những thông tin thu thập được từ khảo sát thực tế trên diện rộng.

- *Nội dung phỏng vấn sâu:* Nội dung phỏng vấn là những vấn đề mà nhà nghiên cứu quan tâm liên quan đề tài. Nội dung được chuẩn bị rõ ràng, bao gồm: thông tin về trẻ, hoàn cảnh gia đình, quan hệ của trẻ với những người xung quanh; biểu hiện, nguyên nhân và các biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ (xem phụ lục 6; 7).

Cấu trúc của bảng phỏng vấn sâu gồm 2 phần: Phần mở đầu trình bày lời dẫn. Phần nội dung bao gồm những vấn đề nhằm tìm hiểu về thực trạng, các yếu tố tác động và các biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính.

- *Nguyên tắc phỏng vấn:* Trong phỏng vấn sâu, chúng tôi đưa ra những câu hỏi mở để trẻ mẫu giáo lớn, phụ huynh của trẻ và giáo viên có thể trả lời trực tiếp hoặc gián tiếp theo ý muốn chủ quan. Buổi phỏng vấn được tiến hành như một buổi nói chuyện với người được phỏng vấn về

cuộc sống, học tập, sinh hoạt của trẻ ở nhà và ở trường. Những câu hỏi cụ thể sẽ được phát triển tùy thuộc vào sự tương tác của người phỏng vấn và người được phỏng vấn.

- *Thời gian phỏng vấn:* Đối với trẻ mẫu giáo, khi tiến hành phỏng vấn sâu, chúng tôi thực hiện không quá 10 phút, vì khả năng tập trung chú ý của trẻ có hạn, nếu kéo dài sẽ làm cho trẻ mệt mỏi, chán nản và thiếu tập trung. Đối với phụ huynh của trẻ và giáo viên, mỗi lần phỏng vấn khoảng 20-30 phút.

### **3.2.6. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình**

- *Mục đích:* nhằm minh họa cho kết quả nghiên cứu

- *Nội dung nghiên cứu:* Phân tích đặc điểm cá nhân của 2 trẻ mẫu giáo lớn ở giới tính, nghề nghiệp của bố và mẹ, khu vực địa bàn sinh sống, vị trí trong gia đình, tình trạng sức khỏe; phân tích biểu hiện, nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ của trẻ trong thời gian ở trường.

### **3.2.7. Phương pháp thống kê toán học**

Số liệu thu được sau khảo sát thực tiễn, chúng tôi nhập vào phần mềm SPSS phiên bản 20.0 và được làm sạch dữ liệu để đảm bảo tính chính xác của việc nhập số liệu. Dữ liệu sau đó được xử lý bằng SPSS nhằm đánh giá về mặt định lượng và định tính, đảm bảo độ tin cậy của các kết quả thu được. Các thông số và phép toán thống kê được sử dụng trong nghiên cứu này là phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận.

*Các chỉ số sau được sử dụng trong phân tích thống kê mô tả:* tần suất, điểm trung bình cộng (Mean), độ lệch chuẩn (Std. Deviation);

*Phần phân tích thống kê suy luận sử dụng các phép thống kê:* so sánh giá trị trung bình (Compare means) và phân tích hồi quy.

## **3.3. Tiêu chí đánh giá và thang đánh giá**

### **3.3.1. Tiêu chí đánh giá**

Căn cứ xác định tiêu chí đánh giá:

- + Dựa trên các khái niệm công cụ
- + Dựa trên đặc điểm hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn

Trong luận án này, chúng tôi đánh giá mức độ biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các hoạt động ở trên lớp với các tiêu chí là tính bộc lộ ra bên ngoài của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Các biểu hiện cụ thể của 2 dạng hành vi này đã được trình bày ở Chương 1.

### **3.3.2. Thang đánh giá dành cho trẻ**

#### **3.3.2.1. Cách tính điểm**

- Ở bảng quan sát dành cho quan sát viên

Với mỗi một biểu hiện hành vi hung tính xuất hiện, quan sát viên sẽ đánh dấu vào bảng quan sát đã được thiết kế sẵn. Tần số xuất hiện của các hành vi sẽ được tổng kết và tính điểm theo tiêu chí sau:

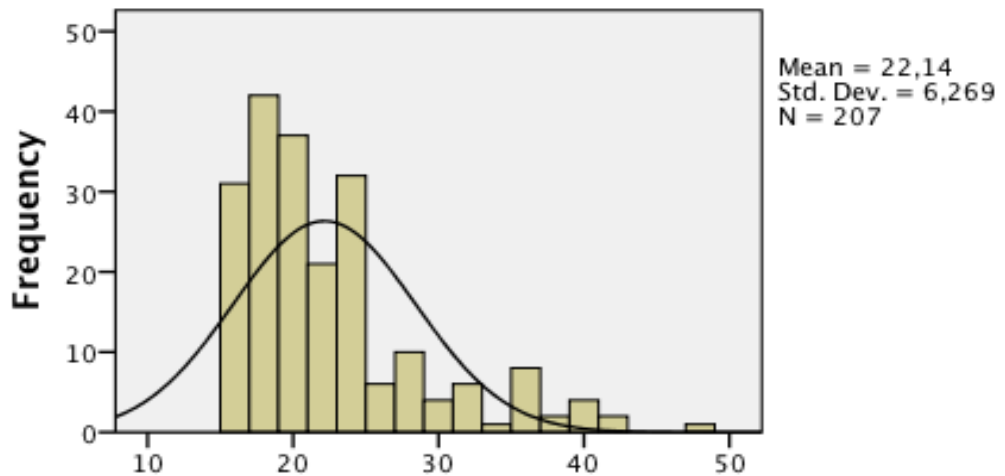
- Hành vi chưa xuất hiện – “Không bao giờ” – 1 điểm
- Hành vi xuất hiện 1 lần trong ngày - “Hiếm khi” – 2 điểm
- Hành vi xuất hiện 2-3 lần trong ngày - “Thỉnh thoảng” – 3 điểm
- Hành vi xuất hiện từ 4 lần trở lên trong ngày - “Thường xuyên” – 4 điểm

Điểm càng cao thì biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn càng rõ

- Tính điểm trung bình cộng của từng nhóm: biểu hiện hành vi hung tính qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ, biểu hiện hành vi hung tính một cách trực tiếp và gián tiếp.

- Tính tổng điểm ở tất cả các biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.





*Biểu đồ 3.1. Phân bố điểm số về biểu hiện hành vi hung tính theo kết quả quan sát trên trẻ của quan sát viên*

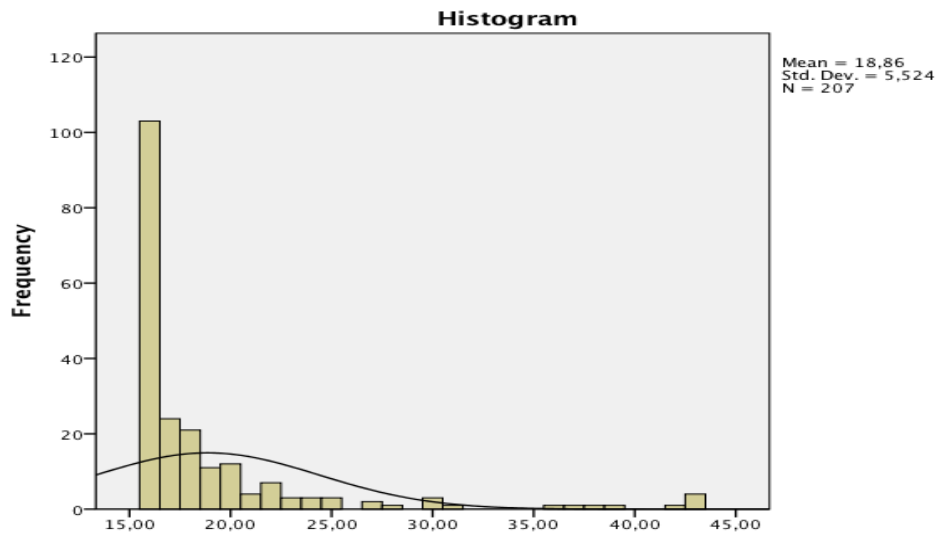
Nhìn vào biểu đồ, sự phân bố điểm số về biểu hiện hành vi hung tính lệch trái, đa số điểm hung tính của trẻ rơi vào khoảng từ 16 đến 25 điểm.

- Ở bảng hỏi dành cho giáo viên, cách tính điểm như sau:

+ Với những câu hỏi mở ở tất cả các phần, chúng tôi không cho điểm mà chỉ tính tần suất và chỉ số %

+ Với bảng kiểm hành vi, có 16 mã hành vi được nhóm thành 4 nhóm: Hung tính qua ngôn ngữ trực tiếp; Hung tính qua ngôn ngữ gián tiếp; hung tính qua hành động trực tiếp; hung tính qua hành động gián tiếp.

Cách tính điểm như sau: Không bao giờ = 1 điểm, Hiếm khi = 2 điểm, Thỉnh thoảng = 3 điểm, Thường xuyên = 4 điểm.



*Biểu đồ 3.2. Phân bố điểm số về biểu hiện hành vi hung tính theo kết quả từ giáo viên*

- Ở bảng hỏi dành cho phụ huynh cách tính điểm như sau:

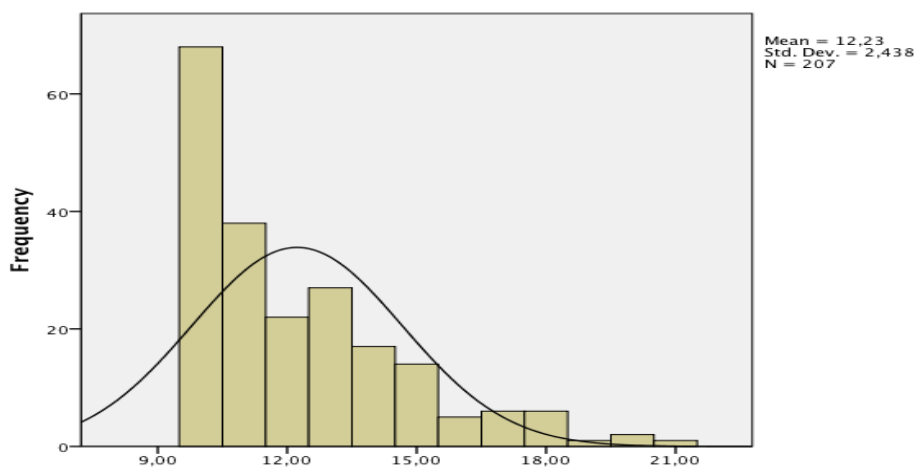
+ Với bảng kiểm hành vi DBC-P:

Hành vi hoàn toàn không có ở trẻ: 1 điểm

Hành vi thỉnh thoảng có ở trẻ: 2 điểm

Hành vi thường xuyên xuất hiện ở trẻ: 3 điểm

Điểm càng cao thì biểu hiện hành vi càng rõ nét.



*Biểu đồ 3.3. Phân bố điểm số về biểu hiện hành vi hung tính theo kết quả quan sát trên trẻ của phụ huynh*

+ Với phiếu trưng cầu ý kiến về chăm sóc và giáo dục con cái:

Hoàn toàn không đồng ý: 1 điểm

Đồng ý một phần: 2 điểm

Hoàn toàn không đồng ý: 3 điểm

### 3.3.2.2. Cách đánh giá và phân loại

- *Đánh giá mức độ biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn*

Trên cơ sở tổng điểm ở tất cả các biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong thang đo, biểu hiện hành vi hung tính của trẻ được đánh giá thành 3 mức:

+ Mức 1: Chưa rõ. Ở mức này, trẻ hiếm khi hoặc chưa bao giờ có những biểu hiện hành vi hung tính.

+ Mức 2: Khá rõ. Ở mức này, trẻ thỉnh thoảng có biểu hiện hành vi hung tính.

+ Mức 3: Rất rõ. Ở mức này, trẻ thường xuyên có những biểu hiện hành vi hung tính.

Về định lượng: việc phân loại các mức biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn được tính theo tứ phân vị. Cụ thể là

Tứ phân vị có 3 giá trị, đó là tứ phân vị thứ nhất (Q1), thứ nhì (Q2), và thứ ba (Q3). Ba giá trị này chia một tập hợp dữ liệu (đã sắp xếp dữ liệu theo trật tự từ bé đến lớn) thành 4 phần có số lượng quan sát đều nhau.

*Tứ phân vị được xác định như sau:*

- Sắp xếp các số theo thứ tự tăng dần
- Cắt dãy số thành 4 phần bằng nhau
- Tứ phân vị là các giá trị tại vị trí cắt

Chúng tôi xác định các mức biểu hiện hành vi hung tính theo tứ phân vị như sau:

*Bảng 3.2. Các nhóm biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn*

<b>Mức biểu hiện hành vi hung tính</b>	<b>Tiêu chí</b>
Mức 1 – Chưa rõ	Từ giá trị tối thiểu đến tứ phân vị thứ nhất (Q1)
Mức 2 – Khá rõ	Từ tứ phân vị thứ nhất (Q1) đến tứ phân vị thứ 3 (Q3)
Mức 3 – Rất rõ	Từ tứ phân vị thứ 3 (Q3) đến giá trị tối đa

Trên cơ sở số liệu thu được, các nhóm biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn có mức điểm cụ thể như sau:

*Bảng 3.2. Các nhóm biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo ba thang đo*

<b>Mức biểu hiện HVHT của trẻ MGL</b>	<b>Bảng quan sát của quan sát viên</b>	<b>Bảng hỏi dành cho GV</b>	<b>Bảng kiểm hành vi dành cho phụ huynh</b>
Mức 1 – Chưa rõ	16 – 18 điểm	16 điểm	10 điểm
Mức 2 – Khá rõ	18 – 24 điểm	17 – 20 điểm	11 – 13,5 điểm
Mức 3 – Rất rõ	24 – 47 điểm	20 – 43 điểm	13,5 – 21 điểm

### **Tiểu kết Chương 3**

Nghiên cứu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn là một đề tài mới và khó, vì vậy để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu theo một quy trình tổ chức chặt chẽ, khoa học và giải quyết các nhiệm vụ đặt ra một cách khách quan đạt được mục đích nghiên cứu của đề tài cần phải sử dụng phối kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu như: phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp chuyên gia, phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp điều tra viết, phương pháp thống kê toán học, phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, đặc biệt phương pháp quan sát được lựa chọn là phương pháp chính sử dụng

nghiên cứu trên khách thể là trẻ mẫu giáo lớn. Các số liệu thu về được xử lý theo phương pháp định tính và định lượng đưa ra những kết quả và kết luận đạt độ tin cậy và có giá trị về mặt khoa học.

**CHƯƠNG 4**

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN VỀ HÀNH VI HUNG TÍNH  
CỦA TRẺ MẪU GIÁO LỚN TRONG CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Khi nghiên cứu về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, luận án đã khảo sát thực tiễn ở trẻ mẫu giáo tại 2 trường, gồm Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2, Trường Mầm non 20/10 của thành phố Đà Nẵng. Chính vì vậy, phân tích kết quả nghiên cứu thực tiễn về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo trong các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là phân tích hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn của 2 trường được khảo sát.

**4.1. Thực trạng mức biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

**4.1.1. Kết quả tổng hợp về mức độ biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

Để tìm hiểu thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, đầu tiên chúng tôi tìm hiểu mức biểu hiện HVHT ở nhóm trẻ được khảo sát. Tổng hợp các khía cạnh biểu hiện HVHT qua kết quả quan sát trên trẻ, kết quả thu được như sau (xem bảng 4.1 và bảng 4, bảng 5, bảng 6 phụ lục 8):

***Bảng 4.1. Mức biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn***

STT	Mức biểu hiện HVHT	Kết quả quan sát		Kết quả từ giáo viên		Kết quả từ phụ huynh	
		Số lượng (N)	Tỷ lệ %	Số lượng (N)	Tỷ lệ %	Số lượng (N)	Tỷ lệ %
1	Chưa rõ	73	35,2	103	49,8	68	32,9
2	Khá rõ	90	43,5	68	32,9	87	42
3	Rất rõ	44	21,3	36	17,4	52	25,1
<b>Tổng</b>		<b>207</b>	<b>100</b>	<b>207</b>	<b>100</b>	<b>207</b>	<b>100</b>

Số liệu từ ở bảng 4.1 cho thấy đa số trẻ mẫu giáo lớn được quan sát trong nghiên cứu này hiếm khi hoặc thỉnh thoảng mới biểu hiện hành vi hung tính (78,7%). Điều này chứng tỏ rằng ở trên lớp, trẻ thỉnh thoảng có những hành vi gây gổ, làm tổn thương đến người khác như đánh nhau, xúc phạm, la hét... Nếu có tức giận hoặc xung đột với bạn, trẻ thuộc nhóm này thường lườm, cắn cẩu một mình hoặc dùng ngôn ngữ để giải quyết xung đột. Kết quả này khá phù hợp với những nhận định của giáo viên về trẻ trong lớp của mình: "*Các bé khá là ngoan, yêu thương nhau, hiếm lắm mới có cháu hay đánh bạn*" (Cô N.T.H.P, Trường Mầm non 20/10), "*mặc dù tuổi các con rất nghịch ngợm, nhưng chủ yếu là trêu đùa, chọc ghẹo chứ đánh nhau thì ít*" (Cô Ô.T.H.P, Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2).

Đáng lưu ý là có 44 (21,3%) trẻ được khảo sát có biểu hiện hành vi hung tính rất rõ. Ở nhóm trẻ này, hành vi hung tính xuất hiện từ 4 lần trở lên trong một ngày ở nhiều tình huống khác nhau. Biểu hiện thường thấy nhiều nhất ở trẻ là "lớn tiếng với bạn khi có mâu thuẫn, xích mích" (ĐTB = 2,91); trẻ dùng trực tiếp những bộ phận cơ thể để gây đau đớn cho người khác (ĐTB = 2,56) và "thường xuyên la hét, quát tháo bạn bè trong lúc chơi đùa (ĐTB = 2,49) (xem mục 7, phần phụ lục). Trẻ khó kiểm soát được cảm xúc tức giận; và nếu xảy ra xích mích, xung đột với bạn, trẻ thường lớn tiếng và sử dụng những vật bất kỳ như đồ chơi, ly uống nước, thước... hoặc sử dụng các bộ phận cơ thể như răng, tay, đầu... để gây đau đớn, thương tích cho bạn khác.

Có mối tương quan thuận giữa mức độ hành vi hung tính của nhóm trẻ này với tính ghen tị ( $r = 0.475, p < 0.01$ ), Như vậy có thể thấy trẻ càng ghen tị thì mức độ biểu hiện hung tính ở trẻ càng cao.

Mặc dù nhóm trẻ thường xuyên có biểu hiện hành vi hung tính không nhiều, nhưng những trẻ này vẫn cần được đặc biệt chú ý, bởi các hành vi của trẻ có thể gây ra những ảnh hưởng không tốt đến các trẻ xung quanh.

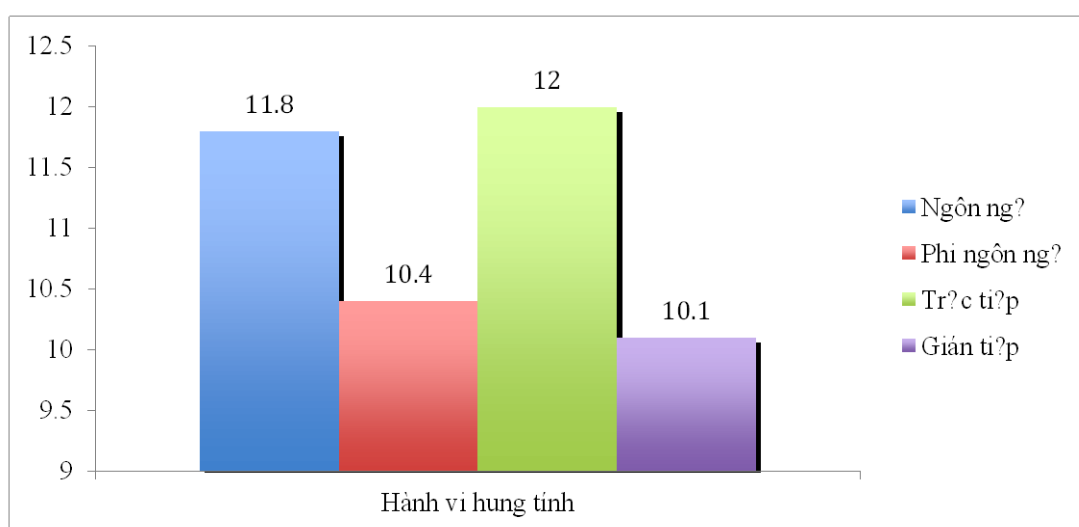
Những nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, hành vi hung tính ở thời thơ ấu có thể là nguy cơ dẫn đến hành vi bạo lực sau này, gây ảnh hưởng đến các mối quan hệ xã hội của trẻ ở độ tuổi lớn hơn. Có gần 1/3 trẻ 5 tuổi hung tính vẫn còn hung hăng ở tuổi 14 (Shaw, Gilliom & Giovanelli, 2000; Richman, Stevenson & Graham, 1982; Bor, Najman, O'Callaghan, Williams & Anstey, 2001), khoảng 50% trẻ mẫu giáo hung tính sẽ tiếp diễn các hành vi này ở tuổi thanh thiếu niên và một số lượng đáng kể những trẻ này sẽ có cách hành vi chống đối xã hội ở tuổi trưởng thành (Campbell, 1995) [52] [56] [57] [58][98] Nói cách khác, đây là một dự báo quan trọng cho sự phát triển nhân cách của đứa trẻ trong tương lai. Do vậy chúng tôi cho rằng dù trẻ có HVHT ở mức độ nào thì cũng cần được quan tâm và có những biện pháp can thiệp kịp thời.

Chúng tôi nhận thấy có mối tương quan thuận khi so sánh kết quả nghiên cứu về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn ở trên lớp với biểu hiện HVHT của trẻ ở nhà qua báo cáo của phụ huynh dựa trên kết quả thu được từ Bảng kiểm hành vi DBC-P ( $r = 0.287, p=0.000$ ) (xem bảng 7 - phụ lục 8), tuy nhiên mối tương quan này không phải là mối tương quan chặt chẽ. Chị Đ.K.K.P, phụ huynh cháu H.L cho biết: *“Ở nhà cháu cũng hung lắm, hay đánh em. Nếu anh (H.L) đang chơi với bạn mà em đòi chơi cùng là xô em ra, la em, đôi khi vút luôn đồ chơi không cho em chơi nữa. Hai anh em cũng suốt ngày gây nhau vì giành nhau điện thoại hoặc ti vi. Nếu mẹ bệnh em là anh vùng vằng, xô cửa, hét lên với mẹ”*. *“Cháu hay đánh nhau với các bạn trong xóm, đặc biệt hay cắn bạn. Có lần cháu cắn vào má bạn đến sưng mủ phải uống kháng sinh mấy ngày”* (Chị D.T.T.H, phụ huynh cháu T.H). Như vậy, có thể thấy trẻ không chỉ biểu hiện sự hung tính của mình ở trên lớp mà còn bộc lộ nó trong thời gian ở nhà như la hét, chửi mắng, dễ bị kích động, cắn, dậm chân, đập cửa, cẩu kính, đập đánh người khác, gào thét, ném hoặc đập vỡ đồ đạc, cố tình trêu chọc hoặc khiêu khích người khác.



Kết quả thu được từ bảng quan sát và kết quả thu được từ giáo viên có mối tương quan chặt chẽ với nhau ( $r = 0,699$ ;  $p = 0,000$ ) (xem bảng 8 – phụ lục 8). Tuy nhiên, nhìn vào số liệu có thể thấy theo đánh giá của giáo viên, số trẻ biểu hiện rõ hành vi hung tính nhiều hơn so với kết quả chúng tôi quan sát được.

Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn được biểu hiện thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp (xem biểu đồ 4.1 và bảng 9 – phụ lục 8):



*Biểu đồ 4.1. Các khía cạnh biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn (Số liệu từ bản quan sát của nhà nghiên cứu)*

Quan sát các hoạt động trên lớp của trẻ cho thấy hành vi hung tính của trẻ MGL được *biểu hiện rõ nét qua hành vi ngôn ngữ* (ĐTB = 11.8). Trẻ có xu hướng sử dụng lời nói mang tính xúc phạm, công kích cùng ngữ điệu, âm lượng lớn kèm với thái độ hằn học, những cử chỉ vùng vằng... mỗi khi tức giận, khó chịu, không hài lòng... với bạn bè và những người xung quanh. Khi được hỏi về các hình thức gây hấn của trẻ, các cô giáo mầm non nhận định rằng “*ở lớp, các con được dạy cách giải quyết xung đột với bạn khác bằng lời nói hoặc lên thưa cô, nên trẻ ít khi đánh bạn*”, “*Trong lớp tôi, nếu có tức giận với bạn thì các con hay la hét, quát to tiếng, chỉ có một vài trường hợp cá biệt*

*trong lớp là uýnh bạn, có khi còn uýnh đến mức bạn phát khóc, làm phụ huynh lên tận nơi phản ánh” (Cô N.T.T.D, Trường Mầm non 20/10).*

Một số nghiên cứu đi trước cũng đã chứng minh điều này. Tác giả Đinh Thị Kim Thoa khi nghiên cứu xung đột tâm lý của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi đã chỉ ra 5 hình thức xung đột cơ bản gồm ẩu đả, áp lực tâm lý, ra lệnh, yêu sách và lý lẽ; trong đó hình thức “lập luận, lý lẽ” có tỉ lệ phần trăm cao nhất. Đa số trẻ biểu hiện xung đột dưới hình thức này, vì giải quyết xung đột khi vui chơi phải bằng “trí tuệ” chứ không phải bằng “sức lực” [35]. Ở độ tuổi mẫu giáo lớn, trẻ đã có thể kiềm chế được những cảm xúc quá mạnh hoặc những xúc cảm bột phát của bản thân. Bên cạnh đó, trẻ đã sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ trong sinh hoạt hằng ngày. Do đó, trẻ biết thông báo cho người khác biết thái độ tức giận của mình về một điều gì đó bằng lời nói, ngữ điệu ... [16]. Việc trẻ bộc lộ hành vi hung tính thông qua ngôn ngữ sẽ làm giảm tính chất nguy hiểm của hành vi này đến những người xung quanh.

*Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn chủ yếu biểu hiện một cách trực tiếp (ĐTB = 12).* Trong những tình huống xung đột, đa số trẻ thường có những phản ứng trực tiếp với đối tượng gây nên cho trẻ sự tức giận (cắn, đánh, giật tóc, dùng bút đâm bạn...). Bên cạnh đó, một số trẻ chuyển sự giận dữ của mình vào những đồ vật xung quanh như bàn ghế, đồ dùng học tập, đồ chơi... hoặc tức giận với bạn này nhưng lại có những hành vi gây tổn thương đến bạn khác. Ở độ tuổi mẫu giáo trẻ dễ bị xúc cảm, sự bộc lộ xúc cảm của trẻ đối với những người xung quanh rất rõ ràng. Vì vậy, khi trẻ tức giận hoặc không hài lòng với ai, trẻ thường có những HVHT hướng trực tiếp vào người đó.

Trong nhóm trẻ MGL được khảo sát, có đến 89,9% trẻ có bố hoặc mẹ hoặc cả bố và mẹ là người Quảng Nam – Đà Nẵng. Các nghiên cứu về văn hoá, nhân học đã chỉ ra những nét đặc trưng trong tính cách của người dân nơi đây. Theo tác giả Lê Minh Quốc, khi giao tiếp với người khác, người Quảng

Nam – Đà Nẵng luôn thể hiện sự thẳng thắn, đi thẳng vào vấn đề, bộc trực, không che đậy, giấu diếm, nghĩ gì nói vậy, hay lý lẽ, “hay cãi”, “hay nóng nảy và quát mắng những người bên cạnh nhưng xong rồi lại thôi, không để trong đầu” [28]. Có lẽ vì thế mà sự bộc lộ hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn một cách trực tiếp càng rõ nét.

#### 4.1.1.1. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi ngôn ngữ

Như đã phân tích ở trên, hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn được bộc lộ qua hành vi ngôn ngữ một cách rõ nét. Trẻ dùng những lời nói với cách phát âm và ngữ điệu để thể hiện sự hung tính của mình.

*Bảng 4.2. Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn biểu hiện qua ngôn ngữ  
(Số liệu từ bản quan sát của nhà nghiên cứu)*

<b>Hành vi</b>		<b>ĐTB</b>	<b>ĐLC</b>
<b><i>Hành vi ngôn ngữ trực tiếp</i></b>		<b>5.24</b>	<b>1.62</b>
	Trẻ cãi lại cô giáo khi không hài lòng	1.34	0.67
	Trẻ nói hỗn với bạn bè khi bực tức	1.36	0.67
	Trẻ lớn tiếng với bạn khi có mâu thuẫn, xích mích với bạn đó	1.99	0.92
	Trẻ la hét, quát tháo bạn bè trong lúc chơi đùa	1.85	0.95
<b><i>Hành vi ngôn ngữ gián tiếp</i></b>		<b>6.54</b>	<b>2.41</b>
	Khi không hài lòng chuyện gì đó trẻ lườm, cáu gắt một mình	1.57	0.76
	Trẻ giận bạn này nhưng lại nói tục với bạn khác	1.17	0.48
	Khi giận dữ bạn bè, trẻ mắng chửi đồ vật xung quanh	1.16	0.46
	Trong những cuộc xích mích, trẻ có những lời nói khiêu khích bạn bè xung quanh	1.33	0.66

Kết quả trên cho thấy trẻ mẫu giáo lớn thường có các biểu hiện hành vi hung tính “lớn tiếng với bạn khi có mâu thuẫn”, “la hét, quát tháo bạn bè trong lúc chơi đùa”, “lườm, cáu gắt một mình” đều ở mức khá rõ (ĐTB = 1,99; 1,85 và 1,57 điểm).

Quá trình quan sát trẻ trên lớp, chúng tôi nhận thấy trong lúc chơi đùa, một số trẻ quát tháo bạn khác khi bị tranh đồ chơi, trêu chọc xô đẩy hoặc bị bạn phân cho vai chơi không mong muốn. Trẻ thường nói rất to, át giọng của

bạn, có khi la hét bạn đến lạc giọng với những câu như “Ê im đi nghe, ta uýnh chừ”, “xích ra đi”, “bị khùng hả”, “đồ bà điên ni”, “đồ thân kinh”, “đồ ngu”, “ai cho ông đụng vô đồ của tui? Tui oánh chừ á”, “im đi”, “ai mà thèm”, “uýnh cho bể mặt giờ”, ... kèm với thái độ giận dữ, hậm hực.

*Trong giờ chơi tự do buổi chiều, các bé trai chơi trò đánh nhau với kẻ xấu. T.H (bé trai, trường HT2, lớp Lớn 1) phản đối khi các bạn phân cho bé vai kẻ xấu. Bé hét lên với bạn “Hôm bữa người ta làm người xấu rồi, nay phải được làm siêu nhân chớ”. Các bạn không đồng ý, T.H quát “đồ xấu xa, ai mà thèm, không thèm chơi với mấy người nữa. Về méc anh hai uýnh cho mấy người toi bời luôn” rồi vùng vằng bỏ ra ngoài. Khi được hỏi “sao con thích đóng vai siêu nhân mà không thích đóng vai kẻ xấu”, T.H trả lời: “Đóng vai kẻ xấu bị uýnh thua hoài, vai siêu nhân sướng hơn, được uýnh kẻ xấu cho thua toi tả”. Như vậy, có thể nhận thấy, những lời nói của trẻ trong trường hợp này (đồ xấu xa, ai mà thèm, ...) đã thể hiện tính hung hăng, bất cần khi không đạt được mục đích cá nhân (được làm siêu nhân).*

Có một số trẻ khi tức giận, không hài lòng thì bỏ ra khỏi nhóm chơi, lù lù một mình ở góc lớp với thái độ cáu kỉnh. Một số trẻ khác mắng bạn bè xung quanh mặc dù các bạn đó không phải là những người gây xích mích với trẻ.

*Ở góc xây dựng, H.B (bé trai) và B.L (bé trai) tranh nhau chiếc xe cần cẩu. H.B giật mạnh chiếc xe, cầm xe đánh vào tay B.L làm B.L khóc. H.M chạy từ góc nghệ thuật sang hỏi “ê chi rứa, chi rứa?”, H.B trợn mắt lên quát H.M “cút đi”, sau đó quát các bạn trong góc xây dựng: “tránh ra” rồi đặt mạnh xe cẩu xuống chơi (quan sát tại trường HT2, lớp Lớn 3).*

Một số ít trẻ khi không hài lòng với cô giáo liền có phản ứng cãi lại, chống đối. Trẻ thường dọa cô: “*Con méc ba con đánh cô luôn*” hoặc hét lên với cô giáo: “*không*”, “*không muốn*”, thậm chí là “*cô chết đi*”. Hồ sơ quan sát sau là một ví dụ:

*Trong giờ học aerobic, bé H.N (bé gái) tập không nghiêm túc. Cô giáo đến nhắc nhở, bé trợn mắt, vung tay định đánh lại cô. Khi cô giáo cầm tay bé để đưa ra ngoài thì H.N hất tay cô giáo ra, la lớn “No, stop, không thích tập, đã nói là không thích tập mà, cô bị khùng” (quan sát tại trường MN 20/10, lớp Lớn 2).*

Chúng tôi nhận thấy khi hung tính, những lời nói của trẻ với bạn bè và cô giáo thường rất cộc lốc, trống không, ít khi có chủ ngữ. Khi tức giận với bạn, trẻ chuyển từ xưng mình là “bạn” sang “tui” hoặc “ta” và chuyển cách gọi bạn bè từ “bạn” thành “mi”, “con”, “thằng”, “đồ khùng”, “đồ bà điên”... Trẻ nói với âm lượng lớn hoặc gằn giọng cùng với đó là thở nhanh, đậm hoặc vung tay chân mạnh, chỉ tay vào mặt người đối diện. Mặt khác, mức độ hung hăng càng lớn thì ngôn ngữ biểu hiện có mức tăng tiến theo âm bản.

#### *4.1.1.2. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi phi ngôn ngữ*

Hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn còn được thể hiện qua hành vi phi ngôn ngữ. Trong luận án này, chúng tôi xác định các hành vi phi ngôn ngữ thể hiện sự hung tính của trẻ bao gồm các cử chỉ, hành động nhằm tấn công hoặc gây tổn thương cho bạn bè, cô giáo của trẻ. Những hành động này có thể hướng trực tiếp vào chính đối tượng gây cho trẻ sự hung tính hoặc hướng vào những đối tượng xung quanh

Bảng 4.3. Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn biểu hiện qua hành vi phi ngôn ngữ (số liệu từ bản quan sát của nhà nghiên cứu)

Hành vi		ĐTB	ĐLC
<b>Hành vi phi ngôn ngữ trực tiếp</b>		<b>4.90</b>	<b>1,52</b>
	Trẻ sử dụng vật dụng bất kỳ (đồ chơi, ghế...) để đánh người khác.	1.29	0.63
	Trẻ sử dụng bộ phận cơ thể (tay, chân, đầu, răng...) gây đau đớn cho người khác (đánh bạn, kéo tóc bạn, cắn bạn...)	1.69	0.84
	Khi thấy các bạn đánh nhau trẻ thích thú đứng xem và xông vào đánh cùng	1.27	0.55
	Trẻ bị kích động khi bạn giật đồ chơi (vòng vàng, dầm chân, trợn mắt... với bạn)	1.23	0.55
<b>Hành vi phi ngôn ngữ gián tiếp</b>		<b>5.47</b>	<b>1,99</b>
	Trẻ xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác	1.37	0.66
	Khi bức tức trẻ thường hậm hực và có hành vi mạnh với đồ vật xung quanh (ném đồ chơi, dẫm đạp đồ vật...)	1.19	0.49
	Khi nổi giận với ai trẻ thường đập phá đồ đạc của họ	1.13	0.41
	Khi nổi giận, trẻ có hành vi ăn vạ (nằm lăn xuống đất, dẫm đánh vào bản thân...)	1.22	0.58

Kết quả bảng 4.3 cho thấy, trẻ mẫu giáo lớn có những biểu hiện hành vi hung tính như “*Sử dụng các bộ phận cơ thể gây đau đớn cho người khác*” (ĐTB =1.69), “*Trẻ xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác*” (ĐTB = 1.37), “*Trẻ sử dụng đồ vật bất kỳ để đánh bạn*” (ĐTB = 1.29).

Phân tích dưới đây giúp hiểu rõ hơn những hành vi phi ngôn ngữ thể hiện sự hung tính của trẻ MGL:

Hành vi hung tính biểu hiện rõ nhất là “trẻ sử dụng các bộ phận cơ thể gây đau đớn cho người khác”. Trẻ dùng tay đánh, dẫm, cắn, véo, giật tóc, túm áo, cào, xô đẩy bạn ngã; dùng miệng cắn, phun nước bọt; dùng chân đá, đạp vào người bạn; dùng đầu húc bạn; dùng cả người huých, đẩy bạn bị ngã...

*Trong giờ chơi tự do buổi chiều trước khi bố mẹ đến đón trẻ về, bé M.H (trường MN 20/10, lớp Lớn 4) chạy đến giật đồ chơi xếp hình của D.L đang cầm trên tay. D.L giật lại, M.H phun nước bọt vào D.L, sau đó tiếp tục phun nước bọt ra tay rồi xoa vào mặt D.L. Khi cô giáo đến can thiệp, M.H nói với cô “con muốn đi vệ sinh”. M.H vừa đi vừa lảm bảm “đ. má”, khi vào nhà vệ sinh, M.H huých vào một bạn đang từ nhà vệ sinh đi ra.*

Trẻ còn “sử dụng những vật dụng bất kỳ để tấn công, đánh người khác”. Trẻ dùng bút chì đâm bạn, dùng ly uống nước đập vào đầu bạn, dùng đồ chơi đánh hoặc ném mạnh vào người bạn, đẩy giường ngủ hoặc ghé mạnh làm bạn bị đau. Có trẻ còn dùng đồ chơi đánh cô giáo “*bầm tay mấy tuần mới hết*” (cô N.T.H.H, Trường Mầm non 20/10).

*Trong giờ tập tô (trường MN 20/10, lớp Lớn 1), H.L và T.T ngồi cạnh nhau, H.L tô vào vở của T.T. Hai bé cự cãi với nhau, giật vở qua lại, sau đó H.L dùng bút chì đâm vào tay T.T, làm T.T khóc.*

Một số trẻ khi tức giận, không hài lòng lại hướng sự hung tính của mình đến những người hoặc vật xung quanh. Khi trẻ bực tức, nếu có bạn nào đứng gần trẻ sẽ đánh ngay bạn đó kèm theo những lời dọa dẫm. Một số trẻ khác dùng chân, tay đá hoặc đấm mạnh vào tường, cửa hoặc đồ vật; ném hoặc quăng mạnh đồ vật xuống đất, dẫm đạp lên đồ vật. Hành vi “*ăn vạ, nằm lăn xuống đất*” ít xuất hiện ở trên lớp.

Những hành vi này xảy ra rất nhanh, gần như trẻ có phản ứng ngay lập tức khi gặp tình huống gây tức giận, khó chịu. Điều này làm cho giáo viên khó can thiệp kịp thời, khiến trẻ khác bị đau, bị tổn thương và làm cho lớp học lộn xộn.

Qua quá trình quan sát trẻ trên lớp, chúng tôi thấy rằng ở bất cứ hoạt động nào trẻ cũng có thể xuất hiện HVHT, từ giờ học đến chơi tự do, hoạt

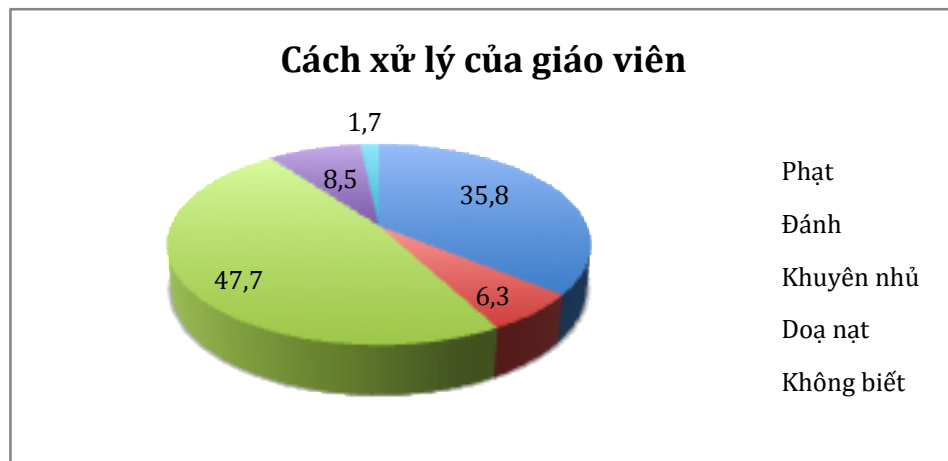
động góc, hoạt động ngoài trời, giờ ăn, trước giờ đi ngủ, khi đánh răng... Tuy nhiên, ở những hoạt động ít có sự kiểm soát của cô giáo (hoạt động góc, trước giờ ăn, hoạt động ngoài trời...) hoặc khi cô giáo không để ý thì HVHT của trẻ xuất hiện nhiều hơn (chiếm tỷ lệ 68,3%): “*không có cô là tụi nhỏ lộng hành liền*” (cô Ô.T.H.P, Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2), “*Nếu có cô nhìn thì ngồi im, cô quay đi một phút là ì xèo với nhau*” (cô N.T.H.H, Trường Mầm non 20/10).

Các tình huống dẫn đến những phản ứng hung tính của trẻ cũng khá đa dạng: trẻ tranh giành với nhau (tranh nhau đồ chơi và vai chơi, đồ dùng học tập, tranh nhau đi vệ sinh trước, tranh ghế, tranh giường trước khi đi ngủ, tranh nhau làm để được cô giáo khen ngoan...), trẻ bị bạn bè trêu chọc (bị chê là trẻ con, bị chê là con gái, bị chê khi ị đùn...), trẻ bị bạn làm cho phật ý (bạn xếp gối nhầm, bạn đứng nhầm chỗ của mình, bạn giật tóc, bạn lấy ghế, bạn lấy đồ của mình...), trẻ muốn gây chú ý với người khác, trẻ bị cô giáo nhắc nhở, trẻ không hài lòng với cô giáo (cô xử lý không đúng ý của trẻ, trẻ cho rằng cô không công bằng...). Thậm chí một số trẻ đánh bạn kể cả khi không có nguyên nhân rõ ràng.

*Trong lúc các bạn viết bài, B.T đứng dậy tiến tới cửa lớp và úp mặt vào tường. Khi cô giáo đến hỏi chuyện và bảo bé về chỗ thì bé không trả lời mà chỉ lảm bảm gì đó rất nhỏ. Các bạn trong lớp nói to lên “Cô ơi B.T ị trong quần” và cười đùa, trêu chọc bé. Cô giáo đến kiểm tra, cầm tay B.T đi vào nhà vệ sinh. B.T đẩy cô giáo, quay lại la lớn “im đi” cùng những tiếng la hét nghe không rõ nghĩa. Cô giáo càng khuyên bảo, B.T càng vùng vằng và la hét lớn hơn (quan sát tại trường MN 20/10, lớp Lớn 5)..*

Qua quan sát, trước những hành vi hung tính của trẻ, chúng tôi liệt kê được những cách ứng xử của giáo viên như sau:





*Biểu đồ 4.2. Cách xử lý của giáo viên khi trẻ có hành vi hung tính*

Cách xử lý được các cô giáo dùng nhiều nhất mỗi khi trẻ có biểu hiện HVHT là khuyên nhủ (47,7%). Cô giáo thường giảng giải, chỉ cho trẻ thấy những hậu quả của hành vi và khuyên trẻ không nên tái diễn. Biện pháp “phạt” cũng được áp dụng với những trẻ hung tính. Cô giáo thường phạt trẻ đứng bên cạnh cô, vòng tay lại, phạt đứng góc lớp, phạt đứng lên không cho ăn, vẽ một vòng tròn và yêu cầu trẻ đứng yên trong vòng tròn đó không được ra ngoài... Ngoài ra, cô còn “hù” trẻ: “nếu còn đánh bạn lần sau cô sẽ đánh đòn”, “cô không cho phiếu bé ngoan”, “cô nhốt vào nhà vệ sinh”, “cô không cho về sớm”... Thỉnh thoảng cô giáo có đánh trẻ vào tay hoặc véo tai khi trẻ gây rối.

*Trong giờ học vẽ (trường MN 20/10., lớp Lớn 1), bé H.L và N.A tranh nhau khay đựng sáp màu. Hai bé cùng giật khay về phía mình, H.L lấy tay xô N.A ngã, N.A nhặt sáp màu rơi dưới nền nhà ném vào H.L, 2 bé cùng khóc. Cô N.T.H.H đi đến, hỏi nguyên nhân, chờ 2 bé giải thích xong cô khuyên bảo, cho các bé xin lỗi nhau và bắt tay làm hoà.*

Kết quả quan sát này khá phù hợp với kết quả thu được từ phiếu trưng cầu ý kiến dành cho giáo viên. Đa số các cô giáo đều lựa chọn hình thức khuyên bảo (chiếm 63,6%) hoặc có những hình phạt thích hợp (chiếm 27,3%) cho trẻ khi trẻ có HVHT. Ít giáo viên lựa chọn cách đánh trẻ (chiếm 9,1%).

Kết quả thu được từ phỏng vấn sâu cũng cho thấy điều này: “*trước đây mình cũng có đánh trẻ đôi lần, vì nhiều khi trẻ đánh nhau, gây rối rất bực. Nhưng sau mình nghĩ đánh nhiều trẻ sẽ lì đòn, lại còn bị phụ huynh phản ánh nên mỗi khi trẻ hư mình thường khuyên bảo, chỉ cho các con thấy hành vi sai trái của mình*” (Cô P.T.T, Trường Mầm non 20/10), “*thường mình sẽ khuyên bảo hoặc phạt các con đứng khoanh tay, đứng vào góc lớp mỗi khi trẻ gây lộn*” (Cô N.T.B.T, Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2), “*chị có đọc sách và thấy càng phạt, càng đánh trẻ lại càng hung hơn, nên với những trẻ hay chọc ghẹo, gây bạn chị sẽ chỉ cho các con thấy điều đó có nên không, sau đó động viên và khuyên trẻ không làm như vậy nữa*” (Cô N.T.H.H, Trường Mẫu giáo Hoà Tiến 2). Bên cạnh đó, một số cô giáo còn trao đổi với phụ huynh về những biểu hiện hung tính của trẻ ở trên lớp để giúp phụ huynh nắm rõ tình hình của trẻ và cùng phối hợp với cô để giáo dục trẻ có những hành vi đúng chuẩn mực.

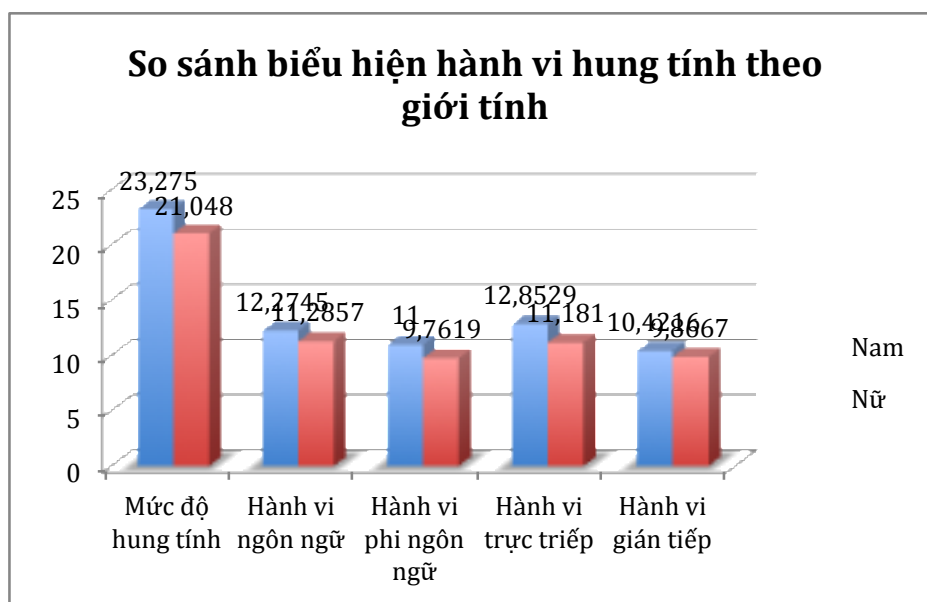
*Buổi chiều, phụ huynh bé K.T (bé trai) đến đón con đã phản ánh với cô P.T.T về việc bé T.K thường xuyên bắt nạt con trai mình như đánh, càu, véo... khiến bé K.T rất sợ hãi. Sau khi nghe phản ánh, cô giáo đã để cho phụ huynh đó nói chuyện với bé T.K về việc không được bắt nạt bạn K.T nữa. Khi mẹ bé T.K đến đón, cô giáo cũng trao đổi lại vấn đề này với mẹ bé (quan sát tại trường HT2 lớp Lớn 4).*

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng cách cư xử của giáo viên, mối quan hệ của giáo viên với trẻ có ảnh hưởng rõ rệt đến biểu hiện HVHT (Crick, 1996; Poraj G, 2005; Kmieciak-Baran K, 2000, Malesińska M và cộng sự, 2015) [59][80][84]. Kết quả trên cho thấy, đa số giáo viên được khảo sát đã có những cách ứng xử thích hợp, gây ảnh hưởng tích cực đến trẻ; từ đó có thể giúp trẻ giảm thiểu HVHT của mình.

## 4.1.2. So sánh hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo các biến số

### 4.1.2.1. So sánh theo giới tính

Tiến hành kiểm định giả thuyết giá trị trung bình theo phép thống kê Independent Sample T-Test, kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt về biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn giữa hai nhóm tổng thể bé trai và bé gái. Nhìn chung, các bé trai có mức độ biểu hiện HVHT cao hơn các bé gái (ĐTB = 23.28 so với ĐTB = 21.05, với  $p = .033...$ ), sự biểu hiện hung tính bằng hành vi phi ngôn ngữ rõ nét hơn so với bé gái (ĐTB = 11 so với ĐTB = 9.76,  $p = 0.000$ ), biểu hiện một cách gián tiếp rõ hơn so với bé gái (ĐTB = 10,4 so với ĐTB = 9,87, với mức ý nghĩa  $p = 0.001$ ). Những sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0.05$  (xem biểu đồ 4.3, bảng 15, bảng 16 phụ lục 8).



Biểu đồ 4.3. So sánh biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo giới tính

Trên thực tế, theo những quan sát trực tiếp của chúng tôi, bé trai có biểu hiện HVHT với tần suất nhiều hơn, mức độ cao hơn. Trong các hoạt động ở trường, các bé trai dễ xung đột và có những hành vi gây hấn với các bạn xung quanh, đặc biệt là giữa các bé trai với nhau.

Có thể thấy, nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định sự khác biệt này: các bé trai có xu hướng bạo lực hơn, thường xô đẩy, đánh nhau nhiều hơn các bé gái. Các bé gái thì thể hiện sự hung tính của mình kín đáo hơn, thường thể hiện một cách gián tiếp và bằng ngôn ngữ, chọn cách thoả thuận lịch sự khi có tranh chấp chứ không dùng cách đòi hỏi quyết liệt hoặc dùng vũ lực (Maccoby và Jacklin, 1974; Ostrov, Jamie, Keating, Caroline, 2004) [83][91]; hung tính bằng thể chất hầu như là đặc trưng của các bé trai, hung tính bằng cách làm tổn hại các mối quan hệ là đặc trưng của bé gái (Crick và cộng sự, 1996; Jansen và Pidada, 2002) [59] [72].

*Trong giờ ăn, bé T.K đánh bạn Q.T. Cô giáo hỏi: “Sao con lại đánh bạn?”, bé trả lời: “Bạn nói con trẻ con”. Cô giáo nói: “Đó là bạn đang khen con dễ thương đó”. Bé trả lời: “Nhưng con không thích dễ thương”. Cô giáo hỏi: “Thế con thích mình như thế nào?”, bé trả lời: “Con thích mạnh mẽ” (quan sát tại trường 20/10 lớp Lớn 4)*

Về biểu hiện hành vi hung tính thông qua ngôn ngữ, khi xem xét những biểu hiện cụ thể của trẻ mẫu giáo lớn ở trên lớp, chúng tôi thấy: khi hung tính, bé trai thường “nói hõn với bạn bè” nhiều hơn bé gái (ĐTB = 1.47 so với ĐTB = 1.26, với mức ý nghĩa  $p = 0.00$ ); bé trai hướng sự tức giận của mình đến những người xung quanh ở mức thường xuyên hơn các bé gái (ĐTB = 1.21 so với ĐTB = 1.13, với  $p = 0.03$ ). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0.05$  (xem bảng 4.4 và bảng 17 - phụ lục 8).

Bảng 4.4. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi ngôn ngữ so sánh theo giới tính

Biểu hiện hành vi ngôn ngữ	Nam (N=102)		Nữ (N=105)		p
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Trẻ cãi lại cô giáo khi không hài lòng	1.37	0.71	1.31	0.63	0.15
Trẻ nói hỗn với bạn bè khi bức tức	<b>1.47</b>	<b>0.75</b>	<b>1.26</b>	<b>0.56</b>	<b>0.00</b> *
Trẻ lớn tiếng với bạn khi có mâu thuẫn, xích mích với bạn đó	2.14	0.89	1.84	0.93	0.51
Trẻ la hét, quát tháo bạn bè trong lúc chơi đùa	1.98	0.97	1.71	0.91	0.86
Khi không hài lòng chuyện gì đó trẻ lau bầu, cảm cẩu một mình	1.55	0.75	1.59	0.76	0.42
Trẻ giận bạn này nhưng lại nói tục với bạn khác	<b>1.21</b>	<b>0.53</b>	<b>1.13</b>	<b>0.41</b>	<b>0.03</b> *
Khi giận dữ bạn bè, trẻ mắng chửi đồ vật xung quanh	1.18	0.47	1.15	0.45	0.46
Trong những cuộc xích mích, trẻ có những lời nói khiêu khích bạn bè xung quanh	1.38	0.67	1.29	0.64	0.09

\*  $p < 0.05$

Qua quá trình quan sát, chúng tôi nhận thấy bé trai thường hay nói tục, sử dụng các từ mang tính xúc phạm để giao tiếp với bạn bè khi tức giận. Trẻ có thể gọi bạn mình là “đồ điên”, “đồ bà điên”; văng tục với bạn: “mi ăn c\*t không?”... Các bé gái ít có biểu hiện này. Các bé trai cũng thường khó kiểm soát sự tức giận của mình, thường gây lộn bằng lời nói với cả những người không liên quan mỗi khi tức giận.

Về biểu hiện hành vi hung tính qua hành vi phi ngôn ngữ, kết quả thu được như sau:

Bảng 4.5. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi phi ngôn ngữ theo giới tính

Biểu hiện hành vi phi ngôn ngữ	Nam (N=102)		Nữ (N=105)		p
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Trẻ sử dụng vật dụng bất kỳ (đồ chơi, ghế...) để đánh bạn	<b>1.41</b>	<b>0.76</b>	<b>1.16</b>	<b>0.44</b>	<b>0.000*</b>
Trẻ sử dụng bộ phận cơ thể (tay, chân, đầu, răng...) gây đau đớn cho người khác (đánh bạn, kéo tóc bạn, cắn bạn...)	1.85	0.86	1.53	0.78	0.338
Khi thấy các bạn đánh nhau trẻ thích thú đứng xem và xông vào đánh cùng	<b>1.36</b>	<b>0.65</b>	<b>1.17</b>	<b>0.40</b>	<b>0.000*</b>
Trẻ bị kích động khi bạn giật đồ chơi (vùng vằng, dẫm chân, trợn mắt... với bạn)	1.26	0.56	1.19	0.53	0.105
Trẻ xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác	<b>1.44</b>	<b>0.75</b>	<b>1.30</b>	<b>0.55</b>	<b>0.000*</b>
Khi bức tức trẻ thường hậm hực và có hành vi mạnh với đồ vật xung quanh (ném đồ chơi, dẫm đạp đồ vật...)	<b>1.25</b>	<b>0.57</b>	<b>1.13</b>	<b>0.39</b>	<b>0.001*</b>
Khi nổi giận với ai trẻ thường đập phá đồ đạc của họ	<b>1.16</b>	<b>0.46</b>	<b>1.10</b>	<b>0.35</b>	<b>0.033*</b>
Khi nổi giận, trẻ có hành vi ăn vạ (nằm lăn xuống đất, dẫm đánh vào bản thân...)	<b>1.26</b>	<b>0.62</b>	<b>1.18</b>	<b>0.53</b>	<b>0.042*</b>

\*  $p < 0.05$

Sự khác biệt rõ nét trong cách biểu hiện HVHT giữa bé trai và bé gái ở các hành vi sau: “trẻ sử dụng đồ vật bất kì để đánh bạn” (ĐTB = 1.41 so với ĐTB = 1.16,  $p = 0.000$ ); “khi thấy bạn đánh nhau trẻ thích thú đứng xem và xông vào đánh cùng” (ĐTB = 1.36 so với ĐTB = 1.17,  $p = 0.000$ ); “trẻ xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác” (ĐTB = 1.44 so với ĐTB = 1.30,

$p = 0.000$ ); “*khi bực tức trẻ thường hậm hực và có hành vi mạnh với đồ vật xung quanh*” (ĐTB = 1.25 so với ĐTB = 1.13,  $p = 0.001$ ); “*Khi nổi giận với ai trẻ thường đập phá đồ đạc của họ*” (ĐTB = 1.16 so với ĐTB = 1.10,  $p = 0.033$ ); “*Khi nổi giận, trẻ có hành vi ăn vạ*” (ĐTB = 1.26 so với ĐTB = 1.18,  $p = 0.042$ ). Những sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0.05$ . Như vậy, có thể thấy các bé trai sẵn sàng hành động nhiều hơn, thường hay tò mò, bao đồng chuyện của người khác và khó kiểm soát được cảm xúc, hành vi của mình.

Tóm lại, có sự khác biệt trong biểu hiện HVHT giữa bé trai và bé gái. Sự khác biệt này thể hiện chủ yếu ở các hình thức biểu hiện, trong đó rõ nét nhất là hình thức phi ngôn ngữ. Trong nghiên cứu của mình, Feshbach (1970); Ostrov, Jamie; Keating, Caroline (2004) cũng cho rằng sự khác biệt quan trọng giữa HVHT của bé trai và bé gái không phải ở “sức mạnh” của hành vi mà là ở các dạng biểu hiện của hành vi [65] [91].

Sự khác biệt này được lý giải bởi nhiều nguyên nhân. Một số nghiên cứu cho rằng hooc môn giới tính testosterone có thể là một trong những lý do khiến bé trai hung tính hơn, vì dưới 3 tuổi, các bé trai không có tính hiệu chiến cao hơn những bé gái cùng tuổi. Sự khác biệt về giới tính của sự hung tính chỉ được thể hiện rõ sau 3 tuổi [5, tr 492].

Các bé trai và bé gái được giáo dục theo các hình mẫu xã hội khác nhau, kể cả những cách ứng xử khi có xung đột. Bé trai thường được hướng tới trở thành những người mạnh mẽ, phải chứng tỏ được sức mạnh và uy quyền của mình (Block, 1983; Crick và cộng sự, 1996; Eagley & Steffen, 1986; Maccoby, 1988; Maccoby & Jacklin, 1974) [50][59][83].

Một số nghiên cứu chứng minh rằng từ hai tuổi rưỡi, trẻ đã có một chút kiến thức về mẫu vai giới. Trẻ tiếp nhận những đặc trưng của mẫu vai giới một cách nghiêm túc, tin rằng phải tuân thủ mẫu, thậm chí là cực đoan khi cho rằng không được phép vi phạm chuẩn mẫu vai giới. Do đó, trẻ tin rằng

con gái không bao giờ đánh bạn, yếu đuối, nhân từ trong khi con trai hay nói những câu như “tao sẽ đánh mày”, tham vọng, hiếu chiến, uy quyền và nhẫn tâm. Trẻ coi hung tính như một đặc trưng nam tính trong sơ đồ về giới [dẫn theo 5, tr 420, 493].

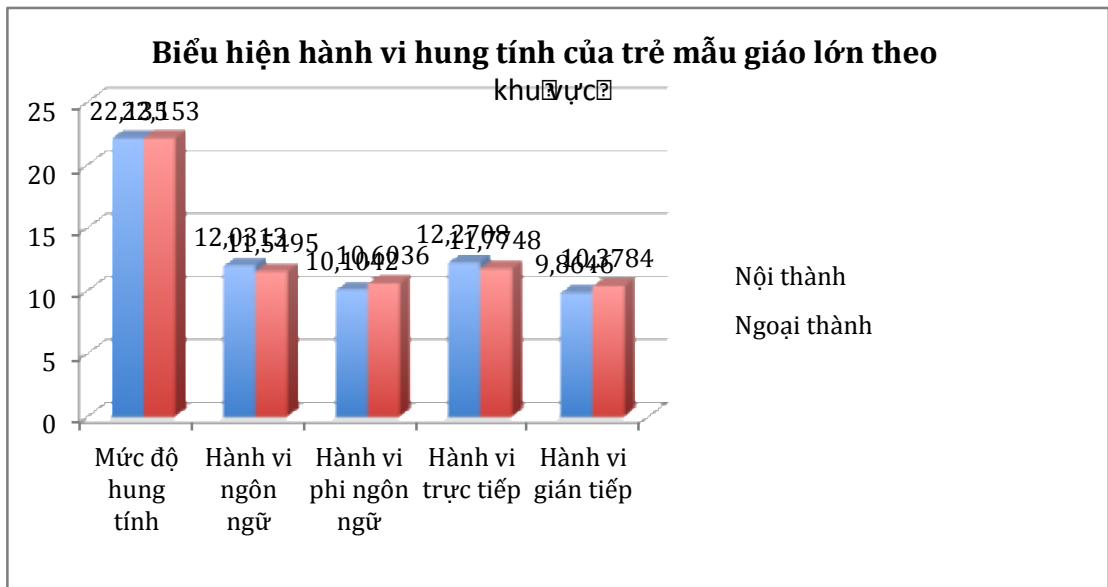
Ngoài ra, sự khác biệt này còn do bố mẹ thường đối xử nghiêm khắc với những biểu hiện hung tính của bé gái hơn bé trai. Đồ chơi mà bé trai thường nhận được là những đồ chơi bạo lực như súng ống, xe tăng, tên lửa... cũng thúc đẩy phát triển hành vi hung tính [5, tr 493]. Bên cạnh đó, đặc điểm phát triển tâm lý giữa trẻ trai và trẻ gái khác nhau. Các bé gái thường trưởng thành sớm hơn, “khôn” hơn các bé trai, hành động chín chắn hơn ở cùng độ tuổi. Xét dưới góc độ giới tính, bé trai thường hiếu động, nghịch ngợm, khó kiềm chế xúc cảm, trong khi các bé gái thường “thuần” hơn, ngoan, dễ kiềm chế xúc cảm hơn.

#### *4.1.2.2. So sánh theo khu vực trường*

Môi trường sống có ảnh hưởng quan trọng đến sự hình thành và phát triển của mỗi cá nhân. Trong đề tài này, chúng tôi tiến hành so sánh biểu hiện HVHT của trẻ sống ở khu vực ngoại thành và nội thành. Kết quả thu được như sau:

Không có sự khác biệt về mức độ biểu hiện hung tính giữa trẻ mẫu giáo lớn sống ở ngoại thành và nội thành ( $\text{ĐTB} = 22.13$  so với  $\text{ĐTB} = 22.15$ ;  $p > 0.05$ ) cũng như không có sự khác nhau ở các mặt biểu hiện HVHT phi ngôn ngữ ( $\text{ĐTB} = 10.6$  so với  $\text{ĐTB} = 10.1$ ,  $p > 0.05$ ); và biểu hiện HVHT gián tiếp ( $\text{ĐTB} = 10.38$  so với  $\text{ĐTB} = 9.86$ ,  $p > 0.05$ ) (xem biểu đồ 4.4 và bảng 23, bảng 24 - phụ lục 8).





*Biểu đồ 4.4. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo khu vực trường*

Như vậy, có thể thấy rằng dù sống ở môi trường nào trẻ cũng đều có biểu hiện hành vi hung tính như nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy ở nhóm trẻ được khảo sát, môi trường sống không ảnh hưởng đến mức độ hành vi hung tính cũng như hình thức biểu hiện của hành vi này.

Xem xét *biểu hiện hành vi hung tính thông qua thông qua các hành vi ngôn ngữ* cụ thể, các số liệu ở bảng 4.6 cho thấy:

*Bảng 4.6. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi ngôn ngữ theo khu vực trường học*

Biểu hiện hành vi ngôn ngữ	Nội thành (N=96)		Ngoại thành (N=111)		p
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Trẻ cãi lại cô giáo khi không hài lòng	1.42	0.73	1.28	0.61	0.016*
Trẻ nói hỗn với bạn bè khi bực tức	1.23	0.57	1.48	0.72	0.000*
Trẻ lớn tiếng với bạn khi có mâu thuẫn, xích mích với bạn đó	2.21	0.96	1.96	0.89	0.82
Trẻ la hét, quát tháo bạn bè trong lúc chơi đùa	2.19	1.04	1.55	0.75	0.000*

Khi không hài lòng chuyện gì đó trẻ lâu bầu, cảm cầu một mình	1.60	0.81	1.54	0.71	0.059
Trẻ giận bạn này nhưng lại nói tục với bạn khác	<b>1.09</b>	<b>0.38</b>	<b>1.23</b>	<b>0.54</b>	<b>0.000*</b>
Khi giận dữ bạn bè, trẻ mắng chửi đồ vật xung quanh	<b>1.10</b>	<b>0.44</b>	<b>1.22</b>	<b>0.48</b>	<b>0.002*</b>
Trong những cuộc xích mích, trẻ có những lời nói khiêu khích bạn bè xung quanh	1.38	0.72	1.30	0.60	0.082

\*  $p < 0.05$

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa  $p < 0.05$  về biểu hiện HVHT thông qua một số hành vi ngôn ngữ cụ thể giữa nhóm trẻ MGL sống ở ngoại thành và ở nội thành khi tiến hành kiểm định t-test. Cụ thể là: So với trẻ học ở trường ngoại thành, trẻ học ở trường nội thành thường hay “*cãi lại cô giáo khi không hài lòng*” (ĐTB = 1.42 so với ĐTB = 1.28,  $p = 0.016$ ), “*la hét quát tháo bạn bè trong lúc chơi đùa*” (ĐTB = 2.19 so với ĐTB = 1.55,  $p = 0.000$ ) nhiều hơn. Trong khi đó, trẻ ngoại thành lại có những biểu hiện sau rõ nét hơn so với trẻ nội thành: “*nói hõn với bạn bè khi bực tức*” (ĐTB = 1.48 so với ĐTB = 1.23,  $p = 0.000$ ); “*giận bạn này nhưng lại nói tục với bạn khác*” (ĐTB = 1.23 so với ĐTB = 1.09,  $p = 0.000$ ); hoặc “*mắng chửi đồ vật xung quanh khi giận dữ bạn bè*” (ĐTB = 1.22 so với ĐTB = 1.10,  $p = 0.002$ ) (xem bảng 4.6 và bảng 25, bảng 26 - phụ lục 8).

*Bé H.N (bé gái) có bố là giám đốc công ty tư nhân, mẹ là chủ một tiệm áo cưới. Bé thường mang bộ đồ chơi xếp hình mà bố đi công tác mua về cho bé đưa lên lớp. Bé đem ra khoe với các bạn nhưng không cho các bạn chơi cùng. Khi có ai động vào bé sẽ đánh người đó. Cô giáo yêu cầu bé không được mang đồ chơi vào lớp, phải cất ở balo thì bé nằm lăn ra ăn vạ, gào khóc, dọa cô: “ba con làm giám đốc, ba con đuổi việc cô cho coi”. Bé cũng thường xuyên*

*bắt các bạn phải “xích ra” để nhường chỗ chơi cho bé. (Hồ sơ quan sát tại trường HT2, lớp Lớn 2)*

Những khác biệt trên có thể được lý giải là: những hành vi ứng xử được quan sát thấy ở trẻ là hệ quả của quá trình học tập xã hội, xã hội hóa trong gia đình, ở nhà trường, ngoài cộng đồng, một cách có chủ định và không có chủ định. Chúng cho thấy điểm khác biệt về văn hóa giữa khu vực nội thành và ngoại thành. Trong các gia đình ở thành thị, với điều kiện kinh tế khá giả, phần lớn trẻ là trung tâm của gia đình, rất được bố mẹ hoặc ông bà cưng chiều, thường xuyên được đáp ứng mọi nhu cầu. Do vậy, nhu cầu đòi hỏi sự quan tâm của mọi người đến bản thân trẻ càng lớn, trẻ trở nên khó hợp tác và ích kỷ hơn. Trẻ đẩy những nỗi tức giận, gây hấn, thất vọng của mình ra bên ngoài, trực tiếp lên đối tượng mà trẻ cho là đã gây ra sự khó chịu của mình bằng cách la hét, quát tháo bạn trong lúc chơi, muồn cô giáo và bạn bè chiều theo ý mình.

Ngược lại, trẻ sống ở khu vực ngoại thành lại tập nhiễm các hành vi, ứng xử của người lớn bằng cách “chuyên di” những sự tức giận, sự gây hấn, sự hụt hẫng, thất vọng của mình lên những đối tượng “an toàn hơn”, để được chấp nhận hơn. Trẻ trong nhóm được khảo sát sống ở ngoại thành có biểu hiện “nói tục”, “nói hõn”, “mắng chửi” rõ nét hơn so với trẻ nội thành. Chúng tôi nhận thấy trong ngôn ngữ của trẻ ngoại thành, những từ như “mi”, “ta”, “thằng”, “con”... hoặc những tiếng đệm thô tục, không hay xuất hiện nhiều hơn. Việc trẻ nói tục, nói hõn là do trẻ bắt chước từ người lớn xung quanh. Ở ngoại thành, người lớn thường hay sử dụng cách nói dân dã, “ăn cục nói hõn”, trẻ bắt chước điều này và đưa vào hoạt động giao tiếp của mình.

Các *biểu hiện hung tính thông qua hành vi phi ngôn ngữ* của trẻ mẫu giáo lớn phân theo khu vực sinh sống như sau:

Bảng 4.7. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn qua hành vi phi ngôn ngữ theo khu vực trường học

Biểu hiện hành vi phi ngôn ngữ	Ngoại thành (N=111)		Nội thành (N=96)		p
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Trẻ sử dụng vật dụng bất kỳ (đồ chơi, ghế...) để đánh bạn	<b>1.34</b>	<b>0.67</b>	<b>1.22</b>	<b>0.58</b>	<b>0.012*</b>
Trẻ sử dụng bộ phận cơ thể (tay, chân, đầu, răng...) gây đau đớn cho người khác (đánh bạn, kéo tóc bạn, cắn bạn...)	1.64	0.80	1.75	0.88	0.344
Khi thấy các bạn đánh nhau trẻ thích thú đứng xem và xông vào đánh cùng	1.30	0.57	1.23	0.53	0.144
Trẻ bị kích động khi bạn giật đồ chơi (vòng vàng, dầm chân, trợn mắt... với bạn)	1.23	0.54	1.22	0.57	0.789
Trẻ xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác	<b>1.45</b>	<b>0.75</b>	<b>1.27</b>	<b>0.53</b>	<b>0.000*</b>
Khi bực tức trẻ thường hậm hực và có hành vi mạnh với đồ vật xung quanh (ném đồ chơi, dẫm đạp đồ vật...)	1.20	0.50	1.18	0.48	0.569
Khi nổi giận với ai trẻ thường đập phá đồ đạc của họ	1.14	0.42	1.11	0.41	0.571
Khi nổi giận, trẻ có hành vi ăn vạ (nằm lăn xuống đất, dẫm đánh vào bản thân...)	<b>1.31</b>	<b>0.66</b>	<b>1.13</b>	<b>0.47</b>	<b>0.000*</b>

\*  $p < 0.05$

Kết quả kiểm định T-test trên hai tổng thể độc lập là nhóm những trẻ theo học ở trường nội thành và nhóm những trẻ theo học ở trường ngoại thành cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa  $p < 0.05$  ở một số biểu hiện HVHT thông qua hành vi phi ngôn ngữ giữa hai nhóm trẻ này. Số liệu bảng 4.7 cho phép khẳng định, trẻ sống ở ngoại thành có những biểu hiện sau rõ nét hơn so với trẻ nội thành: “sử dụng vật dụng bất kỳ để đánh bạn” (ĐTB = 1.34 so với ĐTB = 1.22, với  $p = 0.012$ ); “xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác” (ĐTB = 1.45 so với ĐTB = 1.27,  $p = 0.000$ ); “khi

*nổi giận, trẻ có hành vi ăn vạ*” (ĐTB = 1.31 so với ĐTB = 1.13,  $p = 0.000$ ) (xem bảng 4.7 và bảng 27, bảng 28 – phụ lục 8).

Đã có nhiều nghiên cứu trước đây chứng minh rằng biểu hiện HVHT của trẻ em ngoại thành và nội thành có sự khác nhau (Malesińska, Lewko, Roszko-Kirpsza, Marcinkiewicz, Olejnik, Maciorkowska, 2015; Timothy L. Hope và Karen L. Bierman, 1998; Gunam D. Singh, Gertruida M. Steyn, 2013) [68] [84] [100]. Theo chúng tôi, có sự khác biệt về HVHT trong nhóm trẻ MGL ở các vùng sinh sống khác nhau là do nếp sống, phong cách giao tiếp, phong cách giáo dục con cái của cha mẹ ở vùng nông thôn và thành thị không giống nhau.

#### 4.1.2.3. So sánh theo mối quan hệ anh chị em trong gia đình

Kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa nhóm trẻ mẫu giáo lớn là con một và nhóm trẻ có anh chị em trong gia đình về mức độ biểu hiện cũng như các mặt biểu hiện hành vi hung tính thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ, hành vi ngôn ngữ trực tiếp và hành vi ngôn ngữ gián tiếp, với mức ý nghĩa  $p > 0.05$  (xem bảng 21 - phụ lục 8).

Tuy nhiên, khi so sánh một số biểu hiện cụ thể của hành vi hung tính thì kết quả kiểm định Independent Sample T-test giữa 2 nhóm tổng thể độc lập này lại có sự khác nhau có ý nghĩa thống kê (xem bảng 4.8 và bảng 22, bảng 23 phụ lục 8):

*Bảng 4.8. So sánh biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo mối quan hệ anh chị em trong gia đình*

Biểu hiện hành vi hung tính	Trẻ là con một (N=43)		Trẻ có anh chị em (N=164)		<i>p</i>
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Trẻ lớn tiếng với bạn khi có mâu thuẫn, xích mích với bạn đó	<b>2.00</b>	<b>0.81</b>	<b>1.98</b>	<b>0.94</b>	<b>0.025*</b>

Khi giận dữ bạn bè, trẻ mắng chửi đồ vật xung quanh	1.09	0.29	1.18	0.49	0.19
Trẻ sử dụng vật dụng bất kỳ (đồ chơi, ghế...) để đánh bạn	<b>1.14</b>	<b>0.41</b>	<b>1.32</b>	<b>0.67</b>	<b>0.000*</b>
Trẻ xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác	1.26	0.53	1.40	0.68	0.11
Khi nổi giận, trẻ có hành vi ăn vạ (nằm lăn xuống đất, đấm đánh vào bản thân...)	<b>1.05</b>	<b>0.21</b>	<b>1.27</b>	<b>0.63</b>	<b>0.000*</b>

\*  $p < 0.05$

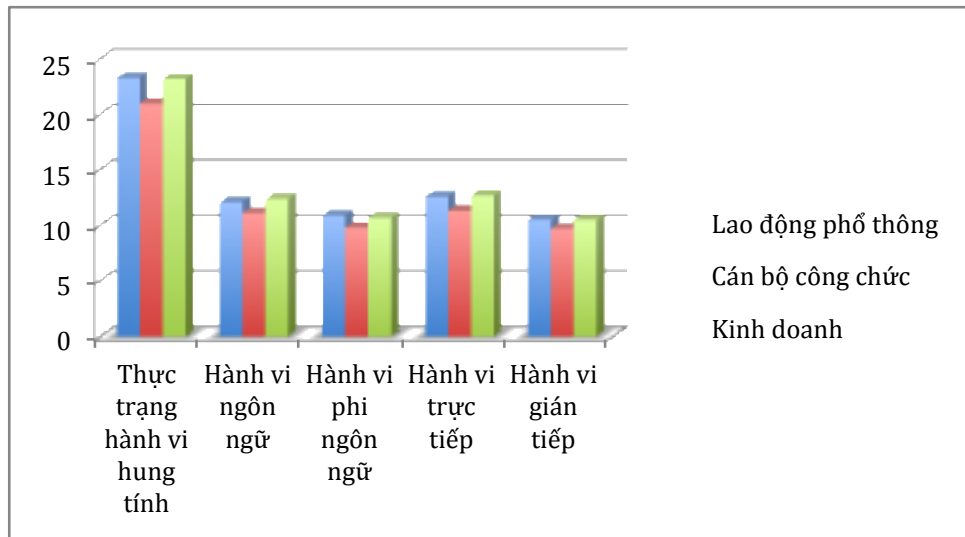
Trẻ là con một – sự độc tôn - thường “*lớn tiếng với bạn khi có mâu thuẫn, xích mích*” bộc lộ rõ nét hơn so với trẻ có anh chị em trong gia đình (ĐTB = 2.0 so với ĐTB = 1.98,  $p = 0.025$ ); trong khi đó trẻ có anh chị em – sự chia sẻ/sự buộc phải chia sẻ - thường có hành vi ăn vạ, sử dụng đồ vật bất kỳ để đánh bạn những lúc nổi giận nhiều hơn. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng trẻ là con một trong gia đình thường khó kết nối với bạn bè cùng tuổi, không biết cách chia sẻ và hợp tác với người khác (Kevin Leman, 2001) [79]. Trong khi đó, trẻ sống trong gia đình có anh chị em thường bị đối xử không công bằng, hay xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn (Jacqueline L. Martin, Hildy S. Ross, 2005) [71]. Đây cũng là một điểm cần lưu ý để áp dụng các biện pháp tâm lý – giáo dục phù hợp nhằm giảm thiểu hành vi hung tính ở các nhóm trẻ này.

#### 4.1.2.4. So sánh theo nhóm nghề nghiệp của bố mẹ

Kiểm định giả thuyết giá trị trung bình bằng phép thống kê One-way ANOVA, chúng tôi tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về hành vi hung tính của trẻ MGL giữa các nhóm nghề nghiệp của cha, mẹ khác nhau.

Kết quả ở biểu đồ 4.5 cho thấy, nhóm trẻ có mẹ làm kinh doanh có mức độ biểu hiện HVHT rõ nét hơn so với nhóm trẻ có mẹ là cán bộ công chức (ĐTB = 23.2 so với ĐTB = 21, với  $p = 0.37$ ). Sự hung tính được bộc lộ qua hành vi ngôn ngữ, hành vi phi ngôn ngữ và biểu hiện một cách trực tiếp của

nhóm trẻ có mẹ làm kinh doanh cũng rõ nét hơn. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0.05$ .



*Biểu đồ 4.5. So sánh hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn theo nghề nghiệp của mẹ*

Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ cũng như các mặt biểu hiện giữa nhóm trẻ có mẹ là lao động phổ thông với trẻ có mẹ là cán bộ công chức và với trẻ có mẹ làm kinh doanh (xem biểu đồ 4.5; bảng 29, bảng 30 thuộc phụ lục 8).

Tương tự như vậy, đối với các nhóm nghề nghiệp của người bố, kết quả kiểm phân tích phương sai One-way ANOVA cũng cho thấy sự khác nhau có ý nghĩa thống kê về mức độ và khía cạnh biểu hiện HVHT giữa nhóm trẻ có bố là lao động phổ thông với bố là cán bộ công chức. Trẻ có bố là lao động phổ thông có hành vi hung tính diễn ra nhiều hơn (ĐTB = 22.3 so với ĐTB = 21.3,  $p = 0.39$ ); biểu hiện hành vi hung tính bằng ngôn ngữ rõ nét hơn (ĐTB = 12.5 so với ĐTB = 11.3,  $p = 0.41$ ), một cách trực tiếp hơn (ĐTB = 13.0 so với ĐTB = 11.3,  $p = 0.008$ ) so với trẻ có bố là cán bộ công chức. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0.05$ .

Không có sự khác biệt đáng kể về mức độ và biểu hiện hành vi hung tính giữa trẻ có bố làm kinh doanh với trẻ có bố là cán bộ công chức hoặc lao động phổ thông (xem bảng 32 thuộc phụ lục 8).

*Tóm lại, các số liệu thu được từ kết quả nghiên cứu về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn cho thấy:*

- Đa số trẻ mẫu giáo lớn không có hoặc hiếm khi biểu hiện hành vi hung tính trong thời gian trên lớp. Hành vi hung tính thường được thể hiện thông qua hành vi ngôn ngữ và có tính trực tiếp.

- Những biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn nảy sinh từ nhiều tình huống khác nhau, trong đó chủ yếu là do tranh giành với bạn cùng lớp.

- Mỗi giáo viên có cách ứng xử khác nhau trước hành vi hung tính của trẻ, trong đó chủ yếu là khuyên bảo hoặc phạt.

- Có sự khác nhau về mức độ, biểu hiện hành vi hung tính giữa bé trai và bé gái, giữa trẻ ở ngoại thành và trẻ ở nội thành, giữa trẻ có mẹ là công nhân viên chức và trẻ có mẹ làm kinh doanh, giữa trẻ có bố là lao động phổ thông với trẻ có bố là công nhân viên chức, giữa trẻ là con một và trẻ có anh chị em trong gia đình.

#### **4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

Như trong chương 2 đã đề cập, hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn chịu sự chi phối của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Trong luận án này, chúng tôi đề xuất các yếu tố được cho là ảnh hưởng trực tiếp đến HVHT, bao gồm một số đặc điểm tâm lý của trẻ (nét tính cách, sự lo âu, mối quan hệ xã hội, vấn đề giao tiếp), yếu tố gia đình (phong cách giáo dục con cái, các biện pháp giáo dục của cha mẹ khi con có biểu hiện hung tính), yếu tố giáo viên (cách ứng xử của cô giáo khi trẻ có HVHT).

Mức độ tác động của các yếu tố này tới hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn được thể hiện ở bảng 4.9:



Bảng 4.9. Hệ số hồi quy của các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn

Các yếu tố ảnh hưởng		Hệ số $\beta$	$t$	$r$
<b>1. Yếu tố chủ quan</b>				
Ghen tị		0.20	2.63	0.24**
Nói dối		0.11	1.54	0.18**
Thích chơi một mình		0.53	0.715	0.16*
Không biết đến sự nguy hiểm		0.13	1.49	0.26**
Rối loạn quan hệ xã hội		0.40	0.406	0.18*
Rối loạn giao tiếp		0.11	1.006	0.25**
Lo âu		-0.22	-	0.28
			2.352	
<b>2. Các yếu tố khách quan</b>				
2.1. Phong cách giáo dục của cha mẹ với con cái	Nghiêm khắc	0.12	1.721	0.15*
	Dân chủ	-0.42	-	-0.03
			0.603	
2.2. Cách ứng xử của cô giáo		0.25	3.69	0.26
<b>R<sup>2</sup> = 0.16, ** <math>p &lt; 0.01</math>, * <math>p &lt; 0.05</math></b>				

#### 4.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan

##### 4.2.1.1. Ảnh hưởng của khí chất, một số nét tính cách

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tính cách của trẻ MGL có ảnh hưởng đến HVHT. Qua dự giờ, chúng tôi nhận thấy, những trẻ có khí chất mạnh mẽ thường khó kiểm soát hoặc khó tự điều chỉnh được cảm xúc của bản thân, có biểu hiện thái quá về cảm xúc khi hoạt động cùng bạn bè. Đặc trưng “*thường phản chấn không rõ lý do*” ở những trẻ này có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê, nhưng yếu với mức độ hung tính ( $r = 0.16$ ;  $p = 0,015$ ). Điều này có nghĩa: Trẻ dễ dàng tức giận hoặc thể hiện sự phản kích nhanh hơn và ở mức độ lớn hơn so với các trẻ khác (xem mục 5, phụ lục 8).

Yếu tố “*không biết đến sự nguy hiểm*” có tương quan thuận với mức độ hung tính ( $r = 0.26$ ;  $p = 0.000$ ). Do trẻ không ý thức được sự nguy hiểm cho bản thân và cho người khác, nên trong các hoạt động, trẻ thường có những

hành vi nguy hiểm như đẩy mạnh ghế hoặc giường vào người bạn; dùng đồ chơi hoặc đồ dùng đánh mạnh vào đầu bạn, xô bạn ngã vào tường...

Có mối tương quan thuận giữa tính ghen tị với mức độ hung tính của trẻ ( $r = 0.24$ ,  $p = 0.000$ ). Turkel (2007) đã chỉ ra rằng ghen tị, trả thù, mong muốn kiểm soát, đau khổ về tình cảm là nguyên nhân của sự gây hấn [101]. Vollmer (1946) đã mô tả sự ghen tị của trẻ em: một đứa trẻ ghen tị sẽ thể hiện hành vi hung tính chống lại các đối thủ của mình một cách trực tiếp hoặc gián tiếp ở sân chơi, nhà trẻ hoặc ở trường [102]. Mô tả này chỉ ra mối liên quan giữa ghen tị và HVHT. Paquette và Underwood (1999) cho rằng ghen tị là nguyên nhân phổ biến thứ hai gây ra sự hung tính về mặt thể chất của trẻ [94]. Ngoài ra, có nhiều nhà nghiên cứu khác đã cố gắng giải thích vai trò của sự ghen tị đối với HVHT cũng như sự liên hệ giữa hai hiện tượng này (Owen và cộng sự, 2000; Crick, 1996...) [59]. Như vậy, kết quả nghiên cứu của luận án khá tương đồng với những nghiên cứu đi trước, cho rằng ghen tị là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn. Sự ghen tị của trẻ được thể hiện trên lớp khá rõ: trẻ tranh nhau làm với bạn để được cô giáo khen, nếu bị thua bạn trẻ sẽ hậm hực, tức tối và đánh bạn; trẻ ghen tị khi cô ưu ái bạn khác hơn mình, khi bạn giành được đồ chơi đẹp hơn; khi thấy bạn mình thích chơi với người khác... Mặc dù có nhiều quan điểm cho rằng việc trẻ ghen tị là một hiện tượng tâm lý hoàn toàn bình thường, có thể tạo động lực phấn đấu cho trẻ, tuy nhiên thực tế cho thấy nếu trẻ quá ghen tị thì đó lại là nguyên nhân dẫn đến hành vi gây hấn, trả đũa. Từ kết quả này, chúng tôi cho rằng, để giảm thiểu hành vi hung tính, cha mẹ, cô giáo và những người xung quanh cần đối xử công bằng với trẻ, cần dạy cho trẻ không biết đồng cảm, chia sẻ với người khác

Kết quả nghiên cứu cho thấy giữa đặc điểm “*thích chơi một mình, không thích người khác bên cạnh*” với mức độ hung tính của trẻ có mối tương quan thuận, yếu với mức ý nghĩa  $p < 0.05$  ( $r = 0.16$ ,  $p = 0.04$ ). Điều này quan

sát thấy rõ hơn ở bé trai ( $r = 0.328$ ,  $p = 0.001$ ) và ở trẻ nội thành ( $r = 0.206$ ,  $p = 0.04$ ). Qua quá trình quan sát trẻ ở trên lớp, chúng tôi nhận thấy trẻ thường thích giành đồ chơi và chơi một mình, không muốn cho bạn chơi cùng. Trẻ thường phân chia ranh giới, khu vực, đồ dùng... và cấm các bạn khác bước vào hoặc sử dụng đồ của trẻ. Đặc biệt, những lúc trẻ tập trung cao độ để làm việc gì đó mà có bạn xen vào sẽ khiến trẻ rất khó chịu. Nếu các bạn “xâm phạm” trẻ sẽ đánh, mắng hoặc la hét để bạn trả lại sự riêng tư cho mình.

#### *4.2.1.2. Ảnh hưởng của các trạng thái tâm lý*

Số liệu ở bảng 4.9 cho thấy, việc trẻ có rối loạn quan hệ xã hội, rối loạn giao tiếp ít nhiều liên quan đến mức độ hung tính ở trẻ. Mọi tương quan giữa “rối loạn quan hệ xã hội”, “rối loạn giao tiếp” với mức độ hung tính lần lượt là  $r = 0.18$  và  $r = 0.25$ , với mức ý nghĩa  $p < 0.05$ . Một số trẻ mẫu giáo lớn không biết cách phối hợp, hợp tác với người khác, trẻ khác trong các hoạt động. Một đặc điểm dễ nhận thấy ở lứa tuổi mẫu giáo lớn là tính xung động trong hành vi, tức là khuynh hướng hành động ngay lập tức dưới tác động của các kích thích bên trong và bên ngoài mà không kịp suy nghĩ, cân nhắc. Vì vậy, những gì tác động đến trẻ đều có thể khơi gợi ở các em một phản ứng nhanh chóng. Nếu trong mối quan hệ với những người xung quanh có xảy ra xung đột, mâu thuẫn, trẻ sẽ bộc lộ sự hung tính của mình bằng ngôn ngữ hoặc hành vi phi ngôn ngữ hướng vào chính đối tượng hoặc những người và vật xung quanh. Để có thể giảm thiểu hành vi hung tính cần dạy cho trẻ kỹ năng giao tiếp, dạy trẻ biết cách xử lý các tình huống xung đột trong mối quan hệ với mọi người.

#### *4.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan*

##### *4.2.2.1. Ảnh hưởng của phong cách giáo dục con cái*

Kết quả nghiên cứu cho thấy (xem bảng 4.9), có mối tương quan thuận, không chặt giữa phong cách giáo dục nghiêm khắc của cha mẹ ( $r = 0.15$ ,  $p = 0.037$ ) với mức biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn. Như vậy,

những trẻ có mức độ hung tính cao thường có bố mẹ rất nghiêm khắc, có thể dùng đòn roi để phạt trẻ. Qua khảo sát, những phụ huynh có trẻ hung tính cho rằng cần phải làm cho trẻ “*thấy sợ người lớn để chúng có thể trở nên ngoan hơn*”, “*cha mẹ cần ngăn chặn ngay những biểu hiện độc ác của trẻ*”, “*con cái không được trái ý kiến của cha mẹ*”, “*không có sự biện minh nào cho một đứa trẻ đánh bạn*”, “*ng nghiêm khắc giáo dục con cái sẽ làm cho chúng hạnh phúc*”, “*trẻ cần phải được giáo dục nghiêm khắc hơn so với những gì đang diễn ra trên thực tế*”.

Một số nghiên cứu về phong cách làm cha mẹ ở phương Tây cho thấy mối tương quan giữa phong cách làm cha mẹ độc đoán, nghiêm khắc với rối loạn hành vi ở trẻ, trong đó có hành vi hung tính. Liu (2003) đã nghiên cứu về hành vi của cha mẹ trên 2,000 trẻ sống tại các vùng nông thôn của Trung Quốc và chỉ ra sự nghiêm khắc của cha mẹ, việc sử dụng hình phạt, la mắng, chỉ trích tỉ lệ thuận với rối loạn hành vi hướng ngoại của trẻ [74] [75]. Một số nghiên cứu khác chỉ ra rằng khi trẻ bị trừng phạt về mặt thể chất vì có hành vi hung tính thì vô hình chung cha mẹ đã làm một hình mẫu cho trẻ. Vì thế trừng phạt có thể dẫn đến hành vi bạo lực ở ngoài gia đình vì cha mẹ đã đóng vai trò như các mẫu hình cho con bắt chước, làm trẻ tập nhiễm hành vi này. [20, tr. 296]

Kết quả trên cho chúng tôi nhận định rằng, để giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ thì can thiệp từ phía gia đình là vô cùng quan trọng. Bố mẹ cần có quan điểm, phong cách giáo dục đúng đắn, khoa học để tránh làm tổn thương tâm lý của trẻ, khiến trẻ có những biểu hiện hung hăng với mọi người xung quanh.

Những biện pháp giáo dục cha mẹ đã áp dụng khi trẻ có hành vi hung tính cũng có ảnh hưởng đến mức độ biểu hiện của hành vi này. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối tương quan nghịch giữa việc “cha mẹ dạy con biết kiểm chế bằng tấm gương dịu dàng, bình tĩnh” với mức độ hung tính của

trẻ ( $r = -0.17, p < 0.05$ ) (xem mục 5, phụ lục 8). Điều này có nghĩa là nếu cha mẹ càng biết làm gương cho con trong việc kiềm chế sự tức giận, bình tĩnh xử lý những tình huống xung đột thì mức độ hung tính của trẻ sẽ càng ít.

#### *4.2.2.2. Ảnh hưởng của cách ứng xử của giáo viên với trẻ*

Kết quả nghiên cứu thu được không chỉ ra mối tương quan giữa cách ứng xử của giáo viên với mức độ hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn. Tuy nhiên, qua dự giờ, quan sát trẻ ở trường, chúng tôi nhận thấy cách ứng xử của cô giáo với trẻ có ảnh hưởng nhất định đến sự xuất hiện HVHT ở trẻ.

Nếu trong giờ học, cô không chú ý đến trẻ, cô quát mắng, phạt hoặc đánh trẻ, cô phân xử không công bằng, cô bắt ép trẻ làm những điều không thích... sẽ khiến trẻ có những phản ứng tiêu cực. Nhiều cô giáo có định kiến, chưa đồng cảm với những khó khăn, tâm trạng hẫng hụt, thất vọng... của trẻ nên thường có cách ứng xử thô bạo, sai lầm. Các cô giáo thường xuyên “bêu gương” và phạt những trẻ hay đánh nhau trước lớp làm cho trẻ khác có nguy cơ tập nhiễm và tái diễn hành vi đánh nhau này.

#### *4.2.3. Dự báo ảnh hưởng của các yếu tố đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn*

Nhằm tìm hiểu rõ hơn sự tồn tại đồng thời hay không đồng thời, biến thiên hay không biến thiên của các cặp biến số giữa nhóm yếu tố ảnh hưởng với mức độ biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, chúng tôi đã phân tích tương quan nhị biến Pearson và phép hồi quy tuyến tính (xem bảng 4.9). Những biến thiên của mức dự báo khi thay đổi các biến độc lập trong phép hồi quy cho phép chúng tôi khẳng định rằng: việc “trẻ thích chơi một mình, không thích người khác bên cạnh” có khả năng dự báo cao nhất với 53% độ biến thiên của mức độ hành vi hung tính, tiếp theo là “rối loạn quan hệ xã hội” (40%), trẻ hay “ghen tị” (20%).

### **4.3. Nghiên cứu trường hợp điển hình về biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Qua quan sát trẻ MGL trong thời gian ở trường, trao đổi và trưng cầu ý kiến của cô giáo và phụ huynh của trẻ trong nhóm khảo sát, chúng tôi nhận thấy rằng mức độ, biểu hiện HVHT của mỗi trẻ MGL là khác nhau và do nhiều yếu tố gây nên. Những yếu tố đó có thể thuộc về chính bản thân trẻ, hoặc do gia đình, nhà trường tác động. Việc nghiên cứu những trường hợp điển hình là quan trọng và cần thiết để từ đó đề xuất một số biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giảm thiểu HVHT của trẻ MGL. Sau đây là một số chân dung tâm lý điển hình:

#### ***4.3.1. Trường hợp thứ nhất***

Họ và tên trẻ: L.C.H.L

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/9/2011

Tuổi: 5 tuổi

Học lớp: Lớn 1

Trường: MN 20/10

Nghề nghiệp bố: Kinh doanh    Nghề nghiệp mẹ: nội trợ

H.L là con thứ nhất trong gia đình có bố, mẹ và em trai. Trường học của H.L ở khu vực nội thành.

H.L có tư duy tốt, chỉ số IQ của L (theo trắc nghiệm tranh vẽ người F.Goodenough) là 120 điểm. Trẻ tỏ ra nhanh nhẹn trong mọi hoạt động. Ngôn ngữ của H.L phát triển khá tốt, vốn từ vựng phong phú. Mức độ quan tâm của H.L đến trạng thái tình cảm con người ở mức thấp (qua trắc nghiệm Vẽ tiếp hình, trắc nghiệm Điều ước). Trong một số tình huống giả định do nhà nghiên cứu đưa ra, H.L chọn cách giải quyết theo hướng bạo lực (đánh, dọa nạt...)

*- Biểu hiện HVHT của trẻ (qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ) trong thời gian ở trường*

H.L có biểu hiện hung tính thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ một cách trực tiếp. Trẻ có biểu hiện hành vi hung tính rất rõ với

tổng điểm quan sát được là 47 (kết quả từ giáo viên là 43 và kết quả thu được từ cha mẹ là 11). Trẻ biểu hiện hung tính bằng hành động rõ nét hơn với tổng điểm là 24,

H.L là một bé trai rất nghịch ngợm, hay nói, hay trêu chọc các bạn. H.L khó tập trung chú ý, hầu như hoạt động nào của lớp H.L cũng đều tham gia. Trong các hoạt động đó, H.L không ngồi yên, luôn vận động chân tay, nghịch, trêu đùa, lấy đồ dùng của các bạn xung quanh. H.L không có bạn thân trong lớp, các bạn khác không thích, không muốn chơi với H.L.

Trò chơi ưa thích của H.L là lắp ráp súng từ đồ xếp hình và “bắn” các bạn xung quanh. Ngoài ra, H.L còn thích xếp hình thành xe tăng, tên lửa, rô bốt biến hình ... và gọi đó là “vũ khí chiến đấu”. H.L thích vẽ tranh và thường vẽ cảnh những chú lính đang cầm vũ khí để chiến đấu.

H.L thường xuyên có những biểu hiện hung tính khi chơi với bạn bè. H.L phản ứng khá mạnh mẽ trong những tình huống gây tác động lớn đến cảm xúc của mình. H.L tỏ ra là một em bé ích kỷ, không muốn chia sẻ đồ chơi với bạn, nếu bạn tới gần, L hét lên và xua các bạn “*đi ra*”. Nếu L và một bạn khác cùng thích một món đồ chơi thì L nhất quyết giành lấy. Nếu bạn không nhường đồ chơi, hoặc lấy mất đồ chơi mà L thường sử dụng (bộ đồ xếp hình, xe cầu), L sẽ dùng tay hoặc bất cứ đồ vật gì có ở trong tay để đánh bạn. Trong giờ ăn, trước giờ đi ngủ, L thường tranh ghế hoặc giường của các bạn khác. Những lúc xếp hàng, L hay xô đẩy hoặc giật tóc bạn đứng trước.

L thường *la hét, to tiếng, quát tháo* bạn bè trong lúc chơi đùa. Khi không hài lòng, L *mắng chửi* các bạn là “*đồ bà điên*”, “*đồ khùng*”, “*ngu rứa mi*”, “*mấy thằng ngu*”... L còn sử dụng các từ tục tĩu đặc trưng của người miền Trung để chửi bạn trong những tình huống xung đột.

Cô giáo thường xuyên quan tâm, nhắc nhở L nhưng L hay cãi lại và có lần còn cầm ly nước đánh vào tay cô giáo.

- *Những yếu tố tác động đến hành vi hung tính của trẻ*

*Về đặc điểm tâm lý – nhân cách của trẻ:* L khó tập trung chú ý, dễ nổi nóng, cáu kỉnh, tức giận, khó kiềm chế xúc cảm, khó kiểm soát hành vi nên trong những tình huống có sự xung đột, bất đồng thường có biểu hiện hung tính.

L ích kỷ, chỉ muốn người khác làm theo ý mình, không chịu chia sẻ, thường tự ý làm mọi việc. L không biết cách phối hợp với các bạn trong lúc chơi, thường gây ra bất hoà với mọi người.

*Cách ứng xử của cô giáo với trẻ:* cô giáo thường xuyên phê bình, phạt hoặc có lúc đánh L khi L gây rối, đánh bạn. Khi bị cô giáo phê bình, L thường tức giận, có lúc cãi hoặc đánh lại cô giáo. Cũng có lúc cô giáo thờ ơ, bỏ qua không nhắc nhở bởi “*nhắc miết (mãi) rồi cũng như không*”.

*Sự quan tâm, giáo dục và giao tiếp ứng xử của gia đình đối với trẻ:* Gia đình trẻ có bố làm kinh doanh, mẹ ở nhà nội trợ, điều kiện kinh tế tương đối khá giả. L có một em trai 3 tuổi. Qua quá trình phỏng vấn sâu, khi được hỏi về em trai, L trả lời “*con không thích em lắm*” vì “*em chẳng cho con chơi điện thoại với coi ti vì gì hết trơn. Em suốt ngày chỉ phá thôi. Mẹ toàn bắt con nhường em*”. Trong những bức tranh vẽ gia đình, L thường không vẽ em trai hoặc vẽ em trai tách riêng biệt.

L được bố rất chiều chuộng, bên mẹ trong khi mẹ rất nghiêm khắc. Qua trò chuyện, chúng tôi nhận thấy L rất sợ mẹ, sợ mỗi lần mẹ đến lớp đón nghe cô giáo “mách” L đánh bạn, khi về nhà mẹ sẽ mắng chửi, thậm chí đánh L vì tội gây rối ở trên lớp. Ở nhà, mẹ L hay phạt L vì tranh giành, không biết nhường nhịn em, làm em khóc. Bố L thì dạy L rằng “*ai đánh con ba cho con đánh lại, đánh cho họ sợ thì thôi. Mình là con trai không được để người khác bắt nạt, con trai phải mạnh mẽ*” (theo lời mẹ L).

- *Nhận xét và đề xuất một số biện pháp tâm lý – giáo dục giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ*



Trên cơ sở quan sát và phỏng vấn sâu, chúng tôi cho rằng, với trường hợp của L, yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của em là đặc điểm tính cách của trẻ và cách giáo dục của gia đình.

L là một bé trai thiếu kiên nhẫn, dễ nổi nóng, dễ bị kích động, khó kiểm soát cảm xúc và hành vi, không biết nhường nhịn và chơi với các bạn, không tuân thủ kỷ luật. Mỗi khi có xung đột, L thường giải quyết bằng những hành động và lời nói mang tính bạo lực. L không nghe lời cô giáo. Trong trường hợp này, gia đình và cô giáo cần dạy cho trẻ cách kiểm soát cảm xúc và hành vi tiêu cực, dạy cho trẻ tính kỷ luật, cách yêu thương, quan tâm đến người khác, dạy cho trẻ cách ứng xử hợp lý khi xảy ra xung đột; cách hợp tác với người khác để có thể giảm thiểu HVHT của trẻ.

Đối với gia đình, cần quan tâm, gần gũi, khuyến bảo trẻ khi trẻ có những hành vi gây rối, bạo lực. Giữa cha mẹ phải thống nhất với nhau về quan điểm nuôi dạy con cái, tránh những sự trừng phạt nghiêm khắc mang tính bạo lực. Cần định hướng cho trẻ những mẫu hành vi, cách cư xử đúng chuẩn mực. Cha mẹ cần trao đổi, hợp tác với cô giáo để tìm ra biện pháp hỗ trợ hiệu quả, giúp L giảm thiểu hành vi hung tính.

#### **4.3.2. Trường hợp thứ 2**

Họ và tên trẻ: L.H.B

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/10/2011

Tuổi: 5 tuổi

Học lớp: Lớn 3

Trường: HT2

Nghề của bố: không có

Nghề của mẹ: hướng dẫn viên du

lịch

L.H.B là bé trai sống trong gia đình có mẹ, bà ngoại, ông bà cố. Trong gia đình bé luôn được mọi người yêu quý, chiều chuộng. Trường của B ở khu vực ngoại thành.

H.B có tư duy ở mức độ trung bình, chỉ số IQ của B (theo trắc nghiệm tranh vẽ người F.Goodenough) là 100 điểm. B thụ động trong việc tham gia các hoạt động trên lớp. B chậm nói, nói ngọng.

- *Biểu hiện HVHT (qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ)*

H.B có biểu hiện hành vi hung tính rất rõ nét với tổng điểm quan sát được là 42 (kết quả từ giáo viên là 43 và kết quả từ cha mẹ là 21).

Hành vi hung tính của B biểu hiện rõ nét qua hành vi phi ngôn ngữ, biểu hiện một cách trực tiếp hướng vào đối tượng gây cho B sự tức giận:

B khó khăn trong việc hợp tác cùng với các bạn. B thường chơi một mình, khó hoà nhập, chưa biết phối hợp và đoàn kết với các bạn trong lớp; ít khi nhường nhịn bạn chơi, B hay cáu giận không có nguyên do, thường có những hành vi như đánh bạn, giành đồ chơi của bạn. Có lúc B đánh bạn vì “*thằng nó (đó) nói không có bố*”.

Lúc nào B cũng muốn mình được cô giáo chú ý hơn so với các bạn. Quan sát trên lớp cho thấy, nếu được cô giáo gọi phát biểu hoặc phát sữa đầu tiên, B rất thích thú và thực hiện nhanh chóng những nhiệm vụ được giao. Ngược lại, khi không phải là người thứ nhất thì B có biểu hiện không hợp tác, hậm hực, đánh bạn được cô gọi trước. Khi cô giáo trách phạt hoặc làm B không hài lòng, B cáu kỉnh, vung văng, dậm chân mạnh xuống nền, khoanh tay ngồi phịch xuống góc lớp.

- *Những yếu tố tác động đến biểu hiện HVHT của trẻ*

Về đặc điểm tâm lý - nhân cách của trẻ: B thích chơi một mình, ích kỷ, luôn muốn được người khác quan tâm chiều chuộng theo ý mình, dễ tức giận, tự ái, hờn dỗi, khó kiềm chế xúc cảm của mình, khó kiểm soát hành vi nên trong những tình huống không thỏa mãn nhu cầu của bản thân thường vung văng, hậm hực, đánh những người xung quanh.

Cách ứng xử của cô giáo với trẻ: Cô giáo cho rằng B là trẻ cá biệt, lý lợm, khó bảo, vì được mẹ, ông bà ở gia đình nuông chiều. Cô thường xuyên

quát mắng, dọa, phạt, thậm chí đánh (dùng thước quật vào tay, tay cốc vào đầu, kéo tai..) hoặc đôi lúc bỏ qua khi B không muốn thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu vì không có nhiều thời gian.

Sự quan tâm, giáo dục và giao tiếp ứng xử của gia đình đối với trẻ: Gia đình rất nuông chiều B, nhất là mẹ và ông cố. B thích gì cũng mua cho, ở nhà B thích làm gì thì làm. Trong quá trình phỏng vấn sâu, khi được hỏi ai là người mà trẻ yêu quý nhất trong nhà, B trả lời “*mẹ với ông cố*” vì mẹ “*không ở nhà, mẹ đi làm về mua đồ chơi*” và “*ông cố hay cho kẹo*”, “*ông cố cho coi tivi*”

*Nhận xét và đề xuất một số biện pháp tâm lý - giáo dục giảm thiểu HVHT cho trẻ*

Chúng tôi có thể nhận định rằng, trường hợp của B, yếu tố ảnh hưởng đến HVHT của B là cách ứng xử của giáo viên và gia đình đối với B.

Do được gia đình chiều chuộng quá, B luôn là người được chú ý nhiều trong gia đình, nên ở trường, B cũng có ý nghĩ và muốn cô giáo và bạn bè cũng chú ý đến mình, muốn mình là nhất nếu không được như vậy, B thường có biểu hiện tiêu cực, thụ động, không hợp tác, dễ hờn dỗi, tức giận. Trong trường hợp này, gia đình cần quan tâm, chú ý hơn đến việc giáo dục tính cách, phẩm chất cho trẻ, đặc biệt là khả năng hợp tác, biết quan tâm đến mọi người, khả năng kiềm chế xúc cảm của bản thân.

Đối với cô giáo, quan tâm, tìm hiểu và nhận ra những ưu điểm và nhược điểm của B để có cách ứng xử phù hợp với đặc điểm, tính cách của B. Ngoài ra, cô giáo cần có sự trao đổi, hợp tác với gia đình của B cùng phối hợp giáo dục giúp B giảm thiểu HVHT. Sự quan tâm của gia đình rất quan trọng, phụ huynh thường xuyên quan tâm, lắng nghe, chia sẻ và hướng dẫn trẻ thể hiện xúc cảm phù hợp, bày tỏ sự quan tâm với người khác và cùng sự cố gắng của mình, trẻ sẽ giảm thiểu được HVHT và hoàn thiện nhân cách.

#### **4.4. Một số biện pháp tâm lý – giáo dục giảm thiểu hành vi hung tính cho trẻ mẫu giáo lớn**

##### **4.4.1. Cơ sở đề xuất biện pháp**

Việc đề xuất biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm giảm thiểu hành vi hung tính cho trẻ mẫu giáo lớn được tiến hành dựa trên cơ sở lý thuyết về đặc điểm phát triển tâm lý của lứa tuổi này và những kết quả nghiên cứu thực tiễn về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn mà đề tài thu thập được cũng như hồi cứu những công trình đã có, đặc biệt là kết quả của các nguyên nhân của hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

##### **4.4.1.1. Cơ sở lý luận**

- *Xuất phát từ đặc điểm tâm lý lứa tuổi mẫu giáo lớn:* ở độ tuổi mẫu giáo lớn, tình cảm là mặt phát triển phong phú và sâu sắc nhất so với các chức năng tâm lý khác, chi phối mạnh mẽ đời sống của trẻ, là động lực mạnh mẽ thúc đẩy trẻ hành động. Trẻ đã có khả năng dự đoán về các cảm xúc có thể xảy ra, điều này ảnh hưởng đến việc khích lệ hay kìm hãm hành động, tạo cơ sở cho khả năng điều khiển hành động. Tuy nhiên, xúc cảm của trẻ ở giai đoạn này vẫn dễ thay đổi, trẻ dễ xúc động. Các phẩm chất ý chí của trẻ hoàn thiện nhanh, trẻ có khả năng điều khiển, điều chỉnh hành vi của mình tốt hơn. Ngoài ra, trẻ ở độ tuổi này rất cả tin. Trẻ tin tưởng một cách tuyệt đối vào người lớn, vào những gì trẻ nhìn thấy và vào bản thân, đặc biệt là tin tưởng cô giáo. Những gì cô giáo nói đều đúng và là chuẩn mực để trẻ làm theo. Trẻ cũng thích bắt chước những gì mà trẻ quan sát được từ người lớn, bạn bè, phim ảnh...

- *Xuất phát từ vai trò của cô giáo mầm non trong nhà trường và trong mối quan hệ với trẻ*

Giáo viên có vị trí quan trọng nhất trong hoạt động dạy học và giáo dục trẻ ở trường mầm non. Cô giáo thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ

trong toàn bộ thời gian trẻ ở trường, vì vậy cô giáo có ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của trẻ.

Điều 5, điều 6, điều 7 trong Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (2008) quy định cụ thể về nhân cách người giáo viên mầm non “giáo dục trẻ yêu thương, lễ phép với ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi, thân thiện với bạn bè”, “giáo dục trẻ thực hiện các quy định ở trường, lớp, nơi công cộng”, “...gương mẫu, được trẻ yêu quý”, “chăm sóc, giáo dục trẻ bằng tình thương yêu, sự công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo”. Ngoài ra, người giáo viên mầm non phải có “hiểu biết cơ bản về đặc điểm tâm lý, sinh lý trẻ lứa tuổi mầm non”, “có kiến thức về phương pháp phát triển tình cảm – xã hội cho trẻ”, “có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm”, “gần gũi, tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, ứng xử với cha mẹ trẻ”. Cô giáo mầm non cần biết lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ.

*- Xuất phát từ vai trò của gia đình trong việc giảm thiểu hành vi hung tính cho trẻ*

Gia đình có một vai trò đặc biệt, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của trẻ. Nhiều nghiên cứu tâm lý-giáo dục cho thấy nguyên nhân gây ra hành vi hung tính của trẻ thường xuất hiện nhiều nhất từ phía gia đình. Các nhà nghiên cứu chỉ ra rằng trẻ em có hành vi hung tính thông qua bắt chước những hành vi này ở người lớn một cách đơn giản. Như vậy, nếu tuổi thơ của trẻ gắn liền với hành vi hung tính của cha mẹ trong các tình huống cuộc sống thường ngày (tiếng la hét, chửi mắng, sự lỗ mãng, tục tằn, hà khắc, xúc phạm, sỉ nhục, trừng phạt thân thể, thiếu kiểm chế và quyền uy...) sẽ khiến trẻ trở nên nhạy cảm với các mối quan hệ, có phản ứng mạnh và thù địch với thế giới xung quanh. Trẻ thường bắt đầu có biểu hiện hung tính hơn, do hàng ngày trẻ quan sát và chứng kiến ở người lớn. Hung tính dần dần trở thành chuẩn mực trong cách cư xử của trẻ.

#### 4.4.1.2. Cơ sở thực tiễn

Xuất phát từ kết quả nghiên cứu thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn và kết quả tương quan giữa các yếu tố thuộc về gia đình, nhà trường và đặc điểm tâm lý của trẻ với biểu hiện hành vi hung tính trong thời gian ở trường; xuất phát từ các ý kiến thu được từ các chuyên gia tâm lý, từ giáo viên và phụ huynh thông qua phương pháp phỏng vấn sâu và phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

##### + Ý kiến thu được từ giáo viên

Theo ý kiến của giáo viên, trẻ thường xuyên có những hành vi hung tính trong các tình huống mà cô giáo ít để ý như giờ chơi tự do ở các góc, hoạt động ngoài trời, giờ ăn...; yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến hành vi hung tính của trẻ là mối quan hệ với bạn bè cùng lớp (trẻ xích mích, tranh giành đồ chơi, trẻ không thích nhau...), đặc điểm tâm lý của trẻ (trẻ ích kỷ, ghen tị với bạn, trẻ thích chơi một mình, thích được người khác để ý...), cách giáo dục của gia đình (gia đình quá nuông chiều, dạy cho trẻ cách cư xử lách lạc...).

Các biện pháp có thể giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn được giáo viên lựa chọn như sau:

- Phải hình thành cho trẻ những hành vi tích cực như nhường nhịn bạn, không đánh nhau, không gào thét... Mỗi lần trẻ có những hành vi tốt cô giáo phải nêu gương, khen ngợi kịp thời và có thể có phần thưởng cho trẻ (phiếu bé ngoan, dấu sao, cờ đỏ...).

- Cần giúp trẻ biết cách quản lý cảm xúc, nhất là quản lý sự tức giận của mình thông qua các bài tập quản lý cảm xúc.

- Giúp trẻ nhìn nhận hậu quả của những hành vi tiêu cực như đánh nhau, gây gổ... Việc giáo dục trẻ ý thức được hậu quả của hành vi cần được thực hiện mọi lúc mọi nơi, trong mọi hoạt động của trẻ, nhất là thông qua hoạt động vui chơi.

- Cha mẹ cần phải phối hợp với giáo viên trong việc giáo dục hành vi hung tính, không nên có những phản ứng thái quá khi giáo viên đề cập đến vấn đề này với phụ huynh. Cô giáo N.T.H.H kể: *“có lần ở lớp trẻ đánh bạn chảy máu, tôi đó cô đến nhà nói với ba mẹ. Mẹ nghe xong kêu trẻ ra rồi đánh trẻ tới tấp trước mặt cô, mắng trẻ mà như mắng vốn cô”*. Nếu giữa phụ huynh và cô giáo thiếu sự phối hợp, hợp tác sẽ gây khó khăn cho việc giảm thiểu HVHT ở trẻ.

+ Ý kiến thu được từ phía phụ huynh

Kết quả thu được từ phỏng vấn sâu cho thấy đa số phụ huynh cho rằng để trẻ bớt hung tính, cha mẹ hoặc người lớn trong nhà phải làm gương cho con, đối xử công bằng và hạn chế những tình huống khiến trẻ khó chịu, tức giận. Hành vi, lời nói của người lớn cần đúng chuẩn mực, không nên có những hành vi bạo lực trong gia đình, không nói lời thô tục, la hét, giận dữ, quát mắng... Cần tạo bầu không khí tâm lý gia đình ấm áp, mọi người có cách cư xử hài hoà, yêu thương lẫn nhau. Nếu mối quan hệ gia đình có bất hoà, xung đột thì không nên giải quyết những xung đột này trước mặt trẻ. Chị L.T.H, phụ huynh cháu B.N chia sẻ: *“trong nhà, ba mẹ hạn chế tối đa cãi nhau trước mặt con cái. Vợ chồng tôi thoả thuận nếu cãi nhau phải đợi con đi ngủ hoặc con vắng nhà”*.

Một số phụ huynh cho rằng cha mẹ cần dạy con cách giải quyết vấn đề mà không dùng bạo lực, cần đối xử công bằng, tôn trọng và lắng nghe mong muốn, nguyện vọng của trẻ. Chị Đ.K.K.P, phụ huynh bé H.L cho rằng *“phải quan tâm đến cháu nhiều hơn. Nhiều khi ba mẹ quan tâm, thiên vị em quá nên cháu ảm ức. Ba mẹ cũng phải đối xử công bằng, không bắt cháu lúc nào cũng nhường nhịn em nữa, vì nhiều khi em cũng đòi hỏi vô lý quá”*.

Một số phụ huynh khác cảm thấy mình cũng nên tìm hiểu những kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý trẻ mẫu giáo để có cách ứng xử với con thích

hợp; hoặc hạn chế cho con xem những chương trình ti vi, chơi trò chơi điện tử có cảnh đánh nhau.

Bên cạnh đó, có một vài phụ huynh chia sẻ họ không biết làm thế nào để con mình bớt hung hăng hơn, “*thử hết mọi cách, đánh có, phạt có, cấm chơi với bạn có, khuyên nhủ cũng có nhưng ngày mô (nào) cũng bị cô nói ở lớp chọc phá bạn, đánh bạn*” (Anh N.V.T, phụ huynh cháu K.T).

#### **4.4.2. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp**

- Đảm bảo mang tính hệ thống, toàn diện

Các biện pháp can thiệp đối với biểu hiện HVHT ở trẻ MGL cần đảm bảo tính hệ thống và toàn diện. Sự hình thành hành vi và thay đổi hành vi của trẻ chịu sự tác động của nhiều yếu tố: yếu tố môi trường tự nhiên, yếu tố gia đình và nhà trường, yếu tố xã hội, đặc điểm lứa tuổi, cấu trúc tâm lý của hành vi v.v... Do vậy, khi bàn đến biện pháp can thiệp đối với trẻ có biểu hiện hành vi hung tính không bỏ qua các yếu tố tác động đến sự hình thành cũng như biểu hiện hành vi hung tính ở trẻ. Cần có cái nhìn tổng quan về trẻ, tránh nhìn phiến diện, một chiều dẫn đến biện pháp đề ra sẽ khó đạt hiệu quả, gặp nhiều khó khăn và đôi khi phản tác dụng.

Các biện pháp phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ phù hợp với logic can thiệp, phòng ngừa và trị liệu. Các biện pháp phải có sự bổ sung và liên kết với nhau theo mạng lưới hệ thống, thúc đẩy, hỗ trợ sự tác động lên toàn diện các mặt, các khía cạnh của đối tượng nghiên cứu.

- Thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế

Các biện pháp đề xuất phải phù hợp với điều kiện tình hình thực tiễn hiện có của nhà trường và của bản thân trẻ. Cụ thể là cần quan tâm đến: nhu cầu cần thiết của nhà trường về việc can thiệp và phòng ngừa rối nhiễu tâm lý cho học sinh, trong đó có biểu hiện hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn; điều kiện cơ sở vật chất tạo điều kiện về không gian và thời gian cho việc can thiệp và phòng ngừa; lịch sinh hoạt hàng ngày ở trường. Mức độ hiệu quả của các



biện pháp phụ thuộc rất lớn vào việc biện pháp đó có thiết thực hay không. Do đó đây là một nguyên tắc cần đặc biệt quan tâm khi đề xuất các biện pháp.

- Tạo động lực phát triển và hình thành nhân cách của trẻ mẫu giáo lớn

Các biện pháp phải hướng tới lấy đối tượng là trung tâm, mà trong vấn đề nghiên cứu này thì học sinh là trung tâm của nghiên cứu. Trẻ mẫu giáo lớn cũng là trung tâm của công tác giáo dục và đào tạo của nhà trường. Do vậy, điều quan trọng nhất của các biện pháp là tạo động lực phát triển và hình thành nhân cách của trẻ, tức là tạo ra sự các động cơ, sự hứng thú đối với quá trình học tập ở trường và sự thay đổi của bản thân theo chiều hướng tích cực.

#### ***4.4.2. Các biện pháp can thiệp biểu hiện hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn***

Từ việc nghiên cứu các biện pháp đã được thẩm định của các công trình nghiên cứu đã có, phân tích kết quả các nguyên nhân gây ra những biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, kết quả phỏng vấn sâu về các biện pháp hạn chế hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn do cô giáo và phụ huynh của trẻ đề xuất, đồng thời dựa vào đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ mẫu giáo lớn, đề tài có bổ sung và bước đầu đưa ra một số biện pháp phù hợp với đặc điểm của trẻ. Đề tài không thử nghiệm đánh giá hiệu quả của các biện pháp, mà vấn đề này có thể được tiếp tục ở những nghiên cứu tiếp theo.

\* Nguyên tắc chung của việc sử dụng phù hợp các biện pháp tác động, theo các chuyên gia trong lĩnh vực này, đó là trước hết cần xác định rõ nguyên nhân của hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn. Để làm được điều này cần có phối hợp giữa nhà trường, gia đình và chuyên gia tâm lý giáo dục để có thể tìm ra nguyên nhân đúng nhất, từ đó sẽ tìm ra biện pháp tâm lý - giáo dục phù hợp nhằm giảm thiểu hành vi hung tính ở trẻ.

Bản chất của trị liệu hung tính cho trẻ là giúp trẻ có được kỹ năng quản lý hành vi và cảm xúc của bản thân và đặc biệt là kiểm soát cơn giận. Theo Goleman (1995) thì cơn giận là một trong những cảm xúc khó kiểm soát nhất trong các loại cảm xúc của con người [dẫn theo 14]. Do vậy, cần phối hợp

biện pháp tác động khác nhau nhằm khơi dậy các tiềm năng tốt đẹp từ phía trẻ và giảm thiểu các biểu hiện lệch chuẩn trong hành vi, giúp trẻ có khả năng kiểm soát được cảm xúc của mình.

#### *4.4.2.1. Biện pháp nâng cao nhận thức của cha mẹ, thầy cô về trẻ có biểu hiện hành vi hung tính và biện pháp ứng phó*

Điều kiện đầu tiên để giáo dục những hành vi lệch chuẩn nói chung, hành vi hung tính nói riêng là sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ của các lực lượng giáo dục. Những ý kiến từ phụ huynh và giáo viên ở trên cho thấy đa phần mọi người đã nhận diện được những biểu hiện hành vi hung tính nhưng lại gặp khó khăn trong việc tìm hiểu nguyên nhân, hậu quả và cách ứng xử phù hợp với hành vi hung tính của trẻ. Do đó, việc cung cấp cho cha mẹ và thầy cô những kiến thức tối thiểu về hành vi hung tính của trẻ là rất quan trọng, nhằm giúp họ nhận dạng, tìm hiểu chính xác nguyên nhân và từ đó có những biện pháp giáo dục phù hợp nhằm giảm thiểu hành vi hung tính ở trẻ.

\* *Mục đích của biện pháp:* Nâng cao nhận thức của cha mẹ, thầy cô về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn và các cách ứng xử phù hợp với hành vi này.

\* *Nội dung của biện pháp:*

+ Cung cấp cho cha mẹ và giáo viên những kiến thức chung về đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi mẫu giáo lớn.

+ Cung cấp những kiến thức để cha mẹ và giáo viên hiểu về nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn.

+ Cung cấp kiến thức giúp cha mẹ và giáo viên biết được các cách giáo dục, ứng phó với hành vi hung tính của trẻ. Cụ thể như sau:

- Giúp trẻ nhận thức đúng đắn về biểu hiện, hậu quả của hành vi hung tính: Nhận thức đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của con người, là cơ sở của hành động. Nếu nhận thức đúng đắn sẽ dẫn đến các hành động đúng đắn và ngược lại. Đối với trẻ mẫu giáo lớn, nếu trẻ có nhận thức đúng

đán về bản thân và các yếu tố tác động bên ngoài thì sẽ dẫn tới hành vi tích cực. Tuy nhiên, đặc điểm tâm lý cũng như hoạt động nhận thức ở lứa tuổi mẫu giáo lớn còn non nớt, thiếu chủ động và ý thức tập trung chưa cao độ, do vậy việc tác động vào mặt nhận thức cần phải linh hoạt, tạo sự hứng thú và việc nhận thức đi vào trẻ một cách tự nhiên. Để thực hiện được điều này cần phải thực hiện một số các bước sau:

*Giúp trẻ nhận thức giá trị bản thân và người khác* trong tình huống gây hấn thông qua các hoạt động trò chơi đóng vai, trải nghiệm nhằm tăng cường nhận thức về bản thân và những giá trị tích cực của bản thân cũng như những giá trị tích cực của người khác.

*Giúp trẻ nhận thức được tầm quan trọng của việc hợp tác, chia sẻ* thông qua các tình huống, trò chơi...

*Giúp trẻ nhận thức các cảm xúc tích cực và cảm xúc tiêu cực* thông qua thảo luận về nội dung phim, trò chơi và cảm nhận của trẻ trong các tình huống đó.

*Giúp trẻ nhận diện hành vi tích cực và hành vi tiêu cực.* Cùng trẻ phân tích hiệu quả của hành vi tích cực và không hiệu quả của hành vi hung tính (chứng minh bằng các câu chuyện kể, nội dung của phim hoạt hình và bằng các hành vi thực tế của trẻ)

*Cha mẹ hoặc cô giáo làm mẫu hành vi tích cực* cho trẻ quan sát, bắt chước và làm theo.

- Giúp trẻ trải nghiệm cảm xúc tích cực và hành vi tích cực, thư giãn

Biện pháp tác động vào mặt xúc cảm của trẻ mẫu giáo lớn có biểu hiện hành vi hung tính là biện pháp khá quan trọng trong chương trình tác động và can thiệp. Bởi đặc điểm tâm lý đặc trưng lứa tuổi này là cảm xúc phát triển mạnh, mọi phản ứng của trẻ xuất phát từ cảm giác thỏa mãn, dễ chịu hay không được thỏa mãn và dễ chịu của bản thân. Trên cơ sở đó, cần có biện pháp tác động phù hợp sao cho có thể khơi gợi các cảm xúc tích cực và giảm

bớt các xung động tiêu cực của cảm xúc, giúp trẻ giải tỏa căng thẳng và thư giãn. Để thực hiện biện pháp này, cần thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

*Giúp trẻ trải nghiệm các cảm xúc tích cực và cảm xúc tiêu cực thông qua hoạt động trò chơi, xem phim (kể chuyện) và đóng vai theo nội dung phim*

*Giúp trẻ thể hiện các thái độ tích cực trong quan hệ với mọi người xung quanh bằng cách thực hiện các bài tập, ví dụ như: thể hiện sự yêu thương với người khác, thể hiện lòng vị tha, thể hiện sự tôn trọng v.v...*

*Giúp trẻ học chuyển hướng cảm xúc tiêu cực thành tích cực. Ví dụ: Thực hiện bài tập vẽ lại nỗi sợ hãi, cơn tức giận rồi chỉnh sửa thành bức tranh thể hiện sự yêu thương, sự tha thứ v.v...*

- Cùng cố hành vi tích cực cho trẻ

Một trong những thành phần quan trọng nhất của ý thức đó chính là mặt năng động của ý thức biểu hiện qua hành vi của hoạt động. Hành vi là thành phần cốt lõi của biểu hiện hành vi hưng tính của trẻ mẫu giáo lớn. Khi trẻ đã nhận thức tốt, có cảm xúc tích cực nhưng khi biểu hiện hành vi vẫn chưa theo mong muốn thì đó là vấn đề mà các nhà tâm lý, phụ huynh, giáo viên và các lực lượng giáo dục khác cần hỗ trợ để củng cố các hành vi được tạo lập. Để thực hiện biện pháp này cần cùng trẻ thiết lập hành vi tích cực theo các bước sau:

Phân tích các hành vi tích cực và tiêu cực, tính hiệu quả của các hành vi tích cực

Đề nghị trẻ nêu ra các mẫu hành vi có thể trong một tình huống cụ thể

Gợi ý cho trẻ các mẫu hành vi được chấp nhận và cách thức bày tỏ cảm xúc phù hợp;

Cùng trẻ thảo luận lợi ích của các mẫu hành vi đã được đưa ra;

Làm mẫu cho trẻ xem các hành vi này (ví dụ, hành vi xin lỗi bạn, hành vi tha thứ lỗi của người khác...);

Hướng dẫn trẻ các bước thực hiện hành vi mới;

Củng cố hành vi mới bằng lời khen, sự động viên, khích lệ hoặc phần thưởng kịp thời phù hợp với sở thích và mong muốn của trẻ.

Ngoài ra, thường xuyên tổ chức các trò chơi hình thành hành vi mới, cho trẻ vẽ tranh, nghe nhạc và vận động nhẹ nhàng theo nhạc giúp trẻ giải phóng các cảm xúc tiêu cực và sự căng cứng của các cơ. Đó cũng chính là các biện pháp tích cực giúp trẻ hình thành và củng cố được các hành vi tích cực.

*\* Cách thức và các điều kiện thực hiện biện pháp*

Biện pháp nâng cao nhận thức của cha mẹ, thầy cô về biểu hiện hành vi hung tính và cách ứng phó có thể được thực hiện bằng cách kết hợp cùng nhà trường tổ chức buổi tọa đàm, tập huấn kỹ năng cho cha mẹ và thầy cô về trẻ mẫu giáo lớn có biểu hiện hành vi hung tính; phổ biến và phát tài liệu chia sẻ sự hiểu biết về đặc điểm tâm lý của trẻ, các nguyên nhân gây nên hành vi hung tính.

Điều kiện thực hiện biện pháp: có sự phối hợp, quan tâm, ủng hộ của nhà trường và gia đình; sự quan tâm và ủng hộ của các trung tâm truyền thông...

#### *4.2.2.2. Xây dựng môi trường gia đình tích cực*

Như đã nói ở trên, môi trường gia đình ảnh hưởng rất lớn đến đời sống tâm lý của trẻ. Nếu trẻ sống trong một gia đình có yếu tố bạo lực thì đó có thể là nguy cơ dẫn đến phản ứng hung tính của trẻ. Do vậy, để giảm thiểu hành vi này cần tác động đến yếu tố gia đình.

*\* Mục đích của biện pháp: Xây dựng môi trường gia đình tích cực, giúp bố mẹ có những cách ứng xử phù hợp với hành vi hung tính của con cái.*

*\* Nội dung của biện pháp*

- Cung cấp kiến thức và hướng dẫn thực hiện các phương pháp giáo dục con hợp lý, trong đó phương pháp giáo dục tốt nhất là người lớn trong gia đình phải làm gương cho trẻ. Cha mẹ cần phải là hình mẫu lý tưởng để cho trẻ

học tập: hành vi và lời nói phải đúng chuẩn mực, không có những hành vi bạo lực trong gia đình, không nói lời thô tục, la hét, giận dữ, quát mắng...

- Giúp cha mẹ đưa ra những quy tắc ứng xử cần có trong gia đình để trẻ nhận và những giới hạn về hành vi mà trẻ cần tuân theo nhưng không quá nghiêm khắc, áp đặt thô bạo.

- Giúp cha mẹ biết cách sử dụng những hình thức kỉ luật tích cực mỗi khi trẻ có biểu hiện hung tính, bướng bỉnh.

- Cung cấp những kiến thức và hướng dẫn cha mẹ cách tự quản lý cảm xúc bản thân, cách giúp trẻ quản lý cảm xúc. Nếu cha mẹ biết cách làm chủ những cảm xúc tiêu cực và hướng dẫn trẻ kỹ năng này thì sẽ hạn chế được những hành vi hung tính trong gia đình.

- Giúp cha mẹ nhận diện và kiểm soát các nguy cơ dẫn đến hành vi hung tính từ phương tiện truyền thông như phim ảnh, trò chơi bạo lực.

*\* Hình thức và điều kiện thực hiện biện pháp*

Tổ chức tuyên truyền cho cha mẹ của trẻ qua các buổi họp phụ huynh, buổi nói chuyện chuyên đề; tổ chức các buổi ngoại khoá có sự tham gia của phụ huynh, nhà trường và trẻ để cùng tìm hiểu về những nội dung trên. Xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu tập huấn, cẩm nang hướng dẫn về cách làm cha mẹ tích cực, cách ứng xử với trẻ khi có biểu hiện hung tính...

*4.4.2.3. Xây dựng lớp học thân thiện, an toàn, lành mạnh*

*\* Mục đích của biện pháp:* Xây dựng lớp học thân thiện, an toàn, khoẻ mạnh nhằm tạo cho học sinh những cảm xúc tích cực, hạn chế các tình huống làm nảy sinh hành vi hung tính.

*\* Nội dung của biện pháp:*

- Cung cấp kiến thức và kỹ năng cho giáo viên về việc tổ chức, sắp xếp môi trường lớp học an toàn, thân thiện.

- Cung cấp những kiến thức và kỹ năng quản lý hành vi lớp học hiệu quả, đặc biệt là những hành vi hung tính, quấy rối, mất trật tự trong lớp học.

- Cung cấp kiến thức và kỹ năng cho giáo viên về việc nói lời động viên, khen ngợi và phê bình hợp lý; cách đối xử công bằng, tránh làm cho trẻ có tâm trạng tức tối, ghen tị, bất bình...

- Cung cấp kiến thức và kỹ năng giúp giáo viên dạy trẻ biết hợp tác, chia sẻ, quản lý cảm xúc...

- Hướng dẫn giáo viên cách giải quyết các tình huống trẻ xung đột với nhau, cách ứng xử phù hợp với hành vi hung tính.

- Hướng dẫn giáo viên cách quản lý những cảm xúc tiêu cực, tránh có những hành vi bạo lực với trẻ.

*\* Hình thức và điều kiện thực hiện biện pháp:*

Hình thức xây dựng lớp học thân thiện, an toàn, lành mạnh nhằm hạn chế hành vi hung tính rất đa dạng: tổ chức các buổi tập huấn, tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, giáo dục thường xuyên cho cán bộ quản lý và toàn bộ giáo viên, nhân viên của trường; xây dựng tài liệu giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống dành cho lứa tuổi mầm non...

Mỗi biện pháp hướng tới một mục tiêu cụ thể, nhưng đều hướng đến mục tiêu chung là giúp trẻ kiểm soát được hành vi hung tính, giảm thiểu các biểu hiện tiêu cực của hành vi gây tổn thương cho người khác, hình thành các cảm xúc và hành vi tích cực. Thực tế, trong mỗi biện pháp đều có gắn nội dung của các biện pháp khác hợp thành. Như vậy, có thể nói rằng, các biện pháp nhằm giảm thiểu hành vi hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn à các biện pháp có những mục tiêu riêng, nhưng luôn hòa quyện vào nhau, không tách rời nhau một cách độc lập, do vậy khi thực hiện biện pháp tác động cần thực hiện đồng bộ để tạo sức mạnh hình thay đổi và tạo lập hành vi tích cực ở trẻ.

Tóm lại, các biện pháp cơ bản được nêu trên là các biện pháp trọng tâm có ý nghĩa trong hoạt động hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ có biểu hiện Hành vi hung tính. . Các hướng mục tiêu tuy có khác nhau nhưng rất thống nhất trong

một mục tiêu chung là hướng đến sự phát triển tâm lý lành mạnh ở trẻ. Khi thực hiện biện pháp tác động, không thể thiếu 1 trong 3 biện pháp đã được nêu, bởi sự thiếu hụt đó sẽ không mang tính đồng bộ, không tạo sức mạnh tổng thể làm cho hoạt động triển khai gặp khó khăn và không thể thực hiện được. Trong quá trình thực hiện, tùy theo điều kiện, môi trường, thời điểm và đối tượng cụ thể, có thể sắp xếp các biện pháp trong mối tương quan khác có vị trí ưu tiên khác nhau sao cho việc thực thi kế hoạch can thiệp đạt hiệu quả cao nhất.

#### **Tiểu kết chương 4**

Trên cơ sở điều tra thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn cho thấy:

Đa số trẻ hiếm khi hoặc thỉnh thoảng biểu hiện hành vi hung tính ở trên lớp. Kết quả này có tương quan thuận với kết quả thu được từ giáo viên và từ cha mẹ của trẻ. Như vậy có thể thấy rằng hành vi hung tính của trẻ biểu hiện tương đối ổn định. Trẻ không chỉ bộc lộ hành vi này ở trên lớp mà còn bộc lộ nói ở nhà.

Hành vi hung tính của trẻ được biểu hiện rõ nét qua hành vi ngôn ngữ; biểu hiện chủ yếu một cách trực tiếp hướng vào chính đối tượng gây nên cho trẻ sự tức giận, khó chịu. Điều này phù hợp với kết quả của một số nghiên cứu đi trước và phù hợp với đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo.

Xét về khía cạnh ngôn ngữ, trẻ bộc lộ sự hung tính chủ yếu thông qua các biểu hiện như “lớn tiếng với bạn khi có mẫu thuẫn”, “la hét, quát tháo bạn bè trong lúc chơi đùa”, “làu bàu, cấm cẩu một mình”

Xét về khía cạnh hành vi phi ngôn ngữ, trẻ có những biểu hiện rõ nét như “*Sử dụng các bộ phận cơ thể gây đau đớn cho người khác*”, “*Trẻ xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác*”, “*Trẻ sử dụng đồ vật bất kỳ để đánh bạn*” .



Có sự khác nhau về mức biểu hiện hành vi hung tính khi so sánh theo các biến số.

Xét theo giới tính, các bé trai có mức độ biểu hiện hành vi hung tính rõ nét hơn và chủ yếu biểu hiện thông qua hành vi phi ngôn ngữ.

Xét theo khu vực trường, không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về mức biểu hiện hung tính giữa trẻ sống ở ngoại thành và trẻ sống ở nội thành mà chỉ có sự khác biệt ở một số khía cạnh biểu hiện của hành vi hung tính như: cãi lại cô giáo, la hét quát tháo với bạn bè trong lúc chơi đùa, nói hỗn với bạn bè khi bực tức....

Xét theo mối quan hệ anh chị em trong gia đình, không có sự khác biệt đáng kể giữa nhóm trẻ mẫu giáo lớn là con một và nhóm trẻ có anh chị em trong gia đình về mức độ biểu hiện cũng như các mặt biểu hiện hành vi hung tính thông qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ, hành vi ngôn ngữ trực tiếp và hành vi ngôn ngữ gián tiếp.

Xét theo nghề nghiệp của bố và mẹ, kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm trẻ có mẹ làm kinh doanh có mức độ biểu hiện hành vi hung tính rõ nét hơn so với nhóm trẻ có mẹ là cán bộ công chức. Sự hung tính được bộc lộ qua hành vi ngôn ngữ, hành vi phi ngôn ngữ và biểu hiện một cách trực tiếp của nhóm trẻ có mẹ làm kinh doanh cũng rõ nét hơn. Trẻ có bố là lao động phổ thông có hành vi hung tính diễn ra nhiều hơn; biểu hiện hành vi hung tính bằng ngôn ngữ rõ nét hơn so với trẻ có bố là cán bộ công chức.

Khi trẻ có biểu hiện hành vi hung tính, cách phản ứng chủ yếu của cô giáo là khuyên bảo và trách phạt nhẹ nhàng.

- Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, gồm các yếu tố chủ quan (ghen tị, thích chơi một mình, không biết đến sự nguy hiểm, rối loạn quan hệ xã hội, lo âu) và các yếu tố khách quan (phong cách giáo dục của cha mẹ, cách ứng xử của cô giáo). Yếu tố có khả năng dự báo hành vi hung tính của trẻ cao nhất là “trẻ thích

chơi một mình, không thích người khác bên cạnh” với 53% độ biến thiên của mức độ hung tính, tiếp theo là “rối loạn quan hệ xã hội” (40%) và “ghen tị” (20%).

Luận án đã nghiên cứu 2 trường hợp điển hình. Kết quả nghiên cứu trường hợp điển hình góp phần khắc họa sâu hơn hành vi hung tính của trẻ cũng như đưa ra các biện pháp tâm lý – giáo dục phù hợp.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất 4 nhóm biện pháp can thiệp nhằm giảm thiểu hành vi hung tính, bao gồm: tác động vào mặt nhận thức của trẻ, giúp trẻ trải nghiệm cảm xúc và hành vi tích cực, củng cố hành vi tích cực cho trẻ và cuối cùng là nâng cao nhận thức của cha mẹ, cô giáo về trẻ có biểu hiện hành vi hung tính và biện pháp ứng phó.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây:

1.1. Thông qua việc nghiên cứu tài liệu, phân tích các lý thuyết về hành vi hung tính, luận án đưa ra khái niệm công cụ của đề tài như sau:

*Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn là cách xử sự của trẻ trong hoàn cảnh cụ thể, được biểu hiện ra ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhằm gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân.*

Hành vi hung tính của trẻ được bộc lộ qua hành vi ngôn ngữ hoặc hành vi phi ngôn ngữ một cách trực tiếp hướng vào chính đối tượng gây nên sự tức giận khó chịu; hoặc bộc lộ một cách gián tiếp hướng vào người hoặc vật xung quanh mà không phải là nguyên nhân gây ra sự tức giận, khó chịu cho trẻ.

Trên cơ sở khái niệm và thực tiễn quan sát, đề tài đã đưa ra một danh mục 16 biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, bao gồm 8 hành vi ngôn ngữ và 8 hành vi phi ngôn ngữ .

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn, bao gồm nhóm yếu tố chủ quan và nhóm yếu tố khách quan

1.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy:

*Về mức độ biểu hiện:* Đa số trẻ hiếm khi hoặc thỉnh thoảng biểu hiện hành vi hung tính ở trên lớp. Kết quả này có tương quan thuận với kết quả thu được từ giáo viên và từ cha mẹ của trẻ.

*Về hình thức biểu hiện:* Hành vi hung tính của trẻ được biểu hiện rõ nét qua hành vi ngôn ngữ. Trẻ biểu hiện chủ yếu một cách trực tiếp hướng vào chính đối tượng gây nên cho trẻ sự tức giận, khó chịu.

Có sự khác nhau về mức biểu hiện hành vi hung tính khi so sánh theo các biến số giới tính, khu vực trường, nhóm nghề nghiệp của bố mẹ, trẻ là con một và trẻ có anh chị em.

Khi trẻ có biểu hiện hành vi hung tính, cách phản ứng chủ yếu của cô giáo là khuyên bảo và trách phạt nhẹ nhàng.

1.3. Biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, gồm các yếu tố: thuộc về bản thân trẻ (ghen tị, thích chơi một mình, không biết đến sự nguy hiểm, rối loạn quan hệ xã hội, lo âu...), thuộc về cô giáo (cách ứng xử, hình phạt...), thuộc về gia đình (phong cách giáo dục, các biện pháp giáo dục đã sử dụng...). Trong đó, những yếu tố thuộc về bản thân trẻ có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn.

1.4. Kết quả phân tích trường hợp điển hình của một số trẻ mẫu giáo lớn đã làm rõ hơn thực trạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn và có thêm thông tin thực tiễn khẳng định kết quả nghiên cứu.

1.5. Đề xuất 03 biện pháp tâm lý - giáo dục trên cơ sở kế thừa và có bổ sung nhằm giảm thiểu hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn: nâng cao nhận thức của cha mẹ, thầy cô về trẻ có biểu hiện hành vi hung tính và cách ứng phó phù hợp, xây dựng môi trường gia đình tích cực, xây dựng trường học thân thiện, an toàn, lành mạnh.

Với kết quả nghiên cứu trên cho phép chúng tôi khẳng định kết quả nghiên cứu phù hợp với giả thuyết đã nêu trong luận án.

## **2. Khuyến nghị**

### **2.1. Đối với giáo viên**

- Hiểu được đặc điểm tâm lý của cá nhân trẻ, nhận dạng biểu hiện hành vi hung tính của trẻ, từ đó có ứng xử phù hợp và những hỗ trợ cần thiết nhằm giảm thiểu hành vi hung tính cho trẻ mẫu giáo lớn.

- Cô giáo cần giao tiếp với trẻ bằng hành vi nhẹ nhàng, cởi mở, thân thiện, giảm bớt những yếu tố gây căng thẳng cho trẻ trong các hoạt động trên lớp (không quát tháo, la mắng, bêu gương, áp đặt thô bạo, ép trẻ làm những điều không thích, phân xử không công bằng...) tạo cảm giác thoải mái và an toàn cho trẻ.

- Giáo viên tự rèn luyện nâng cao kiến thức nghiệp vụ sư phạm thông qua việc tham gia các khóa học, tập huấn, tự bồi dưỡng lẫn nhau trong các giờ sinh hoạt chuyên môn và tự học.

## **2.2. Đối với cha mẹ học sinh**

- Tạo điều kiện, thường xuyên động viên, khích lệ và giúp đỡ trẻ trong mọi hoạt động, quan tâm đến tinh thần, xúc cảm tình cảm của con.

- Cha mẹ làm gương cho trẻ trong việc xử lý các tình huống xung đột bằng sự bình tĩnh, nhẹ nhàng, tránh dùng vũ lực.

- Phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ (họp phụ huynh, tham gia các hoạt động do nhà trường tổ chức...). Đồng thời chia sẻ với những khó khăn và thường xuyên phối hợp hỗ trợ giáo viên trong việc giáo dục trẻ.

- Tự học hoặc tham gia các khóa lớp (qua chương trình ti vi, lớp kỹ năng sống...) bồi dưỡng kiến thức về đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo, kỹ năng ứng xử với trẻ khi trẻ có biểu hiện hung tính.

## **2.3. Đối với nhà trường**

- Ban giám hiệu cần hiểu rõ những đặc điểm tâm lý và những khó khăn của trẻ mẫu giáo lớn.

- Tổ chức và duy trì các hoạt động sinh hoạt chuyên môn và hoạt động ngoại khóa (mời chuyên gia nói chuyện, tổ chức cuộc thi, giao lưu,...) thu hút trẻ, giáo viên, phụ huynh học sinh tham gia với các chủ đề về cách ứng xử khi trẻ có biểu hiện hành vi hung tính và kỹ năng thiết lập mối quan hệ thân thiện, tích cực giúp giảm thiểu hành vi hung tính ở trẻ.

- Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đáp ứng với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đặc biệt là kiến thức về tâm lý học sư phạm và tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non; Kỹ năng giao tiếp ứng xử với trẻ mầm non; kỹ năng thiết lập các mối quan hệ qua lại tích cực giữa giáo viên với học sinh; kỹ năng đánh giá học sinh; kỹ năng xử lý một số tình huống sư phạm thường gặp...

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

- [1] Hồ Thị Thuý Hằng (2016). Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo: nguyên nhân và những biện pháp tác động từ phía gia đình, *Tạp chí Tâm lý học xã hội*, số 11/2016.
- [2] Nguyễn Thị Trâm Anh, Hồ Thị Thuý Hằng (2016). Phương pháp tranh vẽ “Con vật không có thật” trong chẩn đoán trẻ tiểu học có biểu hiện hành vi hung tính. *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tâm lý học học đường lần thứ V “Phát triển Tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam”*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
- [3] Hồ Thị Thuý Hằng (2017), Thực trạng hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn (nghiên cứu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng). *Tạp chí Tâm lý học xã hội*, số 6/2017.
- [4] Hồ Thị Thuý Hằng, Trần Thu Hương (2017). Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tâm lý học khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất “Hạnh phúc con người và phát triển bền vững”*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### A. Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Trâm Anh (2012). Bàn về nguyên nhân tác động và các mặt biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Tâm lý học đường lần thứ 3 “Phát triển mô hình và kỹ năng hoạt động tâm lý học đường”*. NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
2. A.N.Leonchiev (1989), *Hoạt động - ý thức - nhân cách*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Mỹ Dung (2014). *Nghiên cứu những biểu hiện xúc cảm tiêu cực trong hoạt động học tập của học sinh tiểu học*. Luận án Tiến sĩ Tâm lý học.
4. Vũ Dũng (2012). *Từ điển thuật ngữ tâm lý học*. NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Đồng (2012), *Tâm lý học phát triển*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Trần Thị Minh Đức (2010). *Hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Trần Thị Minh Đức (2008). *Các thực nghiệm trong tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
8. Trần Thị Minh Đức (chủ biên, 2013). *Game bạo lực với thanh thiếu niên phân tích từ góc độ tâm lý xã hội*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Trương Thị Khánh Hà (2013). *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. Phạm Mạnh Hà (2002). Khái niệm Hung tính. *Tạp chí Tâm lý học*, 11, 14 - 19.
11. Phạm Minh Hạc, Phạm Hoàng Gia, Trần Trọng Thủy, Nguyễn Quang Uẩn (1997), *Tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.



12. Phạm Minh Hạc (chủ biên, 2007). *Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEO PI-R cải biên*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Phạm Minh Hạc, *Nhập môn Tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Minh Hằng (2012). *Hung tính ở trẻ và trẻ hung tính. Chẩn đoán và can thiệp*. Báo cáo Khoa học Hội thảo khoa học quốc tế Tâm lý học đường lần thứ 3 “Phát triển mô hình và kỹ năng hoạt động tâm lý học đường”,
15. Vũ Gia Hiền (2005). *Tâm lý học và chuẩn hành vi*. NXB Lao động, Hà Nội.
16. Dương Thị Diệu Hoa (2012), *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
17. Trần Thu Hương, Đặng Hoàng Ngân (2011). Trẻ hung tính: Cấu trúc tâm trí nào? *Báo cáo khoa học Hội nghị quốc tế lần thứ 2 về tâm lý học đường ở Việt Nam (Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành tâm lý học đường tại Việt Nam)*. NXB Đại học Huế.
18. Phan Thị Mai Hương (2013). *Phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Phan Thị Mai Hương (2012), Thích nghi thang đo hành vi chống đối/xâm kích trong thang đo tổng quát hành vi Conner – Bản tự khai của trẻ (Conner CBRS-SR), *Tạp chí Tâm lý học*, Số 2 (155), Tr 16 – 25.
20. Knud S. Larsen, Lê Văn Hảo (2010). *Tâm lý học xã hội*. NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
21. Nguyễn Công Khanh, (2004), *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Luỹ & Lê Quang Sơn (chủ biên, 2009). *Từ điển Tâm lý học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Mùi & Nguyễn Thị Nhân Ái (2012), Thích nghi thang đo nguy cơ bạo lực học đường trong thang đo tổng quát hành vi Conners –

- Bản tự khai của trẻ (CBRS-SR). *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Tâm lý học đường lần thứ 3*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Trần Thành Nam (2014). Ảnh hưởng của chương trình nói kết đối với sự thay đổi hành vi của giáo viên trong quản lý hành vi của học sinh lớp 2, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tâm lý học đường lần thứ IV*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
  25. Phan Trọng Ngọ & Nguyễn Đức Hưởng (2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
  26. Pierre Daco (2004), *Những thành tựu lẫy lừng trong Tâm lý học hiện đại*, NXB Thống kê, Hà Nội.
  27. Đào Thị Oanh (2008), Thực trạng biểu hiện của một số xúc cảm và kỹ năng đương đầu với xúc cảm tiêu cực ở thiếu niên hiện nay, *Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ*, Hà Nội.
  28. Nguyễn Ngọc Phú (2006). *Lịch sử tâm lý học*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
  29. Lê Minh Quốc (2012). *Người Quảng Nam*. NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
  30. Richard J.Gerrig & Philip G.Zimbardo (2013), *Tâm lý học và đời sống*, NXB Lao động, Hà Nội.
  31. Robert S Feldman (2003). *Những điều trọng yếu trong tâm lý học*. NXB Thống kê, Hà Nội.
  32. Stephen Worchel & Wayne Shebilsue (2007), *Tâm lý học (nguyên lý và ứng dụng)*, NXB Lao động, Hà Nội.
  33. Nguyễn Thơ Sinh (2008). *Tâm lý xã hội học*. NXB Lao động, Hà Nội.
  34. Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn (2011). *Tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
  35. Đinh Thị Kim Thoa (2002). *Xung đột tâm lý của trẻ mẫu giáo trong hoạt động vui chơi*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học.

36. Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Anh Thu (2005). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Hà Nội, Hà Nội.
37. Nguyễn Ánh Tuyết (2002), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
38. Phạm Văn Tư (chủ biên, 2011), *Tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
39. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên, 2005), Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành, *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
40. Nguyễn Khắc Viện (chủ biên, 2001), *Từ điển Tâm lý*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
41. *Phát triển phòng ngừa toàn trường và các chương trình can thiệp cho học sinh*. Tài liệu tập huấn Tâm lý học đường (2011). Đại học Sư phạm Hà Nội.
42. Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về *Ban hành quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*
43. *Từ điển Tiếng Việt* (2008). NXB Đà Nẵng.

## **B. Tài liệu tiếng Anh**

44. Achenbach, T.M., & Rescorla, L.A. (2000). *Manual for the ASEBA Preschool forms and Profiles*. Burlington, VT: University of Vermont Department of Psychiatry.
45. Achenbach, T.M., & Rescorla, L. A. (2001). *Manual for the ASEBA School-Age Forms and Profiles*. Burlington, VT: University of Vermont, Research Center for Children, Youth, and Families.
46. Aguilar, B., Sroufe, A., Egeland, B. & Carlson, E. (2000). Distinguishing the early-onset/persistent and adolescent-onset antisocial behavior types: From birth to 16 years. *Development and Psychopathology*, 12 (2), 109-132.

47. Andreeva, G. M. (1999). *Social psychology*. Moscow: Aspect Press. 375p.
48. Arnold D.H., Homrok S., Ortiz C. & Stowe R.M. (1999). Direct observation of peer rejection acts and their temporal relation with aggressive acts. *Early Childhood Research Quarterly*, 14 (2), 183-196
49. Berkowitz L (1987). Frustrations, Appraisals, and Aversively Stimulated Aggression. *Aggressive Behavior*. Vol 14: 3-11.
50. Block, JH (1983). Differential premises arising from differential socialization of the sexes: Some conjecture. *Child Development*, 54, 1335–1354.
51. Bongers, I. L.; Koot, H. M.; Van Der Ende, J.; Verhulst, F. C (2007). "Predicting young adult social functioning from developmental trajectories of externalizing behaviour". *Psychological Medicine*. 38 (7): 989–99.
52. Bor. W, Najman. J M, O’Callaghan, M. Williams, G M & Anstey. K (2001). Aggression and the development of delinquent behaviour in children. *Australian Institute of Criminology: Trends & Issues in Crime and Criminal Justice*. Australian Institute of Criminology.
53. Brad J. Bushman; Morgan C. Wang; Craig A. Anderson (2005). Is the Curve Relating Temperature to Aggression Linear or Curvilinear? Assaults and Temperature in Minneapolis Reexamined, *Journal of Personality and Social Psychology* 2005, Vol. 89, No. 1, 62–66.
54. Brad J. B Ushman; Andl. R; Owell H Uesmann (2010). Aggression. *Handbook of Social Psychology*. John Wiley and Sons Ltd. Vol.2; 833-863.
55. Buss A H (1961). *The psychology of aggression*. New York: Wiley,

56. Campbell, S. B. (1995). Behaviour problems in preschool children: A review of recent research, *Journal of Child Psychology and Psychiatry*, 36, 1, 115-119.
57. Campbell, S.B., Pierce, E.W., Moore, G., Marakowitz, S. & Newby, K (1996). Boys' externalising problems at elementary school: Pathways from early behaviour problems, maternal control and family stress. *Development and psychopathology*, 8, 701-720.
58. Campbell, S.B., Shaw, D. S. & Gilliom, M. (2000). Early externalising behaviour problems: Toddlers and pre-schoolers at risk for later maladjustment. *Development and psychopathology*, 12, 467-488.
59. Crick, NR, Bigbee, MA, & Howes, C. (1996). Gender differences in children's normative beliefs about aggression: How do I hurt thee? Let me count the ways. *Child Development*, 67, 1003–1014.
60. Einfeld, S. L., & Tonge, B. J. (1991). Psychometric and clinical assessment of psychopathology in developmentally disabled children. *Australia and New Zealand Journal of Developmental Disabilities*, 17(2), 147-154.
61. Einfeld, S. L., & Tonge, B. J. (1994). *Manual for The Developmental Behaviour Checklist (Primary Carer Version)*. Melbourne, Australia: Monash University Centre for Developmental Psychiatry.
62. Einfeld, S. L., Taylor, D., Florio, T., Tonge, B. J (1995). *Manual for the Computerised Scoring Software for The Developmental Behaviour Checklist*. Sydney and Melbourne, Australia: University of N.S.W. and Monash University Centre for Developmental Psychiatry.
63. Emilie Phillips Smith et al (2013), Community-Based Multiple Family Groups to Prevent and Reduce Violent and Aggressive Behavior The GREAT Families Program, *American Journal of Preventive Medicine*, Volume 26, Number 1S, 39 – 47.

64. Faull, J (2000). *Childhood aggression*. Electronic transmission.
65. Feshbach, S. (1970). *Aggression*. In PH Mussen (Ed.), *Carmichael's Manual of J Sch Psychol*.
66. Ferguson, C.J.; Beaver, K.M. (2009). "Natural Born Killers: The Genetic Origins of Extreme Violence". *Aggression and Violent Behavior* 14 (5): 286–294.
67. Froeschle, Janet G.; Riney, Mark (2008). Using Adlerian Art Therapy to Prevent Social Aggression among Middle School Students. *Journal of Individual Psychology*. Vol. 64 Issue 4, p416-431.
68. Gunam D. Singh; Gertruida M. Steyn (2013). Strategies to address learner aggression in rural South African secondary schools. *Koers (Online)*. Vol.78 n.3.
69. Hinshaw, Stephen P. On the distinction between attentional deficits/hyperactivity and conduct problems/aggression in child psychopathology. *Psychological Bulletin*, Vol 101(3), May 1987, 443-463.
70. Howard A. Paul (2013). Cognitive-Behavioral Therapy for Anger and Aggression in Children, *Child & Family Behavior Therapy*,35:4, 349-354.
71. Jacqueline L. Martin, Hildy S. Ross (2005). Sibling aggression: Sex differences and parents' reactions. *International Journal of Behavioral Development*, Vol 29, Issue 2.
72. Jansen, EA, & Pidada, S. (2002). United States and Indonesian children's and adolescents' reports of relational aggression by disliked peers. *Child Development*, 73, 1143–1150.
73. Jianghe Niu (2009). Internal factors related to relational aggression in childhood and adolescence, *Educational Research and Review*, Vol. 4 (1), pp. 001-008.

74. Jianghong Liu, Gary Lewis, and Lois Evans (2013). Understanding Aggressive Behavior Across the Life Span. *J Psychiatr Ment Health Nurs.* 2013 March ; 20(2): 156–168.
75. Jianghong Liu (2004). Concept analysis: aggression. *Issues Ment Health Nurs.* 25(7): 693–714.
76. Jeffrey M. Halperin, Kathleen E. McKay, Jeffrey H. Newcorn (2002), Development, Reliability, and Validity of the Children's Aggression Scale-Parent Version, *Journal of the American Academy of Child & Adolescent Psychiatry*, Volume 41, Issue 3, March 2002, Pages 245–252.
77. Kay SR, Wolkenfelf F, Murrill LM (1988), Profiles of aggression among psychiatric patients: I. nature and prevalence. *Journal of Nervous and Mental Disease*; 176:539-546.
78. Keith Conner (2010). *Conners comprehensive behavior rating scales Conners CBRS) Manual*, MHS publishing.
79. Kevin Leman (2001), *Living in a Step-Family Without Getting Stepped on: Helping Your Children Survive the Birth Order Blender*, Thomas Nelson Inc.
80. Kmiecik - Baran K (2000). Youth and violence: sociological and psychological mechanisms. *Wyd. 2. Warszawa: Wydawnictwo Naukowe PWN*, 36-40.
81. Ladd, G. W & Profilet, S. M. (1996). The Child Behavior Scale: A teacher-report measure of young children's aggressive, withdrawn, and prosocial behaviors. *Developmental Psychology*, 32(6), 1008-1024.
82. Levitov, N.D (1967). Mental state of aggression. *Questions of psychology*. № 6/1967. - P.18-21.
83. Maccoby, EE & Jacklin, CN (1974). The psychology of sex differences, *Social Development*. Vol 13 n2. p255-277.
84. Malesińska M, Lewko J, Roszko-Kirpsza I, Marcinkiewicz S, Olejnik

- B.J, Maciorkowska E (2015). Aggression in children and adolescents in rural Poland - where to look for the cause?, *Prog Health Sci* 2015, Vol 5, No2.
85. Maruish, Mark E., ed. (2004). *The Use of Psychological Testing for Treatment Planning and Outcomes Assessment*. Mahwah, NJ: Routledge
  86. Michel Born, Fabienne Glowacz (2014), *Psychology of Delinquency*, De Boeck.
  87. Michael J. MacKenzie, Eric Nicklas, Jane Waldfogel (2014), Corporal punishment and child behavioral and cognitive outcomes through 5 years-of-age: Evidence from a contemporary urban birth cohort study, *Infant Child*, 21(1): 3–33.
  88. Mikayo Ando, Takashi Asakura, Shinichiro Ando, Bruce Simons-Morton (2007). A Psychoeducational Program to Prevent Aggressive Behavior Among Japanese Early Adolescents, *MPH Health Education & Behavior*, Vol. 34 (5): 765-776.
  89. NICHD Early Child Care Research Network (2004). Trajectories of physical aggression from toddlerhood to middle childhood: Predictors, correlates, and outcomes. *Monographs of the Society for Research in Child Development*. 69 (4): vii, 1–129.
  90. Oliver P.C, Crawford D.Rao, Reece and P.Tyrer (2007). Modified Overt Aggression Scale (MOAS) for people with intellectual disability and aggressive challenging behaviour: A reliability study. *Journal of Applied Research in Intellectual Disabilities*. No 20, 368–372.
  91. Ostrov, Jamie M.; Keating, Caroline F (2004), Gender Differences in Preschool Aggression during Free Play and Structured Interactions: An Observational, *Study Social Development*, 13, 2, p255-277
  92. Pamela Orpinas, Arthur M. Horne (2013). A Teacher-Focused Approach to Prevent and Reduce Students' Aggressive Behavior The



- GREAT Teacher Program, *American Journal of Preventive Medicine*, Volume 26, Number 1S, page 29 – 38.
93. Parke, R.D. , Slaby, R.G. (1983). The development of aggression. In P.H. Mussen (Ed.), *Handbook of child psychology: Socialization, personality and social development* (Vol. 4, pp.547–641). New York: Wiley.
  94. Paquette JA, Underwood MK (1999). Gender differences in young adolescents' experiences of peer victimization: Social and Physical aggression. *Merrill Palmer Quarterly*, 45: 242-266
  95. Paul R. Smokowski, Mark W. Fraser, Steven H. Day, Maeda J. Galinsky, Martica L. Bacallao (2004). School-Based Skills Training to Prevent Aggressive Behavior and Peer Rejection in Childhood: Evaluating the Making Choices Program, *The Journal of Primary Prevention*, Vol. 25, No. 2.
  96. Porter, L. (2008). *Young children's behavior*. (3rd ed.) Sydney: Elsevier.
  97. Rean, A. A (1996). Aggression and aggressive personality. *Psychological Journal*. № 5. — P. 3–18.
  98. Shaw D, Gilliom M, Ingoldsby E, Nagin D. (2003). Trajectories leading to school-age conduct problems. *Developmental Psychology*. 39(2):189- 200.
  99. Robert A. Baron, Donn Byrne, Nyla R. Branscombe (2006). Social psychology, *International edition*. Vol 33: 44 – 52.
  100. Timothy L Hope and Karen L Bierman (1998). Patterns of Home and School Behavior Problems in Rural and Urban Settings, *Child Psychology*. Vol. 3. New York.
  101. Turkel AR (2007). Sugar and spice and puppy dogs' tails: The psychodynamics of bullying. *J. Am. Acad. Psychoanal. Dyna. Psychiatry*, 35(2): 243-258.

102. Vollmer J (1946), Jealousy in children. *Am J. Orthopsychiatry*, 16: 660-671.
103. Yudofsky. SC, Silver. JM; Jackson. W; Endicott. J; Williams. D (1986). "The Overt Aggression Scale for the objective rating of verbal and physical aggression.". *The American Journal of Psychiatry*. 143 (1): 35–9.
104. Warburton, W.-A., & Anderson, A.-A. (2015). Agression, Social Psychology of, *International Encyclopedia of the Social and Behavioral Sciences*, 2<sup>nd</sup> edition, vol. 1, Elsevier: 373-380. <http://dx.doi.org/10.1016/B978-0-08-097086-8.24002-6>.
105. Zakharov A.I. (2006). Proiskhozhdenie detskikh nevrozov i psikhoterapiia [*Genesis of child neuroses and psychotherapy*]. Moscow: KARO. 268 p.

# PHỤ LỤC

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG QUAN SÁT BIỂU HIỆN HÀNH VI HUNG TÍNH CỦA TRẺ MẪU**  
**GIÁO LỚN**

Họ và tên trẻ: ..... Mã HS: .....  
 Lớp: ..... Trường: ..... Ngày quan sát: .....

BIỂU HIỆN	THỜI GIAN		
	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3
Trẻ cãi lại cô giáo khi không hài lòng			
Trẻ nói hỗn với bạn bè khi bức tức			
Trẻ lớn tiếng với bạn khi có mâu thuẫn, xích mích với bạn đó			
Trẻ thường xuyên la hét, quát tháo bạn bè trong lúc chơi đùa			
Khi không hài lòng chuyện gì đó trẻ lườm bàu, cằm cẩu một mình			
Trẻ giận bạn này nhưng lại lớn tiếng với bạn khác			
Khi giận dữ bạn bè, trẻ mắng chửi đồ vật xung quanh			
Trong những cuộc xích mích, trẻ có những lời nói khiêu khích bạn bè xung quanh			
Trẻ sử dụng vật dụng bất kỳ (đồ chơi, ghế...) để đánh người khác			
Trẻ sử dụng bộ phận cơ thể (tay, chân, đầu, răng...) gây đau đớn cho người khác (đánh bạn, kéo tóc bạn, cắn bạn...)			
Khi thấy các bạn đánh nhau trẻ thích thú đứng xem và xông vào đánh cùng			
Trẻ bị kích động khi bạn giật đồ và xông vào đánh bạn			
Trẻ xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác			
Khi bức tức trẻ thường hậm hực và có hành vi mạnh với đồ vật xung quanh (ném đồ chơi, dẫm đạp đồ vật...)			
Khi nổi giận với ai trẻ thường đập phá đồ đạc của họ			
Khi nổi giận, trẻ có hành vi ăn vạ (nằm lăn xuống đất, dẫm đánh vào bản thân...)			

**Ứng xử của GV với HS**

- |              |                          |              |                          |
|--------------|--------------------------|--------------|--------------------------|
| - Phạt       | <input type="checkbox"/> | - Doạ phạt   | <input type="checkbox"/> |
| - Đánh       | <input type="checkbox"/> | - Không biết | <input type="checkbox"/> |
| - Khuyên nhủ | <input type="checkbox"/> |              |                          |

**PHỤ LỤC 2**  
**BẢNG KIỂM HÀNH VI PHÁT TRIỂN TRẺ EM**  
(Dành cho phụ huynh)

Họ và tên: .....	Tuổi: .....
Con thứ: .....	Ngày sinh: .....
Địa chỉ: .....	Ngày điền phiếu: .....
Điện thoại: .....	
Người điền phiếu (bố/mẹ): .....	
Nghề nghiệp: .....	Tuổi: .....

Các mục dưới đây liệt kê các biểu hiện hành vi của trẻ em. Trong **vòng 6 tháng gần đây** hoặc **hiện tại**, anh/chị cảm thấy trẻ có **biểu hiện** nào trong các mục dưới đây, xin hãy **khoanh tròn**:

**Số 2:** Nếu biểu hiện đó **Rất đúng** hoặc **Thường xuyên** có ở trẻ

**Số 1:** **Thỉnh thoảng, hoặc Đúng một phần**

**Số 0:** nếu biểu hiện đó **Hoàn toàn không** có ở trẻ

Anh/chị/ hãy cố gắng trả lời tất cả các mục, thậm chí cả mục dường như không áp dụng cho trẻ

0	1	2	1. Buồn bã, u sầu, rầu rĩ
0	1	2	2. Né tránh ánh mắt, không nhìn thẳng vào mắt
0	1	2	3. Thẫn thờ, như trong một thế giới riêng của mình
0	1	2	4. La hét, chửi mắng người khác
0	1	2	5. Luôn sắp đặt đồ vật hoặc thói quen theo một trật tự cứng nhắc. Mô tả: .....
0	1	2	6. Hay đập đầu
0	1	2	7. Dễ bị kích động quá mức
0	1	2	8. Cấn người khác
0	1	2	9. Không thể tập trung chú ý được lâu, chóng chán
0	1	2	10. Nhai, ngậm đồ vật hay các bộ phận cơ thể
0	1	2	11. Khóc, buồn vô cớ
0	1	2	12. Lờ đi hoặc bịt tai khi nghe thấy âm thanh nào đó. Mô tả .....
0	1	2	13. Lộn xộn khi sử dụng đại từ nhân xưng

0	1	2	14. Chạy không kiểm soát được
0	1	2	15. Ảo giác: luôn cảm thấy về điều không có thực....
0	1	2	16. Buồn bã khi chỉ có một mình
0	1	2	17. Không bộc lộ tình cảm, cảm xúc
0	1	2	18. Không đáp ứng cảm xúc của người khác. Ví dụ: không tỏ phản ứng khi thấy người thân khóc
0	1	2	19. Dễ bị xao nhãng khỏi công việc
0	1	2	20. Dễ bị người khác lôi cuốn
0	1	2	21. Ăn những thứ không ăn được: Ví dụ: ăn bản, lá cây, xà phòng
0	1	2	22. Khó chịu quá mức khi tách khỏi người thân
0	1	2	23. Sợ những thứ hoặc tình huống đặc hiệu. Ví dụ: sợ tối, côn trùng
0	1	2	24. Máy giặt, nhếch cơ mặt
0	1	2	25. Gõ, đập, xoay tròn các đồ vật ở xung quanh
0	1	2	26. Kén ăn hoặc cách ăn uống kỳ cục
0	1	2	27. Ăn quá nhiều, làm mọi cách để có đồ ăn (Ví dụ: moi móc, lấy trộm đồ ăn)
0	1	2	28. Bị ám ảnh bởi một ý nghĩa hoặc hành động. Mô tả: .....
0	1	2	29. Nghiến răng
0	1	2	30. Ác mộng, la hét, đi lại trong giấc ngủ
0	1	2	31. Dễ nóng nảy, dậm chân, đập cửa,....
0	1	2	32. Giấu diếm đồ vật
0	1	2	33. Tự đánh hoặc cắn mình
0	1	2	34. Phát âm xì xô, ê a, rên rĩ, la hét, âm vô nghĩa
0	1	2	35. Không kiên trì
0	1	2	36. Hành động giới tính không phù hợp
0	1	2	37. Xung động, hành động không suy nghĩ
0	1	2	38. Dễ cáu kỉnh
0	1	2	39. Hay ghen tức
0	1	2	40. Đập, đánh người khác
0	1	2	41. Thiếu tự tin, kém tự trọng
0	1	2	42. Cười vô cớ

0	1	2	43. Nghịch lừa
0	1	2	44. Thích cầm hoặc chơi những thứ không phù hợp như sợi dây, que ,... hoặc cuốn hút quá mức vào thứ gì đó.
0	1	2	45. Chán ăn
0	1	2	46. Thủ dâm hoặc phơi bày bộ phận sinh dục nơi công cộng
0	1	2	47. Thay đổi cảm xúc nhanh chóng không có lý do
0	1	2	48. Chậm chạp, uể oải, ít hoạt động. Ngồi một chỗ, nhìn người khác chơi
0	1	2	49. Ôn ào hoặc la hét om sòm.
0	1	2	50. Nghịch luôn chân tay, không thể ngồi yên
0	1	2	51. Bộc lộ cảm xúc quá mức
0	1	2	52. Thở dốc, nôn ọe, đau đầu hoặc than phiền đau nhức mà không có nguyên nhân thực thể.
0	1	2	53. Luôn tìm kiếm sự chú ý
0	1	2	54. Quan tâm, chú ý quá mức, lắng nghe hoặc tháo gỡ chi tiết của đồ vật
0	1	2	55. Không cần biết đến sự nguy hiểm
0	1	2	56. Thích chơi với người lớn hoặc trẻ nhỏ tuổi hơn, không chơi với trẻ cùng tuổi
0	1	2	57. Thích một mình, không thích người khác ở bên cạnh
0	1	2	58. Bận tâm với một hoặc hai mối quan tâm đặc biệt nào đó. Mô tả .....
0	1	2	59. Từ chối đến trường
0	1	2	60. Lặp lại một số cử động của tay, cơ thể, đầu, mặt. Ví dụ: vỗ tay, lắc lư
0	1	2	61. Kháng cự lại sự ôm ấp, vuốt ve hoặc nựng
0	1	2	62. Nhại lời người khác
0	1	2	63. Nhắc đi nhắc lại một từ hay cụm từ
0	1	2	64. Ngửi, ném, liếm đồ vật
0	1	2	65. Cào cào hoặc cạy da
0	1	2	66. Gào thét quá nhiều
0	1	2	67. Ngủ quá ít, rối loạn giấc ngủ
0	1	2	68. Nhìn chăm chăm vào ánh đèn hoặc xoay đồ vật
0	1	2	69. Ngủ quá nhiều

0	1	2	70. Đại tiện lung tung, nghịch phân
0	1	2	71. Nói thầm, nói giọng cao, hoặc âm và nhịp điệu nói bất thường....
0	1	2	72. Bật tắt đèn, hoặc hành động lặp đi lặp lại. Mô tả .....
0	1	2	73. Hay lấy trộm các thứ linh tinh
0	1	2	74. Bướng, không nghe lời, không hợp tác
0	1	2	75. Hay xấu hổ
0	1	2	76. Muốn cởi quần áo ra hoặc ném đi
0	1	2	77. Luôn khăng khăng đòi làm gì đó mặc dù không có khả năng
0	1	2	78. Thích đứng sát vào người khác
0	1	2	79. Nhìn hoặc nghe thấy một cái gì đó không có thực, bị ảo giác,....
0	1	2	80. Nói muốn chết
0	1	2	81. Nói quá nhiều hoặc quá nhanh
0	1	2	82. Nói chuyện một mình hoặc nói trong tưởng tượng
0	1	2	83. Nói dối
0	1	2	84. Tư duy rời rạc, lộn xộn, khó hiểu
0	1	2	85. Lo âu, căng thẳng, bối rối
0	1	2	86. Ném hoặc đập vỡ đồ đạc
0	1	2	87. Cố tình trêu chọc hoặc khiêu khích người khác
0	1	2	88. Giảm cảm giác đau
0	1	2	89. Vui vẻ hoặc phấn chấn không rõ lý do
0	1	2	90. Cử động bất thường, dáng điệu hoặc cách đi đứng kỳ quặc
0	1	2	91. Bực bội hoặc khó chịu với sự thay đổi nhỏ trong thói quen hoặc môi trường sống...
0	1	2	92. Đi tiểu bừa bãi
0	1	2	93. Hách dịch với người khác
0	1	2	94. Đi lang thang, không mục đích
0	1	2	95. Than thở hoặc kêu ca, phàn nàn quá nhiều
0	1	2	96. Các biểu hiện khác có ở trẻ không được đề cập trong các câu hỏi trên:.....



**PHỤ LỤC 3**  
**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN VỀ PHONG CÁCH CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC CON CÁI**

(Dành cho phụ huynh)

Xin chào Ông / Bà!

Để góp phần chăm sóc và giáo dục con em chúng ta tốt hơn, xin Ông/ Bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về một số nhận định dưới đây bằng cách đánh dấu vào một phương án trả lời phù hợp nhất với ý kiến của Ông/ Bà

Xin cảm ơn Ông/ Bà vì sự cộng tác quý báu!

<b>Các nhận định</b>		<b>Hoàn toàn đồng ý</b>	<b>Đồng ý một phần</b>	<b>Hoàn toàn không đồng ý</b>
1.	Một người mẹ tốt cần phải bảo vệ, tránh cho con khỏi những tổn thương và khó khăn dù là nhỏ nhất.			
2.	Có những đứa trẻ hư đến nỗi phải làm cho chúng thấy sợ người lớn để chúng có thể trở nên ngoan hơn			
3.	Khi con cái trưởng thành, chúng sẽ biết ơn cha mẹ về sự dạy dỗ nghiêm khắc.			
4.	Tốt nhất là con cái không nên phán xét về cha mẹ mình đã đúng hay sai.			
5.	Cha mẹ cần dạy cho con cái rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải cố gắng tránh sự xô sát.			
6.	Nếu chỉ một lần cho phép trẻ ăn vạ thì nó sẽ làm điều đó thường xuyên			
7.	Người mẹ cần phải làm tất cả để biết con cái mình đang nghĩ gì.			
8.				
9.	Cha mẹ phải làm tất cả để con cái tránh được những thất vọng do cuộc sống mang đến.			
10.	Cần phải ngăn chặn ngay những biểu hiện độc ác của trẻ			
11.	Một sự kỷ luật nghiêm khắc đối với đứa trẻ sẽ phát triển được ở nó tính cách mạnh mẽ.			
12.	Cha mẹ thường cáu giận vì sự có mặt của con cái đến nỗi làm chúng có cảm giác rằng cha mẹ không thể chịu đựng được chúng thêm một tí nào nữa.			
13.	Cha mẹ không nên thể hiện những trạng thái			

	cảm xúc không dễ chịu của mình trước mặt con cái.			
14.	Trẻ em phải thường xuyên yêu cầu người lớn giúp đỡ chứ không nên giải quyết mâu thuẫn của mình bằng ẩu đả.			
15.	Cha mẹ phải chinh phục con cái bằng những việc làm cụ thể			
16.	Những đứa trẻ không thử sức mình để đạt được những thành tích nào đó thì chúng cần biết rằng sau này chúng sẽ có thể gặp nhiều rủi ro (khó khăn).			
17.	Con cái cần phải có quan điểm riêng của mình và có thể tự do bày tỏ quan điểm đó.			
18.	Nếu con cái gặp phải tai họa thì người mẹ đều cảm thấy mình có lỗi.			
19.	Những đứa trẻ được nghe nói nhiều về sự tôn trọng các chuẩn mực hành vi sẽ trở thành những người tốt, vững vàng và đáng kính.			
20.	Có người mẹ cả ngày bận bịu với việc chăm sóc con cái mà vẫn giữ được vẻ dịu dàng, bình tĩnh.			
21.	Ngoài xã hội, con cái không nên học cái gì khác trái với ý kiến của cha mẹ.			
22.	Không có sự biện minh nào cho một đứa trẻ đánh bạn			
23.	Một người mẹ chu đáo cần phải biết con mình đang nghĩ gì.			
24.	Cha mẹ cần phải biết làm thế nào để con cái không bị rơi vào những tình huống khó khăn.			
25.	Con cái rất cần tình mẫu tử để lớn lên lành mạnh.			
26.	Phần lớn trẻ em cần phải được giáo dục nghiêm khắc hơn so với những gì đang diễn ra trên thực tế			
27.	Đứa con là một phần của người mẹ vì vậy người mẹ có quyền biết tất cả mọi điều về cuộc sống của nó			
28.	Những đứa trẻ được cho phép cười đùa thoải mái với cha mẹ sẽ dễ dàng tiếp thu lời khuyên của cha mẹ hơn			
29.	Đứa trẻ cần phải tin tưởng rằng sẽ không bị phạt nếu kể hết những vấn đề của mình cho cha mẹ			
30.	Mối quan tâm lớn nhất của người mẹ là hạnh			

	phúc và an toàn của con cái			
31.	Nghiêm khắc giáo dục con cái sẽ làm cho chúng hạnh phúc			
32.	Cha mẹ thường lấy đứa trẻ ngoan ngoãn làm gương dạy những đứa con hay đánh nhau			
33.	Trách nhiệm của cha mẹ là phải tìm hiểu những ý nghĩ bí mật của con cái.			
34.	Nếu con cái tham gia vào công việc gia đình thì chúng sẽ gắn bó hơn với bố mẹ và dễ dàng tin tưởng cha mẹ trong các vấn đề của mình.			

## PHỤ LỤC 4a

### PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN DÀNH CHO GIÁO VIÊN

Hành vi hung tính là những lời nói hoặc cử chỉ điệu bộ trước những hoàn cảnh nhất định nhằm gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân. Để nghiên cứu các biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn, chúng tôi có một số câu hỏi ở bảng sau. Xin chị hãy cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu vào nội dung phù hợp

Họ và tên trẻ:.....

Biểu hiện	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
Trẻ cãi lại cô giáo khi không hài lòng				
Trẻ nói hỗn với bạn bè khi bực tức				
Trẻ lớn tiếng với bạn khi có mâu thuẫn, xích mích với bạn đó				
Trẻ thường xuyên la hét, quát tháo bạn bè trong lúc chơi đùa				
Khi không hài lòng chuyện gì đó trẻ làu bàu, càm cầu một mình				
Trẻ giận bạn này nhưng lại lớn tiếng với bạn khác				
Khi giận dữ bạn bè, trẻ mắng chửi đồ vật xung quanh				
Trong những cuộc xích mích, trẻ có những lời nói khiêu khích bạn bè xung quanh				
Trẻ sử dụng vật dụng bất kỳ (đồ chơi, ghế...) để đánh người khác				
Trẻ sử dụng bộ phận cơ thể (tay, chân, đầu, răng...) gây đau đớn cho người khác (đánh bạn, kéo tóc bạn, cắn bạn...)				
Khi thấy các bạn đánh nhau trẻ thích thú đứng xem và xông vào đánh cùng				
Trẻ bị kích động khi bạn giật đồ và xông vào đánh bạn				
Trẻ xích mích với bạn này nhưng lại đánh bạn khác				
Khi bực tức trẻ thường hậm hực và có hành vi mạnh với đồ vật xung quanh (ném đồ chơi, dẫm đạp đồ vật...)				
Khi nổi giận với ai trẻ thường đập phá đồ đạc của họ				
Khi nổi giận, trẻ có hành vi ăn vạ (nằm lăn xuống đất, dẫm đánh vào bản thân...)				

**PHỤ LỤC 4B**  
**PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN VỀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU HÀNH**  
**VI HUNG TÍNH CHO TRẺ MẪU GIÁO LỚN**  
**(DÀNH CHO GIÁO VIÊN)**

Hành vi hung tính là những lời nói hoặc cử chỉ điệu bộ trước những hoàn cảnh nhất định nhằm gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân. Để nghiên cứu các biện pháp giảm thiểu hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn, chúng tôi có một số câu hỏi ở bảng sau. Xin chị hãy cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu vào nội dung phù hợp

1. Trong lớp chị, trẻ có biểu hiện hành vi hung tính không?
  - a. Có
  - b. Không
2. Khi trẻ có những hành vi hung tính, chị thường xử lý như thế nào?
  - a. Phạt trẻ
  - b. Đánh
  - c. Khuyên nhủ
  - d. Doạ nạt
3. Theo chị, trong trường hợp nào nào trẻ mẫu giáo lớn thường xảy ra xung đột?
  - a. Những tình huống có sự có mặt của cô giáo
  - b. Những lúc cô giáo không để ý
4. Theo chị, yếu tố nào ảnh hưởng đến hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn?
  - a. Cách giáo dục của gia đình
  - b. Cách cư xử của giáo viên
  - c. Môi quan hệ của trẻ với bạn bè cùng lớp
  - d. Đặc điểm tâm lý của trẻ
  - e. Một số yếu tố khác:.....
5. Theo chị, biện pháp nào sau đây có thể giảm thiểu hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn?
  - a. Tăng cường nhận thức của trẻ về hành vi tích cực hoặc tiêu cực

b. Giúp trẻ trải nghiệm cảm xúc và hành vi tích cực

c. Củng cố hành vi tích cực bằng phần thưởng hoặc sự khen ngợi

d. Nâng cao nhận thức của cha mẹ, cô giáo về trẻ có biểu hiện hành vi hung tính và cách ứng phó.

**Ý kiến đóng góp thêm của anh (chị) về các biện pháp can thiệp đối với trẻ có biểu hiện hành vi hung tính:**

.....

.....

.....

**Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của chị!**

## PHỤ LỤC 5

### PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU DÀNH CHO TRẺ MẪU GIÁO

1. Nhà con có mấy người?

.....

2. Trong nhà con không thích ai nhất?..... Tại sao?.....

4. Con thích ở nhà hay đến trường? Vì sao?

.....

5. Con có hay xem ti vi không?

.....

6. Hãy kể những chương trình mà con thích xem?

.....

7. Con có hay bị ba mẹ la mắng và đánh đòn không? ..... Vì sao?

.....

8. Khi con bị ai đó la mắng, đánh đòn con cảm thấy như thế nào?

Lúc đó con sẽ làm gì?

.....

9. Con muốn ai sẽ giúp con nếu con bị đánh? Vì sao?

.....

**PHỤ LỤC 6**  
**PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO PHỤ HUYNH**

*Kính chào anh/chị!*

*Hành vi hung tính là những lời nói hoặc cử chỉ điếu bộ trước những hoàn cảnh nhất định nhằm gây tổn thương cho người khác hoặc cho bản thân. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng biểu hiện hành vi hung tính ở trẻ mẫu giáo lớn, từ đó đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu hành vi này ở trẻ, giúp trẻ có cách ứng xử tích cực trong những tình huống xung đột. Những ý kiến của anh/chị sẽ giúp ích rất nhiều cho việc thực hiện mục tiêu này.*

*Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của anh/chị!*

1. Ở nhà, con của anh/chị có biểu hiện hành vi hung tính không?

.....

2. Trong tình huống nào cháu thường thể hiện sự hung tính?

.....

3. Những biểu hiện cụ thể khi cháu bộc lộ sự hung tính là gì?

.....

4. Mỗi lần cháu thể hiện sự hung tính, anh/chị/người lớn trong nhà thường ứng xử với cháu như thế nào?

.....

5. Trong gia đình, ai là người thường xuyên gần gũi cháu nhất?

.....

6. Anh/chị có thường xuyên trao đổi với cô giáo về tình hình của cháu hàng ngày không? Vì sao?

.....

7. Theo anh/chị, việc giáo dục trẻ nhằm giúp trẻ giảm thiểu hành vi hung tính có cần thiết không? Tại sao?

.....

8. Theo anh/chị, để trẻ giảm sự hung tính, biết cư xử với người khác đúng mực, người lớn cần phải làm gì?

.....

**Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của anh/chị**



**PHỤ LỤC 7**  
**ĐỘ TIN CẬY VÀ HIỆU LỰC CỦA BẢNG HỎI**

**1. Thang đo hành vi hung tính**

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.877	16

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
c1.1	20,802	34,897	,499	,870
c1.2	20,783	34,268	,587	,866
c1.3	20,159	32,203	,597	,867
c1.4	20,300	32,755	,517	,872
c1.5	20,575	35,139	,398	,876
c1.6	20,976	36,276	,485	,871
c1.7	20,981	36,504	,460	,872
c1.8	20,812	34,377	,579	,867
c1.9	20,860	34,383	,610	,866
c1.10	20,454	31,754	,726	,859
c1.11	20,879	35,845	,478	,871
c1.12	20,918	34,260	,736	,862
c1.13	20,778	35,028	,490	,871
c1.14	20,957	36,139	,495	,871
c1.15	21,019	36,514	,527	,871
c1.16	20,923	36,848	,299	,878

**2. Bảng kiểm hành vi trẻ em**

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.952	96

**Item-Total Statistics**

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
c2.1_nhom5	24,63	340,868	,306	,951
c2.2_nhom5	24,53	337,419	,442	,951
c2.3_nhom5	24,63	340,798	,299	,951
c2.4_nhom5	24,52	337,370	,451	,951
c2.5_nhom3	24,27	336,981	,306	,952
c2.6_nhom2	24,75	342,942	,290	,951
c2.7_nhom2	24,62	341,078	,271	,951
c2.8_nhom2	24,60	338,984	,391	,951
c2.9_nhom2	24,07	334,425	,438	,951
c2.10_nhom2	24,49	336,063	,479	,951
c2.11_nhom4	24,62	338,297	,452	,951
c2.12	24,53	336,844	,466	,951
c2.13_nhom3	24,56	339,070	,365	,951
c2.14_nhom13	24,57	335,663	,511	,951
c2.15	24,71	341,086	,402	,951
c2.16_nhom4	24,23	334,416	,446	,951
c2.17_nhom5	24,51	336,786	,466	,951
c2.18_nhom5	24,57	338,929	,335	,951
c2.19	24,10	332,034	,493	,951
c2.20_nhom1	24,14	332,674	,514	,951
c2.21_nhom2	24,67	340,193	,394	,951
c2.22_nhom4	24,24	332,372	,509	,951
c2.23_nhom4	23,88	337,194	,279	,952
c2.24_nhom2	24,66	340,583	,302	,951
c2.25_nhom2	24,41	333,817	,570	,951
c2.26_nhom4	24,47	337,647	,361	,951
c2.27_nhom2	24,68	343,326	,138	,952
c2.28_nhom3	24,53	335,755	,518	,951
c2.29_nhom2	24,48	337,865	,209	,953
c2.30_nhom4	24,64	338,956	,443	,951
c2.31_nhom1	24,41	334,541	,533	,951
c2.32_nhom1	24,43	335,612	,500	,951
c2.33_nhom2	24,73	341,694	,379	,951
c2.34_nhom2	24,64	338,936	,428	,951
c2.35_nhom1	24,03	337,182	,370	,951
c2.36	24,71	341,306	,366	,951
c2.37_nhom1	24,58	336,810	,529	,951
c2.38_nhom1	24,34	332,940	,601	,950
c2.39_nhom1	24,41	332,857	,599	,950
c2.40_nhom1	24,54	334,973	,567	,951

c2.41_nhom1	24,38	334,832	,510	,951
c2.42_nhom2	24,63	340,650	,310	,951
c2.43_nhom1	24,64	340,302	,341	,951
c2.44_nhom2	24,24	333,164	,575	,951
c2.45	24,33	334,559	,489	,951
c2.46_nhom4	24,72	342,478	,274	,951
c2.47_nhom2	24,60	339,836	,340	,951
c2.48_nhom1	24,56	340,486	,259	,952
c2.49_nhom5	24,51	337,697	,403	,951
c2.50_nhom1	24,09	333,745	,442	,951
c2.51_nhom12	24,57	337,999	,432	,951
c2.52_nhom3	24,64	338,134	,440	,951
c2.53_nhom5	24,41	338,718	,294	,952
c2.54_nhom1	24,22	336,567	,333	,952
c2.55_nhom3	24,45	334,060	,539	,951
c2.56_nhom2	24,38	335,039	,464	,951
c2.57_nhom5	24,67	341,135	,281	,951
c2.58_nhom3	24,63	339,889	,349	,951
c2.59_nhom1	24,42	336,364	,457	,951
c2.60_nhom2	24,30	331,714	,551	,951
c2.61_nhom5	24,56	340,268	,288	,951
c2.62_nhom3	24,44	336,653	,436	,951
c2.63_nhom2	24,44	335,525	,439	,951
c2.64_nhom2	24,57	336,752	,523	,951
c2.65	24,58	336,740	,523	,951
c2.66_nhom2	24,63	339,018	,444	,951
c2.67	24,55	337,783	,401	,951
c2.68_nhom2	24,65	338,883	,463	,951
c2.69_nhom5	24,60	339,796	,343	,951
c2.70_nhom2	24,72	341,250	,381	,951
c2.71_nhom3	24,64	339,163	,446	,951
c2.72_nhom2	24,66	338,336	,522	,951
c2.73_nhom1	24,54	337,814	,421	,951
c2.74_nhom1	24,25	336,088	,451	,951
c2.75_nhom4	24,16	335,480	,430	,951
c2.76_nhom2	24,70	341,399	,336	,951
c2.77_nhom1	24,43	335,692	,508	,951
c2.78_nhom3	24,50	336,746	,425	,951
c2.79	24,72	342,508	,271	,951
c2.80	24,73	342,959	,241	,951
c2.81_nhom1	24,47	337,211	,377	,951
c2.82_nhom3	24,64	340,322	,340	,951
c2.83_nhom1	24,42	337,106	,433	,951
c2.84	24,64	338,560	,440	,951
c2.85_nhom1	24,66	339,861	,418	,951
c2.86_nhom2	24,62	338,040	,505	,951
c2.87_nhom1	24,48	335,716	,492	,951

c2.88_nhom2	24,72	342,874	,229	,952
c2.89_nhom2	24,58	338,898	,406	,951
c2.90_nhom2	24,70	340,576	,461	,951
c2.91_nhom4	24,51	336,479	,485	,951
c2.92_nhom2	24,71	341,544	,370	,951
c2.93_nhom1	24,73	343,058	,258	,951
c2.94_nhom2	24,73	341,800	,384	,951
c2.95_nhom1	24,67	341,115	,309	,951
c2.96	24,65	339,537	,380	,951

### 3. Bảng hỏi phong cách làm cha mẹ

#### Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.831	42

#### Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
c3.1	58,29	77,853	,372	,826
c3.2	59,01	76,412	,404	,825
c3.3	58,40	77,113	,223	,832
c3.4	58,87	76,347	,400	,825
c3.5	57,98	80,264	,239	,829
c3.6	58,12	78,771	,365	,827
c3.7	58,33	79,487	,151	,832
c3.8	58,42	76,774	,396	,825
c3.9	58,04	80,273	,207	,830
c3.10	58,62	76,128	,417	,824
c3.11	57,99	80,730	,136	,831
c3.12	58,63	76,057	,488	,822
c3.13	59,37	78,332	,240	,830
c3.14	58,34	79,303	,190	,831
c3.15	58,30	77,132	,362	,826
c3.16	58,02	80,769	,149	,831
c3.17	58,23	79,423	,224	,830
c3.18	58,22	79,900	,183	,830
c3.19	58,15	81,145	,067	,833
c3.20	58,76	77,156	,382	,825
c3.21	58,77	75,866	,436	,823
c3.22	58,18	79,518	,251	,829
c3.23	58,35	79,012	,267	,829
c3.24	59,21	75,758	,487	,822
c3.25	58,65	75,894	,435	,824

c3.26	58,68	78,533	,220	,830
c3.27	58,17	79,619	,230	,829
c3.28	57,98	81,451	,045	,832
c3.29	59,19	75,508	,444	,823
c3.30	58,35	78,041	,362	,826
c3.31	57,97	81,112	,135	,831
c3.32	58,45	77,386	,392	,825
c3.33	59,19	78,302	,254	,829
c3.34	58,71	76,404	,459	,823
c3.35	58,26	79,604	,202	,830
c3.36	58,22	80,489	,127	,832
c3.37	58,47	79,300	,187	,831
c3.38	58,00	80,524	,189	,830
c3.39	58,59	76,998	,425	,824
c3.40	58,60	76,712	,391	,825
c3.41	58,75	75,511	,427	,824
c3.42	57,99	80,750	,176	,830

**PHỤ LỤC 8**  
**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU HÀNH VI HUNG TÍNH**  
**CỦA TRẺ MẪU GIÁO LỚN**

**1. Mức biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

Bảng 1. Phân bố điểm hành vi hung tính từ bản quan sát của quan sát viên

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
16,0	31	15,0	15,0	15,0
17,0	16	7,7	7,7	22,7
18,0	26	12,6	12,6	35,3
19,0	19	9,2	9,2	44,4
20,0	18	8,7	8,7	53,1
21,0	6	2,9	2,9	56,0
22,0	15	7,2	7,2	63,3
23,0	13	6,3	6,3	69,6
24,0	19	9,2	9,2	78,7
25,0	4	1,9	1,9	80,7
26,0	2	1,0	1,0	81,6
27,0	4	1,9	1,9	83,6
Valid 28,0	6	2,9	2,9	86,5
30,0	4	1,9	1,9	88,4
31,0	3	1,4	1,4	89,9
32,0	3	1,4	1,4	91,3
33,0	1	,5	,5	91,8
35,0	4	1,9	1,9	93,7
36,0	4	1,9	1,9	95,7
37,0	2	1,0	1,0	96,6
39,0	3	1,4	1,4	98,1
40,0	1	,5	,5	98,6
42,0	2	1,0	1,0	99,5
47,0	1	,5	,5	100,0
Total	207	100,0	100,0	

Bảng 2. Phân bố điểm hành vi hung tính từ bản quan sát của giáo viên  
**diemhungtinggiaovien**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 16,00	103	49,8	49,8	49,8
17,00	24	11,6	11,6	61,4
18,00	21	10,1	10,1	71,5

19,00	11	5,3	5,3	76,8
20,00	12	5,8	5,8	82,6
21,00	4	1,9	1,9	84,5
22,00	7	3,4	3,4	87,9
23,00	3	1,4	1,4	89,4
24,00	3	1,4	1,4	90,8
25,00	3	1,4	1,4	92,3
27,00	2	1,0	1,0	93,2
28,00	1	,5	,5	93,7
30,00	3	1,4	1,4	95,2
31,00	1	,5	,5	95,7
36,00	1	,5	,5	96,1
37,00	1	,5	,5	96,6
38,00	1	,5	,5	97,1
39,00	1	,5	,5	97,6
42,00	1	,5	,5	98,1
43,00	4	1,9	1,9	100,0
Total	207	100,0	100,0	

**Bảng 3. Phân bố điểm hành vi hung tính từ bản quan sát của phụ huynh  
hungtinhdpcp**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
10,00	68	32,9	32,9	32,9
11,00	38	18,4	18,4	51,2
12,00	22	10,6	10,6	61,8
13,00	27	13,0	13,0	74,9
14,00	17	8,2	8,2	83,1
15,00	14	6,8	6,8	89,9
Valid 16,00	5	2,4	2,4	92,3
17,00	6	2,9	2,9	95,2
18,00	6	2,9	2,9	98,1
19,00	1	,5	,5	98,6
20,00	2	1,0	1,0	99,5
21,00	1	,5	,5	100,0
Total	207	100,0	100,0	

**Bảng 4: Mức biểu hiện hành vi hung tính từ kết quả của giáo viên**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chua ro	103	49,8	49,8
	Kha ro	68	32,9	82,6
	Rat ro	36	17,4	100,0
	Total	207	100,0	100,0

**Bảng 5: Mức biểu hiện hành vi hung tính từ kết quả quan sát**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chua ro	73	35,3	35,3
	Kha ro	90	43,5	78,7
	Rat ro	44	21,3	100,0
	Total	207	100,0	100,0

**Bảng 6: Mức biểu hiện hành vi hung tính từ kết quả của phụ huynh**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chua ro	68	32,9	32,9
	Kha ro	87	42,0	74,9
	Rat ro	52	25,1	100,0
	Total	207	100,0	100,0

**Correlations****Bảng 7. So sánh giữa kết quả quan sát và Bảng kiểm hành vi của bố mẹ**

	Thuc trang bieu hien hanh vi	hungtinhdbcp
Thuc trang bieu hien hanh vi	Pearson Correlation	1
	Sig. (2-tailed)	,287**
	N	207
hungtinhdbcp	Pearson Correlation	,287**
	Sig. (2-tailed)	1
	N	207
**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).		



**Bảng 8: So sánh giữa kết quả quan sát và bảng hỏi dành cho giáo viên**

**Correlations**

		Thuc trang bieu hien hanh vi	diemhungtingh iaovien
Thuc trang bieu hien hanh vi	Pearson Correlation	1	,699**
	Sig. (2-tailed)		,000
	N	207	207
diemhungtinghgiaovien	Pearson Correlation	,699**	1
	Sig. (2-tailed)	,000	
	N	207	207

\*\* . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

**2. Các mặt biểu hiện hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn**

**2.1. Kết quả tổng hợp**

		NNTT	NNGT	Ngonngu	PhiNNGT	PhiNNTT	Phi NN	tructiep
N	Valid	207	207	207	207	207	207	207
	Missing	0	0	0	0	0	0	0
Mean		6,54	5,24	11,7729	4,9034	5,4686	10,3720	12,0048
Median		6,00	5,00	11,0000	4,0000	5,0000	9,0000	11,0000
Std. Deviation		2,419	1,621	3,55425	1,52657	1,99215	3,13790	4,06202
Minimum		4	4	8,00	4,00	4,00	8,00	8,00
Maximum		14	12	24,00	12,00	12,00	24,00	25,00

**2.2. Biểu hiện qua hành vi ngôn ngữ**

**Statistics**

		NNtru ctiep	Nngia ntiep	c1.1	c1.2	c1.3	c1.4	c1.5	c1.6	c1.7
N	Valid	207	207	207	207	207	207	207	207	207
	Missing	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mean		6,54	5,24	1,34	1,36	1,986	1,85	1,57	1,17	1,16
Std. Deviation		2,419	1,621	,671	,668	,9216	,953	,759	,478	,464

**Ngôn ngữ trực tiếp**

	Frequenc y	Percen t	Valid Percent	Cumulativ e Percent
--	---------------	-------------	------------------	------------------------

4	59	28,5	28,5	28,5
5	18	8,7	8,7	37,2
6	45	21,7	21,7	58,9
7	23	11,1	11,1	70,0
8	23	11,1	11,1	81,2
9	13	6,3	6,3	87,4
10	9	4,3	4,3	91,8
11	4	1,9	1,9	93,7
12	9	4,3	4,3	98,1
13	3	1,4	1,4	99,5
14	1	,5	,5	100,0
Total	207	100,0	100,0	

### Ngôn ngữ gián tiếp

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
4	94	45,4	45,4	45,4
5	48	23,2	23,2	68,6
6	32	15,5	15,5	84,1
7	11	5,3	5,3	89,4
8	7	3,4	3,4	92,8
9	10	4,8	4,8	97,6
10	3	1,4	1,4	99,0
11	1	,5	,5	99,5
12	1	,5	,5	100,0
Total	207	100,0	100,0	

## 2.2. Biểu hiện qua hành vi phi ngôn ngữ

### Statistics

	PhiNNG T	PhiNNT T	c1.9	c1.1 0	c1.1 1	c1.1 2	c1.1 3	c1.1 4
N Valid	207	207	207	207	207	207	207	207
N Missing	0	0	0	0	0	0	0	0
Mean	4,9034	5,4686	1,29	1,69	1,27	1,23	1,37	1,19
Std. Deviation	1,52657	1,99215	,632	,837	,550	,550	,661	,491

### Hành vi phi ngôn ngữ trực tiếp

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
--	-----------	---------	---------------	--------------------

Valid	4,00	96	46,4	46,4	46,4
	5,00	43	20,8	20,8	67,1
	6,00	22	10,6	10,6	77,8
	7,00	13	6,3	6,3	84,1
	8,00	12	5,8	5,8	89,9
	9,00	5	2,4	2,4	92,3
	10,00	10	4,8	4,8	97,1
	11,00	3	1,4	1,4	98,6
	12,00	3	1,4	1,4	100,0
	Total	207	100,0	100,0	

### Hành vi phi ngôn ngữ gián tiếp

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	4,00	131	63,3	63,3
	5,00	28	13,5	76,8
	6,00	19	9,2	86,0
	7,00	7	3,4	89,4
	8,00	17	8,2	97,6
	9,00	1	,5	98,1
	10,00	2	1,0	99,0
	11,00	1	,5	99,5
	12,00	1	,5	100,0
	Total	207	100,0	100,0

### 3. Cách ứng xử của cô giáo khi trẻ hung tính

#### Cách ứng xử của cô

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	phat	63	35,8	35,8
	danh	11	6,3	42,0
	khuyen nhu	84	47,7	89,8
	doa nat	15	8,5	98,3
	khong biet	3	1,7	100,0
	Total	176	100,0	100,0

#### 4. So sánh mức độ biểu hiện hành vi hung tính theo các tiêu chí

##### 4.1. So sánh theo giới tính

**Group Statistics**

	Giới tính	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Thúc trạng biểu hiện hành vi	Nam	102	23,275	6,9341	,6866
	Nu	105	21,048	5,3554	,5226
Ngonngu	Nam	102	12,2745	3,78678	,37495
	Nu	105	11,2857	3,25728	,31788
hanhdong	Nam	102	11,0000	3,56273	,35276
	Nu	105	9,7619	2,53257	,24715
tructiep	Nam	102	12,8529	4,34274	,42999
	Nu	105	11,1810	3,60230	,35155
giantiep	Nam	102	10,4216	3,07154	,30413
	Nu	105	9,8667	2,31661	,22608

**Independent Samples Test**

	Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
	F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
								Lower	Upper
Thúc trạng biểu hiện hành vi	4,592	,033	2,590	205	,010	2,2269	,8597	,5319	3,9219
				190,004	,011	2,2269	,8629	,5249	3,9289
Ngonngu	1,408	,237	2,016	205	,045	,98880	,49049	,02174	1,95585
				198,685	,046	,98880	,49156	,01945	1,95814
hanhdong	13,276	,000	2,888	205	,004	1,23810	,42867	,39292	2,08327

tructiep	Equal variances not assumed			2,874	181,922	,005	1,23810	,43073	,38823	2,08796
	Equal variances assumed	3,291	,071	3,018	205	,003	1,67199	,55392	,57988	2,76410
	Equal variances not assumed			3,010	196,071	,003	1,67199	,55541	,57664	2,76734
giantiep	Equal variances assumed	10,679	,001	1,470	205	,143	,55490	,37744	,18926	1,29906
	Equal variances not assumed			1,464	187,779	,145	,55490	,37895	,19265	1,30245

### Group Statistics

	Gioi tinh	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
c1.1	Nam	102	1,37	,716	,071
	Nu	105	1,31	,625	,061
c1.2	Nam	102	1,47	,754	,075
	Nu	105	1,26	,555	,054
c1.3	Nam	102	2,137	,8904	,0882
	Nu	105	1,838	,9315	,0909
c1.4	Nam	102	1,98	,975	,097
	Nu	105	1,71	,917	,089
c1.5	Nam	102	1,55	,753	,075
	Nu	105	1,59	,768	,075
c1.6	Nam	102	1,21	,533	,053
	Nu	105	1,13	,418	,041
c1.7	Nam	102	1,18	,475	,047
	Nu	105	1,15	,455	,044
c1.8	Nam	102	1,38	,676	,067
	Nu	105	1,29	,646	,063

### Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
c1.1	Equal variances assumed	2,051	,154	,624	205	,533	,058	,093	-,126	,242
	Equal variances not assumed			,623	199,598	,534	,058	,094	-,126	,243
c1.2	Equal variances assumed	17,732	,000	2,324	205	,021	,213	,092	,032	,395
	Equal variances not assumed			2,314	185,457	,022	,213	,092	,031	,395
c1.3	Equal variances assumed	,435	,510	2,361	205	,019	,2992	,1267	,0493	,5490
	Equal variances not assumed			2,362	204,948	,019	,2992	,1266	,0495	,5488
c1.4	Equal variances assumed	,030	,863	2,024	205	,044	,266	,131	,007	,525
	Equal variances not assumed			2,022	203,346	,044	,266	,132	,007	,526
c1.5	Equal variances assumed	,642	,424	-,392	205	,695	-,041	,106	-,250	,167

c1.6	Equal variances not assumed			-,392	204,984	,695	-,041	,106	-,250	,167
	Equal variances assumed	4,751	,030	1,092	205	,276	,073	,066	-,058	,204
	Equal variances not assumed			1,088	191,324	,278	,073	,067	-,059	,204
c1.7	Equal variances assumed	,543	,462	,372	205	,710	,024	,065	-,103	,152
	Equal variances not assumed			,372	203,939	,710	,024	,065	-,104	,152
c1.8	Equal variances assumed	2,795	,096	1,052	205	,294	,097	,092	-,084	,278
	Equal variances not assumed			1,051	203,901	,294	,097	,092	-,085	,278

### Group Statistics

	Gioi tinh	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
c1.9	Nam	102	1,41	,762	,075
	Nu	105	1,16	,441	,043
c1.10	Nam	102	1,85	,861	,085
	Nu	105	1,53	,785	,077
c1.11	Nam	102	1,36	,657	,065
	Nu	105	1,17	,403	,039
c1.12	Nam	102	1,26	,562	,056
	Nu	105	1,19	,539	,053
c1.13	Nam	102	1,44	,752	,074
	Nu	105	1,30	,553	,054
c1.14	Nam	102	1,25	,571	,056
	Nu	105	1,13	,394	,038
c1.15	Nam	102	1,16	,461	,046
	Nu	105	1,10	,354	,035
c1.16	Nam	102	1,26	,628	,062
	Nu	105	1,18	,533	,052

### Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
c1.9	Equal variances assumed	36,431	,000	2,896	205	,004	,250	,086	,080	,420
	Equal variances not assumed			2,875	160,879	,005	,250	,087	,078	,421
c1.10	Equal variances assumed	,923	,338	2,793	205	,006	,320	,114	,094	,545
	Equal variances not assumed			2,789	202,077	,006	,320	,115	,094	,546
c1.11	Equal variances assumed	28,179	,000	2,533	205	,012	,191	,076	,042	,340
	Equal variances not assumed			2,517	166,790	,013	,191	,076	,041	,341
c1.12	Equal variances assumed	2,653	,105	,971	205	,333	,074	,076	-,077	,225
	Equal variances not assumed			,970	203,986	,333	,074	,077	-,077	,225
c1.13	Equal variances assumed	13,473	,000	1,593	205	,113	,146	,092	-,035	,327



c1.14	Equal variances not assumed			1,586	185,361	,114	,146	,092	-,036	,327
	Equal variances assumed	11,219	,001	1,644	205	,102	,112	,068	-,022	,246
	Equal variances not assumed			1,636	178,928	,104	,112	,068	-,023	,247
c1.15	Equal variances assumed	4,596	,033	1,080	205	,281	,062	,057	-,051	,174
	Equal variances not assumed			1,076	189,470	,283	,062	,057	-,051	,175
c1.16	Equal variances assumed	4,187	,042	1,035	205	,302	,084	,081	-,076	,243
	Equal variances not assumed			1,033	197,765	,303	,084	,081	-,076	,244

#### 4.2. Trẻ có anh chị em và trẻ là con một

##### Group Statistics

	Tre co	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Thuc trang bieu hien hanh vi	Khong co	43	21,558	5,2386	,7989
	ANHCHIEM	164	22,299	6,5177	,5089
NNtructiep	Khong co	43	6,58	2,249	,343
	ANHCHIEM	164	6,52	2,468	,193
NNgiantie o	Khong co	43	5,00	1,363	,208
	ANHCHIEM	164	5,30	1,681	,131
Ngonngu	Khong co	43	11,5814	2,91329	,44427
	ANHCHIEM	164	11,8232	3,71027	,28972
hanhdonggi antiep	Khong co	43	4,6047	1,27503	,19444
	ANHCHIEM	164	4,9817	1,58006	,12338
hanhdongtr uctiep	Khong co	43	5,3721	1,73237	,26418
	ANHCHIEM	164	5,4939	2,05894	,16078
hanhdong	Khong co	43	9,9767	2,76447	,42158
	ANHCHIEM	164	10,4756	3,22842	,25210
tructiep	Khong co	43	11,9535	3,60524	,54979

giantiep	ANHCHIEM	164	12,0183	4,18363	,32669
	Khong co	43	9,6047	2,40178	,36627
	ANHCHIEM	164	10,2805	2,79032	,21789

### Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Thuc trang bieu hien hanh vi	Equal variances assumed	3,187	,076	-,689	205	,492	-,7406	1,0754	-2,8609	1,3797
	Equal variances not assumed			-,782	79,632	,437	-,7406	,9472	-2,6258	1,1445
NNtructiep	Equal variances assumed	,731	,393	,137	205	,891	,057	,415	-,762	,876
	Equal variances not assumed			,145	70,887	,885	,057	,393	-,727	,842
NNgiantieo	Equal variances assumed	1,251	,265	1,076	205	,283	-,299	,278	-,846	,249
	Equal variances not assumed			1,216	78,938	,228	-,299	,246	-,788	,190
Ngonngu	Equal variances assumed	3,435	,065	-,396	205	,692	,24178	,61019	1,44483	,96128
	Equal variances not assumed			-,456	81,520	,650	,24178	,53039	1,29699	,81344
hanhdonggi antiep	Equal variances assumed	2,706	,101	1,445	205	,150	,37706	,26086	-,89136	,13725

hanhdongtr uctiep	Equal variances not assumed			- 1,63 7	79,3 19	,106	- ,3770 6	,230 28	- ,835 39	,081 28
	Equal variances assumed	1,54 6	,215	-,356	205	,722	-,1218 1	,342 04	-,796 17	,552 55
	Equal variances not assumed			-,394	76,1 79	,695	-,1218 1	,309 26	-,737 73	,494 11
hanhdong	Equal variances assumed	3,29 0	,071	-,928	205	,355	-,4988 7	,537 79	1,55 918	,561 45
	Equal variances not assumed			- 1,01 6	74,9 39	,313	- ,4988 7	,491 20	- 1,47 741	,479 68
	Equal variances assumed	1,19 9	,275	-,093	205	,926	- ,0648 0	,697 62	- 1,44 023	1,31 062
tructiep	Equal variances not assumed			-,101	74,5 01	,920	- ,0648 0	,639 53	- 1,33 895	1,20 934
	Equal variances assumed	1,99 7	,159	1,45 3	205	,148	- ,6758 4	,465 20	- 1,59 302	,241 35
	Equal variances not assumed			- 1,58 6	74,5 80	,117	- ,6758 4	,426 18	- 1,52 490	,173 23

### Group Statistics

	Tre co	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
c1.9	ANHCHIEM	164	1,32	,673	,053
	Khong co	43	1,14	,413	,063
c1.10	ANHCHIEM	164	1,68	,842	,066
	Khong co	43	1,72	,826	,126
c1.11	ANHCHIEM	164	1,25	,536	,042
	Khong co	43	1,33	,606	,092
c1.12	ANHCHIEM	164	1,24	,563	,044
	Khong co	43	1,19	,500	,076
c1.13	ANHCHIEM	164	1,40	,688	,054
	Khong co	43	1,26	,539	,082
c1.14	ANHCHIEM	164	1,19	,477	,037
	Khong co	43	1,19	,546	,083
c1.15	ANHCHIEM	164	1,13	,431	,034
	Khong co	43	1,12	,324	,049
c1.16	ANHCHIEM	164	1,27	,637	,050
	Khong co	43	1,05	,213	,032

### Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
c1.9	Equal variances assumed	13,284	,000	1,705	205	,090	,184	,108	-,029	,396
	Equal variances not assumed			2,239	107,474	,027	,184	,082	-,021	,346
c1.10	Equal variances assumed	,003	,958	-,265	205	,792	-,038	,144	-,321	,245
	Equal variances not assumed			-,267	66,720	,790	-,038	,142	-,322	,246
c1.11	Equal variances assumed	1,955	,164	-,801	205	,424	-,076	,094	-,262	,110
	Equal variances not assumed			-,745	60,288	,459	-,076	,101	-,279	,127
c1.12	Equal variances assumed	1,087	,298	,548	205	,584	,052	,094	-,134	,238
	Equal variances not assumed			,588	72,503	,559	,052	,088	-,124	,227
c1.13	Equal variances assumed	6,612	,011	1,242	205	,216	,141	,113	-,083	,364
	Equal variances not assumed			1,432	81,806	,156	,141	,098	-,055	,336
c1.14	Equal variances assumed	,018	,895	,035	205	,972	,003	,084	-,163	,169

c1.15	Equal variances not assumed			,033	59,914	,974	,003	,091	-,179	,185
	Equal variances assumed	,214	,644	,167	205	,868	,012	,071	-,127	,151
	Equal variances not assumed			,197	85,233	,845	,012	,060	-,107	,131
c1.16	Equal variances assumed	25,119	,000	2,246	205	,026	,222	,099	,027	,416
	Equal variances not assumed			3,732	194,439	,000	,222	,059	,105	,339

### Group Statistics

	Tre co	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
c1.1	Khong co	43	1,40	,760	,116
	ANHCHIEM	164	1,33	,647	,051
c1.2	Khong co	43	1,30	,599	,091
	ANHCHIEM	164	1,38	,685	,054
c1.3	Khong co	43	2,000	,8165	,1245
	ANHCHIEM	164	1,982	,9495	,0741
c1.4	Khong co	43	1,88	,931	,142
	ANHCHIEM	164	1,84	,961	,075
c1.5	Khong co	43	1,49	,668	,102
	ANHCHIEM	164	1,59	,782	,061
c1.6	Khong co	43	1,19	,500	,076
	ANHCHIEM	164	1,16	,474	,037
c1.7	Khong co	43	1,09	,294	,045
	ANHCHIEM	164	1,18	,499	,039
c1.8	Khong co	43	1,23	,611	,093
	ANHCHIEM	164	1,36	,673	,053

### Independent Samples Test

	Levene's Test for Equality of Variances	t-test for Equality of Means
--	---	------------------------------

		F	Sig.	t	df	Sig. (2- taile d)	Mea n Diffe rence	Std. Error Diffe rence	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
c1.1	Equal variances assumed	1,44 0	,232	,574	205	,566	,066	,115	-,161	,293
	Equal variances not assumed			,522	58, 912	,603	,066	,126	-,187	,319
c1.2	Equal variances assumed	1,72 7	,190	-,661	205	,509	-,076	,115	-,302	,150
	Equal variances not assumed			-,715	73, 547	,477	-,076	,106	-,287	,135
c1.3	Equal variances assumed	5,07 1	,025	,116	205	,908	,018 3	,158 3	-,2938	,3303
	Equal variances not assumed			,126	74, 645	,900	,018 3	,144 9	-,2704	,3070
c1.4	Equal variances assumed	,723	,396	,296	205	,768	,048	,164	-,274	,371
	Equal variances not assumed			,301	67, 382	,764	,048	,161	-,272	,369
c1.5	Equal variances assumed	2,37 2	,125	-,792	205	,429	-,103	,130	-,360	,154
	Equal variances not assumed			-,868	75, 084	,388	-,103	,119	-,340	,134
c1.6	Equal variances assumed	,233	,630	,261	205	,794	,021	,082	-,140	,183

c1.7	Equal variances not assumed			,253	63,155	,801	,021	,085	-,148	,191
	Equal variances assumed	5,563	,019	-1,131	205	,259	-,090	,080	-,247	,067
	Equal variances not assumed			-1,514	112,742	,133	-,090	,059	-,208	,028
c1.8	Equal variances assumed	3,280	,072	-1,124	205	,262	-,127	,113	-,350	,096
	Equal variances not assumed			-1,189	71,105	,238	-,127	,107	-,340	,086

### 4.3. Trẻ nội thành và trẻ ngoại thành

**Group Statistics**

	KHUVUC	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Thuc trang	NOITHANH	96	22,135	5,7977	,5917
bieu hien	NGOAITHANH	111	22,153	6,6759	,6336
hanh vi	NOITHANH	96	6,85	2,521	,257
NNtructiep	NGOAITHANH	111	6,26	2,303	,219
NNgiantieo	NOITHANH	96	5,18	1,515	,155
	NGOAITHANH	111	5,29	1,713	,163
Ngonngu	NOITHANH	96	12,0313	3,41961	,34901
	NGOAITHANH	111	11,5495	3,66740	,34809
hanhdonggia	NOITHANH	96	4,6875	1,25918	,12851
ntiep	NGOAITHANH	111	5,0901	1,70853	,16217
hanhdongtru	NOITHANH	96	5,4167	1,80448	,18417
ctiep	NGOAITHANH	111	5,5135	2,14842	,20392
hanhdong	NOITHANH	96	10,1042	2,80030	,28580
	NGOAITHANH	111	10,6036	3,39861	,32258
tructiep	NOITHANH	96	12,2708	3,99863	,40811
	NGOAITHANH	111	11,7748	4,12020	,39107
giantiep	NOITHANH	96	9,8646	2,36919	,24180
	NGOAITHANH	111	10,3784	2,98497	,28332

**Independent Samples Test**

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Thuc trang bieu hien hanh vi	Equal variances assumed	2,040	,155	-,020	205	,984	-,0177	,8759	-1,7446	1,7091
	Equal variances not assumed			-,020	204,995	,984	-,0177	,8670	-1,7271	1,6916



NNtructiep	Equal variances assumed	1,117	,292	1,768	205	,079	,593	,335	-,068	1,254
	Equal variances not assumed			1,756	1943	,081	,593	,338	-,073	1,259
NNgiantieo	Equal variances assumed	,140	,709	-,491	205	,624	-,111	,226	-,558	,335
	Equal variances not assumed			-,496	2042	,621	-,111	,224	-,554	,331
Ngonngu	Equal variances assumed	,173	,678	,972	205	,332	,48170	,49544	-,49512	1,45852
	Equal variances not assumed			,977	2032	,330	,48170	,49293	-,49019	1,45359
hanhdonggiantiep	Equal variances assumed	11,290	,001	-	205	,058	-,40259	,21142	-,81944	,01426
	Equal variances not assumed			-	200	,053	-,40259	,20692	-,81060	,00542
hanhdongtructiep	Equal variances assumed	1,848	,176	-,348	205	,728	-,09685	,27825	-,64545	,45176
	Equal variances not assumed			-,352	2044	,725	-,09685	,27477	-,63860	,44490
hanhdong	Equal variances assumed	6,462	,012	-	205	,254	-,49944	,43702	1,36107	,36220
	Equal variances not assumed			-	204	,248	-,49944	,43098	1,34917	,35029
tructiep	Equal variances assumed	,015	,904	,876	205	,382	,49606	,56647	-,62079	1,61291
	Equal variances not assumed			,878	2024	,381	,49606	,56523	-,61845	1,61057
giantiep	Equal variances assumed	7,004	,009	-	205	,176	-,51380	,37869	1,26042	,23283

Equal variances not assumed			- 203	1,379	,557	,169	,51380	,37248	- 1,24821	,22062
-----------------------------	--	--	-------	-------	------	------	--------	--------	-----------	--------

### Group Statistics

	TRUONG/KHUVU C	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
c1.1	NOITHANH	96	1,42	,735	,075
	NGOAITHANH	111	1,28	,606	,057
c1.2	NOITHANH	96	1,23	,571	,058
	NGOAITHANH	111	1,48	,724	,069
c1.3	NOITHANH	96	2,021	,9622	,0982
	NGOAITHANH	111	1,955	,8882	,0843
c1.4	NOITHANH	96	2,19	1,049	,107
	NGOAITHANH	111	1,55	,748	,071
c1.5	NOITHANH	96	1,60	,814	,083
	NGOAITHANH	111	1,54	,711	,067
c1.6	NOITHANH	96	1,09	,386	,039
	NGOAITHANH	111	1,23	,539	,051
c1.7	NOITHANH	96	1,10	,447	,046
	NGOAITHANH	111	1,22	,475	,045
c1.8	NOITHANH	96	1,38	,729	,074
	NGOAITHANH	111	1,30	,597	,057

### Independent Samples Test

	Levene's Test for Equality of Variances	t-test for Equality of Means								
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
c1.1	Equal variances assumed	5,952	,016	1,474	205	,142	,137	,093	-,046	,321
	Equal variances not assumed			1,454	184,393	,148	,137	,095	-,049	,324

c1.2	Equal variances assumed	20,705	,000	-2,709	205	,007	-,248	,092	-,429	-,068
	Equal variances not assumed			-2,756	203,318	,006	-,248	,090	-,426	-,071
c1.3	Equal variances assumed	,051	,821	,512	205	,609	,0659	,1287	,1878	,3196
	Equal variances not assumed			,509	195,100	,611	,0659	,1294	,1894	,3211
c1.4	Equal variances assumed	15,117	,000	5,085	205	,000	,638	,125	,391	,885
	Equal variances not assumed			4,965	168,635	,000	,638	,128	,384	,892
c1.5	Equal variances assumed	3,598	,059	,600	205	,549	,064	,106	-,145	,273
	Equal variances not assumed			,594	190,167	,553	,064	,107	-,147	,275
c1.6	Equal variances assumed	17,128	,000	-2,126	205	,035	-,140	,066	-,271	-,010
	Equal variances not assumed			-2,177	198,422	,031	-,140	,065	-,268	-,013
c1.7	Equal variances assumed	9,620	,002	-1,740	205	,083	-,112	,064	-,239	,015
	Equal variances not assumed			-1,748	203,537	,082	-,112	,064	-,238	,014
c1.8	Equal variances assumed	3,060	,082	,843	205	,400	,078	,092	-,104	,259

Equal variances not assumed			,831	183,735	,407	,078	,094	-,107	,262
-----------------------------	--	--	------	---------	------	------	------	-------	------

### Group Statistics

	KHUVUC	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
c1.9	NOITHANH	96	1,22	,584	,060
	NGOAITHANH	111	1,34	,667	,063
c1.10	NOITHANH	96	1,75	,883	,090
	NGOAITHANH	111	1,64	,795	,075
c1.11	NOITHANH	96	1,23	,533	,054
	NGOAITHANH	111	1,30	,566	,054
c1.12	NOITHANH	96	1,22	,566	,058
	NGOAITHANH	111	1,23	,539	,051
c1.13	NOITHANH	96	1,27	,533	,054
	NGOAITHANH	111	1,45	,748	,071
c1.14	NOITHANH	96	1,18	,481	,049
	NGOAITHANH	111	1,20	,501	,048
c1.15	NOITHANH	96	1,11	,407	,042
	NGOAITHANH	111	1,14	,415	,039
c1.16	NOITHANH	96	1,13	,465	,047
	NGOAITHANH	111	1,31	,658	,062

### Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
c1.9	Equal variances assumed	6,387	,012	-1,407	205	,161	-,124	,088	-,297	,050
	Equal variances not assumed			-1,421	204,968	,157	-,124	,087	-,295	,048

c1.10	Equal variances assumed	,898	,344	,946	205	,345	,110	,117	-,120	,340
	Equal variances not assumed			,939	193,062	,349	,110	,118	-,121	,342
c1.11	Equal variances assumed	2,149	,144	-,888	205	,376	-,068	,077	-,219	,083
	Equal variances not assumed			-,892	203,493	,374	-,068	,076	-,219	,083
c1.12	Equal variances assumed	,071	,789	-,202	205	,841	-,015	,077	-,167	,136
	Equal variances not assumed			-,201	197,501	,841	-,015	,077	-,168	,137
c1.13	Equal variances assumed	18,014	,000	-1,962	205	,051	-,180	,092	-,360	,001
	Equal variances not assumed			-2,009	198,037	,046	-,180	,089	-,356	-,003
c1.14	Equal variances assumed	,326	,569	-,308	205	,758	-,021	,069	-,156	,114
	Equal variances not assumed			-,309	202,765	,758	-,021	,068	-,156	,114
c1.15	Equal variances assumed	,422	,517	-,358	205	,720	-,021	,057	-,134	,093
	Equal variances not assumed			-,359	201,800	,720	-,021	,057	-,133	,092
c1.16	Equal variances assumed	19,981	,000	-2,257	205	,025	-,181	,080	-,340	-,023

Equal variances not assumed			-2,313	197, 433	,022	-,181	,078	-,336	-,027
--------------------------------------	--	--	--------	-------------	------	-------	------	-------	-------

**4.4. Theo nhóm nghề nghiệp của bố mẹ**  
**Oneway**

**so sanh theo nghề me**

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum	
					Lower Bound	Upper Bound			
Thực trạng biểu hiện hành vi	Lao động phổ thông	52	23,096	7,0133	,9726	21,144	25,049	16,0	47,0
	Cán bộ công chức	99	21,040	6,0557	,6086	19,833	22,248	16,0	42,0
	Kinh doanh	56	23,214	5,6591	,7562	21,699	24,730	16,0	39,0
	Total	207	22,145	6,2689	,4357	21,286	23,004	16,0	47,0
Nghề nghiệp	Lao động phổ thông	52	12,1346	3,81447	,52897	11,0727	13,1966	8,00	24,00
	Cán bộ công chức	99	11,1919	3,40970	,34269	10,5119	11,8720	8,00	22,00
	Kinh doanh	56	12,4643	3,44813	,46078	11,5409	13,3877	8,00	21,00
	Total	207	11,7729	3,55425	,24704	11,2859	12,2600	8,00	24,00
hành động	Lao động phổ thông	52	10,9615	3,50888	,48659	9,9847	11,9384	8,00	24,00
	Cán bộ công chức	99	9,8485	3,04512	,30605	9,2411	10,4558	8,00	22,00
	Kinh doanh	56	10,7500	2,82360	,37732	9,9938	11,5062	8,00	18,00
	Total	207	10,3720	3,13790	,21810	9,9420	10,8020	8,00	24,00
trực tiếp	Lao động phổ thông	52	12,5577	4,28593	,59435	11,3645	13,7509	8,00	24,00
	Cán bộ công chức	99	11,3232	3,98679	,40069	10,5281	12,1184	8,00	25,00
	Kinh doanh	56	12,6964	3,85142	,51467	11,6650	13,7278	8,00	23,00

giantiep	Total	207	12,0048	4,06202	,28233	11,4482	12,5615	8,00	25,00
	Lao dong pho thong	52	10,5385	3,17133	,43978	9,6556	11,4214	8,00	23,00
	Can bo cong chuc	99	9,7172	2,48276	,24953	9,2220	10,2123	8,00	19,00
	Kinh doanh	56	10,5179	2,61458	,34939	9,8177	11,2180	8,00	17,00
	Total	207	10,1401	2,72256	,18923	9,7670	10,5132	8,00	23,00

### Post Hoc Tests

#### nghe me

LSD

Dependent Variable	(I) Nghe nghiep me	(J) Nghe nghiep me	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
						Lower Bound	Upper Bound
Thuc trang bieu hien hanh vi	Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	2,0557	1,0633	,055	-,041	4,152
		Kinh doanh	-,1181	1,1957	,921	-2,476	2,239
	Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	-2,0557	1,0633	,055	-4,152	,041
		Kinh doanh	2,1739*	1,0381	,037	-4,221	-,127
	Kinh doanh	Lao dong pho thong	,1181	1,1957	,921	-2,239	2,476
		Can bo cong chuc	2,1739*	1,0381	,037	,127	4,221
Ngonngu	Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	,94270	,60377	,120	-,2477	2,1331
		Kinh doanh	-,32967	,67892	,628	-1,6683	1,0089
	Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	-,94270	,60377	,120	-2,1331	,2477
		Kinh doanh	1,27237*	,58946	,032	-2,4346	-,1101
	Kinh doanh	Lao dong pho thong	,32967	,67892	,628	-1,0089	1,6683
		Can bo cong chuc	1,27237*	,58946	,032	,1101	2,4346
hanhdong	Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	1,11305*	,53291	,038	,0623	2,1638
		Kinh doanh	,21154	,59924	,724	-,9700	1,3930
	Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	1,11305*	,53291	,038	-2,1638	-,0623
		Kinh doanh	-,90152	,52028	,085	-1,9273	,1243



tructiep	Kinh doanh	Lao dong pho thong	-,21154	,59924	,724	-1,3930	,9700
		Can bo cong chuc	,90152	,52028	,085	-,1243	1,9273
	Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	1,23446	,68990	,075	-,1258	2,5947
		Kinh doanh	-,13874	,77578	,858	-1,6683	1,3908
	Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	1,23446	,68990	,075	-2,5947	,1258
		Kinh doanh	1,37320*	,67356	,043	-2,7012	-,0452
	Kinh doanh	Lao dong pho thong	,13874	,77578	,858	-1,3908	1,6683
		Can bo cong chuc	1,37320*	,67356	,043	,0452	2,7012
	Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	,82129	,46332	,078	-,0922	1,7348
		Kinh doanh	,02060	,52099	,968	-1,0066	1,0478
giantiep	Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	-,82129	,46332	,078	-1,7348	,0922
		Kinh doanh	-,80069	,45234	,078	-1,6926	,0912
	Kinh doanh	Lao dong pho thong	-,02060	,52099	,968	-1,0478	1,0066
		Can bo cong chuc	,80069	,45234	,078	-,0912	1,6926

\*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

#### so sanh theo nghe bo

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum	
					Lower Bound	Upper Bound			
Thuc trang bieu hien hanh vi	Lao dong pho thong	72	23,389	6,8187	,8036	21,787	24,991	16,0	42,0
	Can bo cong chuc	93	21,355	5,7116	,5923	20,179	22,531	16,0	39,0
	Kinh doanh	42	21,762	6,2813	,9692	19,805	23,719	16,0	47,0
	Total	207	22,145	6,2689	,4357	21,286	23,004	16,0	47,0
Ngonngu	Lao dong pho thong	72	12,5139	3,97171	,46807	11,5806	13,4472	8,00	24,00
	Can bo cong chuc	93	11,3763	3,18595	,33037	10,7202	12,0325	8,00	21,00
	Kinh doanh	42	11,3810	3,44965	,53229	10,3060	12,4559	8,00	23,00
	Total	207	11,7729	3,55425	,24704	11,2859	12,2600	8,00	24,00

hanhdong	Lao dong pho thong	72	10,875 0	3,2281 2	,38044	10,116 4	11,633 6	8,00	22,00
	Can bo cong chuc	93	9,9785	2,9817 5	,30919	9,3644	10,592 6	8,00	21,00
	Kinh doanh	42	10,381 0	3,2681 2	,50428	9,3625	11,399 4	8,00	24,00
	Total	207	10,372 0	3,1379 0	,21810	9,9420	10,802 0	8,00	24,00
tructiep	Lao dong pho thong	72	13,027 8	4,4814 9	,52815	11,974 7	14,080 9	8,00	25,00
	Can bo cong chuc	93	11,354 8	3,7289 9	,38668	10,586 9	12,122 8	8,00	22,00
	Kinh doanh	42	11,690 5	3,7448 4	,57784	10,523 5	12,857 4	8,00	24,00
	Total	207	12,004 8	4,0620 2	,28233	11,448 2	12,561 5	8,00	25,00
giantiep	Lao dong pho thong	72	10,361 1	2,7999 3	,32997	9,7032	11,019 1	8,00	18,00
	Can bo cong chuc	93	10,000 0	2,5151 7	,26081	9,4820	10,518 0	8,00	19,00
	Kinh doanh	42	10,071 4	3,0555 3	,47148	9,1193	11,023 6	8,00	23,00
	Total	207	10,140 1	2,7225 6	,18923	9,7670	10,513 2	8,00	23,00

### nghe bo

LSD

Depende nt Variable	(I) Nghe nghiep bo	(J) Nghe nghiep bo	Mean Differen ce (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
						Lower Bound	Upper Bound
Thuc trang bieu hien hanh vi	Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	2,0341 *	,9781	,039	,106	3,963
		Kinh doanh	1,6270	1,209 8	,180	-,758	4,012
	Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	-2,0341 *	,9781	,039	-3,963	-,106
		Kinh doanh	-,4071	1,158 4	,726	-2,691	1,877
	Kinh doanh	Lao dong pho thong	-1,6270	1,209 8	,180	-4,012	,758
		Can bo cong chuc	,4071	1,158 4	,726	-1,877	2,691
Ngonngu	Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	1,13754 *	,5540 9	,041	,0451	2,2300
		Kinh doanh	1,13294	,6853 5	,100	-,2183	2,4842
	Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	-1,13754 *	,5540 9	,041	-2,2300	-,0451
		Kinh doanh	-,00461	,6562 2	,994	-1,2985	1,2892

hanhdong	Kinh doanh	Lao dong pho thong	-1,13294	,68535	,100	-2,4842	,2183
		Can bo cong chuc	,00461	,65622	,994	-1,2892	1,2985
	Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	,89651	,49099	,069	-,0716	1,8646
		Kinh doanh	,49405	,60729	,417	-,7033	1,6914
	Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	-,89651	,49099	,069	-1,8646	,0716
		Kinh doanh	-,40246	,58148	,490	-1,5489	,7440
	Kinh doanh	Lao dong pho thong	-,49405	,60729	,417	-1,6914	,7033
		Can bo cong chuc	,40246	,58148	,490	-,7440	1,5489
	Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	1,67294*	,62946	,008	,4319	2,9140
		Kinh doanh	1,33730	,77857	,087	-,1978	2,8724
	Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	1,67294*	-,62946	,008	-2,9140	-,4319
		Kinh doanh	-,33564	,74548	,653	-1,8055	1,1342
Kinh doanh	Lao dong pho thong	-1,33730	,77857	,087	-2,8724	,1978	
	Can bo cong chuc	,33564	,74548	,653	-1,1342	1,8055	
Lao dong pho thong	Can bo cong chuc	,36111	,42869	,401	-,4841	1,2063	
	Kinh doanh	,28968	,53023	,585	-,7558	1,3351	
Can bo cong chuc	Lao dong pho thong	-,36111	,42869	,401	-1,2063	,4841	
	Kinh doanh	-,07143	,50770	,888	-1,0724	,9296	
Kinh doanh	Lao dong pho thong	-,28968	,53023	,585	-1,3351	,7558	
	Can bo cong chuc	,07143	,50770	,888	-,9296	1,0724	

\*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

## 5. Mối tương quan giữa hành vi hung tính với các yếu tố ảnh hưởng

### Correlations

		Correlations									
		ghenti	Thuc trang bieu hien hanh vi	loau	roiloan qhxh	roiloa ngt	phn ghie mkh ac	phd anch u	c2.8 3_n hom 1	c2.5 5_n hom 3	c2.5 7_n hom 5
ghenti	Pearson Correlati on	1	,273**	,331**	,398**	,446**	,055	-,029	,176*	,337**	,143*
	Sig. (2- tailed)		,000	,000	,000	,000	,433	,681	,011	,000	,040
	N	207	207	206	206	207	206	205	207	207	207
Thuc trang bieu hien hanh vi	Pearson Correlati on	,273**	1	,028	,178*	,248**	,146*	-,027	,180**	,263**	,155*
	Sig. (2- tailed)	,000		,685	,010	,000	,037	,696	,009	,000	,025
	N	207	207	206	206	207	206	205	207	207	207
loau	Pearson Correlati on	,331**	,028	1	,617**	,622**	,005	-,055	,282**	,306**	,174*
	Sig. (2- tailed)	,000	,685		,000	,000	,949	,433	,000	,000	,012
	N	206	206	206	205	206	205	204	206	206	206
roiloanq hxh	Pearson Correlati on	,398**	,178*	,617**	1	,659**	,044	-,152*	,320**	,401**	,324**
	Sig. (2- tailed)	,000	,010	,000		,000	,528	,030	,000	,000	,000
	N	206	206	205	206	206	205	204	206	206	206
roiloang t	Pearson Correlati on	,446**	,248**	,622**	,659**	1	,091	-,071	,370**	,604**	,344**
	Sig. (2- tailed)	,000	,000	,000	,000		,192	,312	,000	,000	,000
	N	207	207	206	206	207	206	205	207	207	207
phn ghie mkh ac	Pearson Correlati on	,055	,146*	,005	,044	,091	1	,137*	,016	,037	,112
	Sig. (2- tailed)	,433	,037	,949	,528	,192		,050	,819	,593	,109
	N	206	206	205	205	206	206	205	206	206	206
phdanch u	Pearson Correlati on	-,029	-,027	-,055	-,152*	-,071	,137*	1	,104	,025	-,220**

c2.83_nh om1	Sig. (2-tailed)	,681	,696	,433	,030	,312	,050		,137	,717	,001
	N	205	205	204	204	205	205	205	205	205	205
	Pearson Correlation	,176*	,180**	,282**	,320**	,370**	,016	,104	1	,290**	,036
c2.55_nh om3	Sig. (2-tailed)	,011	,009	,000	,000	,000	,819	,137		,000	,610
	N	207	207	206	206	207	206	205	207	207	207
	Pearson Correlation	,337**	,263**	,306**	,401**	,604**	,037	,025	,290**	1	,253**
c2.57_nh om5	Sig. (2-tailed)	,000	,000	,000	,000	,000	,593	,717	,000		,000
	N	207	207	206	206	207	206	205	207	207	207
	Pearson Correlation	,143*	,155*	,174*	,324**	,344**	,112	,220**	-	,036	,253**
	Sig. (2-tailed)	,040	,025	,012	,000	,000	,109	,001	,610	,000	
	N	207	207	206	206	207	206	205	207	207	207

\*\* . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

\* . Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

		Thuc trang bieu hien hanh vi
Thuc trang bieu hien hanh vi	Pearson Correlation	1
	Sig. (2-tailed)	
	N	207
c3.40	Pearson Correlation	,033
	Sig. (2-tailed)	,637
	N	206
c3.23	Pearson Correlation	-,170*
	Sig. (2-tailed)	,015
	N	206
c3.18	Pearson Correlation	-,050
	Sig. (2-tailed)	,471
	N	206
c3.13	Pearson Correlation	,074
	Sig. (2-tailed)	,293
	N	206
c3.6	Pearson Correlation	,080
	Sig. (2-tailed)	,251
	N	206
c3.7	Pearson Correlation	-,022
	Sig. (2-tailed)	,752
	N	206

## 6. Mô hình hồi quy

**Model Summary**

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	,400 <sup>a</sup>	,160	,121	5,9140

a. Predictors: (Constant), c2.83\_nhom1, phnghiemkhac, c2.57\_nhom5, ghenti, phdanchu, loau, c2.55\_nhom3, roiloanqhxx, roiloangt

**ANOVA<sup>a</sup>**

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	1287,954	9	143,106	4,092	,000 <sup>b</sup>
	Residual	6750,164	193	34,975		
	Total	8038,118	202			

a. Dependent Variable: Thuc trang bieu hien hanh vi

b. Predictors: (Constant), c2.83\_nhom1, phnghiemkhac, c2.57\_nhom5, ghenti, phdanchu, loau, c2.55\_nhom3, roiloanqhxx, roiloangt

**Coefficients<sup>a</sup>**

Model		Unstandardized Coefficients		Standardize d Coefficients	t	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
1	(Constant)	20,575	3,356		6,131	,000
	ghenti	2,108	,799	,197	2,636	,009
	loau	-,543	,231	-,215	-2,352	,020
	roiloanqhxx	,112	,277	,040	,406	,685
	roiloangt	,275	,273	,114	1,006	,316
	phdanchu	-,191	,316	-,042	-,603	,547
	phnghiemkhac	,270	,157	,117	1,721	,087
	c2.55_nhom3	1,476	,991	,126	1,490	,138
	c2.57_nhom5	,934	1,307	,053	,715	,476
	c2.83_nhom1	1,477	,956	,112	1,544	,124

a. Dependent Variable: Thuc trang bieu hien hanh vi

## 7. Nhóm trẻ có mức hành vi hung tính cao

### Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
NNtructiep	63	6	14	8,98	2,297
NNgiantieo	63	4	12	6,63	1,962
Ngonngu	63	11,00	24,00	15,6190	3,62531
hanhdonggiantiep	63	4,00	12,00	6,5238	1,83036
hanhdongtructiep	63	4,00	12,00	7,5714	2,25556
hanhdong	63	8,00	24,00	14,0952	3,15571
tructiep	63	11,00	25,00	16,5556	4,02724
giantiep	63	8,00	23,00	13,1587	2,85796
c1.1	63	1	4	1,75	,915
c1.2	63	1	4	1,84	,846
c1.3	63	1,0	4,0	2,905	,6147
c1.4	63	1	4	2,49	,982
c1.5	63	1	4	2,05	,771
c1.6	63	1	3	1,41	,687
c1.7	63	1	4	1,41	,710
c1.8	63	1	4	1,76	,893
c1.9	63	1	4	1,78	,906
c1.10	63	1	4	2,56	,713
c1.11	63	1	3	1,56	,713
c1.12	63	1	4	1,68	,800
c1.13	63	1	3	1,92	,848
c1.14	63	1	3	1,56	,736
c1.15	63	1	3	1,38	,658
c1.16	63	1	4	1,67	,880
Valid N (listwise)	63				